



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG KON TUM**

Địa chỉ: 14 Ngụy Như Kon Tum, Tổ 3, Phường Ngô Mây, TP Kon Tum
Điện thoại: 02603.864.929 Email: cdcckontum@ ktcc.edu.vn
Fax: 02603.856.829 Website: <https://ktcc.edu.vn>

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CTĐT GIÁO VIÊN,
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG SỬ PHẠM, NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT
của Bộ Giáo dục và Đào tạo
Năm 2022**

Kon Tum, tháng 01 năm 2023

MỤC LỤC

CỘNG ĐỒNG KON TUM	7
BÁO CÁO	7
kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.....	7
giáo viên trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non năm 2022	7
.....	7
Phần I: KHÁI QUÁT	7
1.1. Đặt vấn đề	7
1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá.....	7
1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ tự đánh giá 10	
1.2. Tổng quan chung	11
1.2.1. Sứ mạng, Tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách chất lượng và hoạt động đảm bảo chất lượng của Trường CĐCD Kon Tum.....	11
1.2.2. Chức năng và nhiệm vụ Khoa Sư phạm – Bộ môn GDMN	14
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	16
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	16
Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học	16
Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT	20
Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai	26
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo.....	31
Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật ..	31
Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật	35
Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.....	39
Tiêu chuẩn: 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	43
Tiêu chí: 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên CDR	44
Tiêu chí: 3.2. Mỗi môn học hoặc học phần của chương trình dạy học đều có đóng góp rõ ràng trong việc đạt được chuẩn đầu ra.....	50

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp.	57
Tiêu chí 4.1. Mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan	65
Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra	68
Tiêu chí 4.3. Hoạt động dạy và học thúc đẩy việc hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực cần thiết của nhà giáo cho người học, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học	73
Tiêu chuẩn 5. Tuyển sinh và hỗ trợ người học	80
Tiêu chí 5.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật.....	81
Tiêu chí 5.2. Các thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chương trình dạy học, đề cương môn học hoặc học phần và việc tổ chức thực hiện được mô tả rõ ràng, đầy đủ và dễ tiếp cận.....	87
Tiêu chí 5.3. Áp dụng các chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với người học là đối tượng ưu tiên.....	91
Tiêu chí 5.4. Thực hiện đúng quy định miễn học phí, quy định về các chính sách ưu tiên trong việc xét cấp học bổng, trợ cấp xã hội cho học sinh, sinh viên sư phạm.	97
Tiêu chí 5.5. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học	101
Tiêu chí 5.6. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học	106
Tiêu chuẩn 6. Đánh giá kết quả học tập của người học	110
Tiêu chí 6.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.....	111
Tiêu chí 6.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học	116
Tiêu chí 6.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng	120
Tiêu chí 6.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng	125
Tiêu chí 6.4. Kết quả đánh giá được lưu trữ có hệ thống, được thông báo kịp thời để người học cải thiện việc học tập	130
Tiêu chí 6.5. Người học dễ tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập	134

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên và nhân viên.....	138
Tiêu chí 7.1. <i>Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý</i>	139
Tiêu chí 7.2. <i>Đội ngũ giảng viên, giáo viên có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về số lượng và cơ cấu chuyên môn</i>	142
<i>Tiêu chí 7.3. Đội ngũ giảng viên, giáo viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn theo quy định; có năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm đáp ứng được yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của chương trình đào tạo; thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ đào tạo</i>	145
<i>Tiêu chí 7.4. Giảng viên, giáo viên được đánh giá năng lực và được hỗ trợ, tạo điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ được giao</i>	149
<i>Tiêu chí 7.5. Đội ngũ nhân viên có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao; được đánh giá năng lực; được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.</i>	157
<i>Tiêu chí 7.6. Quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, sử dụng cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên và nhân viên bảo đảm đúng quy định, công khai và minh bạch</i>	161
Tiêu chuẩn 8. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	167
<i>Tiêu chí 8.1. Hệ thống phòng chức năng, phòng học, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, phòng thực hành đáp ứng yêu cầu của CTĐT</i>	168
<i>Tiêu chí 8.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo</i>	174
<i>Tiêu chí 8.3. Hệ thống thiết bị, đồ dùng dạy học và công nghệ thông tin bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến phù hợp và được cập nhật để phục vụ hiệu quả việc dạy và học, đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo</i>	178
<i>Tiêu chí 8.4. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật</i>	183
Tiêu chuẩn 9. Bảo đảm và nâng cao chất lượng.....	187
Tiêu chí 9.1. <i>Có các chính sách phù hợp để thực hiện hiệu quả các hoạt động bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo.....</i>	188
Tiêu chí 9.2. <i>Cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông được trường liên hệ để sinh viên, học sinh kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đạt kiểm định chất lượng giáo dục</i>	192
Tiêu chí 9.3. <i>Hoạt động kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm được tổng kết, đánh giá và được định kỳ rà soát, cải tiến.....</i>	197

Tiêu chí 9.4. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra	201
<i>Tiêu chí 9.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được đánh giá và cải tiến</i>	204
Tiêu chí 9.6. Có hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình đào tạo	208
Tiêu chí 9.7. Việc thiết kế và phát triển chương trình đào tạo được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.....	212
Tiêu chuẩn 10. Kết quả đầu ra.....	216
<i>Tiêu chí 10.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i>	217
<i>Tiêu chí 10.2. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i>	221
<i>Tiêu chí 10.3. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i>	227
Phần III. KẾT LUẬN	231
1. Những điểm mạnh đạt được	232
2. Bên cạnh các điểm mạnh Khoa Sư phạm – Bộ môn GDMN đã nêu trên, CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN Trường CĐCD Kon Tum còn có một số tồn tại như sau:	235
3. Kế hoạch cải tiến chất lượng	237
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (theo Thông tư 02/2020)	239
Phần IV: PHỤ LỤC	241
PHỤ LỤC 1: CỞ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, NGÀNH GDMN giai đoạn 2016-2022	241
PHỤ LỤC 2: CÁC QUYẾT ĐỊNH VÀ VĂN BẢN LIÊN QUAN	278
UBND TỈNH KON TUM.....	278
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.....	278
TRƯỜNG CAO ĐẲNG	278
CỘNG ĐỒNG KON TUM	278

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.....	278
Các hoạt động	283

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Nghĩa đầy đủ
CBGV	Cán bộ giảng viên
CBQL	Cán bộ quản lý
CĐCĐ	Cao đẳng Cộng đồng
CĐR	Chuẩn đầu ra
CĐSP	Cao đẳng Sư phạm
CLGD	Chất lượng giáo dục
CSDL	Cơ sở dữ liệu
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐCCT	Đề cương chi tiết
GDĐT	Giáo dục và Đào tạo
GDMN	Giáo dục Mầm non
GTDH	Giáo trình dạy học
GV	Giảng viên
GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
GVMN	Giảng viên Mầm non
HCQT	Hành chính và Quản trị
HSSV	Học sinh sinh viên
KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
KHTV	Kế hoạch và Tài vụ
KTĐBCL	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
KTX	Ký túc xá
LĐTBXH	Lao động - Thương binh và Xã hội
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NCKH	Nghiên cứu khoa học và Hợp tác Quốc tế
NSNN	Ngân sách Nhà nước
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PPDH	Phương pháp dạy học
PTDN	Phát triển doanh nghiệp và Giới thiệu việc làm
SV	Sinh viên
TCCB	Tổ chức cán bộ và Công tác Học sinh sinh viên
THNNTV	Tin học – Ngoại ngữ & Thư viện
TTSP	Thực tập sư phạm
UBND	Ủy ban nhân dân

UBND TỈNH KON TUM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
CỘNG ĐỒNG KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-CĐCĐ

Kon Tum, ngày 04 tháng 01 năm 2023

BÁO CÁO

**kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
giáo viên trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non năm 2022**

Phần I: KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Trường CĐCĐ Kon Tum được thành lập theo Quyết định số 1671/QĐ-BLĐT BXH ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Kon Tum, Trường CĐSP Kon Tum, Trường Trung cấp Y tế Kon Tum, Trường Trung cấp nghề Kon Tum thành Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum.

Trường CĐCĐ Kon Tum là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nguồn nhân lực chủ lực cho tỉnh Kon Tum, trong đó Khoa Sư phạm đóng vai trò thế mạnh của Nhà trường.

Khoa Sư phạm tiền thân là Trường CĐSP Kon Tum được thành lập từ năm 1998. Hiện nay khoa đang đảm nhận đào tạo 5 ngành: Giáo dục Tiểu học, GDMN, Sư phạm Tiếng Anh, Sư phạm Toán – tin, Sư phạm Âm nhạc.

Ngành GDMN bắt đầu được đào tạo từ năm 1998 -2022. Với kinh nghiệm hơn 22 năm đào tạo, ngành GDMN đã cung cấp cho xã hội hàng chục ngàn GVMN trình độ cao đẳng, góp phần to lớn cho nền giáo dục tỉnh Kon Tum nói riêng và cả nước nói chung.

Sứ mạng của Khoa Sư phạm – Bộ môn GDMN được cụ thể hóa trong Sứ mạng của Trường CĐCD Kon Tum là đơn vị đào tạo giáo viên ngành GDMN có phẩm chất, tư tưởng, đạo đức tốt, có năng lực giáo dục, thực hiện tốt nhiệm vụ chương trình GDMN của tỉnh Kon Tum.

Với Sứ mạng và Tầm nhìn chiến lược đến năm 2025 Trường CĐCD Kon Tum đạt Trường Cao đẳng chất lượng cao. Vì lẽ đó, để tiến tới đạt Trường Cao đẳng chất lượng cao, Nhà trường đã tiến hành công tác hoạt động đảm bảo chất lượng, trong đó hoạt động tự đánh giá CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được Nhà trường thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT ban hành theo Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT ngày 05/02/2020, làm cơ sở đánh giá thực trạng chất lượng giáo dục, hiệu quả quản lý đào tạo, NCKH, tài chính, cơ sở vật chất... từ đó có kế hoạch khắc phục hạn chế, phấn đấu là cơ sở đạt chuẩn chất lượng cao trong hệ thống các trường cao đẳng chất lượng cao.

Cấu trúc báo cáo tự đánh giá CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN bao gồm 4 phần:

- **Phần I:** Khái quát, bao gồm: mô tả tóm tắt Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành GDMN, tổng quan chung về Trường CĐCD Kon Tum, Trường CĐSP Kon Tum, Khoa Sư phạm – Bộ môn GDMN.

- **Phần II:** Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiêu mục:

1. Mô tả - phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và mã hóa các minh chứng.
2. Điểm mạnh của CTĐT.
3. Điểm tồn tại.
4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.
5. Tự đánh giá

- **Phần III:** Kết luận, bao gồm những điểm mạnh, điểm cần phát huy của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN; tóm tắt những tồn tại, cải tiến chất lượng, kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả tự đánh giá.

- **Phần IV:** Phụ lục thực hiện theo công văn 2085 của Bộ GDĐT, bao gồm CSDL kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định có liên quan và danh mục minh chứng.

Nội dung chính của báo cáo tự đánh giá CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí của Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT ngày 05/02/2020 của Bộ GDĐT. Bộ tiêu chuẩn gồm 10 tiêu chuẩn và 43 tiêu chí. Trong đó tiêu chuẩn 1,2,3,4 tập trung vào mục tiêu, CDR, bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung CTDH, phương pháp tiếp cận trong dạy và học; tiêu chuẩn 5 tuyển sinh và hỗ trợ người học; tiêu chuẩn 6 đánh giá kết quả học tập của người học; tiêu chuẩn 7 tự đánh giá về đội ngũ CBQL, GV, nhân viên; tiêu chuẩn 8 gắn với nội dung về đánh giá các cơ sở vật chất và trang thiết bị Nhà trường; tiêu chuẩn 9,10 hệ thống nâng cao bảo đảm chất lượng và kết quả đầu ra của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN.

Mã thông tin và minh chứng (Mã MC) được mã hóa bằng chuỗi các ký tự có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số theo công thức như sau:

Hn.ab.cd.ef. Trong đó:

- H: Viết tắt “Hộp minh chứng” (minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp);

- n: Số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết;

- ab: Số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10);

- cd: Số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10);

- ef: Số thứ tự của mình chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15..).

1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ tự đánh giá

Mục đích tự đánh giá

Hoạt động tự đánh giá CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN giúp Trường CĐCD Kon Tum và Khoa Sư phạm – Bộ môn GDMN thấy được bức tranh tổng thể của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN, thấy được những mặt ưu và nhược điểm trọng hoạt động dạy và học, từ đó có kế hoạch, biện pháp cải tiến, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Với hoạt động tự đánh giá CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN nhằm xác định mức độ đáp ứng mục tiêu đặt ra trong từng giai đoạn, từng thời kỳ. Mặt khác thông qua tự đánh giá Nhà trường cũng cam kết chất lượng đào tạo với các cơ sở giáo dục, người học, các cơ quan quản lý xã hội có sự lựa chọn nguồn nhân lực GV chất lượng cao do Trường đào tạo.

Phạm vi đánh giá: Bao gồm các hoạt động đào tạo của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN áp dụng cho khóa K22 hệ chính quy.

Quy trình tự đánh giá:

Quy trình tự đánh giá CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN của Trường CĐCD Kon Tum được thực hiện các bước sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN theo Điều 7 của Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013.

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN theo Điều 9 của Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013.

Bước 3: Lập kế hoạch mời chuyên gia kiểm định chất lượng giáo dục tập huấn công tác tự đánh giá CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN.

Bước 4: Phân tích tiêu chí, tiêu chuẩn, thu thập thông tin minh chứng: Phân tích nội hàm của các tiêu chí, tiêu chuẩn để thu thập thông tin minh chứng (TTMC) cho phù hợp.

Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá.

Phương pháp và công cụ tự đánh giá:

Phân tích, so sánh kết quả hoạt động tự đánh giá CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN theo các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục đào tạo và xác định mức độ đạt được của từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định. Từ đó, đăng ký kiểm định chất lượng ngành GDMN với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

Công cụ đánh giá là Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT ngày 05/02/2020 của Bộ GDĐT.

Sự tham gia của các bên liên quan (khoa, ban, phòng, nhân viên, người học, v.v.) vào quá trình tự đánh giá:

Trong quá trình thực hiện công tác tự đánh giá CTĐT giáo viên trình độ CĐSP, ngành GDMN đã huy động tham các khoa, phòng, ban, đơn vị thuộc Trường....Đặc biệt có sự khảo sát về CTĐT của người đang học và người đã tốt nghiệp, bên cạnh đó Nhà trường đã tiến hành khảo sát các doanh nghiệp và các cơ sở giáo dục trên địa bàn về CTĐT cũng như các vấn đề liên quan tới công tác tự đánh giá CTĐT.

1.2. Tổng quan chung

1.2.1. Sứ mạng, Tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách chất lượng và hoạt động đảm bảo chất lượng của Trường CĐCD Kon Tum.

Trường CĐCD Kon Tum là đơn vị công lập, trực thuộc UBND tỉnh Kon Tum, chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp của Bộ LĐTBXH, hoạt động theo

điều lệ Trường cao đẳng và quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, có tài khoản và biểu tượng riêng.

Trường CĐCD Kon Tum được thành lập theo Quyết định số 1671/QĐ - LĐTBXH ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Kon Tum, Trường CĐSP Kon Tum, Trường Trung cấp Y tế Kon Tum, Trường Trung cấp nghề Kon Tum thành Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum.

Sau 4 năm hình thành và đi vào hoạt động, Trường CĐCD Kon Tum có nhiệm vụ đào tạo theo 3 cấp trình độ: cao đẳng, trung cấp, sơ cấp. Bên cạnh bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề cho người lao động theo yêu cầu các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh. Nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật – công nghệ nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo. Ngoài ra Trường CĐCD Kon Tum là đơn vị đào tạo nguồn GVMN chủ lực cho tỉnh Kon Tum và các khu vực lân cận như Gia lai, Quảng Ngãi.

Thực hiện Nghị Quyết số 01/NQ-ĐU Đảng bộ Trường CĐCD Kon Tum lần II, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Nhà trường đã tuyên bố Sứ mạng “*Trường CĐCD Kon Tum là Trường cao đẳng đào tạo nguồn nhân lực đa ngành, đa nghề, đa cấp độ; NCKH, chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ, hợp tác quốc tế... gắn đào tạo nguồn nhân lực, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Kon Tum, các tỉnh trong nước và vùng tam giác phát triển Campuchia – Lào – Việt Nam*”.

Với định hướng Tầm nhìn chiến lược đến năm 2025: “*trở thành cơ sở đào tạo nguồn nhân lực đạt chất lượng cao, có nhiều ngành nghề trọng điểm đạt trong khu vực ASEAN*”, “*phấn đấu trở thành Trường Đại học đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, đa cấp độ vào năm 2045*”.

Như vậy Sứ mạng, Tầm nhìn Trường được trình bày rõ ràng, mang tính chiến lược, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ Trường CĐCD Kon Tum. Sứ mạng cũng là

lời tuyên bố, cam kết về những trọng trách, trách nhiệm của Trường CĐCD Kon Tum với xã hội.

Trong thời gian qua Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá năm 2018 và tiếp tục đánh giá cải tiến chất lượng giáo dục nghề nghiệp, định hướng năm 2021 đánh giá ngoài cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Song song với tự đánh giá cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Trường đã tiến hành tự đánh giá chất lượng CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN tiến tới đánh giá ngoài theo Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT ngày 05/02/2020 của Bộ GDĐT.

Trong bối cảnh tiếp tục thực hiện Nghị Quyết 29 của BCH TW Đảng khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo. Trường CĐCD Kon Tum đưa ra nhiều chính sách chất lượng giai đoạn 2020 -2025 và Tầm nhìn tới 2045 như sau:

- Thực hiện đào tạo nhân lực đa ngành, đa nghề, đa cấp độ đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh, trong nước và vùng tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam; nâng cao chất lượng đào tạo để cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh, khu vực và hướng đến quốc tế;

- Đổi mới phương thức quản lý, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, quản lý, điều hành; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức đào tạo và quảng bá, truyền thông hình ảnh, thương hiệu của Nhà trường;

- Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo đáp ứng yêu cầu xã hội; đổi mới, cải tiến PPDH theo hướng lấy người học làm trung tâm, vận dụng hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực, hiện đại;

- Xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo theo hướng nâng cao năng lực cho người học, nâng cao tính hiệu quả, cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến đáp ứng xu thế phát triển của thị trường lao động;

- Tăng cường công tác NCKH, gắn ứng dụng khoa học công nghệ với tổ chức đào tạo, dịch vụ sản xuất; ứng dụng chuyên giao công nghệ, hợp tác quốc tế và tổ chức các hoạt động sản xuất, dịch vụ phục vụ doanh nghiệp, địa phương, cộng đồng;

- Mở rộng, tăng cường mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, tổ chức kinh doanh, dịch vụ trong đào tạo, giải quyết việc làm cho người học và tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế trong đào tạo;

- Đầu tư cơ sở vật chất, trang bị thiết bị tiên tiến, hiện đại phù hợp với từng ngành nghề đào tạo đặc biệt các ngành nghề trọng điểm, các ngành nghề công nghệ cao;

- Phát huy và khai thác hết các nguồn lực trong trường, xây dựng Nhà trường ngày càng vững mạnh, gia tăng vị thế cạnh tranh của Nhà trường trong nước và khu vực.

1.2.2. Chức năng và nhiệm vụ Khoa Sư phạm – Bộ môn GDMN

Từ khi thành lập Trường CĐSP Kon Tum vào năm 1998. Bộ môn GDMN là một trong những bộ môn đầu tiên của Trường, giảng dạy cho SV những kiến thức và kỹ năng về chuyên ngành GDMN. Nay Bộ môn GDMN thuộc Khoa Sư phạm được thành lập theo Quyết định số 04/QĐ–CĐCĐ ngày 03/01/2018 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Kon Tum.

Khoa Sư phạm Trường CĐCĐ Kon Tum có chức năng đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất đạo đức, chính trị vững vàng, lối sống cho đội ngũ cán bộ, GV, SV. Phối hợp xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện đào tạo GVMN, quản lý đào tạo các hoạt động bồi dưỡng quản lý giáo dục khác theo chương trình, kế hoạch giảng dạy của trường. Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, GV, SV của Khoa theo kế hoạch của Nhà trường;

- Quản lý cán bộ, GV, SV của Khoa theo sự phân cấp của Hiệu trưởng;
- Quản lý chất lượng, nội dung, phương pháp đào tạo và các Bộ môn thuộc Khoa;
- Tổ chức phát triển CTĐT, biên soạn chương trình, giáo trình nội bộ, tài liệu giảng dạy do Hiệu trưởng phân công.

Với chức năng là đơn vị chuyên môn, định hướng phát triển Khoa Sư phạm – Bộ môn GDMN được xây dựng trên nền tảng Nghị quyết số 01/NQ-ĐU Đảng bộ Trường CĐCD Kon Tum lần II, nhiệm kỳ 2020 -2025.

- Tiếp tục đào tạo giáo viên Tiểu học, Mầm non trình độ cao đẳng nhằm cung cấp giáo viên cho các Trường Tiểu học, Mầm non trên địa bàn tỉnh Kon Tum và các khu vực lân cận;

- Thành lập Trường Mầm non THSP chất lượng cao, tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra nhằm thực hiện những mục tiêu của yêu cầu đổi mới, công khai cam kết với xã hội, với người học về năng lực và phẩm chất, chất lượng đào tạo.

Từ năm 2018 đến nay, Khoa Sư phạm đơn vị thuộc Trường CĐCD Kon Tum đã đào tạo hơn 371 SV cử nhân hệ chính quy và hệ vừa làm vừa học của chuyên ngành GDMN. Hiện nay Khoa Sư phạm có 20 CBGV, được đào tạo đại học và sau đại học tại các trường có uy tín trong nước.

Được sự quan tâm Ban Giám hiệu, Khoa Sư phạm – Bộ môn GDMN đã nỗ lực không ngừng để nâng cao trình độ GV, nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn kiến thức, kỹ năng đội ngũ nhà giáo bậc Mầm non của xã hội hiện đại. Hướng tới một sự phát triển bền vững và thực hiện các mục tiêu phát triển, Khoa Sư phạm – Bộ môn GDMN đã phối hợp Sở GDĐT và Phòng GDĐT, các Trường mầm non trên địa bàn tỉnh Kon Tum cập nhật CTĐT thông qua các kỳ TTSP, qua đó tích lũy được kinh nghiệm trong giảng dạy.

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được xây dựng trên cơ sở khung chương trình do Bộ GDĐT ban hành với các quy định, hướng dẫn của Trường CĐSP Kon Tum, nay là Trường CĐCD Kon Tum. CTĐT đã thể hiện được quy định về CDR của CTĐT, bao quát kiến thức và kỹ năng chuyên ngành, nhóm ngành, khối ngành và theo lĩnh vực. Các mục tiêu CDR được xây dựng phản ánh rõ ràng Sứ mạng mục tiêu và Tâm nhìn, mục tiêu giáo dục của Nhà trường.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với Sứ mạng và Tâm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả hiện trạng

Ngày 17 tháng 11 năm 1998, Thủ tướng chính phủ ký Quyết định số 222/GDĐT về việc thành lập Trường CĐSP Kon Tum, trong đó có khoa Tiểu học - Mầm non [H1.01.01.01]. Ngày 24 tháng 10 năm 2017, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội ban hành Quyết định số 1671/QĐ-LĐTBXH thành lập Trường CĐCD Kon Tum trên cơ sở việc sáp nhập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Kon Tum, Trường Cao đẳng sư phạm Kon Tum, Trường Trung cấp Y tế Kon Tum, Trường Trung cấp nghề Kon Tum [H1.01.01.02]. Ngày 03 tháng 01 năm 2018 Hiệu trưởng trường Cao đẳng cộng đồng Kon Tum ký quyết định số 04/QĐ-CĐCD về việc thành lập Khoa Sư phạm.

Mục tiêu của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được xác định rõ ràng dựa trên các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của Bộ GD-ĐT và của nhà trường [H1.01.01.03]. Mục tiêu của CTĐT với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và có sự điều chỉnh theo từng giai

đoạn để gắn với Tầm nhìn và Sứ mệnh của Nhà trường [H1.01.01.04]. Năm 2016, QĐ 222/1998/QĐ-TTG quy định trường CĐSP Kon Tum có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng giáo viên có trình độ CĐ và các trình độ thấp hơn. Năm 2018, Trường CĐCD Kon Tum được thành lập và thực hiện Sứ mạng “*Đào tạo nguồn nhân lực đa ngành, đa nghề, đa cấp độ; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, cung ứng dịch vụ, hợp tác quốc tế, gắn đào tạo với phát triển nhân lực, góp phần vào sự nghiệp xây dựng, phát triển tỉnh Kon Tum, các tỉnh trong nước và vùng tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam (CLV)*”[H1.01.01.05]. Trên cơ sở đó, mục tiêu của CTĐT ngành GDMN năm 2020 đã xác định: “đào tạo những GVMN có đủ phẩm chất, năng lực và sức khỏe để đảm bảo thực hiện tốt chương trình GDMN; có khả năng đáp ứng sự phát triển của GDMN; có khả năng tự học, tự bồi dưỡng nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn, ngành nghề và tham gia học tập ở bậc học cao hơn, không ngừng tích lũy những phẩm chất và năng lực cá nhân để thích ứng với yêu cầu chuyển đổi nghề nghiệp khi cần và trở thành giáo viên, cán bộ quản lý chuyên môn giỏi”. Các GV trong Khoa Sư phạm nói riêng và GV tham gia giảng dạy ngành GDMN nói chung đều tìm hiểu, nắm vững tinh thần về Sứ mạng và Tầm nhìn của Nhà trường và thể hiện vào tất cả các khâu của quá trình đào tạo, đặc biệt là xây dựng CTĐT được rà soát, điều chỉnh thường xuyên để phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Nhà trường [H1.01.01.06]. Từ năm 2018, Nhà trường đã thực hiện hướng dẫn quy trình xây dựng và triển khai đổi mới CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN theo tiếp cận năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới GDMN hiện nay.

Mục tiêu của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN đáp ứng mục tiêu đào tạo khối ngành sư phạm và phù hợp với mục tiêu giáo dục nghề nghiệp được quy định tại Luật giáo dục năm 2019 [H1.01.01.07]. Mục tiêu của CTĐT năm 2016 được ban hành với nội dung: đào tạo giáo viên đáp ứng được những yêu cầu đổi mới của Giáo dục Mầm non (GDMN) trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các giáo viên Mầm non (GVMN) được đào tạo phải có tư tưởng, phẩm chất đạo đức

tốt, có đủ sức khỏe, có năng lực tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ từ 0 – 6 tuổi theo yêu cầu của chuẩn GVMN cũng như có khả năng đáp ứng được những thay đổi của GDMN trong tương lai; có kỹ năng nghiên cứu, tự bồi dưỡng khoa học giáo dục. Năm 2018, được cập nhật thêm các mục tiêu liên quan đến kỹ năng mềm, kỹ năng sử dụng CNTT, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ...phù hợp với quy định của Luật giáo dục. Mục tiêu CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được thể hiện thông quy chế đào tạo trình độ CĐSP nhóm ngành GV được ban hành cụ thể phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nhà trường [H1.01.01.08]. Mục tiêu CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được cụ thể hóa trong ma trận kỹ năng [H1.01.01.09] và trong bản mô tả CTĐT, bản mô tả ĐCCT môn học/học phần [H1.01.01.10].

Mục tiêu của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN phù hợp với định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương và của ngành Giáo dục- Đào tạo tỉnh Kon Tum [H1.01.01.11]. Thông qua các hoạt động: khảo sát các bên liên quan về chương trình đào tạo ngành GDMN; khảo sát nhu cầu tuyển dụng GV MN [H1.01.01.12]; lấy ý kiến đóng góp của chuyên gia, cơ quan quản lý chuyên môn, các Bộ môn, sinh viên năm cuối, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng..., Trường CĐCD Kon Tum đã cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo ngành giáo dục mầm non vào các năm 2017, 2018, 2020 [H1.01.01.13]. Kết quả cho thấy tất cả đều đánh giá các kiến thức, kỹ năng, năng lực trong CDR, các học phần trong CTĐT đáp ứng yêu cầu của xã hội, phù hợp với Tầm nhìn, Sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Nhà trường [H1.01.01.06].

CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được công bố công khai tới các cán bộ, GV, SV và nhà sử dụng lao động trên website của Nhà trường, thông qua sổ tay sinh viên, cẩm nang tư vấn tuyển sinh, các tờ rơi quảng bá tuyển sinh [H1.01.01.14].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được xác định rõ ràng, phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Trường CĐSP trước đây và Trường CĐCD Kon Tum hiện nay, phù hợp với mục tiêu của Luật giáo dục đại học. Mục tiêu được định kì rà soát và cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ.

Mục tiêu CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được Trường triển khai, quán triệt đến từng cán bộ, GV, nhân viên nhằm tạo động lực cho đội ngũ hoàn thành tốt nhất mục tiêu đã đề ra.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát định kỳ lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN chưa được tiến hành một cách hệ thống, sâu, rộng. Nguyên nhân: hình thức, đối tượng khảo sát còn hạn chế, chủ yếu sử dụng phiếu khảo sát.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	Tổ chức đánh giá, rà soát, lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT theo hướng phù hợp hơn với Sứ mạng, Tầm nhìn của Trường CĐCD Kon Tum, với Luật Giáo dục đại học và đáp ứng ngày càng tốt hơn	Hội đồng khoa học của Trường CĐCD Kon Tum	Từ năm học 2021-2022, thực hiện định kỳ	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		nhu cầu xã hội, xu hướng phát triển của khu vực và thế giới.			
2.	Phát huy điểm mạnh 1	Mục tiêu được định kì rà soát và cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ.	Phòng Đào tạo	Từ năm 2018, thực hiện định kỳ hàng năm	
	Phát huy điểm mạnh 2	Mục tiêu CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được Trường triển khai, quán triệt đến từng cán bộ, GV, nhân viên nhằm tạo động lực cho đội ngũ hoàn thành tốt nhất mục tiêu đã đề ra.	Phòng Đào tạo, Khoa, Tổ Bộ môn, GV, NV	Thực hiện định kỳ hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 4/7 điểm)

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT

1. Mô tả hiện trạng

Trường CĐCD Kon Tum đã tổ chức xây dựng CDR của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN theo đúng quy trình được hướng dẫn trong các văn bản của Bộ GDĐT [H1.01.02.01]. Các hoạt động cụ thể mà trường đã thực hiện là lấy ý kiến của các bên có liên quan về CTĐT, thành lập nhóm biên soạn, tổ chức nghiệm thu CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN. Năm 2018, Năm 2020, CDR của

CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN liên tục được rà soát, bổ sung phù hợp với yêu cầu của thực tiễn [H1.01.02.02].

CĐR của trình độ CĐ, ngành GDMN ban hành năm 2022 [H1.01.02.03] được xây dựng chi tiết, rõ ràng, đầy đủ cả 3 yếu tố: kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp, đảm bảo được các yếu tố cốt lõi mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp. Cụ thể:

CĐR của CTĐT ngành GDMN 2022 đã phản ánh được mục tiêu của CTĐT. CĐR bao quát được các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT [H1.01.01.04]. Cụ thể:

Về kiến thức CĐR của CTĐT ngành GDMN trang bị cho người học những kiến thức chung về khoa học cơ bản liên quan đến các hiểu biết về lý luận chính trị; tư tưởng Hồ Chí Minh; kiến thức cơ sở ngành về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, âm nhạc và mỹ thuật, hiểu biết PP luận NCKH chuyên ngành; những kiến thức chuyên ngành chuyên sâu về phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển toàn diện cho trẻ mầm non, như: chăm sóc nuôi dưỡng trẻ, phát triển ngôn ngữ, phát triển nhận thức, phát triển thể chất, phát triển thẩm mỹ và công tác quản lý trong giáo dục mầm non..., kiến thức bổ trợ, kiến thức thực tập và tốt nghiệp.

Về kỹ năng đã xác định đầy đủ những yêu cầu về kỹ năng cứng như kỹ năng quan sát, kỹ năng làm và sử dụng đồ dùng, đồ chơi; kỹ năng phân tích, đánh giá hiệu quả công việc của bản thân... và hệ thống kỹ năng mềm như: kỹ năng giao tiếp lắng nghe, thuyết trình.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm đã xác định rõ phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp mà SV phải đạt được. SV phải có khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề trong khoa học giáo dục mầm non; khả năng nghiên cứu và khám phá tri thức; khả năng tư duy hệ thống trong giáo dục mầm non. Bên cạnh đó, sinh viên có kỹ năng nghiên cứu và khám phá tri thức cũng được chú trọng trong CĐR ngành

GDMN. Tuy nhiên, CĐR của CTĐT ngành GDMN năm 2016 vẫn cần cập nhật, bổ sung thêm các nội dung như: kỹ năng sử dụng CNTT, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, kỹ năng khởi nghiệp sáng tạo...

Năm 2022, CĐR của CTĐT ngành GDMN được công bố rộng rãi trên website của Trường được cập nhật thêm về: kỹ năng mềm, kiến thức tự động hóa; tăng cường kỹ năng sử dụng CNTT trong dạy học mầm non. Tăng cường khối lượng kiến thức, kỹ năng liên quan đến nội khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc.

Năm 2022, sau khi tiến hành rà soát, đối sánh CĐR của CTĐT ngành GDMN tiếp tục được cập nhật. Nội dung được cập nhật mới trong CĐR năm 2022 là kiến thức của khởi nghiệp sáng tạo, khả năng sử dụng công nghệ thông tin tối thiểu đạt trình độ chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản; biết sử dụng một số phần mềm để hỗ trợ cho các hoạt động dạy học chăm sóc, giáo dục trong trường mầm non. Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A2 (bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam) hoặc hoàn thành chương trình A2 do trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum đào tạo.

CĐR của CTĐT ngành GDMN năm 2022 đã phản ánh đầy đủ mục tiêu của CTĐT bao gồm: mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể (kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm) mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT [H1.01.01.04]. cụ thể CĐR của CTĐT ngành GDMN năm 2022 đã phản ánh:

Về kiến thức, CĐR đã thể hiện đầy đủ *kiến thức chung* (nguyên lý của Chủ nghĩa Mác Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, ... và hệ thống kiến thức khoa học cơ bản trong lĩnh vực thể dục thể thao), *Kiến thức cơ sở ngành* (phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, kiến thức về tâm lý và giáo dục học theo độ tuổi ; môi trường và con người; tiếng Việt thực hành; văn học thiếu nhi và đọc kể diễn cảm), *kiến thức chuyên ngành* (kiến thức về chăm sóc sức khỏe cho trẻ lứa tuổi mầm non, đặc điểm tâm lý, sinh lý trẻ tuổi

mầm non, kiến thức về phát triển thể chất, phát triển tình cảm – xã hội, thẩm mỹ; kiến thức về tổ chức và đánh giá các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ ở nhiều đối tượng khác nhau) và *kiến thức thực tập và tốt nghiệp*.

Về kỹ năng: CĐR đã xác định đầy đủ các kỹ năng cứng như: lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ; lập kế hoạch phối hợp với cha mẹ của trẻ để thực hiện mục tiêu chăm sóc, giáo dục trẻ; tổ chức, thực hiện kế hoạch giáo dục một cách khoa học; đánh giá hiệu quả và điều chỉnh kế hoạch giáo dục; quản lý nhóm, lớp trẻ ở trường mầm non. Làm và sử dụng hiệu quả đồ dùng, đồ chơi và các nguyên vật liệu vào việc tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ (thiết kế hoạt động giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục, lựa chọn và sử dụng hợp lý các học liệu phù hợp với phương pháp giáo dục – dạy học theo hướng lấy trẻ làm trung tâm). Kỹ năng xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, an toàn, lành mạnh. Ngoài ra SV cần có các kỹ năng mềm như: kỹ năng giao tiếp - ứng xử; kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: CĐR đã thể hiện đầy đủ phẩm chất đạo đức, trách nhiệm công dân, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ, khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc.

Thông qua bảng đối sánh giữa CĐR của CTĐT và khung trình độ Khung trình độ quốc gia Việt Nam cho thấy: CĐR của CTĐT ngành GDMN của năm 2022 đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai [H1.01.02.04]. CĐR ngành GDMN 2018 nêu rõ: về kiến thức cần tăng cường kiến thức khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; kiến thức về tổ chức đánh giá các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ dân tộc thiểu số phù hợp với điều kiện giáo dục địa phương. Về kỹ năng: Nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng được một số phần mềm để hỗ trợ các hoạt động dạy học, chăm sóc, giáo dục trong trường Mầm non. Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A2. Linh hoạt, cởi mở, sẵn sàng tiếp nhận những xu hướng giáo dục mới vào quá trình chăm sóc giáo dục trẻ.

CĐR ngành GDMN năm 2022 đã xác định những phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp theo yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp GVMN [H1.01.02.05] như: Về kỹ năng nghề nghiệp, SV phải có khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề trong khoa học giáo dục mầm non; khả năng nghiên cứu và khám phá tri thức; khả năng tư duy hệ thống trong giáo dục mầm non. Bên cạnh đó, sinh viên có kỹ năng thử nghiệm, nghiên cứu và khám phá tri thức cũng được chú trọng trong CĐR ngành GDMN. CĐR năm 2022 bổ sung nội dung: SV phải có kỹ năng cập nhật kiến thức, tổng hợp tài liệu, phân tích và xử lý thông tin, trải nghiệm sáng tạo, thích nghi môi trường làm việc khác nhau. Yêu nghề; thích nghi với nghề nghiệp; tác phong khoa học, chuyên nghiệp trong công việc; tự chủ và tự chịu trách nhiệm, ý thức phấn đấu, phát triển nghề nghiệp; thương yêu, tôn trọng, đối xử công bằng với trẻ mầm non. Đồng thời, SV ngành Giáo dục Mầm non có kỹ năng làm việc nhóm, bao gồm kỹ năng triển khai thành lập nhóm, hoạt động nhóm, lãnh đạo hoạt động nhóm; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình; giao tiếp bằng văn bản, giao tiếp đa phương tiện, giao tiếp bằng ngoại ngữ., kỹ năng giao tiếp-ứng xử với trẻ nhỏ...

CĐR của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được cụ thể hóa ở ma trận kỹ năng của ngành đào tạo và được thể hiện trong bản mô tả CTDH và CĐR của từng học phần [H1.01.01.09].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được xây dựng theo quy trình chặt chẽ, theo phương thức đào tạo tín chỉ, được mô tả cụ thể, rõ ràng, phản ánh được mục tiêu của CTĐT và thường xuyên được rà soát, bổ sung điều chỉnh, đảm bảo tính đo lường và đánh giá được.

Bên cạnh đó CĐR của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN thiết kế phát huy tính chủ động, sáng tạo của SV. SV có điều kiện phát triển kiến thức chuyên

môn, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm cũng như đạo đức cá nhân lành mạnh, tinh thần tập thể, tôn trọng cá nhân.

CĐR của CTĐT đã thể hiện cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm theo yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và đáp ứng được chuẩn nghề nghiệp của GVMN.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CĐR của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN chưa được đầy đủ và thường xuyên. CĐR của một số học phần còn khó đo lường và đánh giá được. Có một số ít người học khi tốt nghiệp khó đạt điều kiện về CĐR ngoại ngữ. Nguyên nhân do nhà trường chưa huy động hết GVBM tham gia vào quá trình đánh giá CĐR, chưa phân hoá được các học phần cốt lõi trong CTĐT; Học sinh DTTS chiếm tỷ lệ cao...

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	<p>Trường CĐCD Kon Tum sẽ tổ chức rà soát lại CĐR của từng môn học, CĐR của ngoại ngữ, Tin học.</p> <p>Lấy ý kiến phản hồi đầy đủ của các bên liên quan về CĐR của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN.</p>	<p>Trung tâm PTDN; phòng ĐT</p> <p>Trung tâm PTDN và; phòng ĐT</p>	<p>Thực hiện Quý 1 năm 2022</p> <p>Thực hiện định kỳ hàng năm</p>	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		Tiếp tục thực hiện báo cáo thường xuyên về phản hồi của các bên liên quan để phục vụ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN.	Phòng Đào tạo, khoa Sư phạm	Thực hiện định kỳ hàng năm	
2.	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục rà soát, bổ sung điều chỉnh CDR của CTĐT đảm bảo tính đo lường và đánh giá được.	Phòng Đào tạo chủ trì, Khoa Sư phạm phối hợp	Thực hiện theo năm học	
	Phát huy điểm mạnh 2	CDR của CTĐT ngành GDMN thiết kế phát huy tính chủ động, sáng tạo của SV.	Phòng Đào tạo, Khoa Sư phạm phối hợp	Thực hiện theo năm học	
	Phát huy điểm mạnh 3	CDR của CTĐT thường xuyên cập nhật kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm cũng như đạo đức cá nhân...	Phòng Đào tạo, Khoa Sư phạm, Bộ môn phối hợp	Thực hiện theo năm học	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 4/7 điểm)

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả hiện trạng

Trong giai đoạn tự đánh giá, CDR của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN đã được rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện 03 lần (năm 2020, 2021, 2022). CDR của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN năm 2022 đã được cập nhật phù hợp với yêu cầu thực tiễn của xã hội và nhu cầu người học. Cụ thể: CDR năm 2018 bổ sung thêm một số năng lực về khởi nghiệp và tự động hóa, năm 2022 bổ sung thêm các năng lực về tin học và tiếng anh nâng cao [H1.01.02.02, H1.01.01.04].

Bảng đối sánh sự cải tiến chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (*có bảng đối sánh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo tại Phụ lục 4 kèm theo*) [H1.01.03.01].

Quá trình thẩm định CDR của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN đã tiếp nhận ý kiến đóng góp, nhận xét của các chuyên gia trong và ngoài Trường cùng với những ý kiến của các SV, cựu SV, GV và nhà tuyển dụng bằng phiếu khảo sát và trực tiếp. Trên cơ sở đề xuất một bản danh mục CDR phù hợp với thực tiễn xã hội, CDR của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN đã được thông qua Nhà trường, Khoa Sư phạm và các bên liên quan nghiệm thu và được Trường phê duyệt, ra quyết định thực hiện. Qua nhiều lần điều chỉnh CTĐT ngành GDMN đã thể hiện được yêu cầu đổi mới của ngành GDMN ở Việt Nam và thể hiện rõ thông qua bản mô tả CTĐT và CDR năm 2022 [H1.01.03.02].

Trong quá trình rà soát và điều chỉnh, Nhà trường, Khoa Sư phạm, Bộ môn GDMN đã tham khảo CDR của CTĐT một số trường Đại học uy tín ở Việt Nam như CDR của CTĐT giáo viên trình độ ĐHSP ngành GDMN của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, Trường Đại học Thái Nguyên [H1.01.03.03] phân tích dựa trên bảng so sánh CDR của Trường với CDR các trường khác đã tham khảo và bảng đối sánh giữa ma trận kỹ năng với yêu cầu của các bên liên quan [H1.01.01.09, H1.01.03.04], nhằm đưa ra một bản danh mục CDR phù hợp với thực tiễn xã hội cũng như chuyên môn của ngành GDMN. Đồng thời, CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN phản ánh được cơ bản yêu cầu của tất cả các đối tượng có liên quan, thông qua danh mục

các CĐR về mặt kiến thức, kỹ năng, thái độ làm việc, cơ hội nghề nghiệp khi tốt nghiệp và hệ thống mục tiêu cụ thể của từng học phần.

CĐR của CTĐT luôn được định kỳ rà soát, điều chỉnh, cải tiến ít nhất 2 năm một lần theo kế hoạch của trường. Trong quá trình thực hiện Nhà trường, Khoa Sư phạm, Bộ môn GDMN đã khảo sát và thu thập ý kiến bằng phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát của các bên liên quan và biên bản họp lấy ý kiến về mục tiêu CĐR của CTĐT gồm: GV, SV, cựu SV, các chuyên gia và nhà tuyển dụng [H1.01.03.05] kết quả sau các lần rà soát CĐR của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN có sự cải tiến về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ của người học. Người học ngày càng phát triển khả năng tư duy sáng tạo trong giáo dục, ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng một số phần mềm dạy tiếng anh thông thạo đặc biệt có tính tự chủ trong công việc và có khả năng tuyên truyền vận động người khác tham gia vào các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu xã hội hiện nay [H1.01.03.06]. *(có bảng so sánh CĐR của các phiên bản khác nhau tại phụ lục 4 kèm theo)*

CĐR của CTĐT năm 2020 thể hiện được yêu cầu đổi mới của giáo dục Mầm non hiện nay đối với người học là phải có kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, có khả năng sử dụng công nghệ thông tin tối thiểu đạt trình độ chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản; biết sử dụng một số phần mềm để hỗ trợ cho các hoạt động dạy học chăm sóc, giáo dục trong trường mầm non. Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A2 (bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam) hoặc hoàn thành chương trình A2.

CĐR của CTĐT được công bố công khai tới các cán bộ, GV, người học và nhà sử dụng lao động trên website của Nhà trường, Khoa, thông qua sổ tay SV, cẩm nang tư vấn tuyển sinh, các tờ rơi quảng bá tuyển sinh [H1.01.03.07].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN đã được cập nhật phù hợp với yêu cầu thực tiễn của xã hội và nhu cầu người học. Cụ thể: Bổ sung thêm một số năng lực về khởi nghiệp và tự động hóa, các năng lực về tin học và tiếng anh nâng cao. Trong quá trình xây dựng CĐR của CTĐT có sự tham gia của các bên liên quan, được định kỳ rà soát 2 năm/lần và công bố công khai cho SV ngay từ năm thứ nhất, được thể hiện cụ thể trong từng năm học (từ năm thứ nhất đến năm thứ ba) và từng học phần cụ thể đáp ứng yêu cầu đổi mới của giáo dục Việt Nam hiện nay.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường, Khoa, Bộ môn GDMN đã thực hiện quy trình điều chỉnh CĐR, đã tham khảo, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhưng số lượng nhà tuyển dụng, chuyên gia giáo dục tham gia công tác xây dựng và rà soát CĐR của CTĐT chưa nhiều vì số lượng viên chức đủ trình độ và có chuyên môn sâu về công tác xây dựng và rà soát CĐR của CTĐT ngành GDMN tại Tỉnh còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục thực hiện quy trình điều chỉnh CĐR và thường xuyên tham khảo, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về công tác xây dựng, rà soát CĐR của CTĐT	Phòng Đào tạo, Khoa Sư phạm phối hợp	Thực hiện Quý 1 năm 2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
2.	Phát huy điểm mạnh 1	Thường xuyên cập nhật CDR của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN và mời các bên liên quan tham gia xây dựng	Phòng Đào tạo, Khoa Sư phạm phối hợp	Thực hiện Quý 1 năm 2022	
	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục rà soát CDR của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN theo định kì 2 năm/lần được công bố công khai cho SV ngay từ năm thứ nhất và luôn được thể hiện cụ thể trong từng năm học (từ năm thứ nhất đến năm thứ ba) và từng học phần cụ thể	Phòng Đào tạo, Khoa Sư phạm phối hợp	Thực hiện Quý 1 năm 2022	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 4/7 điểm)

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN đã xác định rõ ràng các hướng đào tạo chuyên sâu đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ, GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra.

CĐR của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của sinh viên, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV chủ động trong học tập, tìm hiểu thông tin và nhận hỗ trợ từ phía GV hoặc cố vấn học tập. Qua đó, SV có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như phẩm chất cá nhân cần thiết.

CĐR của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được công bố công khai cho sinh viên ngay từ năm thứ nhất, và luôn được thể hiện cụ thể trong từng năm học (từ năm thứ nhất đến năm thứ ba), ở từng học phần cụ thể.

Tuy nhiên, việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu, CĐR của CTĐT mới được thực hiện theo hướng dẫn, quy định của Nhà trường; Khoa Sư phạm chưa chủ động tiến hành công việc này theo từng năm học cũng như chưa thiết lập được kênh thông tin riêng như website của Khoa để tạo thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác với các đối tác, sự phản hồi của người học.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ GDĐT. Bản mô tả CTĐT được Trường CĐCD Kon Tum điều chỉnh năm 2022 theo quy định, hướng dẫn để phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, được công bố công khai, dễ tiếp cận, gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu xã hội. Bản mô tả CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN cung cấp đầy đủ các thông tin về: tên đơn vị; tên gọi của văn bằng; tên CTĐT; thời gian đào tạo; mục tiêu, CĐR của CTĐT; tiêu chí tuyển sinh; cấu trúc CTDH; ma trận kỹ năng; đề cương các học phần; thời điểm xây dựng hoặc điều chỉnh bản mô tả CTĐT.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Ngày 06 tháng 01 năm 2004, Bộ trưởng Bộ GDĐT ký Quyết định số 81/QĐ-BGDĐT-ĐHSDH cho phép Trường CĐSP Kon Tum nay là Trường CĐCD Kon Tum mở mã ngành đào tạo ngành GDMN, hệ chính qui trình độ cao đẳng [H2.02.01.01].

Nội dung CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN theo chương trình khung đào tạo hiện hành của Bộ GDĐT [H2.02.01.02]. Trường CĐCD Kon Tum đã ban hành quyết định về CTĐT trình độ cao đẳng hệ chính qui ngành GDMN [H2.02.01.03]. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các thông tin về: tên đơn vị; tên gọi của văn bằng; tên CTĐT; thời gian đào tạo; mục tiêu, CDR của CTĐT; tiêu chí tuyển sinh; cấu trúc CTDH; ma trận kỹ năng; đề cương các học phần; thời điểm xây dựng hoặc điều chỉnh bản mô tả CTĐT.

Thông tin về CTĐT, mục tiêu của CTĐT bao gồm mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể (về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm), hình thức tuyển sinh, nội dung CTĐT (khung chương trình, tỉ lệ khối kiến thức, đội ngũ CBGD, nội dung các học phần, đề cương các học phần được thể hiện đầy đủ, rõ ràng. CTĐT đã có cấu trúc hợp lý giữa các khối kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên môn ngành, chuyên ngành, các học phần bắt buộc và tự chọn. Cụ thể, tổng số tín chỉ của ngành theo các năm như sau:

Tên và khối lượng học phần	2016	2018	2020	Ghi chú
Kiến thức giáo dục đại cương	28 TC	27 TC	21 TC	
Kiến thức cơ sở ngành	33 TC	32 TC	24 TC	
Kiến thức chuyên ngành	22 TC	25 TC	51 TC	
Kiến thức bổ trợ	12 TC	11 TC	03 TC	
Thực tập sư phạm, khóa luận tốt nghiệp	15 TC	15 TC	11 TC	

Tỉ lệ giữa các phân kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp, tỉ lệ kiến thức lý thuyết, thảo luận, bài tập, thực hành thí nghiệm cân đối, hợp lý,

logic, chặt chẽ. Đối với mỗi học phần đã làm rõ mục đích, yêu cầu cần phải đạt được để SV nắm được yêu cầu và cách học.

Trường, Khoa Sư phạm – Bộ môn GDMN cũng đã lấy ý kiến đóng góp của chuyên gia, cơ quan quản lý chuyên môn, trưởng bộ môn, SV năm cuối, cựu SV và nhà tuyển dụng. Kết quả cho thấy tất cả đều đánh giá các kiến thức, kỹ năng, năng lực trong CDR, các học phần trong CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN đáp ứng yêu cầu của xã hội, phù hợp với Tầm nhìn, Sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Nhà trường [H2.02.01.04].

Bản mô tả CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được cập nhật thường xuyên trên trang thông tin điện tử của Nhà trường để SV, GV, nhà tuyển dụng lao động...có thể nắm bắt được mục tiêu của CTĐT mà Nhà trường hướng đến và đóng góp ý kiến để CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN cập nhật thực tiễn, phù hợp nhu cầu địa phương [H2.02.01.05].

Bản mô tả CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN định kỳ hai năm được cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan. Nhà trường đã đề nghị các bộ môn, Khoa quản lý rà soát và điều chỉnh ĐCCT cho phù hợp số tín chỉ của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN. Mục tiêu chương trình được xem xét định kỳ, bổ sung chỉnh sửa cho phù hợp với yêu cầu của xã hội. Năm 2018 đã thành lập Hội đồng có nhiệm vụ rà soát, điều chỉnh CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN cho phù hợp với nhu cầu xã hội. Hội đồng thẩm định CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN tổ chức các buổi hội thảo xin ý kiến góp ý các nhà giáo, các doanh nghiệp, người sử dụng [H2.02.01.06, H2.02.01.07, H2.02.01.08].

Hàng năm phòng KTĐBCL báo cáo kết quả KĐCLGD và đối sánh chất lượng CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN. Nhìn chung, CTĐT ngành GDMN vẫn ổn định qua các năm, xong Trường Cao đẳng Sư phạm Kon Tum trước đây nay là Trường CĐCD Kon Tum cứ hai năm một lần lại rà soát và cập nhật CTĐT nhằm

đáp ứng nhu cầu của thị trường và nhà tuyển dụng và người lao động. Năm 2018, CTĐT bổ sung 02 học phần: Học phần Tự động hóa và học phần Khởi tạo doanh nghiệp, cụ thể [H2.02.01.09]:

Nội dung	2022
Tổng số tín chỉ	110 TC
Tổng số học phần	47
- Kiến thức giáo dục đại cương	21TC
- Kiến thức cơ sở ngành	24 TC
- Kiến thức chuyên ngành	51 TC
- Kiến thức bổ trợ	03 TC
- Thực tập sư phạm, khóa luận tốt nghiệp	11 TC
Số học phần điều chỉnh	02 (15TC)

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được cập nhật thường xuyên theo định kỳ và đầy đủ các thông tin cần thiết để thực hiện mục tiêu CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN.

Bên cạnh đó bản mô tả CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN cũng đã thể hiện được vai trò, sự phát triển và Tầm nhìn của Nhà trường. Các thông tin về CTĐT được thể hiện một cách chi tiết đến người học.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát định kỳ lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN chưa được tiến hành một cách hệ thống và liên tục. Nguyên nhân chính từ việc cơ sở đào tạo Trường CĐSP Kon Tum được sáp nhập thành Trường CĐCD Kon Tum chịu sự quản lý

chuyên môn của Bộ LĐ-TB&XH nên việc triển khai các hoạt động đào tạo giáo viên trong đó có xây dựng và điều chỉnh CTĐT ngành GDMN gặp không ít khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	Khảo sát định kỳ lấy ý kiến của chuyên gia, học viên đã tốt nghiệp, người sử dụng lao động trong việc cập nhật và đổi mới CTĐT sẽ thực hiện thường xuyên theo năm học.	Khoa Sư phạm, Trung tâm PTĐN> VL	2022	
2.	Phát huy điểm mạnh	Lập kế hoạch nghiên cứu và cập nhật các hướng dẫn của Bộ GDĐT về CTĐT mới làm cơ sở cho việc điều chỉnh nội dung trong bản mô tả CTĐT.	Phòng ĐT	2022	

Kể từ năm học 2020-2021, Nhà trường, Khoa Sư phạm – Bộ môn GDMN sẽ tiếp tục tổ chức đánh giá, rà soát mục tiêu của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN theo hướng phù hợp hơn với Sứ mạng, Tầm nhìn của Nhà trường và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 4/7 điểm)

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

ĐCCT các học phần trong CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN năm 2022 được trình bày theo biểu mẫu của Bộ GD&ĐT [H1.01.01.03]. Dựa trên quy chế đào tạo cao đẳng nhóm ngành đào tạo GV của Nhà trường, Khoa Sư phạm - Bộ môn GDMN đã tổ chức xây dựng đề cương các học phần theo quy định dựa vào cấu trúc, nội dung CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN [H2.02.02.01]. Đề cương học phần được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật theo khóa học, đặc biệt là bản mô tả CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được cập nhật điều chỉnh về nội dung cũng như chất lượng [H2.02.02.02]. Đề cương các học phần thuộc CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được xây dựng dựa trên chương trình khung đào tạo hệ cao đẳng ngành GDMN và đạt yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa và thể hiện ở các mục tiêu và CDR của từng học phần [H2.02.02.03].

100% ĐCCT các học phần trong CTĐT đầy đủ thông tin, bao gồm: tên đơn vị, tên GV đảm nhận giảng dạy; tên học phần; số tín chỉ; mục tiêu, CDR của học phần, ma trận liên kết nội dung chương mục với CDR; các yêu cầu của học phần; cấu trúc học phần; phương pháp dạy-học; phương thức kiểm tra, đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo, cụ thể ĐCCT các học phần thể hiện các thông tin như:

- 1) Thông tin chung về CTĐT: Tên CTĐT, ngành đào tạo, trình độ đào tạo.
- 2) Thông tin chung về học phần: tên học phần, mã học phần, số tín chỉ, loại học phần (bắt buộc/tự chọn...), giờ tín chỉ đối với các hoạt động dạy học (lý thuyết/bài tập/thực hành/thảo luận/tự học...), GV giảng dạy học phần...
- 3) Mục tiêu học phần: mô tả cụ thể mục tiêu kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của người học.
- 4) Mô tả vắn tắt nội dung học phần: giúp người học hình dung tổng thể các nội dung chính và logic của các phần nội dung học phần.

- 5) Nội dung chi tiết của học phần: nêu rõ từng chương, mục.
- 6) Học liệu: danh mục học liệu (tài liệu) được phân thành tài liệu chính và tài liệu tham khảo phục vụ nhu cầu đọc thêm và tự nghiên cứu.
- 7) Kế hoạch giảng dạy dự kiến và hình thức tổ chức dạy học mô tả lịch trình chung.
- 8) Quy định đối với học phần và yêu cầu khác đối với GV.
- 9) Thông tin phê duyệt của đơn vị và Nhà trường.
- 10) CDR của học phần, ma trận liên kết nội dung chương mục với CDR; các yêu cầu của học phần; cấu trúc học phần; phương pháp dạy-học; phương thức kiểm tra, đánh giá; ...

Năm 2018, bản mô tả CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được bổ sung thêm các học phần khởi nghiệp, tự động hóa vào CTĐT chung, tăng cường các kỹ năng mềm vào quá trình giảng dạy các môn học trong đó biểu hiện rõ thông qua ĐCCT học phần [H2.02.02.04]. Mỗi học phần đều thể hiện rõ sự đóng góp cho ma trận chung của CTĐT.

ĐCCT được hoàn thiện ở năm 2020, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu cơ bản theo quy định [H2.02.02.05].

Đề cương các học phần được cập nhật bằng cách định kỳ rà soát, cập nhật 2 năm 1 lần, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các môn học, danh mục tài liệu. Trong quá trình xây dựng, điều chỉnh đề cương các học phần chuyển đổi từ niên chế sang hệ thống tín chỉ, Khoa Sư phạm - Bộ môn GDMN đã bám sát các quy định và hướng dẫn của Bộ GDĐT. Các học phần đã đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, các kỹ năng làm việc, kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm sau khi tốt nghiệp. Do vậy, người học sau khi tốt nghiệp đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động [H2.02.02.06, H2.02.02.07].

2. Điểm mạnh

Tất cả các ĐCCT của các học phần đã cung cấp thông tin đầy đủ và rõ ràng, được chuẩn hóa theo quy định của Nhà trường. ĐCCT đã hỗ trợ cho người quản lý, GV, SV và các bộ phận liên quan đến đào tạo có thể tham gia giám sát.

ĐCCT đã được cập nhật thường xuyên, đáp ứng xu thế phát triển hiện nay trên của lĩnh vực GDMN. Mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá của học phần đều được cung cấp đầy đủ để SV xây dựng kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học.

3. Điểm tồn tại

Việc phân tích dữ liệu đánh giá kết quả học tập của SV chưa được tiến hành sâu đến các nội dung chi tiết của mỗi học phần để có cơ sở cải tiến, điều chỉnh nội dung cụ thể và kế hoạch dạy học của từng học phần. Nguyên nhân chính từ việc cơ sở đào tạo Trường CĐSP Kon Tum được sáp nhập thành Trường CĐCD Kon Tum chịu sự quản lý chuyên môn của Bộ LĐ-TB&XH, điều này gây khó khăn cho CBGD trong việc tiếp cận với kho dữ liệu hiện đại, mới, mang tính quốc tế và vì thế, chưa theo kịp những phát triển mới trong nghiên cứu, đào tạo mới của ngành GDMN tiên tiến trên thế giới.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục rà soát các học phần, điều chỉnh nội dung; Cập nhật, bổ sung tài liệu học tập phục	Khoa Sư phạm, Trung tâm	2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		vụ đào tạo; Phát triển giáo trình và học liệu; chú ý các giáo trình học phần mới.	PTDN> VL		
2.	Phát huy điểm mạnh	Công khai đề cương học phần đến SV; kiểm soát việc thực hiện đề cương học phần để ĐBCL	Phòng ĐT	2022	

Bắt đầu từ năm học 2021-2022, Nhà trường, Khoa Sư phạm - Bộ môn GDMN phối hợp với các đơn vị thuộc Trường và các nhà tuyển dụng lấy ý kiến phản hồi về các học phần. Khoa Sư phạm - Bộ môn GDMN tiến tới phân tích dữ liệu thi, kiểm tra và đánh giá cụ thể, chi tiết hơn. Trên cơ sở đó người dạy điều chỉnh, rà soát và biên soạn mới đề cương các học phần sau khi điều chỉnh khung CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN theo hướng tiếp cận năng lực người học.

Tiếp tục bổ sung, cập nhật và nâng cấp hệ thống học liệu, hệ thống bài giảng, giáo trình phục vụ CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN tiếp cận theo xu hướng giáo dục mới hiện nay.

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 4/7 điểm)

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả hiện trạng

CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được Trường CĐSP Kon Tum nay là Trường CĐCD Kon Tum xây dựng dựa trên chương trình khung của Bộ

GD&ĐT năm 2008, đáp ứng CDR và phù hợp với yêu cầu sử dụng lao động của địa phương. CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN, ĐCCT học phần mô tả đầy đủ thông tin, cập nhật và được công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Bản mô tả CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN và ĐCCT các học phần được Nhà trường ban hành năm 2022 [H2.02.03.01].

Bản mô tả CTĐT và 100% ĐCCT các học phần được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau: giới thiệu cho SV khóa mới; công bố công khai trên website của Nhà trường; trong các thông báo của Nhà trường cho cán bộ và sinh viên, niêm yết công khai bản mô tả CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN tại các bảng tin, hệ thống thư viện số [H2.02.03.02], Sổ tay sinh viên, cẩm nang tư vấn tuyển sinh [H1.01.01.15], tờ rơi, video tư vấn tuyển sinh, tài liệu quảng bá học phần [H2.02.03.03].

Bên cạnh đó, trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, Nhà trường đã giới thiệu cho tân sinh viên về Bản mô tả CTĐT và 100% đề cương các học phần. Giảng viên trước khi lên lớp phải gửi trước đề cương học phần để người học nắm bắt được mục tiêu và những nội dung cơ bản của học phần. Bản mô tả CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN và đề cương các học phần được các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học, người học đã tốt nghiệp,... đều có thể tiếp cận một cách dễ dàng và thuận tiện.

Việc sử dụng và công bố bản mô tả CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN và ĐCCT các học phần bằng nhiều hình thức trên đã giúp cho người học nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong năm học và cả khóa học. Bản mô tả CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN và ĐCCT các học phần đều được phản biện bởi các chuyên gia trong và ngoài Trường, được Hội đồng thẩm định của Trường cho ý kiến [H2.02.03.04]. CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN đi kèm với ĐCCT các

học phần được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung dựa trên việc thu thập lấy ý kiến của các giảng viên, sinh viên và nhà tuyển dụng [H2.02.03.05].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN và ĐCCT các học phần trong CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN đều được công bố công khai và dễ tiếp cận. Bên cạnh đó bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần trong CTĐT thường xuyên nhận được tham vấn, ý kiến đóng góp, xây dựng của Hội đồng thẩm định của Nhà trường, cựu sinh viên, giảng viên, các đơn vị tuyển dụng, các nhà chuyên môn, trên cơ sở đó bổ sung, điều chỉnh, cập nhật thường xuyên theo hướng quốc tế hóa các tri thức và mang tính ứng dụng cao.

3. Điểm tồn tại

Khoa Sư phạm - Bộ môn GDMN đã tiến hành lấy ý kiến của nhà tuyển dụng, của cựu sinh viên để bổ sung, điều chỉnh và cập nhật bản mô tả CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN, các đề cương học phần nhưng phạm vi, đối tượng lấy ý kiến phản hồi chưa rộng.

Việc lấy ý kiến phản hồi về CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN và ĐCCT các học phần chưa được tiến hành rộng rãi đối với các bên liên quan, đặc biệt là các nhà tuyển dụng và các chuyên gia. Do đó, chưa có nhiều ý kiến góp ý cho CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN và ĐCCT học phần.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	Lấy ý kiến các bên liên quan về khả năng tiếp nhận và sử dụng CTĐT và bản mô tả CTĐT	Khoa Sư phạm, Trung tâm PTDN&G TVL	2022	
2.	Phát huy điểm mạnh	Công khai CTĐT và bản mô tả CTĐT đến cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, SV đã tốt nghiệp,... đều có thể tiếp cận một cách dễ dàng và thuận tiện	Phòng ĐT	2022	

Từ năm học 2020-2021, Khoa Sư phạm – Bộ môn GDMN sẽ phối hợp với phòng KTĐBCL và phòng TCCB lấy ý kiến đánh giá từ các nhà tuyển dụng, GV trong và ngoài khoa, cựu SV và SV năm cuối về CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN nói chung, về bản mô tả CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN và ĐCCT các học phần nói riêng để tiếp tục bổ sung, điều chỉnh CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN theo tiếp cận CDR của ngành GDMN.

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 4/7 điểm)

Kết luận Tiêu chuẩn 2

Bản mô tả CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được xác định rõ ràng, phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Nhà trường. Mục tiêu được định kỳ rà soát và cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ.

Các thông tin trong bản mô tả CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được công bố rõ ràng và tường minh. Bản mô tả CTĐT hằng năm được điều chỉnh, cập nhật, bổ sung dựa trên nhiều nguồn thông tin, tài liệu khác nhau như: Hội đồng thẩm định Nhà trường, các khoa, cựu SV, các bên liên quan...

Bản mô tả CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được mô tả cụ thể hóa trong đề cương học phần của chương trình. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT đều cung cấp đến người học một cách công khai và kịp thời nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học lựa chọn hợp lý lộ trình, kế hoạch học tập một cách tối ưu nhất.

Tuy nhiên bên cạnh đó bản mô tả CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được ban hành và thông tin đến người học và lấy góp ý các bên liên quan còn nhiều hạn chế, phạm vi lấy ý kiến phản hồi chưa rộng.

Tiêu chuẩn: 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Cấu trúc của CTDH đào tạo giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được thiết kế hợp lý và hệ thống theo đúng các văn bản quy định về xây dựng chương trình của Bộ GDĐT về hình thức, mục tiêu, chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm của ngành GDMN, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Các PPDH, kiểm tra đánh giá kết quả học tập được sử dụng hiệu quả nhằm đảm bảo người học đạt được CDR của từng học phần và CDR của CTĐT. Các học phần được cấu trúc khoa học, logic, gắn kết thành một khối thống nhất và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ chương trình. Đồng thời, CTDH đào tạo giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN liên tục được rà soát định kỳ nhằm đảm bảo tính phù hợp và cập nhật ở từng học phần cụ thể cũng như chương trình tổng thể. Sau khi ban hành CTDH đào tạo giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được lấy ý kiến phản

hỏi của các bên liên quan.

Tiêu chí: 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên CDR

1. Mô tả hiện trạng

CTDH đào tạo giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được xây dựng theo các quy định hiện hành của Bộ GDĐT (Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ GDĐT). CTDH đào tạo giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CDR về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực tự chủ và trách nhiệm, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp, khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường [H3.03.01.01]. CTDH đào tạo giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được xây dựng trên cơ sở bảng mô tả CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN, ĐCCT học phần [H3.03.01.02, H3.03.01.03]. Để phù hợp hơn với tình hình thực tiễn và nhu cầu của người học, CTDH đã được định kỳ rà soát, điều chỉnh theo quyết định của Trường [H3.03.01.04].

CTDH đào tạo giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN xác định rõ ràng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, được lượng hóa thành các chỉ số có thể định lượng được, đánh giá được (bao gồm kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm), CTDH đào tạo giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN bao gồm các nội dung:

- Mục tiêu chung
- Mục tiêu cụ thể
- CDR của ngành học và CDR của mỗi học phần
- Nội dung đào tạo
- Thời lượng đào tạo của ngành và của mỗi học phần
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá người học

Trong chương trình có kế hoạch phân bố các học phần theo từng học kì, có tiến trình đào tạo để thể hiện quá trình thực hiện giảng dạy. Cụ thể với ngành GDMN

trình độ cao đẳng, thời gian đào tạo là 3 năm, 6 học kì. Trong mô tả học phần, ĐCCT của một số học phần có xác định điều kiện tiên quyết đối với học phần đó nhằm giúp người học có kế hoạch học tập cụ thể. Bên cạnh đó, thực hiện CĐR, CTDH đào tạo giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được thiết kế gồm các khối kiến thức: *Kiến thức giáo dục đại cương, Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (Kiến thức cơ sở ngành, Kiến thức chuyên ngành, Kiến thức bổ trợ, Thực hành, thực tập, khóa luận)*. Trong đó, khối lượng kiến thức giáo dục đại cương chiếm 25,5%, khối lượng kiến thức giáo dục chuyên nghiệp chiếm 74,5 % [H3.03.01.05]. Cụ thể:

Bảng 3.1.1: Bảng tỉ lệ phân trăm các khối kiến thức trong cấu trúc chương trình GDMN

T T	Khối kiến thức	Số học phần	Số tín chỉ	Tỉ lệ %
1	A. Kiến thức giáo dục đại cương (chưa kể GDTC và GDQP)	12 HP	28 TC	25.5
2	B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp - Kiến thức cơ sở ngành - Kiến thức chuyên ngành - Kiến thức bổ trợ - Thực hành, thực tập, khóa luận.	37 HP 14 HP 10 HP 5 HP 10 HP	82 TC 33 TC 22 TC 12 TC 15TC	74.5 30 20 10.9 13.6
Tổng:		50	110 TC	100

CTDH đào tạo giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được thiết kế dựa trên CĐR. Cụ thể là CTDH được thiết kế dựa trên các chủ đề, cấp độ của CĐR, dựa trên ma trận kỹ năng chỉ rõ sự đóng góp của từng học phần cho CĐR [H1.01.01.09]. Việc thiết kế các học phần trong CTDH chặt chẽ và khoa học, có sự cân nhắc lựa chọn các

học phần đáp ứng được những yêu cầu CDR tương ứng. Có thể tóm tắt sự đóng góp của các học phần thuộc các khối kiến thức trong CTDH cho việc đạt được CDR như sau:

Bảng 3.1.2: Bảng tóm tắt sự đóng góp của các khối kiến thức trong CTDH cho việc đạt được CDR

Khối kiến thức	CDR đạt được
<i>A. Kiến thức giáo dục đại cương</i>	PLO1, PLO2, PLO3, PLO4, PLO5, PLO6, PLO7, PLO8, PLO9, PLO10, PLO11, PLO12, PLO13, PLO14, PLO15, PLO16, PLO17, PLO18, PLO19, PLO20, PLO21, PLO22
<i>B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</i>	
- Kiến thức cơ sở ngành	PLO3, PLO4, PLO5, PLO6, PLO7, PLO8, PLO9, PLO10, PLO11, PLO12, PLO13, PLO14, PLO15, PLO16, PLO17, PLO18, PLO19, PLO20, PLO21, PLO22
- Kiến thức chuyên ngành	PLO3, PLO4, PLO5, PLO6, PLO7, PLO8, PLO9, PLO10, PLO11, PLO12, PLO13, PLO14, PLO15, PLO16, PLO17, PLO18, PLO19, PLO21, PLO22
- Kiến thức bổ trợ	PLO3, PLO4, PLO5, PLO6, PLO7, PLO8, PLO9, PLO10, PLO11, PLO12, PLO13, PLO14, PLO16, PLO17, PLO18, PLO19,

- Thực hành, thực tập, khóa luận.	PLO3, PLO4, PLO5, PLO6, PLO7, PLO8, PLO9, PLO10, PLO11, PLO12, PLO13, PLO14, PLO15, PLO16, PLO17, PLO18, PLO19, PLO20, PLO21, PLO22
-----------------------------------	---

CTDH đào tạo giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được cụ thể hóa trong ĐCCT học phần với các thông tin: thông tin chung về học phần, mô tả học phần (tóm tắt nội dung học phần), mục tiêu của học phần, CDR của học phần, tài liệu (học liệu), phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kế hoạch giảng dạy chi tiết, đánh giá kết quả học tập, thông tin về GV và các quy định chung. Ngoài ra còn có kế hoạch giảng dạy/đào tạo từng năm học thể hiện rõ tên học phần, thời lượng dạy học, GV đảm nhận, thời gian học và thi [H3.03.01.06].

Sau nhiều lần điều chỉnh, CTDH đào tạo giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN đã thể hiện tính chất thực tiễn, hiện đại và cập nhật. Toàn bộ các học phần được xây dựng dựa trên CDR tổng thể chương trình, trong đó nhấn mạnh đến các CDR về kiến thức, kỹ năng, và năng lực tự chủ và trách nhiệm.

Tổ hợp các PPDH, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được nêu trong bản mô tả môn học/học phần của CTDH phù hợp, góp phần đạt được CDR. Điều này thể hiện rõ trong bố cục, nội dung cụ thể của CTĐT, CTDH đào tạo giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN, ĐCCT học phần và thiết kế bài giảng của GV [H3.03.01.07]. Để có thể đổi mới và xác định các PPDH, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp, Trường và khoa Sư phạm đã tổ chức các đợt hội giảng, các hội thảo, phát hành các kỹ yếu về vấn đề này. [H3.03.01.08, H3.03.01.09, H3.03.01.10].

Ở tất cả các học phần trong CTDH đào tạo giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN, sự đa dạng các PPDH (diễn giảng, thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, trực quan, seminar, thực hành, NCKH) đã phát huy được tính tích cực học tập của SV. Trong đó, thuyết trình của GV giúp SV hiểu được các kiến thức cơ bản,

mới và khó; đàm thoại hỗ trợ SV thu nhận kiến thức, vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thực tiễn; semina, thực hành giúp SV đạt được các kỹ năng nghề nghiệp, hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm... Phương pháp học tập chủ yếu của SV là tự học, nghiên cứu tài liệu, hoạt động nhóm, thảo luận, thực hành. Bên cạnh các hoạt động dạy học trên lớp, Nhà trường quan tâm đến việc tổ chức cho SV rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, thực hành, thực tập tốt nghiệp tại cơ sở GDMN [H3.03.01.11, H3.03.01.12, H3.03.01.13]. Ngoài ra SV còn được hướng dẫn làm bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp [H3.03.01.14, H3.03.01.15], tham gia các hoạt động ngoại khóa như Hội thi Nghiệp vụ sư phạm [H3.03.01.16], Hội nghị SV nghiên cứu khoa học [H3.03.01.17] để hình thành và đạt được các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm.

Các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được quy định chặt chẽ, phù hợp với nội dung và bước đầu có sự đổi mới đa dạng (đánh giá nhận thức, thái độ học tập; kiểm tra đánh giá định kỳ với hình thức tự luận, thực hành, bài tập cá nhân, bài tập nhóm...; thi kết thúc học phần với hình thức tự luận, trắc nghiệm, thực hành...) góp phần đánh giá thực chất năng lực SV. Trong ĐCCT học phần, các hình thức đánh giá được xác định với tiêu chí và thời điểm đánh giá cụ thể. Như vậy, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học đã đóng góp có hiệu quả cho việc đạt được CDR của CTDH ngành GDMN [H3.03.01.18].

Nhà trường đã tiến hành khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTDH [H3.03.01.19], đồng thời tự đánh giá chất lượng hàng năm [H3.03.01.20]. Hoạt động này góp phần hoàn thiện CTDH đào tạo giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN nói riêng và CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN nói chung.

2. Điểm mạnh

CTDH đào tạo giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được thiết kế dựa trên CĐR của ngành GDMN có mục tiêu cụ thể, rõ ràng, có cấu trúc hợp lý, có tính hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Nhờ vào ma trận năng lực nên các nội dung giảng dạy và mục tiêu của các học phần trong CTDH đào tạo giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN có sự gắn kết hợp lý. Việc trang bị kiến thức, kỹ năng và năng lực cho người học không chồng chéo giữa các học phần. Nhà trường đã tiến hành lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan nên chương trình có tính cập nhật, linh hoạt. Tổ hợp các PPDH đa dạng (thuyết trình, nghiên cứu tình huống, NCKH..), phát huy được tính tích cực học tập của SV. Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập đa dạng (tự luận, thực hành, bài tập cá nhân, nhóm,...) phù hợp, góp phần đạt được CĐR.

3. Điểm tồn tại

GV và bộ môn đã có sự cố gắng trong việc sử dụng nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá, tuy nhiên mới ở mức độ bước đầu làm quen. Vì vậy, số lượng các học phần sử dụng hình thức tự luận khi thi học kỳ chiếm tỷ lệ lớn, phương pháp kiểm tra thực hành, vấn đáp còn chiếm tỉ lệ nhỏ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	Đối với mỗi học phần, GV và bộ môn căn cứ vào đặc trưng học phần để xác định hình thức	Bộ môn GDMN; GV tham	Từ năm học 2021 - 2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		kiểm tra, đánh giá phù hợp. Đa dạng hóa các hình thức thi học kỳ, kết hợp trắc nghiệm khách quan với tự luận, vấn đáp, thực hành.	gia giảng dạy.		
2.	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch phối hợp với trường mầm non tổ chức cho GV và SV tiếp cận với thực tiễn, qua đó cập nhật CTDH giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN đáp ứng sự đổi mới chương trình GDMN.	Khoa Sư phạm; Bộ môn GDMN; trường MN; GV tham gia giảng dạy.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 5/7 điểm)

Tiêu chí: 3.2. Mỗi môn học hoặc học phần của chương trình dạy học đều có đóng góp rõ ràng trong việc đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Mỗi môn học hoặc học phần của CTDH đều có đóng góp rõ ràng cho việc đạt được CDR. 100% các học phần trong CTDH đào tạo giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi

học phần nhằm đạt được CDR. ĐCCT của mỗi học phần trong khung CTĐT đều được ghi rõ số tín chỉ, số tiết lý thuyết, thảo luận/bài tập và thực hành, nêu lên các học phần. Mỗi học phần đóng một vai trò nhất định trong khối kiến thức mà người học tiếp nhận, nó phản ánh vai trò của mỗi học phần trong việc đạt được CDR:

- Các học phần giáo dục đại cương nhằm mục đích trang bị và hoàn thiện kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm liên quan đến giáo dục quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất, lý luận chính trị, ngoại ngữ không chuyên, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn; đây là cơ sở chung cho các học phần khác.

- Các học phần giáo dục chuyên nghiệp cung cấp kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm về kiến thức cơ sở khối ngành, kiến thức ngành, kiến thức bổ trợ, thực hành, thực tập, khóa luận tốt nghiệp.

- + Các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành giúp SV có hiểu biết ban đầu về ngành học, làm nền tảng cho các học phần thuộc khối kiến thức ngành.

- + Các học phần thuộc khối kiến thức ngành trang bị cho SV những kiến thức, kỹ năng, năng lực cần thiết để có thể tổ chức dạy học ở trường mầm non.

- + Các học phần bổ trợ giúp SV tìm hiểu sâu sắc hơn về GDMN.

- + Các học phần thực hành, thực tập, khóa luận tốt nghiệp được lồng ghép với các học phần lý thuyết giúp người học có đầy đủ các kỹ năng, năng lực về chuyên môn và thực hành như đã được đề cập trong CDR của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN.

Sự gắn kết nêu trên của chương trình ngành GDMN được thể hiện rõ trong CTDH [H3.03.01.05], kế hoạch giảng dạy/đào tạo [H3.03.01.06], bản mô tả CTĐT [H3.03.01.02], từng ĐCCT các học phần [H3.03.01.03]. Điều này cũng được thông báo cho người học [H1.01.01.15].

100% ĐCCT đều xác định rõ ràng mục tiêu, CDR của học phần và xác định

mức độ đóng góp của học phần để đạt được CDR của CTĐT GDMN.

Ví dụ: Chuẩn đầu ra học phần Tổ chức hoạt động vui chơi đóng góp để đạt được các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO5 (mức độ 2/6), PLO7 (mức độ 3/6), PLO 9 (mức độ 4/6), PLO19 (mức độ 3/6), PLO22 (mức độ 3/6).

Thông qua ma trận kỹ năng, quan hệ giữa CDR của học phần với CDR CTĐT được thể hiện rõ [H1.01.01.09]. CTDH được thiết kế thành các khối kiến thức, thiết kế kế hoạch đào tạo cụ thể cho từng học kỳ. Như vậy, khi hoàn thành CTDH, người học sẽ đáp ứng được CDR về kiến thức (kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức thực tập và tốt nghiệp), về kỹ năng (kỹ năng cứng, kỹ năng mềm), về năng lực tự chủ và trách nhiệm. Trước khi công bố chính thức, CTDH đào tạo giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN và từng ĐCCT học phần được Trường tổ chức thẩm định, phê duyệt [H3.03.01.03].

Cách thức lựa chọn PPDH, kiểm tra đánh giá người học đảm bảo sự tương thích với CDR. 100% các học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp các PPDH, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CDR, thể hiện trong ĐCCT học phần, thiết kế bài giảng học phần [H3.03.01.07]. Bộ môn đã tiến hành họp về việc xây dựng tổ hợp các PPDH, kiểm tra đánh giá phù hợp với các học phần do bộ môn đảm nhận [H3.03.02.01].

Các PPDH cụ thể được xác định rõ ràng, phù hợp ở tất cả các học phần trong CTDH giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN để đảm bảo việc đạt được CDR. ĐCCT, thiết kế bài giảng các học phần xác định rõ hình thức tổ chức dạy học giúp người học hiểu rõ GV sử dụng phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nào, ở nội dung gì, những yêu cầu cụ thể đối với SV, những nội dung tự học cụ thể... nhằm giúp SV đạt được CDR của học phần về kiến thức, rèn luyện các kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. GV đã tiến hành nghiên cứu kế hoạch giáo dục của trường mầm non để có cơ sở xác định nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp

[H3.03.02.02].

Ví dụ: Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học: diễn giảng, đàm thoại, vấn đáp, trực quan, thảo luận, làm bài tập về nhà phù hợp với đặc điểm môn học lý thuyết, góp phần đạt được chuẩn đầu ra PLO1, PLO13, PLO14, PLO15, PLO16, PLO17, PLO18, PLO19, PLO20, PLO21, PLO22 của CTĐT.

Bên cạnh việc nghiên cứu lý thuyết, thì hoạt động thực hành, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, thực tập tốt nghiệp được chú trọng [H3.03.01.11, H3.03.02.03, H3.03.01.12, H3.03.01.13]. Hoạt động thao giảng, thi GV giỏi [H3.03.01.08], hội thảo khoa học cấp khoa, cấp trường [H3.03.01.09], viết bài kỷ yếu [H3.03.01.10] cũng được tiến hành thường xuyên nhằm giúp GV tìm ra, học hỏi phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp nhất.

Trong ĐCCT các học phần đều thể hiện rõ phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV, bao gồm: thang điểm đánh giá, hình thức, tiêu chí đánh giá, trọng số điểm và sự đóng góp cụ thể đối với CDR của học phần. Theo quy định, điểm học phần gồm có điểm đánh giá nhận thức thái độ (điểm chuyên cần), điểm kiểm tra đánh giá định kỳ (điểm thường xuyên, điểm kiểm tra giữa học phần), điểm thi kết thúc học phần. Các hình thức đánh giá được GV sử dụng linh hoạt nhằm phát huy năng lực của người học (tự luận, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, seminar, thực hành, bài tập lớn...). Hình thức thi kết thúc học phần cũng phong phú, đa dạng: tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành [H3.03.02.04, H3.03.01.18]. Hình thức kiểm tra, đánh giá, trọng số điểm các lần kiểm tra của từng học phần được tuân theo quy định hướng dẫn của Nhà trường về thi, kiểm tra đánh giá người học và được công bố công khai trong ĐCCT học phần.

VD: Học phần Đánh giá trong Giáo dục mầm non đã xác định hình thức kiểm tra đánh giá như sau:

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm	CĐR của HP	Trọng số
1	Kiểm tra đánh giá nhận thức, thái độ	<p>- Tham gia học tập trên lớp: đi học đầy đủ không được vắng quá 20% số tiết, chuẩn bị bài tốt, tích cực tham gia phát biểu xây dựng bài, tích cực thảo luận.</p> <p>- Phần tự học: hoàn thành tốt nội dung và nhiệm vụ mà giảng viên giao cho cá nhân; bài tập nhóm; bài tập cá nhân,...</p>	Trên lớp, theo kế hoạch của Trường	CLO6	0,1
2	Kiểm tra đánh giá định kỳ	<p>- Làm 1 bài kiểm tra giữa học phần; hình thức: Báo cáo theo nhóm; thời gian 50 phút (Hệ số 2)</p> <p>- Làm 1 bài kiểm tra thường xuyên; hình thức: Báo cáo theo nhóm; thời gian 50 phút (Hệ số 1)</p>	Theo Kế hoạch giảng dạy	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	0,3
3	Thi cuối kỳ	Hình thức: tự luận; thời gian 60 phút	Theo Kế hoạch giảng dạy	CLO1 CLO2	0,6

				CLO3	
				CLO4	
				CLO5	

Để đánh giá mức độ đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN, mỗi ĐCCT học phần đều được Trường thẩm định nhận xét, góp ý. Trên cơ sở đó có những điều chỉnh phù hợp đảm bảo tính liên quan mật thiết với việc đạt được CĐR. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến các bên liên quan (SV, cựu SV, nhà sử dụng) góp ý cho ĐCCT các học phần chưa được thực hiện.

Nội dung các học phần trong CTDH đào tạo giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Ý kiến của GV, SV về nội dung các học phần được khảo sát và tổng hợp từng năm học, sau khi SV đã học và thi xong. Đồng thời, Nhà trường gửi CTDH, bản mô tả các học phần để lấy ý kiến của các cơ sở GDMN, cựu SV về nội dung các học phần. Trên cơ sở đó, GV và bộ môn có những điều chỉnh phù hợp về nội dung để các học phần có đóng góp hiệu quả trong việc đạt được CĐR [H3.03.02.05].

Sau khi kết thúc năm học, Nhà trường đã thực hiện khảo sát phản hồi của SV về hoạt động dạy học (nội dung, phương pháp, hình thức) và kiểm tra đánh giá. Kết quả khảo sát cho thấy, trên 90% SV đánh giá đồng ý và hoàn toàn đồng ý về việc các học phần có nội dung chính xác, cập nhật..., sử dụng phương pháp, hình thức phù hợp với nội dung kiến thức, đa dạng hóa các hình thức kiểm tra đánh giá. Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan về CTDH đào tạo giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN [H3.03.02.06].

2. Điểm mạnh

Các học phần trong CTDH đào tạo giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN

được cấu trúc thành từng khối gắn kết giữa các kiến thức giáo dục đại cương và kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, giữa kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức bổ trợ và thực hành, thực tập, khóa luận. Nội dung chi tiết của từng học phần trong chương trình thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của học phần và thể hiện được sự gắn kết của học phần với các học phần khác trong các khối kiến thức đảm bảo quá trình dạy học và kiểm tra, đánh giá đạt được CĐR của học phần và của CTĐT.

ĐCCT của từng học phần thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, các PPDH, phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá rõ ràng, cụ thể, thể hiện được mức độ đóng góp vào CĐR của CTĐT.

Nội dung các học phần trong CTDH được định kỳ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến về ĐCCT học phần của các bên liên quan (SV, cựu SV, nhà sử dụng) chưa được thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	Chủ động lấy ý kiến của các bên liên quan (SV, cựu SV, nhà sử dụng) về ĐCCT học phần để có cơ sở tham mưu việc rà soát, chỉnh sửa, bổ sung phù hợp với	Phòng ĐT; Khoa Sư phạm; Bộ môn GDMN	Từ năm học 2021 - 2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		tình hình thực tiễn và nhu cầu của người học			
2.	Phát huy điểm mạnh 1	Rà soát CTDH, ĐCCT để đảm bảo sự gắn kết giữa các khối kiến thức, các học phần.	Phòng ĐT; Khoa Sư phạm; Bộ môn GDMN.	Từ năm học 2021 - 2022	
	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục làm tốt việc tổ chức các hoạt động thao giảng, thi GV giỏi, hội thảo khoa học để tăng cường đổi mới nội dung, PPDH, phương pháp, hình thức kiểm tra nhằm đạt được CĐR, đáp ứng nhu cầu của xã hội.	Phòng ĐT; Khoa Sư phạm; Bộ môn GDMN; GV tham gia giảng dạy.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 4/7 điểm)

Tiêu chí: 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả hiện trạng

Các học phần trong CTDH đào tạo giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được cấu trúc một cách hợp lý theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 [H3.03.03.01].

CTDH đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần trong khối kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp (bao gồm các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, kiến thức bổ trợ và thực hành, thực tập, khóa luận tốt nghiệp) giúp chương trình trở thành một khối thống nhất. CTDH được xây dựng dựa trên CĐR của ngành. Cụ thể trong bản mô tả CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN, CTDH được thiết kế theo trật tự logic từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức thực hành, thực tập và tốt nghiệp. Tất cả các kiến thức được bố trí đều trong 3 năm. Các học phần trong khối kiến thức giáo dục đại cương được bố trí dạy ở 3 học kỳ đầu để trang bị kiến thức nền tảng cho người học, các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được dạy cho SV trong 3 học kỳ cuối. Ba học kỳ cuối của chương trình, SV được cung cấp các học phần chuyên môn ngành và TTSP cuối khóa [H3.03.01.04].

CTDH được thiết kế theo trật tự logic thống nhất từ cơ bản đến nâng cao, đảm bảo tính liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học [H3.03.03.02]. Trong các tờ rơi tuyển sinh, video livestream tuyển sinh Trường có giới thiệu về thời gian đào tạo, nội dung CTDH, tính liên thông từ cao đẳng lên đại học nhằm giúp SV có cái nhìn tổng quát về quá trình học tập tại Trường [H3.03.03.03, H3.03.03.04].

CTDH thể hiện được các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành. Tỷ lệ giữa các phần kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp, tỷ lệ giữa kiến thức lý thuyết, thực hành, thảo luận, bài tập cân đối, hợp lý. Bên cạnh các học phần bắt buộc, CTDH còn có các học phần bổ trợ được cụ thể hóa trong Kế hoạch giảng dạy từng năm học giúp SV thích ứng, linh hoạt ở các cơ sở GDMN sau khi ra trường [H3.03.01.06].

100% các học phần trong CTDH được bố trí hợp lí, cụ thể CTĐT bao gồm 2 khối kiến thức: Khối kiến thức giáo dục đại cương (Giáo dục Quốc phòng – An ninh, giáo dục thể chất, lí luận chính trị, ngoại ngữ không chuyên, khoa học xã hội và nhân văn) và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức bổ trợ, thực hành, TTSP, khóa luận tốt nghiệp). Chiều sâu của CTDH được thể hiện một cách trình tự các học phần theo trật tự từ kiến thức chung đến kiến thức chuyên môn ngành. Các học phần kiến thức giáo dục đại cương được bố trí dạy ở 3 học kỳ đầu để trang bị kiến thức nền tảng cho người học, từ đó người học có thể phát triển các kỹ năng chuyên biệt vào các kỳ học tiếp theo [H1.01.01.09].

Hằng năm, GV phụ trách giảng dạy học phần có trách nhiệm rà soát và cập nhật nội dung giảng dạy phù hợp với thực tiễn, đáp ứng nhu cầu với sự thay đổi của xã hội, có tính liên tục, hệ thống từ thấp đến cao [H3.03.01.07]. Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật nội dung giảng dạy có sự chỉ đạo, giám sát chặt chẽ của Khoa Sư phạm, Phòng ĐT. Nhiều GV tham gia hoặc chủ biên biên soạn giáo trình một số học phần thuộc khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành [H3.03.03.05]. Ngoài ra, để tạo điều kiện cho SV có nguồn tư liệu tham khảo phong phú nâng cao kết quả học tập, tìm kiếm việc làm sau khi ra trường, Nhà trường còn có thư viện số với nhiều đầu sách dành cho ngành GDMN, hệ thống wifi miễn phí có thể giúp SV tra cứu tài liệu bất cứ lúc nào [H3.03.03.06].

Bộ môn GDMN luôn tổ chức sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề với những nội dung mới, khách quan, có tính cập nhật phù hợp với nhu cầu người học, với thực tiễn để đưa vào CTDH kịp thời [H3.03.03.07]. Để đánh giá CTDH phù hợp với CDR Nhà trường đã chú trọng công tác thẩm định, nghiệm thu chương trình chi tiết môn học/học phần. CTDH gồm có 110 tín chỉ, tuy nhiên Nhà trường luôn rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật 2 năm một lần về học phần và số tiết trong chương trình nhằm đáp ứng nhu cầu người học. Cụ thể: năm 2016 có 50 học phần, năm 2018 có

49 học phần, năm 2020 có 47 học phần. Mỗi học phần trong CTĐT ghi rõ số giờ dành cho phần lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành, tự học và tự nghiên cứu và có tỉ lệ cân đối, hợp lý. Giáo trình và các tài liệu hỗ trợ dạy và học được nghiên cứu và chọn lựa cẩn thận từ các nhà xuất bản uy tín [H3.03.01.04, H3.03.01.03].

CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo, đối sánh với CTĐT của các trường Cao đẳng có kinh nghiệm đào tạo giáo viên mầm non trong nước. Một mặt nhằm đảm bảo sự thống nhất về yêu cầu, bố cục, cấu trúc, nội dung theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo; mặt khác Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh để CTDH ngày một hoàn thiện. Trường có cơ hội học hỏi, tiếp cận với những điểm mới trong CTĐT, cập nhật nội dung CTDH linh hoạt, phù hợp với đối tượng đào tạo của Nhà trường, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng sự phát triển của thời đại, yêu cầu của xã hội và cập nhật được kiến thức chuyên ngành theo xu thế chung của chương trình đào tạo ngành GDMN trình độ cao đẳng [H3.03.03.08].

Hàng năm, Nhà trường lấy ý kiến nhận xét về chương trình của chuyên gia đến từ các cơ sở có kinh nghiệm và uy tín đào tạo ngành GDMN hệ cao đẳng tự đánh giá chất lượng tại cơ sở [H3.03.01.20].

Các học phần trong CTDH được xây dựng theo CDR nên các môn học mang tính tích hợp cao, có tính hợp lý. Các kiến thức, kỹ năng cứng, kỹ năng mềm, năng lực tự chủ và trách nhiệm luôn được lồng ghép vào các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành. Bên cạnh đó, nhằm giúp SV có hứng thú trong học tập, yêu ngành nghề đã lựa chọn và thích ứng với thời đại 4.0, Nhà trường chú trọng chọn những môn học bổ trợ như: Khởi nghiệp, tự động hóa, kỹ năng mềm đưa vào CTDH. Đặc biệt, Nhà trường luôn chú trọng đến công tác rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho SV, giúp SV rèn các thao tác, kỹ năng tổ chức hoạt động cho trẻ mầm non, vận dụng kiến thức lí luận vào thực hành [H3.03.01.12]. Công tác TTSP cuối khóa mang tính đặc thù riêng của ngành GDMN, đáp ứng nhu cầu và chất lượng đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho SV ngành GDMN,

áp dụng những kiến thức, kỹ năng ở Nhà trường vào công tác tổ chức hoạt động cho trẻ ở trường mầm non [H3.03.01.13].

Để kịp thời đánh giá được mức độ tích hợp kiến thức, kỹ năng cứng, kỹ năng mềm nội dung các học phần trong CTDH, Hội SV lập kế hoạch tổ chức Hội nghị SV NCKH nhằm giúp SV tự tin, học hỏi, chia sẻ, trau dồi các kỹ năng NCKH [H3.03.01.17].

Từng học phần trong CTDH đều có mục tiêu rõ ràng nhằm đóng góp vào CĐR của ngành. Để có được kết quả này, Khoa Sư phạm - Bộ môn GDMN và Nhà trường luôn chú ý tới việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT, CTDH nhằm rà soát, có sự điều chỉnh để CTĐT hoàn thiện hơn [H3.03.01.19].

2. Điểm mạnh

Các học phần trong CTDH của CTĐT ngành GDMN có cấu trúc hợp lí, đảm bảo mối liên hệ giữa các mạch kiến thức chung đến kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức thực hành, thực tập và tốt nghiệp, có các học phần bổ trợ được cụ thể hóa trong Kế hoạch giảng dạy từng năm học. Đồng thời, CTDH được định kỳ rà soát, bổ sung và cập nhật; có tính liên thông từ cao đẳng lên đại học. CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT của các trường Cao đẳng trong nước, đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

CTDH đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ cao đẳng và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động theo các quy định của CĐR trong CTĐT ngành GDMN.

3. Điểm tồn tại

Đối với CTĐT ngành GDMN khóa 20 trở về trước, nội dung trong CTDH của một số học phần chưa thực sự được thiết kế theo trình tự từ dễ đến khó nên GV gặp khó khăn khi triển khai các hoạt động giảng dạy. Trong quá trình thực hiện chương trình, GV ít có thời gian để thảo luận về nội dung giảng dạy cần phải chỉnh sửa với

nhau nên việc thực hiện chương trình giữa các nhóm cùng một học phần đôi lúc không đồng đều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung các học phần cần phải được rà soát và so sánh với tuyên bố CDR khi CTDH được áp dụng vào thực tế giảng dạy. - Trong quá trình thực hiện chương trình, các GV cần thường xuyên trao đổi thông tin để biết các nội dung cần phải điều chỉnh nhằm đạt được mục tiêu học phần và các tuyên bố CDR của CTĐT. 	Bộ môn GDMN; GV tham gia giảng dạy.	Từ năm học 2021 - 2022	
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục điều chỉnh các học phần trong CTDH của CTĐT ngành GDMN có cấu trúc đảm bảo sự gắn kết liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. - Tiếp tục điều chỉnh CTDH đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ 	Khoa Sư phạm; Bộ môn GDMN.	Hàng năm	

		năng của trình độ cao đẳng và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động theo các quy định của CĐR trong CTĐT ngành GDMN.			
--	--	---	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 4/7 điểm)

Kết luận Tiêu chuẩn 3

Cấu trúc của CTDH đào tạo giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được thiết kế đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức nhằm đạt mục tiêu của CĐR. CTDH và ĐCCT đã được xây dựng đảm bảo tính logic, dựa trên CĐR đảm bảo cho người học các kiến thức, kỹ năng và hình thành năng lực tự chủ, trách nhiệm. Tuy nhiên, tỷ lệ các học phần thi theo hình thức tự luận chiếm tỷ lệ lớn nên việc đánh giá kỹ năng nghề còn khó khăn.

Các học phần trong khung CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được cấu trúc thành từng khối gắn kết giữa các kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành. Nội dung chi tiết của từng học phần trong chương trình thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của học phần và thể hiện được sự gắn kết của học phần với các học phần khác trong các khối kiến thức đảm bảo quá trình dạy – học và đánh giá đạt được mục tiêu của CĐR. ĐCCT của từng học phần thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, các PPDH, phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá rõ ràng, cụ thể, thể hiện được mức độ đóng góp vào CĐR của CTĐT. Tuy nhiên ĐCCT học phần chưa được lấy ý kiến của các bên liên quan.

CTDH đào tạo giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN có kết cấu hợp lý, liền mạch, thống nhất, liên thông. Các học phần trong CTDH đào tạo giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được bố trí hợp lý, có tính tích hợp cao, tuy nhiên trong học kỳ đầu còn nặng về một số học phần giáo dục đại cương. CTDH đào tạo giáo viên trình

độ CĐSP ngành GDMN được rà soát, điều chỉnh, bổ sung, tham khảo và lấy ý kiến của các bên liên quan nên đảm bảo tính cập nhật, tích hợp và linh hoạt. Nhờ đó SV sau khi tốt nghiệp ra trường đạt được CDR của CTĐT đào tạo giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN, và có thể đáp ứng nhu cầu của xã hội về nguồn nhân lực ngành GDMN.

Tiêu chuẩn 4

PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY HỌC

Mở đầu

Trong hoạt động đào tạo, phương pháp tiếp cận trong dạy học có vai trò quan trọng đối với Trường CĐCD Kon Tum. Từ khi Nhà trường chuyển sang phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ (áp dụng từ năm học 2010-2011), Trường đã xác định và chọn phương pháp tiếp cận lấy người học làm trung tâm cho tất cả các ngành học (trong đó có ngành GDMN); tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động giáo dục khác đều hướng tới người học và đạt được mục tiêu, CDR đã tuyên bố trong CTĐT; sử dụng các PPDH đa dạng, các hình thức tổ chức dạy học có nhiều tác dụng nhằm khơi dậy hoạt động tích cực của người học, tăng cường khả năng tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện phương pháp học tập. Năm học 2021-2022, Trường đã ban hành Quy định quản lý và tổ chức hoạt động sinh hoạt khoa học của các khoa, trung tâm, theo đó các khoa, bộ môn đã đăng đăng ký và tổ chức sinh hoạt khoa học với các chủ đề đa dạng, trong đó có bộ môn GDMN; Trường cũng đã phát hành Kỷ yếu khoa học số 2 nội dung tập trung vào nâng cao chất lượng dạy học, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu xã hội, ứng dụng CNTT trong dạy học, xây dựng môi trường thân thiện, HSSV tích cực,...; đã xây dựng Kế hoạch tổ chức Hội thảo chuyên đề “Đổi mới phương pháp dạy và học; phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên theo hướng phát triển năng lực của người học để từng bước nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu đánh giá ngoài của Trường

Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum”; tổ chức các hoạt động ngoại khóa, thực hành sư phạm,... qua đó hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực cần thiết cho người học, nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Tiêu chí 4.1. Mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả

Năm 2021, Nhà trường ban hành CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN, áp dụng đối với khóa tuyển sinh từ năm 2020 đến nay. Theo đó, mục tiêu giáo dục cũng được xác định rõ: “Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng nhằm đào tạo giáo viên đáp ứng đáp ứng được những yêu cầu đổi mới của GDMN trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và thời đại cách mạng công nghiệp 4.0; người học có khả năng tự học, tự bồi dưỡng nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn, ngành nghề và tham gia học tập ở bậc học cao hơn, không ngừng tích lũy những phẩm chất và năng lực cá nhân để thích ứng với yêu cầu chuyển đổi nghề nghiệp khi cần và trở thành giáo viên, cán bộ quản lý chuyên môn giỏi [H4.04.01.01]. Hiện nay nhà trường đang thực hiện cập nhật chương trình đào tạo ngành GDMN và đã hoàn thành bước 1 (thẩm định cấp Khoa), theo đó mục tiêu giáo dục cũng được xác định: Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng được xây dựng nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu đổi mới của giáo dục mầm non thời kỳ hội nhập toàn cầu. Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức nền tảng, kiến thức ngành, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất nghề nghiệp và sức khỏe đáp ứng yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non để thực hiện công việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non; sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và tiếng Anh trong công việc; có khả năng tự bồi dưỡng, có tư duy độc lập, sáng tạo, chủ động, thích ứng với sự phát triển của giáo dục mầm non; có khả năng học tập ở cấp học cao hơn [H4.04.01.02, H4.04.01.03, H4.04.01.04].

CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được Nhà trường giao cho khoa Sư phạm - Bộ môn Mầm non là đơn vị thuộc Trường CĐCD Kon Tum tổ chức thực hiện; mỗi năm học Khoa đều tổ chức phổ biến, quán triệt mục tiêu của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN đến toàn thể GV, viên chức, HSSV trong Khoa biết và thực hiện [H4.04.01.05]. Ngoài ra, Nhà trường đã đăng tải CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN trên trang thông tin điện tử của Trường để tất cả cán bộ quản lý, GV, viên chức, HSSV, nhà tuyển dụng và toàn xã hội biết, giám sát [H4.04.01.06]. Bên cạnh đó, hàng năm nhà trường tổ chức đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa học, qua đó phổ biến tới toàn thể SV nội quy, quy chế của Trường nói chung và mục tiêu, nội dung của CTĐT ngành học GDMN nói riêng để SV chủ động, tích cực trong quá trình học tập [H4.04.01.07]; nhà trường đã ban hành sổ tay SV và chuyên đến từng học sinh - sinh viên ngay từ khi nhập học để người học nắm rõ mục tiêu, nội dung CTĐT, quy định về kiểm tra, đánh giá [H4.04.01.08].

Hàng năm, công tác lấy ý kiến phản hồi của sinh viên cuối khóa về các hoạt động của Nhà trường, ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV Trường, Khoa cũng như việc lấy ý kiến của các bên liên quan về mục tiêu giáo dục được tiến hành nhằm đo lường mức độ hài lòng, đồng ý của các bên liên quan. Kết quả khảo sát đối với mục tiêu của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN hàng năm: trên 85% đồng ý CTĐT có mục tiêu đào tạo rõ ràng, khối lượng phù hợp và có tính khả thi; hoạt động dạy-học của GV, SV khoa được đánh giá từ mức hài lòng trở lên; trên 90% cựu SV đánh giá sự phù hợp của ngành học đối với tính chất công việc, nội dung kiến thức và kỹ năng chuyên môn được rèn luyện từ Nhà trường đáp ứng tốt và rất tốt đối với công việc hiện nay [H4.04.01.09].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu giáo dục của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới sinh viên, GV và các đối tượng xã hội với nhiều hình thức khác nhau như đăng tải trên Website Trường, phổ biến trực tiếp đến

GV và SV, các văn bản hướng dẫn, sổ tay SV,... đồng thời có khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan và trên 85% ý kiến đồng ý với mục tiêu đào tạo được tuyên bố rõ ràng.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù mục tiêu của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được công bố, phổ biến cho các bên liên quan nhưng chưa có kế hoạch cụ thể và chưa có kế hoạch phổ biến cho các nhà tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch phổ biến mục tiêu của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN đến các bên liên quan	Khoa Sư phạm tham mưu Nhà trường ban hành	Từ năm học 2022 – 2023 trở đi.
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì các hình thức phổ biến mục tiêu của CTĐT; duy trì việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về mục tiêu giáo dục và điều chỉnh cho phù hợp.	Khoa Sư phạm	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 5/7 điểm)

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

CĐR của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN chú trọng đến tất cả các nội dung, cụ thể hóa các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của SV, nâng cao tỷ lệ thực hành, thực tập rèn kỹ năng nghề nghiệp cho SV, tích hợp các nội dung kiến thức tránh sự trùng lặp nội dung giữa các học phần, đưa vào CTĐT những kiến thức mới, hiện đại như khởi nghiệp, rèn kỹ năng mềm nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn, đồng thời điều chỉnh chương trình những kiến thức cũ, lỗi thời không còn phù hợp [H4.04.02.01].

Năm 2021, CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được Trường CĐCD Kon Tum tiếp tục thực hiện CTĐT đã được xây dựng, cập nhật và phát triển theo hướng tiếp cận năng lực nhằm phát triển năng lực người học, đáp ứng yêu cầu đổi mới trong bối cảnh cuộc cách mạng 4.0 ban hành năm 2020. [H4.04.02.02].

Thực hiện các văn bản hướng dẫn của Nhà trường về kiểm tra, đánh giá, rà soát CTĐT, nội dung, phương pháp giảng dạy để cải tiến các nội dung trên theo mục tiêu giáo dục tiếp cận năng lực, đáp ứng yêu cầu đổi mới GDMN trong cuộc cách mạng 4.0, GV tham gia giảng dạy các bộ môn ngành GDMN đã xây dựng và triển khai các phương pháp giảng dạy đa dạng, linh hoạt và hiệu quả. Các PPDH phổ biến gồm thuyết trình, phát vấn, trực quan, hoạt động nhóm, thảo luận, nhóm đôi, trình bày, thực hành, thí nghiệm. GV nêu những vấn đề lý thuyết cũng như thực tiễn, hướng dẫn SV chủ động đưa ra những phương hướng giải quyết vấn đề, trình bày ý kiến của bản thân hoặc của nhóm, sau đó GV tổng hợp và đưa ra kết luận cần thiết. Những giờ lý thuyết, thực hành, thảo luận, bài tập được thiết kế xen kẽ phù hợp với mục tiêu học phần đáp ứng chuẩn đầu ra. Hình thức kiểm tra, thi kết thúc học phần thường là thi viết, trắc nghiệm khách quan, làm bài tập lớn. Các hình thức kiểm tra

đánh giá đa dạng, phong phú được thể hiện rõ trong ĐCCT học phần, giáo án của GV [H4.04.02.03, H4.04.02.04].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức các đợt thao giảng, tham gia các cuộc thi GV dạy giỏi từ cấp khoa đến cấp trường để trau dồi chuyên môn và cải tiến phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo ngành GDMN [H4.04.02.05]. Ngoài ra, GV trong Bộ môn GDMN tham gia hiệu quả các buổi sinh hoạt chuyên môn khoa học với nhiều hình thức khác nhau như trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, tổ chức seminar nhằm nâng cao trình độ và phương pháp giảng dạy cho GV [H4.04.02.06].

GV tích cực tham gia Hội thi thiết bị đào tạo tự làm, thực hiện sáng kiến kinh nghiệm đã được Nhà trường công nhận, các chủ đề tập trung về “Thiết kế và sử dụng bộ đồ dùng đồ chơi Góc thiên nhiên”, “Thiết kế và sử dụng bộ đồ dùng đồ chơi Góc nghệ thuật” nhằm nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy, tay nghề làm đồ dùng đồ chơi và nghiên cứu của GV [H4.04.02.07, H4.04.02.08].

Đề từng bước thực hiện nhiệm vụ mục tiêu và nhiệm vụ cơ bản của Nhà trường đó là “Nâng cao chất lượng đào tạo, gắn với giải quyết việc làm cho học sinh, sinh viên sau tốt nghiệp”. Nhà trường và Khoa đã tổ chức các buổi Hội thảo khoa học nhằm góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo của Nhà trường [H4.04.02.09]. Ngoài ra, một số GV đã tham gia viết bài đăng Kỷ yếu khoa học về đổi mới PPDH theo hướng phát triển năng lực người học, tăng cường ứng dụng CNTT trong dạy học các học phần phương pháp cho SV ngành GDMN, phát triển CTĐT ngành GDMN nhằm đáp ứng CĐR [H4.04.02.10].

Khoa Sư phạm, Bộ môn GDMN, GV hướng dẫn người học sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. Trong CTĐT có cấu trúc gồm các học phần thuộc kiến thức chung, các học phần thuộc kiến thức cơ sở khối ngành, các học phần thuộc kiến thức ngành, học phần thực hành và thực tập sư phạm điều này đã mở ra nhiều cơ hội học

tập cho SV như tiếp cận hệ thống tri thức mới, thường xuyên trau dồi các kỹ năng sư phạm và nghiệp vụ giảng dạy ngay từ những năm học đầu tiên cho đến khi tốt nghiệp [H4.04.02.11]. Trong quá trình giảng dạy, GV hướng dẫn SV chủ động, linh hoạt trong hoạt động học tập của bản thân. SV tham gia các hình thức học tập đa dạng, giúp SV đạt được CDR về kỹ năng và thái độ như chủ trì, tham gia các hoạt động học tập trên lớp [H4.04.02.12]. Nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời, GV chú trọng rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu cho SV thông qua việc giao nội dung thực hành, bài tập, chuẩn bị nội dung bài mới [H4.04.02.13]. Ngoài ra, GV hướng dẫn SV sử dụng trang thông tin học tập trực tuyến để phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu như: Thư viện số trên Website của Nhà trường để download tài liệu học tập, bài giảng, giáo trình, hệ thống học trực tuyến của trường và các trường cao đẳng, đại học khác [H4.04.02.14]. Với sự đổi mới trong công tác giảng dạy, hoạt động học của SV trở nên chủ động và tích cực hơn trong việc tiếp thu, lĩnh hội về kiến thức, kỹ năng. Điều này được thể hiện thông qua kết quả học tập từng môn học của SV [H4.04.02.15].

Hoạt động thực hành sư phạm, TTSP là nội dung bắt buộc trong CTĐT, gồm 10 tín chỉ. Trong năm học 2021 - 2022, Nhà trường đã bổ sung thêm 2 tín chỉ về rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên. Nhà trường liên hệ và tổ chức cho SV đến các cơ sở GDMN để thực hành nghiên cứu, tiếp cận và tìm hiểu thực tiễn, hình thành thái độ đúng đắn và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp. Khoa và Trường đã liên hệ với các Trường mầm non trong thành phố Kon Tum để sử dụng làm môi trường rèn kỹ năng nghề nghiệp cho SV. Việc thực tập, thực tế của SV tuân theo các tiêu chí cụ thể (cả về nội dung, phương pháp và kỹ năng) được nêu rõ trong kế hoạch rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, thực hành sư phạm, TTSP và được các GV lập kế hoạch, liên hệ và giám sát. SV được GV phụ trách thực tập thực tế, GVMN ở cơ sở thực tập cùng hướng dẫn và nhận xét, đánh giá công nhận kết quả thực tập của SV [H4.04.02.16, H4.04.02.17].

Cùng với hoạt động học tập, Khoa và GV luôn khuyến khích SV tham gia NCKH (bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp) từ học kỳ II của năm thứ nhất. Hàng năm có nhiều đề tài NCKH của SV đăng ký tham gia và mỗi đề tài do SV tự đề xuất đều được xét duyệt từ cấp Bộ môn tới cấp Khoa, sau đó Hội đồng khoa học cấp Trường và được phân công hướng dẫn bởi một GV, đánh giá công nhận kết quả nghiên cứu của SV [H4.04.02.18].

GV và người học hài lòng với các hoạt động dạy và học, các phương pháp được sử dụng trong CTĐT. Để đánh giá về chất lượng và hiệu quả của việc tổ chức các hoạt động dạy và học cũng như sử dụng các PPDH, giúp Khoa rõ hơn về chất lượng đào tạo của ngành. Hàng năm, Trường CĐCD Kon Tum tiến hành thu thập thông tin đánh giá về các hoạt động dạy và học, các PPDH được sử dụng trong CTĐT từ phía SV, cựu SV và các cơ sở giáo dục thông qua hình thức khảo sát trực tiếp tại đơn vị, khảo sát gián tiếp qua Email, khảo sát trực tuyến thông qua ứng dụng google form. Theo đánh giá chung, người dạy lẫn người học, Nhà trường lẫn các đơn vị sử dụng nguồn nhân lực khá hài lòng với hoạt động dạy và học, ủng hộ các phương pháp dạy và học được Khoa chủ trương sử dụng trong CTĐT ngành GDMN [H4.04.02.19, H4.04.02.20, H4.04.02.21].

2. Điểm mạnh

Các giảng viên và bộ môn sử dụng đa dạng, linh hoạt các PPDH phát huy được tính tích cực học tập của SV, đồng thời phát triển được các năng lực cho SV; GV hướng dẫn SV sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp người học tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR; CTĐT có nhiều hoạt động thực hành, kiến tập sư phạm, thực tập cũng như các hoạt động thực tế; GV, SV, cựu SV hài lòng với các hoạt động dạy và học, các phương pháp giảng dạy được sử dụng trong CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Năm 2021, 2022 Nhà trường chưa tổ chức được Hội thi nghiệp vụ sư phạm nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên, trình độ nhận thức và trang bị cho SV những kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm và ý thức nghề nghiệp, tình yêu nghề của những giáo viên tương lai.

SV chưa mạnh dạn làm khóa luận tốt nghiệp.

Đoàn thanh niên chưa tổ chức Hội nghị khoa học của SV kịp thời.

Nhà trường chưa tổ chức lấy ý kiến của các cơ sở GDMN về hoạt động dạy và học của người học sau khi tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức Hội thi nghiệp vụ sư phạm nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên, trình độ nhận thức và trang bị cho SV những kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm và ý thức nghề nghiệp, tình yêu nghề của những giáo viên tương lai. - Khuyến khích SV làm khóa luận tốt nghiệp. 	Khoa Sư phạm/ Trường CĐCD Bộ môn GDMN; Giảng	Từ năm học 2022 – 2023 trở đi.	

		- Tổ chức Hội nghị khoa học SV kịp thời.	viên Đoàn thanh niên		
2	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức tốt hoạt động dạy và học đảm bảo chương trình và đề cương đã xây dựng; tiếp tục duy trì sự đa dạng trong tổ chức hoạt động dạy và học ở các học phần.	Khoa Sư phạm.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7

Tiêu chí 4.3. Hoạt động dạy và học thúc đẩy việc hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực cần thiết của nhà giáo cho người học, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả

Các hoạt động dạy và học, từ giờ học lý thuyết, đến giờ học thực hành, bài tập nhóm, thực hành sư phạm, thực tập sư phạm, hoạt động tự học, NCKH của người học, đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, lập luận, rèn kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, cộng tác, làm việc nhóm, vận dụng kiến thức vào thực tiễn

và nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Trên cơ sở quy định CĐR của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN [H4.04.03.01], tất cả các học phần của CTĐT (có 51/51, tỷ lệ 100%) xác định và mô tả rõ mục tiêu, CĐR của học phần, nội dung dạy học, cũng như xác định các PPDH như thuyết trình, thảo luận nhóm, trực quan, thực hành, nghiên cứu tình huống,... tùy theo đặc thù môn học; nội dung, PPDH, phương pháp đánh giá đều có liên hệ với CĐR của môn học, nhằm định hướng trong giảng dạy và học tập, góp phần hình thành phẩm chất, năng lực cần thiết của người học, đạt được CĐR của môn học và CTĐT [H4.04.03.02].

Trước khi tổ chức hoạt động dạy học trên lớp, đối với mỗi học phần, GV đã thiết kế các hoạt động dạy học (hay còn gọi là thiết kế bài giảng/giáo án), trong bản thiết kế đã xác định cụ thể PPDH đối với từng nội dung dạy học như: Thuyết trình, nêu vấn đề, phát vấn, thảo luận, tổ chức trò chơi, trực quan, thực hành..., đồng thời giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu chuẩn bị bài cho SV như: yêu cầu đọc tài liệu, chuẩn bị nội dung cho câu hỏi, nội dung cần chuẩn bị cho thảo luận, chuẩn bị thuyết trình,... Trong quá trình tổ chức dạy học, GV đã vận dụng, kết hợp các phương pháp, phương tiện, kỹ thuật dạy học khác nhau một cách phù hợp với từng đối tượng người học, với bài học để hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực cần thiết cho người học, đạt được CĐR và nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học, như:

+ Học phần Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình: GV sử dụng máy tính, máy chiếu Projector để trình chiếu các hình ảnh liên quan nội dung học tập, qua đó phân tích, minh họa cho nội dung bài học; người học sử dụng máy ảnh, máy tính, máy chiếu projector để chụp lại hình ảnh thực tế, trình bày kết quả làm việc nhóm, kết quả tự học ở nhà,...; GV sử dụng phương pháp làm việc nhóm, tham quan thực tế,...

+ Học phần Chuyên đề đổi mới trong GDMN: GV sử dụng các video clip về hoạt động học toán theo phương pháp Montessori do GVMN tổ chức, qua đó cho người học phân tích, nhận xét về các hoạt động trong video (góc hoạt động, giáo cụ

học toán, cách thức tổ chức...) và sau đó vận dụng, thực hành; tổ chức PPDH nhóm để người học thực hành theo nhóm,...

+ Học phần Quản lý GDMN: GV hướng dẫn cho SV kỹ thuật đọc tài liệu để tự tìm hiểu vấn đề; giao chủ đề, chia nhóm và cho SV hoạt động nhóm, trình bày sản phẩm; tổ chức trò chơi đóng kịch; thực hành.

+ Học phần Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với Toán: GV sử dụng video clip tiết dạy của GVMN, tổ chức cho SV quan sát, phân tích, nhận diện, lĩnh hội kiến thức qua video clip; tổ chức cho SV nghiên cứu giáo trình, lĩnh hội và trình bày nội dung kiến thức tìm hiểu được.

Có thể nói, thông qua việc kết hợp các phương pháp, phương tiện, kỹ thuật dạy học khác nhau một cách phù hợp với đối tượng người học, với bài học đã hình thành cho người học khả năng nhận diện vấn đề, tổ chức và quản lý nhóm, các kỹ năng thuyết trình, vận dụng kiến thức vào thực tiễn, trình bày ý kiến phản biện, sử dụng phương tiện kỹ thuật trong hoạt động dạy học [H4.04.03.03, H4.04.03.04].

Hằng năm, Nhà trường và Khoa Sư phạm xây dựng kế hoạch tổ chức thao giảng, thi giáo viên giỏi, qua đó để giáo viên thực hiện đổi mới PPDH, trải nghiệm với PPDH mới, trao đổi, đánh giá việc vận dụng các PPDH cũng như sự phù hợp của phương pháp, kỹ thuật dạy học được mô tả trong đề cương chi tiết học phần. Các giờ giảng được nhận xét, đánh giá nghiêm túc, các phương pháp giảng dạy mà giáo viên sử dụng được cho là phù hợp, có khả năng hình thành các năng lực cần thiết cho người học [H4.04.03.05]. Đề thảo luận, cập nhật phương pháp luận dạy học, kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực người học, rèn kỹ năng, nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu việc làm sau tốt nghiệp, năm 2022 Trường đã ban hành Quy định quản lý và tổ chức hoạt động sinh hoạt khoa học của các khoa, trung tâm [H4.04.03.06], theo đó năm 2022 khoa, bộ môn đã đăng đăng ký và tổ chức sinh hoạt khoa học với các chủ đề đa dạng, trong đó bộ môn GDMN sinh hoạt với 2 chủ đề:

“Tích hợp sử dụng âm nhạc vào hoạt động thể dục sáng cho trẻ mầm non” và “Dạy toán cho trẻ mầm non theo phương pháp Montessori” [H4.04.03.07], [H4.04.03.08]. Bên cạnh đó, năm 2021 Trường cũng đã phát hành Kỷ yếu khoa học số 2 nội dung tập trung vào nâng cao chất lượng dạy học, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu xã hội, ứng dụng CNTT trong dạy học, xây dựng môi trường thân thiện, HSSV tích cực,... [H4.04.03.09]; năm 2022 đã xây dựng Kế hoạch tổ chức Hội thảo chuyên đề ““Đổi mới phương pháp dạy và học; phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên theo hướng phát triển năng lực của người học để từng bước nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu đánh giá ngoài của Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum” [H4.04.03.10].

Nhà trường đã tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày sách Việt Nam [H4.04.03.11], cung cấp các tài liệu chính thức, nguồn tài liệu tham khảo đa dạng phục vụ cho hoạt động dạy học, qua đó hình thành văn hóa đọc, rèn kỹ năng tự học cho SV [H4.04.03.12].

Ngoài các hoạt động học tập trên lớp, tự học ngoài giờ lên lớp, SV được tham gia NCKH với hình thức làm bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp, nhằm rèn luyện kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng đặt vấn đề, kỹ năng trình bày vấn đề, kỹ năng tự học, kỹ năng hợp tác giao lưu khoa học giữa GV và SV, giữa SV với SV, nâng cao khả năng học tập suốt đời. Hoạt động này hữu ích cho SV sau khi tốt nghiệp ra trường, SV có thể vận dụng vào thực tiễn công tác như làm sáng kiến kinh nghiệm [H4.04.03.13].

Để rèn luyện, thực hành và phát triển kỹ năng nghề nghiệp, hàng năm Nhà trường và Khoa Sư phạm tổ chức rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, thực hành sư phạm thông qua học phần Thực hành sư phạm và kiến tập sư phạm tại trường sư phạm và trường mầm non cho SV năm 1, năm 2, tổ chức TTSP tại trường mầm non cho SV năm cuối. Qua kiến tập, thực tập, SV được làm quen với môi trường phổ thông, tập đứng lớp giảng dạy, soạn giáo án, tham gia các hoạt động giáo dục thực tiễn tại trường mầm non [H4.04.03.14][H4.04.03.15][H4.04.03.16].

Hằng năm, nhà trường tổ chức các hoạt động ngoại khóa như các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, sinh viên tình nguyện,... Qua các hoạt động này, SV được vui chơi giải trí, rèn luyện sức khỏe, giao lưu học hỏi, ý tưởng sáng tạo,... góp phần nâng cao phẩm chất, năng lực [H4.04.03.17].

Kết quả của việc tổ chức các hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục của Nhà trường được phản ánh bởi kết quả học tập và rèn luyện của SV tại trường và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc tại trường mầm non. Bình quân từng học kỳ có trên 97% SV được xếp học lực đạt (trong đó trên 85% xếp loại khá trở lên) và trên 95% SV được xếp loại rèn luyện tốt trở lên [H4.04.03.18], trên 90% GVMN phản ánh có sự phù hợp của ngành học với tính chất công việc hiện nay và trên 85% ý kiến cho rằng kiến thức và kỹ năng chuyên môn có sự đáp ứng tốt và rất tốt đối với công việc hiện nay [H4.04.03.19].

Hằng năm, Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động dạy học của GV, chất lượng dạy học, lấy ý kiến của trường mầm non về chất lượng đào tạo của Nhà trường, từ đó Trường có sự điều chỉnh về CTĐT, nội dung dạy học, cải tiến hoạt động dạy và học để thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng và nâng cao năng lực tự học suốt đời của người học [H4.04.03.20].

2. Điểm mạnh

CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN đã hướng dẫn về PPDH, tất cả đề cương chi tiết học phần đều mô tả rõ việc sử dụng các PPDH, GV đã tổ chức các hoạt động dạy học, sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp nhằm hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực cần thiết cho người học và nâng cao năng lực học tập suốt đời.

Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức nhiều hoạt động khác nhau như thực hành sư phạm, kiến tập sư phạm, thực tập sư phạm, SV NCKH, hoạt động văn hóa văn

nghệ, thể dục thể thao để qua đó SV rèn luyện các kỹ năng, phát triển các năng lực cần thiết của người GV, nâng cao năng lực học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Nhà trường chỉ đạo khoa, bộ môn, giáo viên đã kết hợp nhiều biện pháp, hoạt động khác nhau để tăng cường hoạt động tự học, nhưng chưa ban hành quy định về tổ chức và quản lý hoạt động tự học của người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Ban hành quy định về tổ chức và quản lý hoạt động tự học	Khoa Sư phạm tham mưu Nhà trường ban hành	Trước 10/2022
2.	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục kết hợp các PPDH phù hợp nhằm phát huy tính tích cực của SV, tăng cường kỹ năng thực hành, tổ chức hoạt động nhóm, ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học cho SV ngành GDMN.	Giảng viên Nhà trường; Khoa Sư phạm	Hàng năm

	- Duy trì các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, hội thi nghiệp vụ sư phạm, SV NCKH.	Khoa phạm	Sư	Hàng năm
--	--	--------------	----	----------

5. Tự đánh giá: Đạt (*Mức đạt 4/7 điểm*)

Kết luận Tiêu chuẩn 4

Mục tiêu giáo dục của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới SV, giáo viên và các đối tượng xã hội với nhiều hình thức khác nhau.

Các hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế đa dạng, linh hoạt, phù hợp để đạt được CĐR và thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp trong từng khóa, từng năm học.

CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN đã hướng dẫn về PPDH, tất cả đề cương chi tiết học phần đều mô tả rõ việc sử dụng các PPDH, GV đã tổ chức các hoạt động dạy học, sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp nhằm hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực cần thiết cho người học và nâng cao năng lực học tập suốt đời. Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức nhiều hoạt động khác nhau như rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, hội thi nghiệp vụ sư phạm, SV thực hiện NCKH, đề cao hoạt động tự học, tự nghiên cứu, để SV rèn luyện các kỹ năng, phát triển các năng lực cần thiết của người GV, nâng cao năng lực học tập suốt đời.

Kết luận Tiêu chuẩn 4

Mục tiêu giáo dục của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới SV, GV và các đối tượng xã hội với nhiều hình thức khác nhau.

Các hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế đa dạng, linh hoạt, phù hợp để đạt được CDR và thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp trong từng khóa, từng năm học.

CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN đã hướng dẫn về PPDH, tất cả đề cương chi tiết học phần đều mô tả rõ việc sử dụng các PPDH, GV đã tổ chức các hoạt động dạy học, sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp nhằm hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực cần thiết cho người học và nâng cao năng lực học tập suốt đời. Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức nhiều hoạt động khác nhau như rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, hội thi nghiệp vụ sư phạm, SV thực hiện NCKH, đề cao hoạt động tự học, tự nghiên cứu, để SV rèn luyện các kỹ năng, phát triển các năng lực cần thiết của người GV, nâng cao năng lực học tập suốt đời.

Tiêu chuẩn 5. Tuyển sinh và hỗ trợ người học

Mở đầu

Trường CĐCĐ Kon Tum luôn xác định người học là trung tâm của quá trình đào tạo, là yếu tố duy trì sự tồn tại và phát triển của Nhà trường. Vì vậy, tất cả các hoạt động liên quan trực tiếp đến người học như tuyển sinh, học tập, rèn luyện, chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe, an ninh an toàn trật tự, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, hỗ trợ, tư vấn và giới thiệu việc làm, cho người học luôn được Nhà trường quan tâm, chú trọng. Trường có hệ thống tổ chức, tổ chức chính trị - xã hội làm công tác quản lý SV trong đó có Phòng TCCB chuyên trách về công tác SV; các khoa có trợ lý khoa và đội ngũ cố vấn học tập cùng tham gia vai trò quản lý, hướng dẫn, tư vấn cho người học; Đoàn thanh niên, Hội SV với vai trò bồi dưỡng, hướng dẫn và động viên, khuyến khích đoàn viên, hội viên trong học tập, từ đó nâng cao chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nói chung.

Tiêu chí 5.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Trường CĐCD Kon Tum thực hiện công tác tuyển sinh đầu vào ngành GDMN theo đúng quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT [H05.05.01.01]; Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT, Nhà trường đã ban hành quy chế tuyển sinh riêng đối với ngành GDMN [H5.05.01.02]. Hằng năm, hình thức xét tuyển, quy trình xét tuyển, thi tuyển môn năng khiếu được Nhà trường xác định rõ ràng, thực hiện quy trình xét tuyển lọc ảo chung đợt xét tuyển đại học, cao đẳng toàn quốc từ hệ thống nghiệp vụ xét tuyển của Bộ GDĐT, thông báo tuyển sinh và kết quả tuyển sinh được công bố công khai, minh bạch trên cổng thông tin của Bộ GDĐT và trên Website của Nhà trường [H5.050.1.03].

Từ năm 2016 đến 2017, dựa vào văn bản xác định chỉ tiêu ngành GDMN của Bộ GDĐT [H5.05.01.04], chính sách tuyển sinh ngành GDMN trình độ CĐSP được Nhà trường thực hiện với hình thức xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi THPT Quốc gia, kết hợp với thi môn năng khiếu do Nhà trường tổ chức xét tuyển khối M06: Toán, Văn, Năng khiếu (Đọc, Kể diễn cảm, Hát), các đối tượng ưu tiên được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Bộ GDĐT [H5.05.01.05].

Từ năm 2018 đến nay, Trường CĐCD Kon Tum tiếp tục áp dụng phương thức tuyển sinh theo hình thức dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT theo quy chế tuyển sinh đại học chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy của Bộ GDĐT ban hành. Với hình thức kết hợp với thi môn năng khiếu do Nhà trường tổ chức xét tuyển khối M06: Toán, Văn, Năng khiếu (đọc, kể diễn cảm, hát) và khối M07: Văn, Địa lý, Năng khiếu (đọc, kể diễn cảm, hát) để người học có thêm sự nhiều sự lựa chọn môn xét tuyển. Nhà trường đã xây dựng và công bố các chính sách, chỉ tiêu tuyển sinh và các quy định về tuyển sinh, đối tượng ưu tiên, hình thức

xét tuyển, thông qua Đề án tuyển sinh [H5.05.01.06], tời rơi, thông báo tuyển sinh và được công bố công khai để người học dễ tiếp cận [H5.05.01.07].

Đối với ngành GDMN, Nhà trường chỉ tuyển thí sinh có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Kon Tum. Trong quá trình đào tạo, SV được tham gia vào các tổ chức Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các câu lạc bộ của Nhà trường nhằm tăng cường các kỹ năng mềm, các hoạt động xã hội. Đồng thời, SV tốt nghiệp ra trường được Trung tâm PTDN liên hệ với các cơ sở giáo dục trong và ngoài tỉnh nhằm tìm kiếm việc làm.

Kết quả thi, xét tuyển được thông báo công khai trên website của Nhà trường và cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT; quy trình thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điểm chuẩn trúng tuyển [H5.05.01.08], Quyết định trúng tuyển, gửi giấy báo nhập học cho thí sinh trúng tuyển được thực hiện đúng quy trình, đúng tiến độ và được công khai, minh bạch [H5.05.01.09]. Các số liệu thống kê về số người đăng ký dự tuyển, số người trúng tuyển và nhập học đều được Nhà trường báo cáo, đánh giá hàng năm để điều chỉnh cho những năm tiếp theo [H5.05.01.10].

Với chính sách tuyển sinh như trên, trong 5 năm qua, Trường CĐCD Kon Tum đã có số lượng thí sinh được tuyển, điểm trúng tuyển và số lượng SV nhập học được thể hiện ở Bảng 5.1.1; số người học đang học CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được thể hiện ở Bảng 5.1.2; số người học được công nhận tốt nghiệp trình độ CĐSP ngành GDMN ở Bảng 5.1.3.

Số liệu thống kê cho thấy điểm chuẩn đầu vào ngành GDMN từ năm 2016 đến 2018 ở mức cao từ 16 điểm trở lên, điểm trung bình trúng tuyển giao động ở mức 22 điểm/thí sinh. Số lượng nộp đơn dự tuyển, số lượng trúng tuyển và số lượng SV nhập học đều tăng lên đáng kể theo hàng năm.

Bảng 5.1.1. Thống kê tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2021-2022	175	90	1.94	90	18.38	21.89	

Bảng 5.1.2. Thống kê số người học đang học CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN (trong 5 năm học gần nhất)

Năm học	Người học			Tổng số
	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
2017-2018	56	50	49	155
2018-2019	31	56	50	137
2019-2020	45	31	56	132
2020-2021	90	45	31	166
2021-2022	22	0	0	22

Bảng 5.1.3. Thống kê số người học được công nhận tốt nghiệp trình độ CĐSP ngành GDMN (trong 5 năm học gần nhất)

Năm học	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Số lượng	44	49	40	51	30

Năm học 2016 - 2017 chỉ có 64 đơn dự tuyển, trong đó có 50 thí sinh trúng tuyển và 50 SV nhập học nhưng đến năm học 2020 - 2021 số lượng đã tăng gấp đôi với 175 đơn dự tuyển, 90 thí sinh trúng tuyển và 90 SV nhập học; điểm trung bình của thí sinh trúng tuyển trong vòng 5 năm qua dao động từ 16.0 đến 18.5 điểm đối với phương thức xét điểm thi tốt nghiệp THPT, 16.0 đến 22.48 điểm đối với phương thức xét điểm học bạ lớp 12 có học lực đạt loại Khá trở lên. Xu hướng này cho thấy ngành GDMN (do Trường CĐCD Kon Tum tuyển sinh và đào tạo) ngày càng được xã hội và người học quan tâm, chất lượng đào tạo và chất lượng đầu vào của ngành ngày càng được nâng cao.

Hàng năm, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ chính trị được giao, nhằm đáp ứng nguồn nhân lực đào tạo GVMN, Nhà trường đã xây dựng Đề án tuyển sinh riêng dựa vào nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt như: Bộ GDĐT [H5.05.01.11], Sở GDĐT, Sở KHĐT, Sở Tài chính phê duyệt kinh phí, chỉ tiêu cho Nhà trường [H5.05.01.12]. Các thông tin về chính sách, đối tượng tuyển sinh được Nhà trường cập nhật và công bố công khai trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT, Website của Nhà trường như: phương thức tuyển sinh, chính sách ưu tiên, khu vực tuyển sinh đối với thí sinh có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Kon Tum theo quy định [H5.05.01.13].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến khảo sát về nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực, chính sách tuyển sinh từ người học, các trường Mầm non và cựu sinh viên nhằm dự báo nhu cầu nhân lực để kịp thời điều chỉnh, bổ sung trong quá trình tổ chức tuyển sinh [H5.05.01.14]. Qua khảo sát, nội dung thực hiện chính sách tuyển sinh

nhu: Chính sách ưu tiên về khu vực, chính sách ưu tiên cho đối tượng được cộng điểm ưu tiên được nhà trường thực hiện đúng và đảm bảo khách quan, công bằng; nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch tuyển sinh cập nhật hàng năm, tuyên truyền chính sách liên quan và đặc thù đối với ngành GDMN [H5.05.01.15, H5.05.01.16]. Trong các năm qua, quá trình tổ chức xét tuyển, thi tuyển nhà trường không có đơn thư, khiếu nại, đơn xin phúc khảo bài thi đối với kết quả thi, kết quả trúng tuyển ngành GDMN của Trường một các khách quan, công khai và công bằng, được dư luận xã hội đồng tình và đánh giá cao.

2. Điểm mạnh

Công tác tuyển sinh của Nhà trường được thực hiện đúng quy định của Bộ GDĐT, chính sách tuyển sinh của Trường được lượng hóa (quy định về số điểm trúng tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh) theo đúng Đề án đã được công bố công khai hàng năm, giúp cho Nhà trường có thể tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển, đánh giá năng lực từ cao xuống thấp đạt chất lượng. Ngoài ra, chính sách tuyển sinh, thông báo tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh được công khai và cập nhật thường xuyên, từ đó người học có thông tin về ngành học, chương trình học tập, tạo ra tâm thế học tập tích cực cho SV ngay từ năm thứ nhất. Nhu cầu nguồn nhân lực đào tạo về ngành GVMN tăng cao, số lượng tuyển sinh năm 2020 tăng 200% so với năm 2019. Tăng cường đổi mới công tác tuyển sinh, đổi mới các hình thức tổ chức đánh giá người học trong công tác thi tuyển, tổ chức xét tuyển nhằm thu hút người học tham gia CTĐT ngành GDMN thông qua các mạng xã hội của trường (www.facebook.com.ktcc.edu.vn); zalo/Lotus (Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum)... các kênh truyền thông phù hợp nhằm thu hút nhiều đối tượng tham gia và tiếp cận dễ dàng đến với người học có nhu cầu đăng ký tham gia.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường, Khoa Sư phạm chưa thực hiện khảo sát cụ thể ý kiến của người học về chính sách tuyển sinh đối với ngành GDMN.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	Thực hiện khảo sát cụ thể ý kiến của người học về chính sách tuyển sinh của ngành GDMN. Báo cáo tổng kết, đánh giá công tác tuyển sinh thực hiện hàng năm để đề ra phương hướng tuyển sinh cho các năm tiếp theo.	Trung tâm PTĐN>VL, Phòng Đào tạo, Khoa Sư phạm và người học	Thường xuyên	
2.	Phát huy điểm mạnh 1	Thực hiện đúng quy định của Bộ GDĐT, chính sách tuyển sinh của Trường theo đúng Đề án đã được công bố công khai hàng năm	Phòng Đào tạo, Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh	Thường xuyên	

	Phát huy điểm mạnh 2	Công khai các chính sách tuyển sinh và cập nhật thường xuyên các thông tin liên quan đến người học trên website của Nhà trường, từ đó người học có thông tin về ngành học, chương trình học tập, tạo ra tâm thế học tập tích cực cho SV ngay từ năm thứ nhất.	Phòng TCCB-CTHSSV, Phòng Đào tạo, Tổ Truyền thông	Thường xuyên	
3.	Phát huy điểm mạnh 3	Tăng cường đổi mới công tác tuyển sinh thu hút người học đăng ký học CTĐT ngành GDMN tại Trường	Phòng Đào tạo, Trung tâm PTDN-GTVL, Tổ Truyền thông	Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 5/7 điểm)

Tiêu chí 5.2. Các thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chương trình dạy học, đề cương môn học hoặc học phần và việc tổ chức thực hiện được mô tả rõ ràng, đầy đủ và dễ tiếp cận

1. Mô tả hiện trạng

Các học phần trong CTĐT được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, giúp chương trình trở thành một khối thống nhất [H5.05.02.01]. CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN từ năm 2021 đến năm 2022 được xây dựng theo CĐR của ngành. Cụ thể bản mô tả CTĐT của ngành GDMN gồm các khối kiến thức, kỹ năng, các học phần kiến thức ngành, học phần kiến thức bổ trợ [H5.05.02.02]. CTDH ngành GDMN được thiết kế theo trật tự logic từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở ngành, chuyên

ngành, thực tập, thực tế và được bố trí giảng dạy trong 3 năm của mỗi khóa đào tạo. 100% các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý (học phần điều kiện, tiên quyết; thời lượng cho mỗi học phần; thời điểm/học kì thực hiện). Các học phần kiến thức chung được dạy 3 học kỳ đầu để trang bị kiến thức nền tảng cho người học, từ đó người học có thể phát triển các kỹ năng chuyên biệt vào các kỳ học tiếp theo. Cấu trúc CTDH thể hiện được các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành. Tỷ lệ giữa các phần kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp, tỉ lệ kiến thức lý thuyết, thực hành, thảo luận, bài tập cân đối, hợp lý [H5.05.02.03, H5.05.02.04].

CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được Nhà trường sử dụng nhiều hình thức khác nhau để cung cấp các thông tin liên quan của ngành đào tạo đến người học ngay từ công tác tuyển sinh ban đầu [H3.03.03.03]. Hằng năm thông tin ngành đào tạo được nhà trường cập nhật theo từng năm để cung cấp cho người học trong cả quá trình học tập toàn khóa [H1.01.01.14]. Bên cạnh đó, để thuận tiện cho người học trong quá trình theo dõi và tra cứu thông tin ngành học CTDH được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Nhà trường [H2.02.01.05].

Khoa Sư phạm đã cung cấp thông tin về CTĐT, CTDH cho người học qua các kênh thông tin như trang thông tin điện tử của Nhà trường, Sổ tay SV. Bên cạnh đó, trong quá trình giảng dạy, vào đầu mỗi học phần, môn học giảng viên trực tiếp giảng dạy tiến hành cung cấp thông tin về đề cương chi tiết học phần cho người học (*vị trí học phần trong CTĐT, mối quan hệ với các học phần liên quan trong chương trình, phương pháp kiểm tra, đánh giá*)

Từ năm 2016 đến nay, hằng năm, Nhà trường đã có những lộ trình, kế hoạch cụ thể để cung cấp thông tin về ngành học cho người học một cách hiệu quả [H5.05.02.05]. Ngay sau khi học SV nhập học, trong tuần học đầu tiên, Nhà trường luôn có kế hoạch và thực hiện triển khai việc quán triệt nội quy, quy chế của Nhà trường cũng như những thông tin cần thiết về ngành GDMN đến từng SV

[H5.05.02.06].

Sau khi Nhà trường triển khai cung cấp thông tin ngành học trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, các khoa, phòng ban tiếp tục triển khai cung cấp thông tin cho người học khi người học có nhu cầu tìm hiểu thông tin qua các buổi sinh hoạt lớp, các buổi làm việc giữa HSSV với Ban Giám hiệu Nhà trường.

Trong quá trình triển khai đào tạo, bên cạnh việc thường xuyên cập nhật các thông tin về ngành học và các chế độ liên quan, hằng năm, sau khi kết thúc kỳ học/năm học Nhà trường có kế hoạch khảo sát, lấy ý kiến của SV về chất lượng đào tạo đối với các SV đang theo học tại trường [H5.05.02.07, H5.05.02.08]. Cũng như khảo sát, lấy ý kiến của các SV đã tốt nghiệp để có kế hoạch đánh giá, rà soát và điều chỉnh CTĐT bám sát với nhu cầu thực tế của xã hội [H5.05.01.14].

Bên cạnh đó hằng năm, nhà trường tổ chức các hoạt động thi đua dạy và học để các GV, người học trong trường có cơ hội chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm, đồng thời đánh giá chất lượng CTDH [H5.05.02.09].

Trong năm 2020, Nhà trường đã sử dụng có hiệu quả các kênh thông tin khác nhau để cung cấp cho người học những thông tin cần thiết, cập nhật đến người học một cách nhanh chóng và hiệu quả [H5.05.02.10].

2. Điểm mạnh

CTDH của các học phần trong CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN có cấu trúc đảm bảo sự gắn kết liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý. Đồng thời, CTDH được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật hàng năm.

CTDH đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ cao đẳng và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động theo các qui định trong CDR của CTĐT ngành GDMN.

Các thông tin về ngành học và CTĐT cũng như CTDH các học phần trong CTĐT được Nhà trường sử dụng các kênh thông tin khác nhau để cung cấp cho người học một cách kịp thời, hiệu quả, và chính xác.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường sử dụng chưa thực sự hiệu quả các kênh thông tin điện tử để cung cấp cho người học về ngành học và CTĐT cũng như CTDH các học phần trong CTĐT đến người học để bắt kịp với những thay đổi của xã hội.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	Nội dung CTDH của các học phần cần phải được rà soát và so sánh với tuyên bố CDR khi CTDH được áp dụng vào thực tế giảng dạy. Khi thực hiện chương trình cần phải điều chỉnh về nội dung và cách thức kiểm tra, đánh giá để phù hợp với tuyên bố của CDR đối với học phần thực hành rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp. Trong quá trình thực hiện việc cung cấp thông tin về ngành	Khoa Sư phạm, Phòng TCCB-CTHSSV, Phòng Đào tạo	Thường xuyên	

		học, CTĐT, CTDH cần sử dụng có hiệu quả hơn các kênh thông tin trực tuyến để cung cấp kịp thời hơn đến người học.			
2.	Phát huy điểm mạnh 1	Các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý. Đồng thời, CTDH được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật hàng năm	Khoa Sư phạm, Phòng Đào tạo	Sau mỗi khóa học	
	Phát huy điểm mạnh 2	Các thông tin về ngành học và CTĐT cũng như CTDH các học phần trong CTĐT được Nhà trường sử dụng các kênh thông tin khác nhau để cung cấp cho người học	Khoa Sư phạm, Tổ Truyền thông.	Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 4/7 điểm)

Tiêu chí 5.3. Áp dụng các chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với người học là đối tượng ưu tiên

1. Mô tả hiện trạng

Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh đối với người học là đối tượng ưu tiên được Nhà trường thực hiện theo hướng dẫn, quy chế của Bộ GDĐT ban hành hàng năm. Căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh do Bộ GDĐT, Sở GDĐT, Sở Tài chính, Sở KHĐT giao hàng năm [H5.05.03.01, H5.05.03.02]. Nhà trường đã thực hiện và áp dụng đúng các chính sách tuyển sinh, mức điểm ưu tiên theo từng đối tượng, khu vực theo quy định đối với người học thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển sinh

[H5.05.03.03]. Tuyển sinh ngành GDMN của Nhà trường chỉ tuyển sinh đối với thí sinh có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Kon Tum, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên là người dân tộc thiểu số, thí sinh học tập ở các huyện khó khăn trong tỉnh được đăng ký tham gia đăng ký xét tuyển vào trường theo Đề án Nhà trường đã công bố [H5.05.01.06].

Thông tin về công tác tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với người học được hưởng chính sách ưu tiên được Nhà trường thông báo đầy đủ và thường xuyên cập nhật, công khai trên Website của Trường để người học dễ dàng tiếp cận và theo dõi [H2.02.01.05].

Dữ liệu tuyển sinh được Nhà trường cập nhật lên hệ thống của Bộ GDĐT đúng quy trình và được công bố công khai trên cổng thông tin tuyển sinh và website của Nhà trường. Cập nhật và áp dụng các quy định về hoạt động thanh tra, thẩm tra hoạt động tuyển sinh đối với CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN nhằm đảm bảo tính khách quan, công bằng trong tuyển sinh, đặc biệt các chính sách ưu tiên trong tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với người học là đối tượng ưu tiên; chính sách ưu tiên đối với người học là người dân tộc thiểu số trúng tuyển và được đào tạo tại Trường [H5.05.03.04].

Hàng năm, Nhà trường đã thực hiện việc báo cáo đánh giá việc thực hiện chế độ chính sách đối với SV nhóm ngành đào tạo giáo viên nói chung và ngành GDMN nói thông qua các đợt báo cáo tổng kết hàng năm, các đợt kiểm tra, thanh tra của các cấp về thực hiện chế độ chính sách của Trường nhằm bảo đảm chế độ chính sách đối với người học là đối tượng ưu tiên [H5.05.03.05].

Trường đã triển khai truyền thông tuyển sinh, đào tạo bằng nhiều hình thức và kênh thông tin khác nhau như: Thông qua văn bản giấy (thông báo) đưa về các lớp SV để trợ lý quản lý SV trực tiếp thông báo, hướng dẫn chi tiết cho SV thực hiện đồng thời các thông báo này được cập nhật lên Website của Trường, mạng xã hội để

người học dễ tiếp cận [H5.05.02.06]. Chính sách xét tuyển sinh, SV là đối tượng ưu tiên là người dân tộc thiểu số được cộng điểm ưu tiên theo quy định của Bộ GDĐT ban hành cho đối tượng là người đồng bào dân tộc thiểu số là 1.75 điểm, điểm ưu tiên cho khu vực 1 là 1 điểm. Tổng điểm ưu tiên dành cho đối tượng ưu tiên đối với người học là đối tượng ưu tiên tại khu vực 1 (có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Kon Tum) và đối tượng ưu tiên 1 (dân tộc thiểu số, con thương binh, con liệt sĩ, gia đình chính sách,...) là 2.75 điểm trong tổng điểm xét tuyển sinh hàng năm.

100 % người học thuộc đối tượng ưu tiên tham gia tuyển sinh, học tập tại Trường được hưởng 100% các chế độ chính sách đối với người học thuộc đối tượng ưu tiên và các chính sách khác theo quy định của Nhà nước; Nhà trường thực hiện nghiêm túc các văn bản của Bộ, ngành có liên quan như: Danh mục đối tượng ưu tiên, khu vực ưu tiên [H5.05.03.06]; miễn giảm học phí đối với SV sư phạm [H5.05.03.07]; hỗ trợ chi phí học tập, học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp xã hội, vay vốn tín dụng, chính sách nội trú [H5.05.03.08]. Trong 5 năm qua, có 264 lượt SV là người học là thuộc nhóm đối tượng ưu tiên được hưởng các chế độ chính sách về; trợ cấp xã hội, học bổng khuyến khích học tập, chính sách nội trú, hỗ trợ chi phí học tập và hàng trăm suất học bổng từ các tổ chức cá nhân ngoài trường trao tặng cho đối tượng SV thuộc đối tượng ưu tiên [H5.05.03.09].

Ngoài ra, để đảm bảo các chế độ chính sách tới người học một cách đầy đủ, chính xác, Trường tiến hành tập huấn cho ban cán sự lớp/ban chấp hành cho đoàn, chi hội SV vào đầu các năm học và thông qua tuần sinh hoạt công dân đầu năm học. Trường thông tin về các chế độ chính sách đến với SV đầy đủ và bằng nhiều hình thức khác nhau nên số lượng SV được hưởng các chế độ chính sách hàng năm được thực hiện một cách triệt để, đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền lợi cho SV. Danh sách SV thuộc đối tượng ưu tiên được hưởng các chế độ chính sách được công khai minh bạch ở bảng tin thông báo của Nhà trường, đồng thời được công bố trên Website

của Trường [H5.05.03.10, H5.05.03.11, H5.05.03.12, H5.05.03.13, H5.05.03.14, H5.05.03.15].

Ngoài những chế độ chính sách mà nhà nước quy định, Trường luôn kêu gọi các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Trường thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục nhằm trao quà, học bổng cho SV gặp hoàn cảnh khó khăn và được hưởng học bổng tài trợ từ các tổ chức cá nhân và doanh nghiệp [H5.05.03.16].

Hằng năm, Nhà trường kiện toàn đội ngũ nhà giáo nhiệt tình và trình độ chuyên phù hợp làm công tác cố vấn học tập nhằm hỗ trợ tư vấn cho người học và người học thuộc đối tượng ưu tiên trong học tập rèn luyện. Cung cấp sổ tay SV nhằm phản ánh đầy đủ nội dung về chế độ chính sách, CTĐT toàn khóa, phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ đã phát huy tác dụng trong việc giúp người học lựa chọn học phần, tiến độ học tập phù hợp trong toàn khóa học. Áp dụng hiệu quả phương thức đào tạo theo quy chế tích lũy môn đôn đã giúp người học cải thiện điểm để có thể xét nhận học bổng chính sách, học bổng từ các cơ quan, tổ chức doanh nghiệp tài trợ cho người học hằng năm [H1.01.01.14].

Để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho SV trong quá trình học tập, nhà trường thường xuyên tổ chức bồi dưỡng các khóa kỹ năng sư phạm, làm quy với phương pháp tổ chức dạy học ở các trường mầm non thông qua hoạt động kiến tập, thực hành, thực tập, tham gia các hoạt động ngoại khóa [H5.05.03.17]; Khoa Sư phạm chỉ đạo các GVCN các lớp thường xuyên tổ chức sinh hoạt lớp, sinh hoạt chuyên đề và giải đáp các vướng mắc; tư vấn hỗ trợ SV đăng ký học các học phần phù hợp với khả năng nhằm nâng cao chất lượng học tập, nắm bắt tâm tư nguyện vọng và kịp thời hỗ trợ khó khăn trong học tập và rèn luyện của SV [H5.05.03.18]. Ngoài ra, các tổ chức Đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên của nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng học tập thông qua các hoạt động tích cực như: Văn nghệ, thể dục thể thao, các Hội thi nhằm tạo cơ hội để sinh viên chuyên ngành GDMN có cơ hội sáng tạo, thể hiện năng lực của bản thân, rèn luyện

thêm các kỹ năng mềm, các trải nghiệm về xã hội phục vụ tốt quá trình học tập [H5.05.03.19].

2. Điểm mạnh

Khoa Sư phạm và Trường luôn quan tâm và giải quyết các chế độ chính sách cho người học một cách kịp thời, đúng quy định, đặc biệt là quan tâm đến SV có hoàn cảnh khó khăn, SV thuộc đối tượng ưu tiên, đối tượng là người dân tộc thiểu số.

SV tốt nghiệp ra trường nhanh chóng hòa nhập được với môi trường giảng dạy tại các trường Mầm non, đáp ứng tốt nhu cầu xã hội, được xã hội đánh giá cao.

Tính đến nay chưa có một đơn thư khiếu nại nào của người học, của gia đình người học về việc Trường giải quyết không thỏa đáng các chế độ chính sách cho người học.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Trường đã giải quyết kịp thời, đầy đủ các chế độ chính sách và kêu gọi xã hội hóa giáo dục từ các tổ chức, các nhân cho người học nhưng vẫn còn nhiều SV khó khăn, phải vừa học vừa làm thêm, ảnh hưởng tới thời gian học tập và rèn luyện.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú

1.	Khắc phục tồn tại	Giải quyết kịp thời, đầy đủ các chế độ chính sách cho SV. Xã hội hóa giáo dục từ các tổ chức, các nhân hỗ trợ cho SV khó khăn trong cuộc sống, đầu tư nhiều hơn thời gian học tập và rèn luyện.	Phòng TCCB Khoa Sư phạm Đoàn Thanh niên, và toàn thể viên chức Nhà trường, các tổ chức doanh nghiệp,...	Thường xuyên	
2.	Phát huy điểm mạnh 1	Kịp thời giải quyết các chế độ chính sách cho người học, đặc biệt là quan tâm đến SV có hoàn cảnh khó khăn, SV thuộc đối tượng ưu tiên, đối tượng là người dân tộc thiểu số,...	Nhà trường, Khoa Sư phạm, Phòng TCCB Trung tâm PTDN	Thường xuyên	

	Phát huy điểm mạnh 2	Thu thập thông tin phản hồi của người học, của gia đình người học về việc Nhà trường giải quyết các chế độ chính sách cho người học nhằm không để xảy ra tình trạng khiếu nại về các chế độ chính sách liên quan đến người học.	Nhà Trường, Khoa Sư phạm, Tổ Pháp chế của Nhà trường	Thường xuyên	
--	----------------------	---	--	--------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 5/7 điểm)

Tiêu chí 5.4. Thực hiện đúng quy định miễn học phí, quy định về các chính sách ưu tiên trong việc xét cấp học bổng, trợ cấp xã hội cho học sinh, sinh viên sư phạm.

1. Mô tả hiện trạng

Việc thực hiện các chế độ chính sách cho SV ngành GDMN, Nhà trường đã thực hiện đúng theo các quy định của Thủ tướng chính phủ [H5.05.04.01], Điều lệ trường cao đẳng [H5.05.04.02], Điều 62 của Luật giáo dục nghề nghiệp [H5.05.04.03]. Các đối tượng, chính sách ưu tiên được Nhà trường xác định rõ ràng và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của trường và khi tư vấn tuyển sinh [H5.05.04.04, H2.02.03.03, H5.05.02.05].

Vào đầu năm học, Nhà trường tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân” cho toàn thể HSSV trong trường, trong tuần sinh hoạt này, HSSV toàn trường sẽ được phòng TCCB, Đoàn Thanh niên, phòng Đào tạo... phổ biến các văn bản quy định cụ thể của Nhà trường về các chế độ chính sách, trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi liên quan đến người học trong suốt quá trình học tập tại Trường. [H5.05.02.06].

Để người học được hưởng mọi chế độ chính sách xã hội ưu đãi, trợ cấp và học bổng, Nhà trường đã ban hành quy chế xét duyệt, đảm bảo kịp thời và theo đúng quy

định của Nhà nước: Khoa lập danh sách HSSV được hưởng chế độ chính sách gửi Phòng TCCB tổng hợp báo cáo và tham mưu cho Ban Giám hiệu thành lập Hội đồng xét duyệt [H5.05.04.05], trên cơ sở đó Nhà trường ra quyết định công nhận danh sách SV được nhận trợ cấp, hỗ trợ và học bổng khuyến khích học tập [H5.05.04.06, H5.05.03.11, H5.05.03.12] và có danh sách SV nhận tiền trợ cấp theo đúng quy định [H5.05.03.13]. Nhà trường đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ [H5.05.04.07], quy định về học bổng khuyến khích học tập [H5.05.04.08] nhằm khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với SV, tập thể lớp đạt kết quả cao trong học tập và rèn luyện [H5.05.04.09]. Từ năm học 2017-2018 đến nay đã có 100% lượt SV sư phạm mầm non được miễn học phí; 226 lượt SV được hưởng các chính sách ưu đãi; nhiều lượt SV được nhận học bổng khuyến khích học tập (năm học 2017-2018 cho 50 SV, năm học 2018-2019 cho 72 SV và học kỳ 1 năm học 2019-2020 cho 44 SV, mỗi suất 200.000 - 300.000 đồng/tháng). Nhà trường thực hiện nhiều biện pháp hiệu quả và công khai để hỗ trợ SV về chế độ chính sách xã hội như cập nhật các thông tin trên website của trường, cấp phát các khoản trợ cấp theo từng tháng để SV có thể trang trải thêm trong quá trình học tập. Như vậy 100% sinh viên mầm non học tại trường được hưởng đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước.

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng kêu gọi các tổ chức, cá nhân ngoài trường trao học bổng cho SV học giỏi, SV nghèo vượt khó [H5.05.03.15]. Để thực hiện tốt chính sách vay vốn hỗ trợ học tập cho SV nghèo, trường đã có văn bản hướng dẫn cụ thể, mẫu đơn cho SV đăng ký có xác nhận của trường để SV hoàn thành các thủ tục vay vốn hỗ trợ học tập [H5.05.03.13].

Ngoài ra, Nhà trường còn có những hỗ trợ khác đối với các em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế như: giảm học phí, miễn hoặc lệ phí ký túc xá, để các em hoàn thành nhiệm vụ học tập trong quá trình học tập tại trường. Từ năm học 2021-2022 Nhà trường đã xây dựng Quỹ hỗ trợ HSSV nhằm giúp đỡ HSSV khó khăn trong quá trình học tập [H5.05.04.10]. Đồng thời Nhà trường đã thực hiện khảo sát

phản hồi của HSSV về chất lượng dịch vụ và việc thực hiện các chính sách liên quan đến người học [H5.05.04.11].

Kết quả của việc thực hiện các chế độ chính sách ưu đãi, trợ cấp xã hội, cấp phát học bổng cho SV ngành GDMN được các đoàn thanh tra, kiểm tra đánh giá đảm bảo và đúng quy định của Nhà nước [H5.05.04.12].

2. Những điểm mạnh

Nhà trường đã làm tốt công tác phổ biến, quán triệt đến người học về các chế độ chính sách của Nhà nước để người học thực hiện tốt quyền lợi của bản thân; Các chế độ chính sách đối với người học được Nhà trường giải quyết đúng, đủ và kịp thời, đảm bảo đúng đối tượng, đúng tiêu chuẩn, tiêu chí và công khai, minh bạch. Đây cũng là cách giúp cho HSSV ngành GDMN giảm bớt những khó khăn về tài chính đồng thời khuyến khích động viên HSSV học tập tốt hơn. Góp phần làm nâng cao uy tín và chất lượng đào tạo của Nhà trường.

3. Những tồn tại

Số lượng các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia hỗ trợ, cấp phát học bổng cho HSSV trường còn ít, chưa thường xuyên liên tục mà chỉ mang tính thời vụ. Nhà trường chưa xây dựng được quỹ hỗ trợ cho HSSV trong các năm học 2016-2019.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc	- Cần lưu trữ các thông tin về	Khoa Sư	Thường	

	phục tồn tại	HSSV được nhận các khoản trợ cấp, học bổng trong và ngoài nhà trường một cách đầy đủ, khoa học. - Đã xây dựng quỹ hỗ trợ HSSV từ năm học 2020-2021.	phạm, Phòng TCCB, CĐCS, ĐTN	xuyên	
2.	Phát huy điểm mạnh 1	Nhà trường tiếp tục chỉ đạo các đơn vị thực hiện tốt công tác khảo sát ý kiến phản hồi của GV, cán bộ nhân viên quản lý, HSSV tốt nghiệp ra trường, các đơn vị sử dụng lao động về mức độ hài lòng của người học về thực hiện chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đầu tư và sử dụng máy móc, thiết bị, công cụ phục vụ người học,... Từ kết quả của điều tra khảo sát để Nhà trường rà soát, điều chỉnh các hoạt động nhằm làm tốt hơn công tác dịch vụ cho người học của Nhà trường.	Khoa Sư phạm, Trung tâm PTDN	Sau mỗi khóa học	
	Phát huy điểm mạnh 2	Tăng cường sự hợp tác với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp để quảng bá hình ảnh của trường và tiếp cận được	Nhà Trường, Phòng TCCB,	Thường xuyên	

		nhiều nguồn đầu tư cho người học từ ngoài trường. Từ năm học 2020-2021, Trường xây dựng và triển khai quỹ hỗ trợ HSSV nghèo vượt khó trong học tập.	Khoa Sư phạm, Tổ Truyền thông, Trung tâm PTĐN		
--	--	---	---	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 5/7 điểm)

Tiêu chí 5.5. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Mô tả hiện trạng

Người học được tư vấn, hỗ trợ kịp thời và có hiệu quả về học tập, sinh hoạt ngoại khóa và các hoạt động thi đua khác bởi Cố vấn học tập và chủ nhiệm lớp. Cố vấn học tập và chủ nhiệm lớp có nhiệm vụ nắm vững quy chế đào tạo, kế hoạch đào tạo để giải đáp các thắc mắc của SV; kịp thời theo dõi, đôn đốc tình hình học tập của SV; thông báo, triển khai và thực hiện các chủ trương của Khoa và Trường về vấn đề được giao phụ trách. Ngoài ra, CVHT nắm bắt những tâm tư, nguyện vọng của SV và đề xuất cho BCN các hướng xử lý, hỗ trợ; tổ chức tư vấn cho SV đăng ký các học phần phù hợp với khả năng sau mỗi học kỳ và hỗ trợ SV đăng ký học tập và xử lý các vấn đề liên quan [H5.05.05.01, H5.05.05.02].

Trường và Khoa Sư phạm luôn đã thực hiện tốt các chính sách học bổng khuyến khích học tập cho HSSV (năm học 2019 - 2020 cho 50 SV, năm học 2020-2021 cho 72 SV và học kỳ 1 năm học 2019-2020 cho 44 SV, mỗi suất 200.000 - 300.000 đồng/tháng) [H5.05.04.10].

Đối với những HSSV khóa mới, nhà trường tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa để giới thiệu về lịch sử phát triển, cơ cấu tổ chức, đội ngũ cán bộ, giảng viên, CTĐT, phương thức đào tạo, phương pháp học tập tại Trường và một số lưu ý trong quá trình học. Trong buổi gặp mặt SV khóa mới, luôn có mặt đại diện BCN Khoa, GVCN để giải đáp và tư vấn cho SV [H5.05.03.18].

Hằng tháng, khoa chỉ đạo các lớp tổ chức sinh hoạt lớp, có đại diện BCN, GVCN tham dự để giải đáp các mối quan tâm của SV và kịp thời hỗ trợ những khó khăn trong học tập, rèn luyện của SV [H5.05.03.17].

Để tạo điều kiện cho sinh viên sớm được rèn luyện các kỹ năng sư phạm, làm quen với nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học ở các trường mầm non, Khoa đã xây dựng kế hoạch sinh hoạt ngoại khóa thường xuyên cho sinh viên ngành GDMN [H5.05.05.03].

Đoàn trường thường xuyên tổ chức các hoạt động hỗ trợ tích cực việc học tập và nâng cao đời sống tinh thần, thể chất cho SV như: Hội diễn văn nghệ, TDTT... Qua mỗi hoạt động, SV được trau dồi và rèn luyện thêm các kỹ năng nghề nghiệp như: Sáng tác - Biên đạo - Biểu diễn ngành GDMN, đồng thời SV có cơ hội thể hiện sức sáng tạo, nhiệt huyết và bản lĩnh của tuổi trẻ [H5.05.03.19]. Số người học tham gia các hoạt động do Đoàn Thanh niên tổ chức thể hiện ở bảng sau:

Bảng 5.13: Tình hình tham gia hoạt động do Đoàn trường tổ chức

	Năm học			
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Tổng số	29	47	40	40
Số lượng	15	25	29	25

Tỷ lệ (%)	50	53,2	72,3	62,5
------------------	----	------	------	------

Ngoài ra, sinh viên được hỗ trợ tích cực, thường xuyên từ Phòng nghiên cứu KH& HTQT, Đoàn thanh niên thông qua nhiều hình thức hoạt động như các hoạt động ý tưởng khởi nghiệp; cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo... Thông qua các cuộc thi, sinh viên được thể hiện sự sáng tạo, năng khiếu trong lĩnh vực kinh doanh và rèn luyện khả năng tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp [H5.05.05.04].

Trường, Khoa tích cực chủ động lên Kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho người học: Lập danh sách các đơn vị thực tập phù hợp với ngành đào tạo để SV lựa chọn hoặc khuyến khích SV chủ động lựa chọn, tìm kiếm đơn vị thực tập theo mong muốn và có sự hướng dẫn của GV trong quá trình SV thực tập nghề nghiệp. [H5.05.05.05]. Để hỗ trợ sinh viên trong việc tìm kiếm địa điểm thực hành, thực tập và việc làm sau tốt nghiệp, nhà trường đã thành lập và giao nhiệm vụ cho Trung tâm Phát triển doanh nghiệp và Giới thiệu việc làm. Hằng năm, Trung tâm Phát triển doanh nghiệp và Giới thiệu việc làm tham mưu nhà trường làm việc hợp tác với các đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để ký kết các biên bản thỏa thuận hợp tác trong lĩnh vực tiếp nhận sinh viên thực hành, thực tập và tuyển dụng lao động [H5.05.05.06]. Trên cơ sở đó, nhà trường ra các quyết định công nhận cơ sở thực hành, thực tập và giới thiệu cho sinh viên [H5.05.05.07].

Thông qua việc tổ chức hội nghị tư vấn việc làm cho sinh viên, Nhà trường đã giới thiệu được nhiều sinh viên làm việc tại các đơn vị trong và ngoài tỉnh, tỷ lệ SV sau khi ra trường có việc làm và mức thu nhập của người học tăng dần đều qua từng năm trong giai đoạn 2018 - 2021 đã cho thấy hiệu quả của các hoạt động tư vấn, ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ trong việc giúp cải thiện kết quả học tập, tình trạng việc làm của người học của CTĐT [H5.05.05.08].

Bảng 5.14: Tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp

Các tiêu chí	Năm học			
	2017 – 2018	2018 - 2019	2019-2020	2020-2021
Số lượng người học tốt nghiệp ngành GDMN	42	47	40	40
Số lượng người học phản hồi	42	39	39	38
Số lượng người học có việc làm	42	39	38	38
Số lượng người học có việc làm đúng chuyên ngành	42	34	34	34
Tỷ lệ (%) người học có việc làm so với số người học phản hồi	100	83	95	95
Tỷ lệ (%) người học có việc làm đúng chuyên ngành	100	72.34	85	85

Hằng năm, nhà trường đều có lấy ý kiến phản hồi của người học, cựu người học về mức độ hài lòng đối với chất lượng dịch vụ và việc thực hiện các chính sách liên quan đến người học. Tỷ lệ NH, cựu NH được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm chiếm tỷ lệ 82%. [H5.05.05.09, H5.05.05.10].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động tư vấn học tập được Bộ môn GDMN triển khai cụ thể và sát sao với quá trình học của SV; bên cạnh đó các hoạt động thi đua, hoạt động ngoại

khóa được SV ngành GDMN hưởng ứng tích cực; giúp SV phát huy được các kỹ năng, kiến thức và thái độ trong quá trình rèn luyện và học tập tại Trường.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động ngoại khóa và dịch vụ hỗ trợ tâm lý cho SV ngành GDMN chưa được tổ chức thường xuyên, liên tục mà vẫn còn mang tính thời vụ hay lồng ghép vào một số hoạt động khác của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch cụ thể và triển khai có hiệu quả các hoạt động ngoại khóa, hỗ trợ tâm lý, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho SV ngành GDMN để giúp SV có thể đạt được những kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm cần thiết đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.	Khoa Sư phạm, Phòng TCCB-CTHSSV	Thường xuyên	
2.	Phát huy điểm mạnh 1	Nhà trường chỉ đạo Khoa sư phạm tiếp tục triển khai các hoạt động tư vấn học tập được bộ môn GDMN triển khai cụ	Khoa Sư phạm	Thường xuyên	

		thể và sát sao với quá trình học của SV;			
	Phát huy điểm mạnh 2	Duy trì các hoạt động thi đua, hoạt động ngoại khóa	Đoàn thanh niên Phòng Tổ chức	Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 5/7 điểm)

Tiêu chí 5.6. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả hiện trạng

Trường CĐCD Kon Tum hiện có 4 cơ sở với khuôn viên Nhà trường thoáng đãng, sạch sẽ, tiện lợi với nhiều cây xanh, ghế đá, đài phun nước, v.v... tổng diện tích 293.521,96 m². Khu làm việc, học tập và giảng dạy tại cơ sở 1 (cơ sở chính): 66.639,26 m²; Khoa Nông – Lâm - Thủy sản và Khu thực nghiệm: 167.188,5 m²; Khu học tập và giảng dạy tại Khoa Kỹ thuật công nghệ và các trung tâm: 57.952,0 m²; Khoa Y - Dược: 1.742,2 m². Mặt bằng tổng thể của Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum được bố trí gồm: Khu hiệu bộ 3.090,0m²; khu phòng học lý thuyết 5.073,0 m²; khu vực xưởng thực hành: 13.144,0 m²; Ký túc xá 5.456 m²; 02 nhà ăn 763 m²; sân vận động 8.17 m²; nhà thi đấu đa năng: 726 m²; 03 Hội trường 1.861 m²; Phòng ngoại ngữ 80m², 8 phòng máy tính 424 m². Nhà trường có đủ diện tích lớp học thuận lợi cho việc dạy và học, phòng thực hành Âm nhạc để phục vụ cho nhu cầu học tập, vui chơi, giải trí cho SV [H5.05.06.01].

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SV đến liên hệ, học tập và nghiên cứu, Nhà trường đã phân chia sơ đồ vị trí các khu chức năng, đơn vị thuộc Trường. Bố trí sơ

đồ tổng quan trường học, phòng học online, phòng lab, phòng máy tính đến [H5.05.06.02].

Ký túc xá 3 tầng tại 2 trụ sở (trụ sở chính và Khoa kỹ thuật công nghệ và các trung tâm) bao gồm 120 phòng với tổng diện tích sử dụng là 5.456 m², tiền trợ 50 nghìn đồng/tháng/học viên và các phí sinh hoạt khác thấp hơn rất nhiều so với thuê nhà trọ ở ngoài; điều kiện học tập, đi lại thuận tiện và an toàn. [H5.05.06.03]. Ngoài ra, SV được dùng wifi miễn phí phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và giải trí [H5.05.06.04]. Không gian học tập và nghiên cứu của SV ngoài giờ học chính khóa được Nhà trường tạo điều kiện tối đa. SV có phòng đọc sách thư viện sạch đẹp, tiện ích với diện tích 875 m², vào dịp ôn thi, các phòng học ở các khu giảng đường A và B mở cửa từ 7h00 - 22h00 các ngày trong tuần nhằm phục vụ việc tự học, nghiên cứu của SV. Trường có bộ phận y tế trường học thuộc Phòng hành chính quản trị. Công tác khám sức khỏe và công tác đảm bảo an toàn cho người học được lên kế hoạch rõ ràng và triển khai thường xuyên, hiệu quả. Đầu mỗi khóa học, nhà trường lên Kế hoạch khám sức khỏe cho tân sinh viên. Giai đoạn 2018-2020, 100% SV Khoa Sư phạm được tham gia bảo hiểm y tế đầy đủ [H5.05.06.05]. Hàng năm, SV được thăm khám sức khỏe cơ bản định kỳ và hướng dẫn tham gia các hoạt động tích cực của y tế [H5.05.06.06].

Để thực hiện tốt quy định về công tác SV nhằm đảm bảo môi trường học đường an toàn, nghiêm túc, lành mạnh, Nhà trường đã ban hành và phổ biến quy định về nội quy học đường [H5.05.06.07]. Bên cạnh đó, nhằm xây dựng văn hóa học đường, kịp thời ngăn chặn những hành vi tiêu cực, thiếu tính giáo dục, Nhà trường đã phổ biến cho SV các văn bản về quy tắc ứng xử của cán bộ cũng như SV [H5.05.06.08].

Các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao cho người học cũng rất được chú trọng, Đảng ủy, Ban Giám hiệu chỉ đạo sâu sát công tác SV, Nhà trường và Khoa thường xuyên tổ chức hoạt động văn hóa văn nghệ, vui chơi giải trí, thể dục

thể thao, hoạt động học thuật, hướng nghiệp, để tạo môi trường tâm lý thoải mái, giúp SV yên tâm học tập và nghiên cứu [H5.05.06.09].

Để người học hiểu, biết và thực hiện tốt về quyền lợi của mình, trong “Tuần sinh hoạt công dân SV” đầu khóa, Nhà trường đã phổ biến, hướng dẫn đầy đủ, chi tiết các văn bản liên quan về chế độ, chính sách của người học như các Nghị định, Thông tư, Thông tư liên tịch, Quyết định của Chính phủ, của ngành, liên ngành và luôn cập nhật kịp thời, phổ biến đầy đủ, hướng dẫn cụ thể nhằm thỏa mãn quyền lợi của người học. Công tác PCCC, an toàn học đường/an toàn vệ sinh thực phẩm được Trường, Khoa quan tâm phổ biến hiệu quả thông qua tuần sinh hoạt công dân đầu mỗi khóa học. Để công tác này được thực hiện hiệu quả, hằng năm nhà trường xây dựng Kế hoạch phòng cháy chữa cháy, đưa ra các nhiệm vụ cụ thể như công tác tuyên truyền, công tác kiểm tra, công tác xây dựng và củng cố lực lượng, phương tiện chữa cháy tại chỗ [H5.05.06.10].

Để tạo môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu, Nhà trường tổ chức các hoạt động ngoại khóa với các hoạt động như diễn đàn, hoạt cảnh, hái hoa dân chủ... để tuyên truyền, phổ biến, giáo dục đạo đức, lối sống, xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học [H5.05.06.11]. Qua các hoạt động này giúp SV hứng thú học tập hơn, tâm trạng được thoải mái, thư giãn, cải thiện được tinh thần, giúp sinh viên tích lũy kinh nghiệm sống.

Về công tác giới thiệu và hỗ trợ việc làm, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Trung tâm PTDN tổ chức tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ cho SV sắp tốt nghiệp đăng ký làm việc tại các đơn vị có nhu cầu. Mặc dù, tỷ lệ có việc làm trong thời gian qua đạt tỷ lệ trên 70%, tuy nhiên vẫn còn tình trạng SV làm việc trái ngành do đặc thù là ngành Sư phạm nên nhu cầu tuyển dụng của các cơ sở công lập có hạn. Người học được giới thiệu việc làm chủ yếu là SV ngành GDMN với các cơ sở tư thục [H5.05.06.12].

Hàng năm, SV ngành GDMN được lấy ý kiến đánh giá về chất lượng dịch vụ của Nhà trường, khoa theo phiếu khảo sát chung của Nhà trường đối với người học. Số liệu thống kê cho thấy 100% SV Khoa Sư phạm hài lòng với môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường và Khoa [H5.05.05.09].

2. Điểm mạnh

Người học được học tập và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp. Người học được học tập trong môi trường có đầy đủ tài liệu giáo trình, sách tham khảo tại thư viện, có phòng học tập và nghiên cứu cho SV tự học mát mẻ, đầy đủ cơ sở vật chất trang thiết bị. Được tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực của bản thân. GV có trình độ chuyên môn cao, thân thiện, nhiệt tình, luôn hỗ trợ, giúp đỡ khi người học có nhu cầu. Ngoài ra Khoa còn có trợ lý Khoa, quản lý SV, GV chủ nhiệm để hỗ trợ cho SV trong quá trình học tập.

3. Điểm tồn tại

Công tác tập huấn nghiệp vụ PCCC cho SV chưa được Khoa, Trường tổ chức thường xuyên và hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	Phổ biến đầy đủ các quy định về PCCC cũng như tổ chức tập huấn nghiệp vụ PCCC	Khoa Sư phạm, Phòng	Thường xuyên	

			TCCB		
2.	Phát huy điểm mạnh 1	Khoa tiếp tục tuyên truyền, phổ biến cho SV ngành GDMN duy trì công tác bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp, có ý thức phòng chống tệ nạn xã hội và thực hiện tốt nếp sống văn hoá trong Nhà trường.	Khoa Sư phạm	Thường xuyên	
	Phát huy điểm mạnh 2	Xây dựng Kế hoạch văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực của bản thân.	Đoàn thanh niên; Phòng TCCB	Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 5/7 điểm)

Kết luận Tiêu chuẩn 5

Tuyển sinh và hoạt động hỗ trợ người học là yếu tố chính để đánh giá chất lượng đào tạo của ngành GDMN. Chất lượng người học thể hiện trước hết ở điểm đầu vào của ngành, từ khâu tổ chức tuyển sinh của Trường cho đến kết quả học tập và rèn luyện trong suốt thời gian đào tạo tại Trường của người học được lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Khoa và Trường. Người học được hỗ trợ thường xuyên và hiệu quả của Khoa và Trường về hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp, được tạo điều kiện thuận lợi nhất để phát triển năng lực học tập, NCKH và thể chất, tinh thần, đồng thời được đưa ra ý kiến phản hồi về chất lượng dịch vụ giáo dục nhằm giúp cải tiến các hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo GVMN của Trường.

Tiêu chuẩn 6. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Trong quá trình đào tạo việc đánh giá kết quả học tập cho người học là một trong những yếu tố cực kỳ quan trọng. Kết quả đánh giá không chỉ tác động đến người học khi đang ngồi trên ghế Nhà trường mà ngay cả khi tốt nghiệp kết quả ấy sẽ cung cấp cho các bên liên quan về mức độ đạt được của người học so với CDR của CTĐT.

Việc đánh giá kết quả học tập của SV ngành GDMN được thực hiện xuyên suốt quá trình đào tạo và luôn đảm bảo các tiêu chí như: đánh giá kết quả học tập của SV được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR; các quy định về đánh giá kết quả học tập của SV (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới mỗi SV; phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng; kết quả đánh giá được lưu trữ có hệ thống, được thông báo kịp thời để SV cải thiện việc học tập; SV dễ tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập để từ đó chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

Tiêu chí 6.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Đánh giá kết quả học tập của người học là một quá trình liên tục trong suốt khóa học. Nhà trường đã thực hiện đánh giá quá trình học của người học đối với người học ngành GDMN. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra thông qua các quy trình, kế hoạch rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của người học thể hiện ở Quyết định số 139/QĐ-CĐCĐ, ngày 30/01/2019, trong đó có quy định cụ thể việc ban hành Quy chế Đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp. Trong đó, có qui định qui trình rõ ràng về tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết

thức môn học, mô-đun. Việc tổ chức kiểm tra thường xuyên và định kỳ do nhà giáo giảng dạy môn học, mô-đun thực hiện; nhà trường tổ chức thi kết thúc môn học, mô-đun theo qui trình. Quyết định số 899/QĐ-CĐCĐ ngày 28/9/2020 ra đời đã có sự điều chỉnh về qui trình kiểm tra đánh giá KQHT của người học một cách bao quát và nêu rõ vai trò của Hiệu trưởng trong việc tổ chức kỳ thi kết thúc môn học, học phần. Tất cả các quyết định có liên quan đến việc đánh giá KQHT của người học được đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường để CBQL, nhà giáo, người học biết và thực hiện nghiêm túc [H6.06.01.01].

Các quy trình hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá điểm số thông qua các kỳ thi, dựa trên các hình thức thi tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành phù hợp với mục đích, mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR. Việc đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN. Trong mỗi CTĐT nội dung, phương pháp đánh giá người học được chú trọng xây dựng phù hợp với từng đối tượng cụ thể [H6.06.01.02]. Hiện nay, ngành GDMN đã hoàn tất toàn bộ đề cương của tất cả các học phần thuộc CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN. Tại mục 8 của đề cương chi tiết từng học phần, các hoạt động, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp để đo lường mức độ CĐR. Các ĐCCT học phần của CTĐT năm 2021, 2022 đã có sự điều chỉnh về các cột điểm đánh giá KQHT của người học [H6.06.01.03]. Quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học ngành GDMN được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ GDĐT và của trường CĐSP Kon Tum khi chưa sáp nhập, sau này là trường CĐCĐ Kon Tum, đó là các văn bản ban hành quy định xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần/môn học/mô-đun. Nhà trường đã ban hành quy định hướng dẫn thiết kế các phương pháp, công cụ đánh giá KQHT phù hợp với mục đích/mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR. Trong đó có hướng dẫn cụ thể phương pháp đánh giá đối với từng

loại học phần. Với học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp với thực hành có các phương pháp đánh giá chuyên cần, đánh giá bằng bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ. Với học phần thực hành thì đánh giá thực hành dựa trên kết quả và ý thức thực hành. Mỗi học phần có hướng dẫn hình thức thi tương ứng [H6.06.01.04]. Hằng năm, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tổ chức thi định kỳ để đánh giá kết quả của người học [H6.06.01.05]. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được dựa trên CDR các ngành đào tạo trình độ cao đẳng và chuẩn năng lực đầu ra trình độ cao đẳng, nhóm ngành đào tạo GV [H6.06.01.06]. Thông qua chương trình đào tạo CTĐT được xây dựng, chỉnh sửa cho phù hợp với ngành GDMN đã đánh giá kết quả học tập của người học [H6.06.01.02]. Thông qua các quy định xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần/môn học/mô đun. Kế hoạch triển khai xây dựng và quản lý ngân hàng đề thi kết thúc học phần/môn học/mô đun [H6.06.01.04]. Các mẫu phiếu chấm thi kết thúc học phần, mẫu phiếu chấm đề tài khóa luận, luận văn cũng là tiêu chí để đánh giá kết quả học tập của người học trong suốt khóa học qua mỗi kỳ thi [H6.06.01.07].

Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học đã được sử dụng trong CTĐT và một số môn áp dụng: Tự luận (30 môn), vấn đáp (2 môn), trắc nghiệm (5 môn), thực hành (18 môn). SV ngành GDMN của trường cũng được đánh giá dựa trên những quy định chung, hướng dẫn cụ thể. Mọi hoạt động việc đánh giá đều dựa được thực hiện rõ ràng và được kiểm tra đánh giá theo các quyết định quy định về công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của trường. Các văn bản thể hiện quy trình thi, kiểm tra, đánh giá người học được Nhà trường định kỳ rà soát, điều chỉnh, trước đây là Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT, ngày 15/05/2014, của Trường CĐSP Kon Tum, về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, sau này là Quyết định Số 139/QĐ-CĐCĐ ngày 30/01/2019, của Trường CĐCĐ Kon Tum, về việc ban hành Quy chế Đào tạo trình độ trung cấp,

cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt, và hiện nay là Quyết định số 899/QĐ-CĐCĐ ngày 28/09/2020 của Trường CĐCĐ Kon Tum về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, nhóm ngành đào tạo giáo viên, theo phương thức đào tạo hệ thống tín chỉ. Hình thức kiểm tra quá trình, kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần phong phú giúp đánh giá chính xác kết quả của người học được trình bày cụ thể trong từng ĐCCT. Cụ thể, hình thức thi có thể là tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành với thời gian thi phù hợp với đặc điểm của từng học phần. Đồng thời, đối với CTĐT năm 2022 việc đánh giá KQHT từng học phần của người học thông qua việc đánh giá thường xuyên và định kỳ với trọng số 0.3, điểm thái độ chiếm trọng số 0.1 và điểm thi kết thúc học phần trọng số 0.6. Năm 2022 đã có sự điều chỉnh trong cách đánh giá KQHT của học phần: Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6. Như vậy, có sự điều chỉnh về trọng số và bỏ cột điểm đánh giá thái độ. Mức độ đánh giá bao gồm kiểm tra tại lớp, thi kết thúc học phần phù hợp với quá trình học tập, tiếp thu kiến thức của người học cả về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của SV. Thời gian và độ khó của đề thi tỉ lệ với số tín chỉ và yêu cầu của các học phần đối với CĐR và được thể hiện trong ĐCCT. Việc đánh giá kiến tập, thực tập của người học được qui định trong quy chế đào tạo và CTĐT của ngành GDMN. Phương pháp đánh giá của nhà trường diễn ra xuyên suốt gồm từ quá trình chuẩn bị, thảo luận đến việc thi kết thúc học phần và làm khoá luận tốt nghiệp của người học [H6.06.01.01]. Với một hệ thống văn bản rõ ràng, được quy định cụ thể, các hoạt động và phương pháp kiểm tra phù hợp. Hằng năm, Nhà trường đã tổ chức khảo sát để thu thập ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của nhà giáo trong toàn Trường [H6.06.01.08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống văn bản được quy định rõ ràng, CTĐT phù hợp, ý kiến phản hồi của người học về đội ngũ nhà giáo tốt. Trong suốt khóa học chưa có đơn thư tố cáo về quá trình giảng dạy của nhà giáo cũng như điểm số của người học. Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học bám sát các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Đối với các học phần thực hành tại các cơ sở thực tập có thêm sự phối hợp đánh giá của trường mầm non.

3. Điểm tồn tại

Khoa Sư phạm chưa tổ chức phân tích định lượng kết quả kiểm tra, thi của người học để đánh giá chính xác hơn kết quả học tập của người học. Mặc dù chú trọng thiết kế việc đánh giá kết quả học tập theo các thang bậc cao của chuẩn đầu ra nhưng còn một số học phần việc đánh giá phân nhiều dừng ở nhớ, hiểu, vận dụng, phân tích.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại 1	Tổ chức phân tích định lượng kết quả kiểm tra, thi của người học	Khoa Sư phạm phối hợp với phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng	Khi có kết quả học tập vào cuối kỳ và hoàn thành vào đầu kỳ học mới.	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
	Khắc phục tồn tại 2	Rà soát ĐCCTHP cải tiến các hình thức kiểm tra đánh giá đảm bảo đánh giá được mức độ CDR của học phần	Khoa Sư phạm	Hàng năm	
2.	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục đa dạng hình thức KTĐT quá trình đảm bảo đánh giá được mức độ đạt CDR của học phần.	Khoa Sư phạm	Hàng năm	
	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục lấy ý kiến phản hồi của người học về đội ngũ nhà giáo.	Trung tâm Phát triển doanh nghiệp và Giới thiệu việc làm	Cuối năm học	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 4/7 điểm)

Tiêu chí 6.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả hiện trạng

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học từ ngành GDMN Khoa Sư phạm được xác định rõ ràng theo Quy chế đào tạo của trường CĐSP Kon

Tum (trước năm 2018) trong Quyết định số 177/QĐ-CĐSP, ngày 12/08/2013 và Trường CĐCD Kon Tum (sau năm 2018) với Quyết định số 139/QĐ-CĐCD, ngày 30/01/2019 và số 899/QĐ-CĐCD, ngày 28/09/2020 hướng dẫn cụ thể, phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, hướng dẫn xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học [H6.06.01.01]. Ngay từ giai đoạn tuyển sinh đầu vào, công tác kiểm tra, đánh giá cũng được công bố công khai trên website của trường, đồng thời cũng đã gửi phiếu thông báo điểm đến từng SV. Trong suốt quá trình học, điểm kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ do GV giảng dạy bộ môn thông qua bằng việc kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài theo quy định của chương trình môn học và được GV công bố trước SV thông qua buổi học cuối cùng của môn học. Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức thi kết thúc môn học, việc đánh giá kết quả của SV dựa trên các mẫu phiếu chấm thi kết thúc học phần, mẫu phiếu chấm đề tài khóa luận cũng là tiêu chí để đánh giá kết quả học tập của người học trong suốt khóa học qua mỗi kỳ thi [H6.06.02.01]. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế dựa trên CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN. Trong CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN, nội dung, phương pháp đánh giá người học được chú trọng xây dựng phù hợp với từng đối tượng cụ thể [H6.06.01.02]. Tiêu chí về kiểm tra đánh giá học phần được quy định cụ thể có trong đề cương của tất cả các môn học/học phần có trong CTĐT ngành GDMN, các thông tin, quy định về kiểm tra, đánh giá các môn học cũng được GV thông báo đến SV thông qua việc giới thiệu đề cương môn học, quy định về kiểm tra đánh giá môn học ngay từ buổi học đầu tiên của mỗi môn học. Trong quá trình SV tham gia học tập, bài kiểm tra giữa kỳ được thực hiện vào tuần giữa thời gian học của học phần, bài kiểm tra cuối kỳ được thực hiện sau khi đã kết thúc môn học và theo lịch thi của nhà trường. Lịch thi được thông báo công khai tới người học. Thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan đến kì

thi cuối kì được thực hiện theo đúng hướng dẫn của nhà trường và được thông báo đến SV (Điểm chuyên cần và tự học, kiểm tra giữa môn học, thi kết thúc môn). Điểm trung bình kiểm tra được công bố công khai với SV trước khi kết thúc môn học. Tiêu chí, trọng số, hình thức đánh giá cụ thể để đánh giá học phần được quy định cụ thể trong đề cương học phần. [H6.06.02.02].

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học được thông báo công khai tới người học thông qua trang thông tin điện tử của trường, người học cũng có thể tìm thấy các văn bản quy định về Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, và thông qua đó người học có thể biết điểm số của mình sau mỗi kỳ thi [H1.01.01.14]. Từ đầu khóa học, sổ tay SV được cung cấp đến tay người học, trong đó có hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi/kiểm tra. Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6. Như vậy, có sự điều chỉnh về trọng số và bỏ cột điểm đánh giá thái độ [H6.06.02.03]. Bên cạnh đó, SV ngành GDMN được phổ biến trực tiếp quy chế kiểm tra đánh giá, điều kiện tốt nghiệp trong nội dung buổi sinh hoạt chính trị đầu khóa [H6.06.02.04]. Quy định đánh giá kết quả điểm rèn luyện của SV [H6.06.02.05].

Các tài liệu phổ biến các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được GV công khai giới thiệu đến người học qua mỗi buổi học tập chính trị đầu khóa, sổ tay SV và qua các buổi sinh hoạt toàn Khoa theo định kỳ [H6.06.02.06]. Đồng thời, qua buổi học đầu tiên của môn học, GV hướng dẫn trực tiếp cách thức kiểm tra đánh giá đối với môn học đó theo quy định của Nhà trường. Với một hệ thống văn bản rõ ràng, được quy định cụ thể, các hoạt động và phương pháp kiểm tra phù hợp. Hằng năm, Nhà Trường đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV và cựu SV về hoạt

động kiểm tra đánh giá của GV. Kết quả khảo sát thu được: 100% SV và cựu SV hài lòng về nội dung công tác thi và kiểm tra, đánh giá [H6.06.01.08].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch và những quy định về kiểm tra đánh giá được thông báo công khai với người học ngay trong các buổi sinh hoạt chính trị đầu khoá, các buổi sinh hoạt toàn Khoa theo định kỳ. Đồng thời, toàn bộ giảng viên của chương trình GDMN đều thực hiện việc thông báo quy định về đánh giá đến SV ngay từ buổi đầu tiên của quá trình giảng dạy. Những yêu cầu cụ thể về kì thi cuối kì được nhấn mạnh lại ít nhất một lần nữa ngay trước khi kết thúc quá trình giảng dạy. Thư ký của Khoa phối hợp với đội ngũ cố vấn học tập trong việc thông báo công khai, rõ ràng các thông tin liên quan đến quy định đánh giá kết quả học tập nên SV nắm rõ các quy định của nhà trường về KTĐG.

3. Điểm tồn tại

Việc tìm kiếm, nắm bắt thông tin của GV về quy định kiểm tra, đánh giá người học còn hạn chế về độ nhanh nhạy, sự chủ động, kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	GV chủ động, kịp thời tìm kiếm, nắm bắt thông tin về quy định kiểm tra, đánh giá người học.	GV	Trong suốt quá trình dạy học	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Những quy định về kiểm tra đánh giá được thông báo công khai với người học ngay từ khi bắt đầu học phần, trong ĐCCTHP	Khoa Sư phạm	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 4/7 điểm)

Tiêu chí 6.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng

Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện đa dạng, Nhà trường cũng như các nhà giáo đã sử dụng các phương pháp khác nhau để kiểm tra đánh giá kết quả của người học theo Quy chế đào tạo của Trường CĐSP Kon Tum (trước 2018) và Trường CĐCD Kon Tum (sau 2018). Trường đã thực hiện đánh giá quá trình kiểm tra của người học qua các đợt kiểm tra trong mỗi kì như sau: Kiểm tra thường xuyên do giảng viên giảng dạy môn học, học phần thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học theo từng môn học, học phần thông qua việc kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;

Kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình môn học, học phần; kiểm tra định kỳ gồm các hình thức kiểm tra viết từ 45 đến 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;

Số bài kiểm tra cho từng môn học, học phần phải bảo đảm trong một môn học, học phần có ít nhất một điểm kiểm tra thường xuyên, một điểm kiểm tra định kỳ đối với từng người học. [H6.06.03.01]. Tiêu chí về kiểm tra đánh giá học phần được quy định cụ thể trong ĐCCT học phần, các thông tin, quy định về kiểm tra, đánh giá các môn học cũng được GV thông báo đến SV thông qua việc giới thiệu đề cương môn học, quy định về kiểm tra đánh giá môn học ngay từ buổi học đầu tiên của mỗi môn học. Các tiêu chí kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học phân định rõ ràng mức độ đạt, không đạt nhằm đảm bảo độ tin cậy và độ giá trị. Tiêu chí, hình thức kiểm tra được quy định trong ĐCCT học phần. Đối với các học kiểm tra tự luận phải xây dựng tối thiểu 3 mã đề/ học phần, trắc nghiệm 3 mã đề/ học phần, vấn đáp 5 mã đề/ đơn vị học trình/ học phần. Đề thi có thể ở dạng câu hỏi tự luận không sử dụng tài liệu, câu hỏi tự luận được sử dụng tài liệu, vấn đáp, thực hành. Cá nhân GV đề xuất đề kiểm tra và đáp án, nhóm chuyên môn tổ hợp và phản biện đề nhằm đảm bảo đề thi bao phủ các nội dung và thang điểm như trong đề cương. Trưởng Bộ môn duyệt đề. Đề thi được Phòng Khảo thí Đảm bảo chất lượng mã hóa, sau đó chọn đề bất kỳ theo mã hóa [H6.06.03.02].

Các quy định về đề thi, kiểm tra, thi đánh giá được quy định rõ ràng trong Quyết định số 139/QĐ-CĐCĐ, và Quyết định số 1240/QĐ-CĐCĐ, ngày 11/11/2020 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Kon Tum và công bố công khai, thông qua đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa cho SV, đề thi kết thúc học phần được quy định rõ về cách thức trình bày, cấu trúc đề thi, thời gian làm bài cho các hình thức thi trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, đề thi được xác định cho phép sử dụng hay không sử dụng tài liệu. Đề thi có thể bốc thăm ngẫu nhiên lấy từ ngân hàng đề thi hoặc do nhà giáo giảng dạy biên soạn. Nhà trường đã xây dựng được hệ thống ngân hàng đề thi của các học

phần: Nghề giáo viên mầm non, Lí luận và phương pháp khám phá khoa học về môi trường xung quanh, vệ sinh dinh dưỡng...

Đối với các học phần chưa có ngân hàng đề thi thì giáo viên giảng dạy biên soạn theo đúng mẫu quy định. Nhà giáo giảng dạy môn nào thì ra đề môn đó. Đối với đề tự luận: Nội dung đề phải đạt yêu cầu các CDR của môn học theo ĐCCT; lời văn câu chữ rõ ràng; nội dung các câu hỏi không được trùng nhau; đáp án và thang điểm của mỗi câu được chia thành điểm của các ý nhỏ, tối thiểu đến 0,25 điểm; thời gian làm bài của một đề thi theo số tín chỉ của mỗi học phần/môn học/mô đun. Đối với đề tự luận: Là đề thi bao gồm các dạng câu hỏi trắc nghiệm; mỗi học phần/môn học/mô đun tối thiểu có 2 mã đề thi được chọn để tổ chức thi; thời gian trả lời tối đa 2 phút/câu hỏi. Biểu điểm có thể tính theo thang điểm 100 sau đó quy đổi sang điểm 10 hoặc thang điểm 10; Đối với đề thi vấn đáp: Căn cứ vào số tín chỉ của từng môn học tối thiểu 10 câu hỏi/01 tín chỉ. Đối với đề thi thực hành: Tùy theo đặc thù của từng môn học nhưng phải đảm bảo quy trình ra đề thi, duyệt đề thi, nộp đề thi và in sao đề thi.

Để tổ chức thi kết thúc học phần đảm bảo đúng quy chế và quy định của Trường thì yêu cầu phải đảm bảo đúng quy trình từ việc duyệt đề, in sao đề thi, cho đến việc niêm phong bảo quản dưới dạng tài liệu mật.

Sau khi có kết quả thi, Phòng Khảo thí Đảm bảo chất lượng vào điểm trên hệ thống của phần mềm quản lý đào tạo công khai đến người học một cách chặt chẽ và chính xác.

[H6.06.03.03]. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế dựa trên khung CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN, mục tiêu và CDR trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên [H6.06.03.04]. Sổ tay SV cũng được đến tay người học ngay trong buổi học chính trị đầu khóa như một cẩm nang không thể thiếu trong suốt khóa học [H6.06.03.05].

Phương pháp đánh giá kết quả học tập bảo đảm độ giá trị, độ tin cậy và công bằng đối với người học. Sau khi có kết quả thi, điểm thi sẽ được công khai đến người học thông qua trang thông tin điện tử của Trường [H6.06.03.06]. Các quy định tổ chức chấm thi, quản lý lưu trữ kết quả bài thi học kỳ được đảm bảo chặt chẽ [H6.06.03.07]. Để đảm bảo việc đánh giá kết quả học tập của SV khách quan, chính xác, công bằng, Nhà trường còn chỉ đạo các đơn vị đào tạo xây dựng hệ thống ngân hàng đề thi kết thúc học phần để phục vụ cho công tác kiểm tra, đánh giá, Bộ môn GDMN phối hợp với phòng KTĐBCL xây dựng hệ thống ngân hàng đề thi, thực hiện phân công triển khai xây dựng ngân hàng đề thi theo từng nhóm GV căn cứ vào chuyên môn giảng dạy. Các nhóm chuyên môn tự thực hiện xây dựng ngân hàng đề thi theo sự phân công của nhóm trưởng, sau khi hoàn thành báo cáo Trưởng Bộ môn lên kế hoạch nghiệm thu để hoàn thiện ngân hàng đề thi [H6.06.03.08]. Sau khi đã có kết quả thi kết thúc học phần, Khoa chuyên môn sẽ họp và phân tích kết quả học tập của người học và đề xuất điều chỉnh đề thi cho đảm bảo phù hợp với trình độ của người học [H6.06.03.09]. Qua mỗi đợt thi, Nhà trường sẽ sơ kết, tổng kết về hiệu quả các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong các học phần/môn học/CTĐT [H6.06.03.10]. Với một hệ thống văn bản rõ ràng, được quy định cụ thể, các hoạt động và phương pháp kiểm tra phù hợp, hằng năm, Nhà trường có thực hiện khảo sát ý kiến của giảng viên, người học và cựu sinh viên về công tác KTĐG. Kết quả phỏng vấn giảng viên cho thấy, định kỳ hàng năm Khoa/Bộ môn đều có bổ sung ngân hàng câu hỏi thi và 100% ý kiến của sinh viên và 100% cựu sinh viên đều hài lòng về cách thức tổ chức thi của Trường. Kết quả khảo sát ý kiến của sinh viên cuối khóa về PPKTĐG năm 2022 cho thấy 100% ý kiến sinh viên và 100% ý kiến của cựu sinh viên cho rằng PPKTĐG là đa dạng và có độ giá trị, độ tin cậy, đảm bảo công bằng [H6.06.03.09]. Thông qua trang thông tin điện tử của Trường địa chỉ <https://ktcc.edu.vn> để công khai kết quả của người học [H6.06.03.11].

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa với các hình thức thi vấn đáp, tự luận, trắc nghiệm, thực hành. Đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và CĐR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc đổi mới phương thức kiểm tra đánh giá cho số ít học phần đôi khi chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục để phù hợp với tình hình thực tiễn và đặc thù môn học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên đổi mới phương thức kiểm tra đánh giá để phù hợp với tình hình thực tiễn và đặc thù môn học	Khoa Sư phạm	Trong cả khóa học	
2.	Phát huy điểm mạnh 1	Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình, và đa dạng hóa với các hình thức thi vấn đáp, tự luận, trắc nghiệm, thực hành	Nhà trường	Trong cả năm học	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
	Phát huy điểm mạnh 2	Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và CDR của CTĐT	Nhà trường	Trong cả năm học	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 4/7 điểm)

Tiêu chí 6.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng

Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện đa dạng, Nhà trường cũng như các nhà giáo đã sử dụng các phương pháp khác nhau để kiểm tra đánh giá kết quả của người học theo Quy chế đào tạo của Trường CĐSP Kon Tum (trước 2018) và Trường CĐCD Kon Tum (sau 2018). Trường đã thực hiện đánh giá quá trình kiểm tra của người học qua các đợt kiểm tra trong mỗi kì như sau: Kiểm tra thường xuyên do giảng viên giảng dạy môn học, học phần thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học theo từng môn học, học phần thông qua việc kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;

Kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình môn học, học phần; kiểm tra định kỳ gồm các hình thức kiểm tra viết từ 45 đến 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;

Số bài kiểm tra cho từng môn học, học phần phải bảo đảm trong một môn học, học phần có ít nhất một điểm kiểm tra thường xuyên, một điểm kiểm tra định kỳ đối với từng người học. [H6.06.03.01]. Tiêu chí về kiểm tra đánh giá học phần được quy định cụ thể trong ĐCCT học phần, các thông tin, quy định về kiểm tra, đánh giá các môn học cũng được GV thông báo đến SV thông qua việc giới thiệu đề cương môn học, quy định về kiểm tra đánh giá môn học ngay từ buổi học đầu tiên của mỗi môn học. Các tiêu chí kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học phân định rõ ràng mức độ đạt, không đạt nhằm đảm bảo độ tin cậy và độ giá trị. Tiêu chí, hình thức kiểm tra được quy định trong ĐCCT học phần. Đối với các học kiểm tra tự luận phải xây dựng tối thiểu 3 mã đề/ học phần, trắc nghiệm 3 mã đề/ học phần, vấn đáp 5 mã đề/ đơn vị học trình/ học phần. Đề thi có thể ở dạng câu hỏi tự luận không sử dụng tài liệu, câu hỏi tự luận được sử dụng tài liệu, vấn đáp, thực hành. Cá nhân GV đề xuất đề kiểm tra và đáp án, nhóm chuyên môn tổ hợp và phản biện đề nhằm đảm bảo đề thi bao phủ các nội dung và thang điểm như trong đề cương. Trưởng Bộ môn duyệt đề. Đề thi được Phòng Khảo thí Đảm bảo chất lượng mã hóa, sau đó chọn đề bất kỳ theo mã hóa [H6.06.03.02].

Các quy định về đề thi, kiểm tra, thi đánh giá được quy định rõ ràng trong Quyết định số 139/QĐ-CĐCĐ, và Quyết định số 1240/QĐ-CĐCĐ, ngày 11/11/2020 của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Kon Tum và công bố công khai, thông qua đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa cho SV, đề thi kết thúc học phần được quy định rõ về cách thức trình bày, cấu trúc đề thi, thời gian làm bài cho các hình thức thi trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, đề thi được xác định cho phép sử dụng hay không sử dụng tài liệu. Đề thi có thể bốc thăm ngẫu nhiên lấy từ ngân hàng đề thi hoặc do nhà giáo giảng dạy biên soạn. Nhà trường đã xây dựng được hệ thống ngân hàng đề thi của các học phần:

Nghề giáo viên mầm non, Lí luận và phương pháp khám phá khoa học về môi trường xung quanh, vệ sinh dinh dưỡng...

Đối với các học phần chưa có ngân hàng đề thi thì giáo viên giảng dạy biên soạn theo đúng mẫu quy định. Nhà giáo giảng dạy môn nào thì ra đề môn đó. Đối với đề tự luận: Nội dung đề phải đạt yêu cầu các CDR của môn học theo ĐCCT; lời văn câu chữ rõ ràng; nội dung các câu hỏi không được trùng nhau; đáp án và thang điểm của mỗi câu được chia thành điểm của các ý nhỏ, tối thiểu đến 0,25 điểm; thời gian làm bài của một đề thi theo số tín chỉ của mỗi học phần/môn học/mô đun. Đối với đề tự luận: Là đề thi bao gồm các dạng câu hỏi trắc nghiệm; mỗi học phần/môn học/mô đun tối thiểu có 2 mã đề thi được chọn để tổ chức thi; thời gian trả lời tối đa 2 phút/câu hỏi. Biểu điểm có thể tính theo thang điểm 100 sau đó quy đổi sang điểm 10 hoặc thang điểm 10; Đối với đề thi vấn đáp: Căn cứ vào số tín chỉ của từng môn học tối thiểu 10 câu hỏi/01 tín chỉ. Đối với đề thi thực hành: Tùy theo đặc thù của từng môn học nhưng phải đảm bảo quy trình ra đề thi, duyệt đề thi, nộp đề thi và in sao đề thi.

Để tổ chức thi kết thúc học phần đảm bảo đúng quy chế và quy định của Trường thì yêu cầu phải đảm bảo đúng quy trình từ việc duyệt đề, in sao đề thi, cho đến việc niêm phong bảo quản dưới dạng tài liệu mật.

Sau khi có kết quả thi, Phòng Khảo thí Đảm bảo chất lượng vào điểm trên hệ thống của phần mềm quản lý đào tạo công khai đến người học một cách chặt chẽ và chính xác.

[H6.06.03.03]. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế dựa trên khung CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN, mục tiêu và CDR trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên [H6.06.03.04]. Sổ tay SV cũng được đến tay người học ngay trong buổi học chính trị đầu khóa như một cẩm nang không thể thiếu trong suốt khóa học [H6.06.03.05].

Phương pháp đánh giá kết quả học tập bảo đảm độ giá trị, độ tin cậy và công bằng đối với người học. Sau khi có kết quả thi, điểm thi sẽ được công khai đến người học thông qua trang thông tin điện tử của Trường [H6.06.03.06]. Các quy định tổ chức chấm thi, quản lý lưu trữ kết quả bài thi học kỳ được đảm bảo chặt chẽ [H6.06.03.07]. Để đảm bảo việc đánh giá kết quả học tập của SV khách quan, chính xác, công bằng, Nhà trường còn chỉ đạo các đơn vị đào tạo xây dựng hệ thống ngân hàng đề thi kết thúc học phần để phục vụ cho công tác kiểm tra, đánh giá, Bộ môn GDMN phối hợp với phòng KTĐBCL xây dựng hệ thống ngân hàng đề thi, thực hiện phân công triển khai xây dựng ngân hàng đề thi theo từng nhóm GV căn cứ vào chuyên môn giảng dạy. Các nhóm chuyên môn tự thực hiện xây dựng ngân hàng đề thi theo sự phân công của nhóm trưởng, sau khi hoàn thành báo cáo Trưởng Bộ môn lên kế hoạch nghiệm thu để hoàn thiện ngân hàng đề thi [H6.06.03.08]. Sau khi đã có kết quả thi kết thúc học phần, Khoa chuyên môn sẽ họp và phân tích kết quả học tập của người học và đề xuất điều chỉnh đề thi cho đảm bảo phù hợp với trình độ của người học [H6.06.03.09]. Qua mỗi đợt thi, Nhà trường sẽ sơ kết, tổng kết về hiệu quả các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong các học phần/môn học/CTĐT [H6.06.03.10]. Với một hệ thống văn bản rõ ràng, được quy định cụ thể, các hoạt động và phương pháp kiểm tra phù hợp, hằng năm, Nhà trường có thực hiện khảo sát ý kiến của giảng viên, người học và cựu sinh viên về công tác KTĐG. Kết quả phỏng vấn giảng viên cho thấy, định kỳ hàng năm Khoa/Bộ môn đều có bổ sung ngân hàng câu hỏi thi và 100% ý kiến của sinh viên và 100% cựu sinh viên đều hài lòng về cách thức tổ chức thi của Trường. Kết quả khảo sát ý kiến của sinh viên cuối khóa về PPKTĐG năm 2022 cho thấy 100% ý kiến sinh viên và 100% ý kiến của cựu sinh viên cho rằng PPKTĐG là đa dạng và có độ giá trị, độ tin cậy, đảm bảo công bằng [H6.06.03.09]. Thông qua trang thông tin điện tử của Trường địa chỉ <https://ktcc.edu.vn> để công khai kết quả của người học [H6.06.03.11].

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa với các hình thức thi vấn đáp, tự luận, trắc nghiệm, thực hành. Đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và CĐR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc đổi mới phương thức kiểm tra đánh giá cho số ít học phần đôi khi chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục để phù hợp với tình hình thực tiễn và đặc thù môn học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên đổi mới phương thức kiểm tra đánh giá để phù hợp với tình hình thực tiễn và đặc thù môn học	Khoa Sư phạm	Trong cả khóa học	
2.	Phát huy điểm mạnh 1	Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình, và đa dạng hóa với các hình thức thi vấn đáp, tự luận, trắc nghiệm, thực hành	Nhà trường	Trong cả năm học	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
	Phát huy điểm mạnh 2	Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và CDR của CTĐT	Nhà trường	Trong cả năm học	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 4/7 điểm)

Tiêu chí 6.4. Kết quả đánh giá được lưu trữ có hệ thống, được thông báo kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả hiện trạng

Trong việc triển khai đánh giá quá trình học tập của người học, Nhà trường luôn chú trọng đến tất cả các khâu, các bước một cách chặt chẽ. Trong đó khâu lưu trữ kết quả đánh giá người học rất được chú trọng, vì đây là minh chứng chứng nhận kết quả quá trình học tập của SV đang học tại Trường và sau khi đã tốt nghiệp. Hơn nữa, việc lưu trữ kết quả học tập có hệ thống sẽ giúp cho việc tra cứu, chiết xuất điểm của SV một cách nhanh chóng, chính xác. Điều này được thể hiện rõ [H1.01.01.08, H6.06.04.01]. Hơn nữa, qui trình lưu trữ kết quả đánh giá của người học đã được nhà trường chủ động, quan tâm và đưa vào Hệ thống quản lý WEBSITE của nhà trường. Cụ thể: Tổ trưởng Bộ môn lập danh sách đăng ký bảng phân công môn dạy cho GV vào đầu mỗi học kỳ, sau khi dạy kết thúc học phần, môn học GV vào điểm thường

xuyên, thái độ trực tiếp trên Hệ thống. Phòng KHĐBCL nhập điểm thi của SV lên Hệ thống quản lý, theo đó phòng TCCB nhập điểm rèn luyện cũng nhập điểm lên Hệ thống và Hệ thống quản lý website của nhà trường sẽ tính kết quả đánh giá người học trong học kỳ, năm học và toàn khoá. Đây được xem là qui trình lưu trữ kết quả đánh giá của người học một cách khách quan, khoa học.

GV được phân công giảng dạy phổ biến và cung cấp đề cương học phần cho sinh viên vào buổi học đầu tiên và thông báo kết quả đánh giá ý thức học tập/hồ sơ học tập và điểm đánh giá giữa kỳ được GV thông tin cho SV ngay khi kết thúc giảng dạy học phần [H6.06.04.02], chấm thi, công nhận kết quả thi và thông báo kết quả thi cho người học được Khoa Sư phạm phản hồi kịp thời đến người học theo đúng các quy định về việc phản hồi đánh giá kết quả học tập của người học của Trường CĐCD Kon Tum. Các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học được Nhà trường công bố công khai tới người học trước mỗi khóa học, mỗi kỳ học (trong buổi học chính trị đầu khoá, năm học) và được Trợ lý khoa, Cố vấn học tập của khoa phổ biến trực tiếp cho sinh viên. Từ đó đã giúp SV nhận thức kịp thời và có sự điều chỉnh: hình thức học tập, lập kế hoạch học tập, thay đổi phương pháp để chủ động cải thiện hơn nữa việc học tập cho kì tiếp theo [H6.06.02.04, H6.06.04.03, H6.06.04.04, H6.06.04.08].

Trước khi kết thúc môn học, GV thông báo điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên và điểm kiểm tra giữa kì công khai trước lớp sinh viên, được giảng viên nhập vào phần mềm quản lý điểm của trường. Điểm thi kết thúc học phần được thông báo công khai trên phần mềm hệ thống quản lý của Nhà trường tới người học chậm nhất 30 ngày sau ngày thi kết thúc học phần để SV có thể tra cứu kết quả học tập dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi thông qua phần mềm quản lý điểm và trên website của Trường [H6.06.04.05] [H6.06.04.07]. Đặc biệt, với CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN theo hướng phát huy tính tích cực của người học, tiếp cận phát triển năng lực người học, nhiều học phần trong quá trình đánh giá được thực hiện

một cách linh hoạt phối kết hợp đa dạng các hình thức (làm việc nhóm, trắc nghiệm, vấn đáp...) để kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần. Bên cạnh đó, cuối mỗi học kỳ giáo viên chủ nhiệm lớp, Khoa SP cùng với Phòng ĐT tổ chức gặp mặt lớp để thông báo kết quả học tập, rèn luyện và định hướng việc học cho học kỳ tiếp theo để người học có kế hoạch cải thiện việc học tập cho phù hợp với tiến độ đã đề ra, cũng như kịp thời cảnh báo cho sinh viên có kết quả yếu, có nguy học lại hoặc buộc thôi học [H6.06.04.06].

Nhà trường tổ chức lấy ý kiến về mức độ hài lòng người học đối với cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập bằng bảng hỏi SV đánh giá GV từng học kỳ. SV đã phản hồi về tính công khai, chính xác, kịp thời trong hoạt động kiểm tra đánh giá của GV 80% kết quả tốt, 12% kết quả khá, còn lại 8% kết quả trung bình. Kết quả việc làm này được tổng hợp trong Báo cáo tổng hợp kết quả SV đánh giá GV, Báo cáo tổng hợp kết quả phản hồi của SV và các bên liên quan. Ý kiến thông tin phản hồi từ người học đối với kết quả học tập thường xuyên được khoa đưa vào báo cáo sơ kết, tổng kết của đơn vị nhằm rút kinh nghiệm và có biện pháp nâng cao kết quả học tập của SV. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã khảo sát sự hài lòng của sinh viên năm cuối về phản hồi kết quả đánh giá của bao nhiêu sinh viên năm cuối. Kết quả: năm 2018 có 66,67% ý kiến sinh viên cho rằng kết quả học tập được Nhà trường thông báo kịp thời; có 74,36% ý kiến sinh viên cho rằng thông tin phản hồi kết quả học tập đã giúp sinh viên cải thiện được kết quả học tập trong những học kì tiếp theo; năm 2019 có 69,44% ý kiến sinh viên cho rằng kết quả học tập được Nhà trường thông báo kịp thời; có 75,00% ý kiến sinh viên cho rằng thông tin phản hồi kết quả học tập đã giúp sinh viên cải thiện được kết quả học tập trong những học kì tiếp theo; năm 2022 có 78,8% ý kiến sinh viên cho rằng kết quả học tập được Nhà trường thông báo kịp thời; có 70,37% ý kiến sinh viên cho rằng thông tin phản hồi kết quả học tập đã giúp sinh viên cải thiện được kết quả học tập trong những học kì tiếp theo [H6.06.04.09].

Chính nhờ các thông tin phản hồi được sử dụng như là một kênh để GV tham khảo, điều chỉnh phương pháp giảng dạy, hình thức tổ chức lên lớp một cách khoa học phù hợp với đối tượng sẽ làm cải thiện đáng kể việc học tập của SV.

2. Điểm mạnh

Kết quả học tập của người học thực hiện đúng quy trình, quy định, công tác quản lý kết quả học tập của người học được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn.

Người học được thông báo một cách kịp thời, nhanh chóng và chính xác về kết quả học tập sau mỗi môn học, học kỳ để từ đó có những điều chỉnh, không ngừng cải thiện việc học tập của bản thân.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù kết quả học tập của người học được phản hồi nhanh chóng để SV kịp thời cải tiến quá trình học tập, song đôi lúc còn có số ít SV băn khoăn với kết quả do SV chưa được tiếp cận với đáp án của đề thi để đối chiếu với kết quả đánh giá thi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	Công khai đáp án của đề thi trên hệ thống phần mềm quản lý để SV tự đối chiếu với bài thi, qua đó giúp SV có kế hoạch điều chỉnh việc học tập cũng như hạn chế việc đề nghị kiểm	Khoa Sư phạm hợp phòng KTĐBCL và Trung tâm	Khi công bố kết quả học tập vào cuối kỳ.	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		tra kết quả thi	Tin học – Ngoại ngữ & Thư viện		
2.	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục triển khai lưu trữ kết quả đánh giá người học một cách có hệ thống, khoa học, chính xác, an toàn	Khoa Sư phạm; phòng KTĐBCL; phòng Đào tạo	Năm 2021	
	Phát huy điểm mạnh 2	Thông báo nhanh chóng, kịp thời về kết quả học tập trên nhiều kênh khác nhau để người học cải thiện việc học tập.	Chủ nhiệm lớp; khoa Sư phạm; Trung tâm Tin học – Ngoại ngữ & Thư viện	Khi có kết quả học tập	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 4/7 điểm)

Tiêu chí 6.5. Người học dễ tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả hiện trạng

Quy trình khiếu nại về kết quả học tập đã được hướng dẫn rõ ràng trong các Quy định, Hướng dẫn của Nhà trường về quy trình khiếu nại/phúc khảo và được ghi rõ tại điều 15 chương IV của Quy định tổ chức thi, chấm thi, quản lý lưu trữ kết quả thi, bài thi kết thúc học phần/ môn học/ mô đun [H6.06.01.01]. Các quy định về quy trình khiếu nại kết quả học tập được thông báo công khai đến SV thông qua nhiều hình thức như chương trình sinh hoạt chính trị đầu khóa, gặp mặt SV Khoa Sư phạm, sổ tay SV và trang thông tin điện tử của Trường [H1.01.01.14, H5.05.02.06, H6.06.05.01, H6.06.05.02], theo đó SV có quyền đề nghị kiểm tra kết quả thi kết thúc học phần trong thời gian cho phép, theo quy định. Đơn đề nghị kiểm tra kết quả thi phải được gửi đến phòng KTĐBCL tổng hợp trong vòng 7 ngày kể từ ngày công bố kết quả. Phòng KTĐBCL xử lý, sau đó chuyển đến Khoa Sư phạm và trưởng Bộ môn chấm hoặc cán bộ chấm thi có liên quan rà soát lại toàn bộ các khâu liên quan đến quá trình chấm thi để phản hồi kịp thời tới SV qua phiếu trả lời kết quả. Thời gian kiểm tra kết quả không quá 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn của SV. Sau khi kiểm tra, nếu điểm cao hơn hoặc thấp hơn trước từ 1 điểm trở lên thì phòng KTĐBCL đề nghị cán bộ thứ 2 có cùng chuyên môn chấm lại. Kết quả cuối cùng do Trưởng Bộ môn ký xác nhận sau đó gửi lên phòng KTĐBCL và công bố cho SV, muộn nhất là 10 ngày kể từ ngày nhận đơn. Điểm sau kiểm tra là kết quả cuối cùng của điểm đánh giá học phần.

Hằng năm, ngoài việc phổ biến các quy định nêu trên về khiếu nại các kết quả học tập, Nhà trường cũng thường xuyên quan tâm chỉ đạo để được xử lý, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh (nếu có). Việc làm này được thực hiện thông qua nhiều kênh khác nhau như: thông qua sinh hoạt tuần công dân đầu khóa [H6.06.05.03], trang thông tin điện tử của nhà trường [H6.06.05.04], thông qua báo kết quả học tập và rèn luyện của SV [H6.06.05.06], tổ chức Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa SV với Lãnh đạo Nhà trường [H6.06.05.07]

Để thuận tiện cho người học trong việc tiếp cận cán bộ liên quan trong quá trình khiếu nại, Khoa Sư phạm và phòng KTĐBCL đã phân công một số GV, cán bộ phụ trách việc kiểm tra kết quả thi để tiếp nhận, xử lý và phản hồi kết quả tới người có liên quan thông qua sổ theo dõi việc khiếu nại/kết quả trả lời khiếu nại về kết quả học tập của người học và có bảng tổng hợp số lượng SV khiếu nại kết quả đánh giá ở các học phần qua các năm học cũng như tỉ lệ SV khiếu nại trên tổng số sinh viên [H6.06.05.05].

Nhà trường luôn quan tâm, lắng nghe và sẵn sàng giải quyết các khiếu nại cũng như các ý kiến từ phía người học. Tuy nhiên, trên cơ sở bảng tổng hợp số lượng SV khiếu nại kết quả đánh giá ở các học phần qua các năm học cũng như tỉ lệ SV khiếu nại trên tổng số SV thì trong giai đoạn 2015-2020 tổng số sinh viên khiếu nại là 0% (không phần trăm). Hơn nữa, theo khảo sát những năm gần đây thì mức độ hài lòng của SV về các vấn đề liên quan đến kết quả của người học chiếm tỷ lệ cao. Bên cạnh đó, Nhà trường đã khảo sát về mức độ hài lòng của người học đối với việc tiếp cận qui trình cũng như thời hạn và kết quả giải quyết khiếu nại của Nhà trường trong năm 2022, kết quả có 98,2% sinh viên thể hiện sự hài lòng. [H6.06.05.08, H6.06.05.09].

2. Điểm mạnh

Với những vấn đề Nhà trường đã triển khai, người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập của mình từ cán bộ phụ trách cấp khoa đến phòng KTĐBCL của Nhà trường. SV được phổ biến quy trình khiếu nại kiểm tra kết quả thi nên việc khiếu nại và xử lý khiếu nại của SV về kết quả học tập được tiến hành đúng quy trình, quy định và minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Các thủ tục, quy trình khiếu nại kết quả học tập qua nhiều công đoạn, từ cấp Khoa đến các đơn vị liên quan lên cấp trường nên mất nhiều thời gian, điều đó cũng phần nào dẫn đến người học vẫn rất e ngại khi thực hiện công việc này.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	Rút gọn hơn nữa quy trình, thủ tục phúc tra kết quả học tập của người học; hỗ trợ tích cực để giải quyết khiếu nại phúc tra bài thi của SV một cách nhanh, gọn và hiệu quả. Cụ thể: kể từ ngày nhận đơn đề nghị phúc khảo đến khi công bố kết quả cho thi SV, không quá là 7 ngày (<i>ngày làm việc</i>)	Khoa Sư phạm phối hợp với phòng KTĐBCL và chủ nhiệm lớp	Đầu năm học; khi có kết quả học tập	
2.	Phát huy điểm mạnh 1	Giúp người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập của mình từ cán bộ phụ trách cấp khoa đến Phòng KTĐBCL	Khoa Sư phạm; phòng KTĐBCL; phòng Đào tạo	Trong năm học	
	Phát huy điểm	Thường xuyên phổ biến quy trình khiếu nại kiểm tra kết quả	Chủ nhiệm lớp;	Đầu năm học, đầu	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
	mạnh 2	thi và nâng cao nhận thức của SV về việc khiếu nại kết quả học tập khi có nghi vấn về điểm, xem đó là nhiệm vụ mà mỗi SV cần làm để nâng cao hơn nữa việc học tập và rèn luyện. Biến quá trình giáo dục thành quá trình tự giáo dục.	Khoa Sư phạm	học kỳ và khi có kết quả học tập	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 4/7 điểm)

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên và nhân viên

Mở đầu

Hiện nay, cơ cấu tổ chức của Trường CĐCD Kon Tum gồm:

- Hội đồng Trường;
- Ban Giám hiệu;
- 6 phòng chức năng gồm: Đào tạo, TCCB, HCQT, KHTV, KTĐBCL, NCKH-HTQT.
- 5 khoa chuyên môn: khoa Cơ bản, khoa Sư phạm, khoa Y, khoa KTNL, khoa KTCN.
- 3 trung tâm: THNNTV, PTDN, TNCUDV.

Với tổng số cán bộ quản lý, GV và nhân viên của Trường là 242 người. Trong đó: Cán bộ quản lý 38 (cán bộ quản lý tham gia giảng dạy 37), nhà giáo 163, nhân viên 40. Về trình độ chuyên môn: Tiến sĩ 3, thạc sĩ 119, đại học 90, cao đẳng 5, trung cấp 12, trình độ khác 13. Biên chế 211, hợp đồng 31. Giới tính: Nam 118, nữ 124.

Nhiệm vụ quản lý các lớp cao đẳng sư phạm ngành GDMN hiện đang giao cho Khoa Sư phạm đảm nhận. Do vậy, tính riêng đội ngũ cán bộ quản lý khoa hiện có 1 trưởng khoa, 1 phó trưởng khoa; đối với nhà giáo tham gia giảng dạy CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN hiện có 83 nhà giáo, trong đó: nhà giáo dạy chuyên ngành là 9 nhà giáo (Bộ môn GDMN và Nghệ thuật, Bộ môn Khoa học giáo dục và tiếng Việt), nhà giáo các môn học chung, văn hóa là 74 nhà giáo. Đội ngũ nhân viên hiện có là 27 người.

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ quản lý, GV và nhân viên qua các năm có sự ổn định về số lượng và chất lượng không ngừng được nâng lên, đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN của Trường được đào tạo cơ bản, có trình độ năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH. Công tác đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ được Nhà trường quan tâm thực hiện theo đúng quy định.

Tiêu chí 7.1. Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý

1. Mô tả hiện trạng

Đội ngũ cán bộ quản lý của Khoa Sư phạm hiện có 1 Trưởng khoa và 1 phó Trưởng khoa, có 100% đạt tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức và chính trị tư tưởng, có lý lịch cán bộ viên chức rõ ràng [H7.07.01.01, H7.07.01.02, H7.01.03]. Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ quản lý của khoa được Ban Giám hiệu phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng qua các văn bản [H7.07.01.04, H7.07.01.05, H7.07.01.06]. Trong tổng số 2 cán bộ quản lý của khoa, có 2/2 người có trình độ thạc sĩ (tỷ lệ 100%), có

2/2 người là đảng viên, có 1 người có trình độ cao cấp lý luận chính trị, 1 trung cấp lý luận chính trị [H7.07.01.07], kết quả tự đánh giá, phân loại và qua các biên bản họp nhận xét hàng năm 100% cán bộ quản lý đạt tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, phẩm chất chính trị tư tưởng [H7.07.01.08, H7.07.01.09, H7.07.01.10]. Đội ngũ lãnh đạo Khoa Sư phạm được tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, học tập chính trị theo quy định [H7.07.01.011].

Đội ngũ cán bộ quản lý được bổ nhiệm theo đúng quy trình quy định [H7.07.01.12], có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý và giảng dạy, cụ thể trong 2 cán bộ quản lý có: 2/2 viên chức có trình độ thạc sĩ (tỷ lệ 100%) chuyên môn sư phạm Ngữ văn 2, có chứng nhận quản lý hành chính nhà nước ngành giáo dục 1 [H7.07.01.13].

Đội ngũ lãnh đạo khoa được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo quy định: Nhà trường luôn quan tâm thực hiện chính sách khuyến khích đội ngũ cán bộ quản lý học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Hằng năm, Trường đều xây dựng Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý nói chung và cán bộ lãnh đạo Khoa nói riêng; thường xuyên liên hệ, cử đội ngũ lãnh đạo khoa đi bồi dưỡng tập huấn các lớp cán bộ quản lý để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, nâng cao năng lực lãnh đạo [H7.07.01.14]. Kết quả đào tạo, bồi dưỡng hàng năm, Nhà trường đều cử cán bộ quản lý đi đào tạo, bồi dưỡng, học tập kinh nghiệm [H7.07.01.15, H7.07.01.16]. Hoạt động NCKH và phục vụ cộng đồng hằng năm của đội ngũ cán bộ quản lý đạt được những kết quả đáng khích lệ [H7.07.01.17].

Trong giai đoạn đánh giá, đội ngũ cán bộ quản lý của Khoa Sư phạm đã thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý theo yêu cầu. Qua kết quả tự đánh giá, phân loại và qua các biên bản họp nhận xét hàng năm 100% cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho công tác quản lý và tham gia giảng dạy, 100%

hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, 100% đạt danh hiệu Lao động tiên tiến trở lên [H7.07.01.18, H7.07.01.19].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ quản lý đạt tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ, về phẩm chất đạo đức, được tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và học tập chính trị theo qui định. Nhà trường luôn quan tâm thực hiện chính sách khuyến khích đội ngũ cán bộ quản lý học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Điểm tồn tại: Không.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh 1	- Tiếp tục làm tốt công tác đào tạo bồi dưỡng lý luận chính trị, quản lý nhà nước đối với đội ngũ quản lý. - Quan tâm tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ quản lý đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.	- Phòng TCCB - Khoa Sư phạm	Thường xuyên	
	Phát huy điểm mạnh 2	Tăng cường hơn nữa việc đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ năng lực chuyên môn, năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo. Làm tốt công tác quy hoạch để tạo nguồn, đào tạo bồi dưỡng nâng cao	Phòng TCCB phối hợp các đơn vị	Thường xuyên	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		năng lực lãnh đạo quản lý, năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo kế cận.			

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 4/7 điểm)

Tiêu chí 7.2. Đội ngũ giảng viên, giáo viên có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về số lượng và cơ cấu chuyên môn

1. Mô tả hiện trạng

Đội ngũ nhà giáo của Trường có 100% đạt tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị tư tưởng, có lý lịch cán bộ viên chức rõ ràng [H7.07.02.01].

Trong tổng số 202 nhà giáo cơ hữu của Trường, có 83 nhà giáo tham gia giảng dạy CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN. Trong đó: 61/83 nhà giáo là đảng viên (chiếm tỉ lệ 73,49%), 8/83 nhà giáo có trình độ cao cấp lý luận chính trị (chiếm tỉ lệ 9,64%), 12/83 nhà giáo có trình độ trung cấp lý luận chính trị (chiếm tỉ lệ 14,46%). [H7.07.02.02].

Kết quả tự đánh giá, phân loại và qua các biên bản họp nhận xét hàng năm 100% nhà giáo đạt tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị tư tưởng [H7.07.02.03]. Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và đảng viên cuối năm chỉ có 1 trường hợp viên chức xếp loại ở mức không hoàn thành nhiệm vụ (do không hoàn thành khối lượng giờ giảng), không có trường hợp nhà giáo bị xử lý kỷ luật do vi phạm tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị [H07.07.02.04, H07.07.02.05]. Hàng năm, Trường phối hợp với Sở LĐTĐ để tổ chức cho 100% nhà giáo tham gia bồi dưỡng chính trị hệ để cập nhật những nội dung về tình hình chính trị trong và ngoài nước, những văn

bản quy định liên quan đến ngành, lĩnh vực đào tạo mới [H07.07.02.06].

Để đảm bảo việc thực hiện chuẩn mực đạo đức của nhà giáo Nhà trường đã ban hành quy định về chuẩn mực đạo đức đối với nhà giáo [H07.07.02.07]. Qua thời gian thực hiện quy định, không có trường hợp nhà giáo vi phạm chuẩn mực đạo đức [H07.07.02.08], kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và đảng viên hàng năm, 100% đội ngũ nhà giáo của Trường đạt chuẩn về đạo đức nhà giáo [H07.07.02.09].

Nhà trường có đội ngũ nhà giáo đủ về số lượng để thực hiện nhiệm vụ đào tạo theo quy định. Hiện nay, chỉ tiêu biên chế được giao cho Trường năm 2022 là 237 chỉ tiêu, do vậy 100% GV cơ hữu của Trường. [H07.07.02.10, H07.07.02.11]. Qua diễn biến số lượng đội ngũ nhà giáo trong năm 2022, đội ngũ nhà giáo của Trường không có sự biến động lớn [H07.07.02.12].

Đội ngũ nhà giáo của Trường hiện có 83/83 nhà giáo (đạt tỉ lệ 100%) đảm bảo trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu đào tạo, cụ thể trong 83 nhà giáo cơ hữu 100% có trình độ đại học trở lên, trong đó có: 1 nhà giáo có trình độ tiến sĩ (tỷ lệ 1,2%), 61 nhà giáo có trình độ thạc sĩ (tỷ lệ 73,49%), 21 nhà giáo có trình độ đại học (tỷ lệ 25,3%). Cơ cấu về giới tính nữ 39 (tỷ lệ 46,98%), nam 44 (tỷ lệ 53,01%). Cơ cấu theo độ tuổi có: Độ tuổi dưới 35 tuổi 4 người, từ 35-45 là 46 người, từ 45-50 tuổi là 21 người, trên 55 tuổi là 12 người. Về cơ cấu chuyên môn: GV thuộc Bộ môn Giáo dục mầm non và Nghệ thuật 9 người, bộ môn Khoa học giáo dục và tiếng Việt 11 người. Nhà giáo các môn học chung và cơ sở 63 người. Do vậy, nhà giáo giảng dạy CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN chiếm hơn 41% so với đội ngũ nhà giáo của toàn Trường, đảm bảo phù hợp với cơ cấu chuyên môn và quy mô đào tạo của Trường; đảm bảo các bộ môn tham gia giảng dạy chương trình Mầm non đều có nhà giáo cơ hữu đủ để thực hiện nhiệm vụ, tỷ lệ HSSV/nhà giáo chỉ là 1 nhà giáo/4 HSSV [H07.07.02.13] [H07.07.02.14].

Nhà trường luôn quan tâm thực hiện chính sách khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. Trong năm 2022, Trường đã triển khai cho viên chức và các đơn vị đăng ký nhu cầu, nguyện vọng đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ trong năm; trên cơ sở đó, nhà trường xây dựng Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ viên chức và nhà giáo trong năm [H7.07.02.15]. Trong quá trình thực hiện, phòng Tổ chức cán bộ và Công tác học sinh – sinh viên thường xuyên tham mưu Ban Giám hiệu về việc cử viên chức đi đào tạo bồi dưỡng theo Kế hoạch, bên cạnh đó, viên chức và nhà giáo chủ động liên hệ cơ sở đào tạo để đề xuất việc đi học tập, bồi dưỡng theo Kế hoạch được duyệt. Trường thường xuyên liên hệ, liên kết với các cơ sở giáo dục tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng cho nhà giáo ngay tại Trường đồng thời kiến nghị cấp trên về nhu cầu bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy cho nhà giáo, thường xuyên cử viên chức của Trường tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng theo nhu cầu của viên chức và đơn vị hoặc cử viên chức đi đào tạo bồi dưỡng theo yêu cầu văn bản của cấp trên [H7.07.02.16]. Kết quả đào tạo, bồi dưỡng hàng năm 2022, nhà trường đã cử 372 lượt nhà giáo đi đào tạo, bồi dưỡng, học tập kinh nghiệm. Trong đó: Cử 2 nhà giáo đi học thạc sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam; cử 69 nhà giáo đi tập huấn biên soạn chương trình, giáo trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non; cử 20 nhà giáo đi bồi dưỡng "nghiệp vụ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp"; cử 54 nhà giáo đi tham gia khóa khóa đào tạo phương pháp nghiên cứu khoa học và 227 lượt đào tạo, bồi dưỡng khác [H7.07.02.17].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhà giáo của Trường đạt tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị tư tưởng, đạo đức nhà giáo, nhà giáo là đảng viên và được đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị chiếm tỷ lệ cao.

Trường có số lượng nhà giáo đủ và có chuyên môn phù hợp để thực hiện nhiệm vụ đào tạo, cơ cấu GV của Trường phù hợp với cơ cấu chuyên môn và quy mô đào

tạo, đảm bảo các bộ môn/tổ chuyên môn đều có nhà giáo cơ hữu.

3. *Điểm tồn tại*

4. *Kế hoạch hành động*

5. *Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 4/7 điểm)*

Tiêu chí 7.3. Đội ngũ giảng viên, giáo viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn theo quy định; có năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm đáp ứng được yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của chương trình đào tạo; thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ đào tạo

1. *Mô tả hiện trạng*

Nhà trường đã xác định việc chuẩn hoá đội ngũ nhà giáo là một trong những mục tiêu đặt ra hàng năm của khoa, Bộ môn trong Trường. Cho đến nay đội ngũ GV có trình độ đạt chuẩn theo qui định (100%) đảm bảo đạt chuẩn trở lên về trình độ chuyên môn: có 83/83 nhà giáo (đạt tỉ lệ 100%) đảm bảo trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu đào tạo, cụ thể trong 83 nhà giáo cơ hữu có 71 nhà giáo xếp hạng III và 12 nhà giáo xếp hạng II. Trong đó có: 1 nhà giáo có trình độ tiến sĩ (tỷ lệ 1,2%), 61 nhà giáo có trình độ thạc sĩ (tỷ lệ 73,49%), 21 nhà giáo có trình độ đại học (tỷ lệ 25,3%); 100% GV có đầy đủ các chứng chỉ về nghiệp vụ sư phạm; trình độ tin học ngoại ngữ [H7.07.03.01]; đội ngũ nhà giáo có năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH của CTĐT theo danh sách [H7.07.03.02]. Đội ngũ GV đạt về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác, trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giảng dạy, nghiên cứu, đóng góp cho cộng đồng tại Văn bản qui định [H7.07.03.03]; để thực hiện tốt công tác quản lý giảng dạy các bộ môn trong trường, Hiệu trưởng Nhà trường đã bổ nhiệm Trưởng Bộ môn [H7.07.03.04], văn bản quy định của nhà nước về phát triển đội ngũ GV đạt chuẩn theo qui định [H7.07.03.05].

Hàng năm theo năm học Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức đánh giá xếp loại viên chức theo qui định [H7.07.03.06]; có quyết định công nhận GV đạt danh hiệu và khen thưởng hàng năm [H7.07.03.07]. Trên cơ sở các văn bản của nhà nước nhà trường cụ thể hóa qui định chuẩn chế độ làm việc nhà giáo [H7.07.03.08] và qui định về quản lý đề tài NCKH của Trường [H7.07.03.09], hàng năm Nhà trường đều có bảng thống kê các hoạt động NCKH của nhà giáo [H7.07.03.10], bản nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành công việc hằng năm của GV theo qui định như: Tổng số giờ chuẩn của nhà giáo qui định là 524 giờ, trong đó: Thực hiện công tác giảng dạy và giáo dục học viên, học sinh, SV là 380 giờ chuẩn; học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao, NCKH là 96 giờ chuẩn; thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn là 48 giờ chuẩn kết quả xếp loại được lưu tại phòng TCCB [H7.07.03.11].

Việc đánh giá năng lực chuyên môn đối với GV được thực hiện qua việc dự giờ, thao giảng hàng năm. GV đăng ký thao giảng và được tổ bộ môn tổ chức họp nhận xét, đánh giá, góp ý sau mỗi tiết dạy cho thấy 100% GV được đánh giá ở mức khá trở lên có Bản nhận xét, đánh giá trình độ và năng lực Viên chức, báo cáo đánh giá GV tham gia GD SPMN [H7.07. 03.12]. Khoa Sư phạm đã xây dựng bộ phiếu đánh giá GV tham gia giảng dạy ngành GDMN với những tiêu chí cụ thể, rõ ràng về giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng. Qua báo cáo kết quả đánh giá của từng bộ môn cho thấy 100% GV được đánh giá ở mức khá trở lên. Điều này cho thấy chất lượng đội ngũ GV ngày càng được nâng cao đáp ứng nhu cầu.

Năm 2022, việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhà giáo (viên chức) được thực hiện đánh giá thông qua bản nhận xét, đánh giá của cá nhân, theo đúng quy định về công tác đánh giá, phân loại VC của Trường CĐCD Kon Tum theo năm học. Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm học 2021-2022 chỉ có 1 trường hợp viên chức xếp loại ở mức không hoàn thành nhiệm vụ (do không hoàn thành khối lượng giờ giảng), có thông báo kết quả và bản nhận xét xếp loại năm học 2021-2022

[H7.07.03.13].

Trong các hoạt động lên lớp của nhà giáo thực hiện theo qui định có kế hoạch và chương trình, bài giảng khi lên lớp theo mẫu qui định của Bộ GDĐT và Bộ LĐTBXH, ngoài ra đội ngũ nhà giáo được phân công đưa SV đi thực tập tại Trường mầm non Tư thực trong tỉnh. Đội ngũ GV thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ đào tạo cụ thể 100% GV của chương trình đều có kế hoạch bài giảng cá nhân được phê duyệt, đồng thời tham gia xây dựng kế hoạch đào tạo, biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy của khoa, bộ môn và thực hiện nhiệm vụ NCKH theo quy định [H7.07.03.14], hàng năm Nhà trường đều có Kế hoạch đào tạo và giảng dạy ngành GDMN [H7.07.03.15], phân công GV biên soạn chương trình giáo trình [H7.07.03.16] và có các văn bản nghiệm thu chương trình kế hoạch bài giảng, giáo trình, tài liệu giảng dạy theo qui định [H7.07.03.17].

2. Điểm mạnh

100% nhà giáo thực hiện CTĐT có đủ trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng sư phạm đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH; có kế hoạch bài giảng cá nhân, tham gia xây dựng kế hoạch đào tạo, biên soạn chương trình, giáo trình.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Trường đã có nhiều cố gắng trong việc đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học trong nhà trường. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu khoa học chưa thật sự tương xứng với năng lực của đội ngũ nhà giáo.

Nguyên nhân tồn tại: Do trong năm 2022, đội ngũ nhà giáo chủ yếu tập trung vào việc xây dựng chương trình, giáo trình nên chưa đầu tư nhiều vào công tác nghiên cứu khoa học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	Kết quả nghiên cứu khoa học chưa thật sự tương xứng với năng lực của đội ngũ nhà giáo	Khoa Sư phạm phối hợp với phòng Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế tham mưu việc đẩy mạnh hoạt động NCKH trong nhà giáo; Phòng TCCB và CTHSSV tham mưu đưa nội dung NCKH vào tiêu chí đánh giá chất lượng viên chức	Năm 2023	
2.	Phát huy điểm mạnh 1	Khoa có đủ đội ngũ GV cơ hữu để giảng dạy cho SV ngành GDMN đảm bảo hợp lý khối lượng công việc	Khoa có đủ đội ngũ GV cơ hữu để giảng dạy cho SV ngành GDMN đảm bảo hợp lý khối lượng công việc		

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
	Phát huy điểm mạnh 2	Từ năm học 2022-2023, Nhà trường tập trung chỉ đạo việc khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ GV dạy ngành GDMN hàng năm theo qui định, đồng thời xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ GV ngành GDMN.	Phòng TCCB tham mưu Nhà trường khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ GV	Năm học 2022-2023	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 4/7 điểm)

Tiêu chí 7.4. Giảng viên, giáo viên được đánh giá năng lực và được hỗ trợ, tạo điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ được giao

1. Mô tả hiện trạng

Đội ngũ giảng viên, giáo viên có năng lực chuyên môn nghiệp vụ tốt đáp ứng được vị trí việc làm, ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin trong giảng dạy, tham gia NCKH và hướng dẫn thực tập sư phạm, xây dựng, thiết kế và thực hiện chương trình dạy học; lựa chọn và áp dụng phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra; giám sát và đánh giá chất lượng công việc; tìm kiếm thông tin và giải quyết vấn đề; viết báo cáo khoa học đạt chuẩn theo qui định của nhà nước

[H7.07.04.01].

Hiện nay, 100% đội ngũ GV dạy chương trình GDMN có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, chứng chỉ Tin học, chứng chỉ Ngoại ngữ. Ngoài ra đội ngũ GV tham gia giảng dạy chương trình GDMN còn có chứng chỉ chuẩn chức danh nghề nghiệp GV hạng II. Năm 2022 80% đội ngũ GV dạy chương trình GDMN được cấp chứng chỉ GV hạng II [H7.07.04.02].

Đánh giá năng lực giảng dạy đối với GV được thực hiện qua việc dự giờ, thao giảng. Hàng năm GV đăng ký thao giảng và được tổ bộ môn tổ chức họp nhận xét, đánh giá, góp ý sau mỗi tiết dạy cho thấy 100% GV được đánh giá ở mức khá trở lên [H7.07.04.03]. Năm học 2021-2022 Nhà trường tổ chức hội giảng đã tạo nên không khí sôi nổi thi đua dạy tốt - học tốt, tạo động lực cho GV nỗ lực phấn đấu, hoàn thiện bản thân đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục, góp phần tạo nên thương hiệu của Nhà trường. Trên cơ sở kế hoạch tổ chức hội giảng của Nhà trường, Khoa Sư phạm tổ chức hội giảng, lựa chọn những tiết dạy xuất sắc dự thi cấp trường. Kết quả đạt được là 100% GV tham gia hội giảng cấp trường đều đạt giải [H7.07.04.04].

Nhà trường đã ban hành Quy định chế độ làm việc của Nhà giáo Giáo dục nghề nghiệp Trường Cao Đẳng Cộng đồng Kon Tum. Trong đó, quy định rõ định mức giờ giảng và nhiệm vụ nhà giáo như NCKH. Ngoài ra Khoa Sư phạm đã xây dựng bộ phiếu đánh giá GV tham gia giảng dạy chương trình GDMN với những tiêu chí cụ thể, rõ ràng về giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng. Qua phiếu và báo cáo kết quả đánh giá của từng bộ môn năm học 2021-2022 cho thấy 100% GV được đánh giá ở mức khá trở lên. Điều này cho thấy chất lượng đội ngũ GV ngày càng được nâng cao đáp ứng nhu cầu đào tạo trong thời đại hội nhập và phát triển [H7.07.04.05].

Trường CĐCD Kon Tum đã xây dựng kế hoạch, bộ phiếu khảo sát ý kiến của người học về hoạt động giảng dạy của GV. Trong đó chú trọng đánh giá về bài giảng trên lớp, hướng dẫn SV tự học, về kiến thức, kỹ năng, phương pháp truyền đạt và đánh giá kết quả của người học. Để nâng cao hiệu quả bài giảng, thu hút người học

theo dõi thì sự cởi mở, thân thiện, tôn trọng người học cũng là một trong những tiêu chí được đưa vào để lấy ý kiến của người học. Qua báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của người học về hoạt động giảng dạy của GV cho thấy trong tổng 21 tiêu chí đưa ra lấy ý kiến thì năm học 2021-2022 có 95% các tiêu chí được người học đánh giá ở mức tốt (có đồng ý và hoàn toàn đồng ý) [H7.07.04.06].

Đội ngũ nhà giáo giảng dạy chương trình GDMN tích cực tham gia hoạt động NCKH, viết bài đăng trên kỷ yếu khoa học. Hoạt động NCKH của đội ngũ GV Nhà trường được đa dạng hóa dưới nhiều hình thức, GV không chỉ thực hiện đề tài NCKH, viết sáng kiến kinh nghiệm mà còn viết bài báo đăng trên các tạp chí, kỷ yếu khoa học. Năm học 2021-2022 có 31 bài báo đăng trên tạp chí KH, kỷ yếu KH [H7.07.04.07].

Việc đánh giá năng lực của đội ngũ GV còn được thể hiện trong công tác đánh giá, xếp loại, chất lượng viên chức hàng năm theo quy định, được Trường thực hiện một cách khách quan, công bằng (các bản nhận xét, đánh giá của cá nhân).

Theo đó, mỗi GV tự đánh giá kết quả công tác của cá nhân về giảng dạy, phục vụ cộng đồng theo 4 mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ [H7.07.04.08]. Sau đó Khoa tiến hành họp để nhận xét, đánh giá, xếp loại GV và gửi kết quả lên Trường, Trường tiếp tục họp để nhận xét, đánh giá, xếp loại GV. Kết quả đánh giá, phân loại CBVC hàng năm cho thấy 100% đội ngũ GV tham gia giảng dạy chương trình GDMN được đánh giá từ mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên [H7.07.04.09].

Công tác bình xét thi đua hàng năm được triển khai một cách khoa học, giúp cá nhân tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình. Đồng thời để các cấp quản lý ghi nhận thành tích của GV và có cái nhìn tổng quan về tình hình giảng dạy, NCKH của đội ngũ GV. Hàng năm đội ngũ GV tham gia giảng dạy chương trình GDMN có hơn 70% được Nhà trường khen thưởng danh hiệu lao động tiên tiến trở lên, trong

đó có gần 10% đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở theo năm học [H7.07.04.10]. Việc tuyên dương khen thưởng đối với những GV đạt thành tích xuất sắc trong kỳ hội giảng, đề tài sáng kiến kinh nghiệm được hội đồng khoa học Trường công nhận kịp thời ngay sau các đợt tổ chức.

Để thực hiện chế độ và theo dõi khối lượng công việc của nhà giáo trên cơ sở văn bản cấp trên. Nhà trường đã ban hành quy định cụ thể về nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và thực tập đối với GV. Quy định này vừa tạo điều kiện để GV hoàn thành nhiệm vụ được giao, vừa là động lực để GV tích cực NCKH [H7.07.04.11].

Năm học 2021-2022 Khoa Sư phạm xây dựng và tổ chức hội thảo khoa học nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, đổi mới PPDH, nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ cho đội ngũ GV [H7.07.04.12].

Nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; từng bước xây dựng đội ngũ GV chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển thời đại công nghệ 4.0 Nhà trường rất chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ viên chức, cụ thể:

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ; Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016-2025, Trường đã chủ động xây dựng và triển khai có hiệu quả nhiều kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và viên chức, người lao động.

Để việc xây dựng các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng sát với nhu cầu, nâng cao tính khả thi, hàng năm, Trường đã căn cứ các văn bản hướng dẫn, văn bản triển khai của cấp trên, triển khai rộng rãi đến các đơn vị thuộc Trường để phổ biến thông tin đến viên chức biết, đăng ký. Theo đó, khảo sát được nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của viên chức, nâng cao hiệu quả công tác tham mưu.

Các kế hoạch trên chủ yếu tập trung vào các nội dung: Đào tạo sau đại học, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; ngoại ngữ; tin học và bồi dưỡng nghiệp vụ khác. Trên cơ sở đó, Hiệu trưởng nhà trường đã phê duyệt các kế hoạch, ban hành quyết định cử nhà giáo đi bồi dưỡng. Sau khi kết thúc các đợt bồi dưỡng, các nhà giáo đều có báo cáo kết quả bồi dưỡng cho Ban Giám hiệu.

Ngoài ra, để nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác giảng dạy và tăng cường kỹ năng sử dụng tiếng Anh giao tiếp, Trường đã giao cho Trung tâm Tin học – Ngoại ngữ và Thư viện chủ động xây dựng kế hoạch bồi dưỡng tin học, tiếng Anh giao tiếp cho viên chức toàn Trường.

Định kỳ hàng năm, Trường phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tổ chức bồi dưỡng chính trị hè cho toàn thể viên chức quản lý, đội ngũ giáo viên và nhân viên lao động.

Để nâng cao chất lượng giảng dạy, Trường đã chủ động liên hệ mời các chuyên gia, báo cáo viên về tập huấn ngay tại Trường các nội dung như: Bồi dưỡng chương trình Đào tạo theo tiếp cận chuẩn đầu ra trong GDNN, tập huấn đổi mới phương pháp giảng dạy. Phối hợp với các cơ sở đào tạo, tổ chức bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp GV hạng II, nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên cao đẳng, đại học. Định kỳ hàng năm, trong các báo cáo tổng kết năm học và các báo cáo cho cơ quan cấp trên, Trường đều có nội dung báo cáo kết quả thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng. Tuy nhiên, Trường chưa thực hiện tốt việc đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng đạt được so với kế hoạch đề ra, chưa làm tốt việc khảo sát nhu cầu và đánh giá hiệu quả sau đào tạo (mới dừng lại ở các số liệu, chưa có nhiều đánh giá, giải pháp hiệu quả khắc phục hạn chế,).

Kết quả đã cử GV đi đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ: năm 2021 đã cử 45 lượt trong đó, chú trọng đến đào tạo bồi dưỡng về chuyên

môn, nghiệp vụ cho nhà giáo như nghiệp vụ sư phạm, biên soạn chương trình, giáo trình, kỹ năng nghiên cứu khoa học,... [H7.07.04.13, H7.07.04.14].

Bên cạnh việc tạo điều kiện về thời gian để GV tham gia các lớp bồi dưỡng, Nhà trường còn hỗ trợ kinh phí cho GV đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Báo cáo quyết toán hàng năm tổng hợp kinh phí dành cho hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ GV lưu tại phòng KHTV [H7.07.04.15].

2. Điểm mạnh

Khoa Sư phạm phối hợp với Nhà trường thường xuyên tổ chức hoạt động thao giảng, dự giờ và hội thi giảng để GV học hỏi, trao đổi kinh nghiệm. Vừa nâng cao hơn nữa chất lượng giảng dạy, tạo động lực cho GV nỗ lực phấn đấu, vừa tạo không khí thi đua dạy tốt - học tốt. Công tác tuyên dương khen thưởng đối với những GV đạt thành tích xuất sắc trong giảng dạy và NKCH được quan tâm kịp thời.

Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực chuyên môn, năng lực NCKH của đội ngũ giảng viên được đánh giá rõ ràng đa dạng về hình thức như: dự giờ, phiếu đánh giá GV, khảo sát sinh viên hằng năm,... ở nhiều cấp độ khác nhau. Đội ngũ GV nhiệt tình, tâm huyết với nghề, yêu trường, mến lớp, dày dặn kinh nghiệm.

3. Điểm tồn tại

- Việc trao đổi học hỏi với các trường tiên tiến về đánh giá năng lực của đội ngũ GV chưa được triển khai thường xuyên.
- Chưa thực hiện tốt việc tổ chức khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho GV hằng năm. Chưa làm tốt việc đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng hằng năm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	Nhà trường cần thường xuyên trao đổi, học hỏi các trường tiên tiến về việc đánh giá năng lực của đội ngũ GV.	Khoa, Trường	Thực hiện thường xuyên hàng năm	
		<ul style="list-style-type: none"> - Việc bồi dưỡng GV về chuyên môn, nghiệp vụ định kì hằng năm chưa nhiều. - Chưa thực hiện tốt việc tổ chức khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho GV hằng năm. - Chưa làm tốt việc đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng hằng năm. 	GV, Khoa, Trường	<p>Xây dựng kế hoạch để:</p> <ul style="list-style-type: none"> Rà soát và bồi dưỡng GV về chuyên môn, nghiệp vụ định kì hằng năm. - Thực hiện khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho GV hằng năm (triển khai các phiếu khảo sát và đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng,) - Thực hiện việc đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng hằng năm (Khảo sát, đánh giá hiệu quả sau đào tạo, bồi dưỡng, ...; có báo cáo cụ thể kết 	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
				quả đạt được so với Kế hoạch, ...).	
2.	Phát huy điểm mạnh 1	Nhà trường tiếp tục quan tâm, chỉ đạo sát sao và thường xuyên hoạt động đánh giá năng lực của đội ngũ GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ.	Khoa và Trường	Xây dựng kế hoạch triển khai đánh giá vào đầu mỗi học kỳ, tổng hợp kết quả vào cuối học kỳ, năm học.	
	Phát huy điểm mạnh 2	Khoa Sư phạm phối hợp với Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh hoạt động thao giảng, dự giờ và thường xuyên tổ chức hội thi giảng để GV học hỏi, trao đổi kinh nghiệm. Nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng giảng dạy, tạo động lực cho GV nỗ lực phấn đấu, vừa tạo không khí thi đua dạy tốt - học tốt.	Khoa và Trường	Thực hiện thường xuyên mỗi học kỳ	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 4/7 điểm)

Tiêu chí 7.5. Đội ngũ nhân viên có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao; được đánh giá năng lực; được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

1. Mô tả hiện trạng

Đội ngũ nhân viên hiện làm việc tại thư viện sách, thư viện số, hệ thống công nghệ thông tin và phòng chức năng có liên quan và các dịch vụ hỗ trợ khác của Nhà trường đóng một vai trò quan trọng trong việc triển khai các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của Nhà trường. Hiện nay do Trường đào tạo 2 khối ngành sư phạm và khối giáo dục nghề nghiệp nên việc bố trí các nhân viên theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị để phục vụ tốt công tác đào tạo. Trường có thư viện sách và thư viện số để phục vụ cho đào tạo, đội ngũ nhân viên thư viện sách và thư viện số đúng chuyên môn và đạt yêu cầu, các nhân viên phòng, khoa được phân công hỗ trợ cho công tác phục vụ chương trình CTĐT Mầm non kịp thời. Tại thời điểm báo cáo 11/2022 là 27 người: trong đó có trình độ đại học trở lên 12 người đạt 44.4%, được phân bổ tại phòng HC-QT: 12, phòng Đào tạo: 2, phòng TCCB: 1; phòng KHTV: 4, khoa sư phạm: 1, trung tâm PTDN: 1; phòng KTĐBCL: 1, thư viện: 4. Đội ngũ nhân viên hiện tại đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, phẩm chất đạo đức tốt có hồ sơ [H7.07.05.01]; đội ngũ nhân viên hỗ trợ có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, vị trí việc làm được thống kê danh sách hàng năm [H7.07.05.02], nhân viên có văn bằng chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ đầy đủ [H7.07.05.03].

Nhà trường có tổ chức họp đánh giá về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và phẩm chất đạo đức của nhân viên theo qui định đánh giá xếp loại viên chức hàng năm theo năm học có bản tự đánh giá cá nhân [H7.07.05.04]. Ngoài ra, Khoa còn có đội ngũ GV kiêm nhiệm làm giáo chủ nhiệm lớp hệ chính quy, hệ vừa học vừa làm, các viên chức hỗ trợ và GV kiêm nhiệm đều có kỹ năng tin học và soạn thảo văn bản.

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch và hướng dẫn đánh giá phân loại nhân viên theo qui định có kế hoạch và hướng dẫn đánh giá [H7.07.05.04]. Kết quả đánh giá, phân loại nhân viên hàng năm cho thấy 100% đội ngũ nhân viên phục vụ CTĐT được đánh giá từ mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên có thông báo kết quả hàng năm [H7.07.05.05]. Trên cơ sở các tiêu chí, tiêu chuẩn qui định về đánh giá viên chức theo trình độ của đội ngũ nhân viên, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành có thông báo kết quả và kết quả đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2018,2019,2020 [H7.07.05.06]. Hàng năm đội ngũ nhân viên được công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng hàng năm [H7.07.05.07]. Kế hoạch đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên hàng năm [H7.07.05.08]; các biên bản họp và phiếu nhận xét đánh giá xếp loại chất lượng viên chức [H7.07.05.09], Nhà trường cụ thể hóa các văn bản quy định nhà nước về quy trình, tiêu chí đánh giá năng lực của nhân viên hàng năm [H7.07.05.10], hàng năm đều có Kết quả đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên [H7.07.05.11], Các biên bản họp nhận xét đánh giá xếp loại chất lượng viên chức, người lao động hằng năm; kết quả đánh giá đội ngũ nhân viên hằng năm. [H7.07.05.12]. Các kết quả về thi đua khen thưởng của nhân viên hằng năm [H7.07.05.13];

Hàng năm Nhà trường có xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên [H7.07.05.14]; năm 2021-2022 đăng ký đào tạo bồi dưỡng có 2 viên chức học chứng chỉ tiếng Anh A1 và có kế hoạch triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên, giáo viên sau khi có kế hoạch nhà trường ban hành quyết định, thông báo cử viên chức đi học, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên [H7.07.05.15].

Định kỳ hàng năm nhà trường đều có Báo cáo thực hiện Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cấp trên [H7.07.05.16].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ có trình độ và năng lực tốt, phương pháp làm việc hiệu quả; có lòng nhiệt tình, hết lòng vì công việc trong quá trình đào tạo. Hằng năm, đều tiến hành đánh giá năng lực, hiệu quả công việc, phân loại, xếp loại, có phê bình, có khen thưởng. Đội ngũ GV kiêm nhiệm công tác hỗ trợ đều là những cán bộ nhiệt tình, tâm huyết, có năng lực tốt trong giảng dạy cũng như trong công tác quản lý, năng lực Ngoại ngữ và Tin học tốt nên ứng dụng rất hiệu quả trong việc hỗ trợ SV.

3. Điểm tồn tại

- Chưa có khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho nhân viên hằng năm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	- Chưa có khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho nhân viên hằng năm và báo cáo đánh giá kết quả đào tạo bồi dưỡng	Nhà trường cần khảo sát nhu cầu đào tạo của đội ngũ nhân viên và tạo điều kiện tối đa về mặt thời gian cho cán bộ kiêm nhiệm đi học tập, hằng năm tổ chức đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng hằng năm chưa thực	Năm 2023	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
			hiện hàng năm.		
2	Khắc phục tồn tại	- Do kinh phí hạn hẹp nên chưa Kế hoạch và triển khai bồi dưỡng nhân viên về chuyên môn, nghiệp vụ hằng năm chi tiết về mốc chuẩn chỉ tổ chức bồi dưỡng công nghệ thông tin, xử dụng phần mềm quản lý của nhà trường.	Từ năm học 2020-2021, Nhà trường tập trung chỉ đạo xây dựng Kế hoạch và triển khai bồi dưỡng nhân viên về chuyên môn, nghiệp vụ hằng năm đồng thời xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho nhân viên chưa đạt chuẩn .	Năm 2023	
3.	Phát huy điểm mạnh	Đội ngũ nhân viên hỗ trợ có trình độ và năng lực tốt, phương pháp làm việc hiệu quả; có lòng nhiệt tình, hết lòng vì công việc	Nhà trường rà soát năng lực viên chức để bố trí sắp xếp vị trí việc làm cho nhân viên phát huy sở trường của mình hơn nữa.	Năm 2023	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
		trong quá trình đào tạo			

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 4/7 điểm)

Tiêu chí 7.6. Quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, sử dụng cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên và nhân viên bảo đảm đúng quy định, công khai và minh bạch

Số lượng người làm việc của Trường hiện nay (tháng 12/2022) có 242 người, trong đó biên chế 211; hợp đồng 31 người, cơ bản đáp ứng vị trí làm việc của các đơn vị thuộc UBND tỉnh giao sau 5 năm sáp nhập. Từ khi sáp nhập trường đến nay, Nhà trường không được thực hiện tuyển dụng thêm viên chức lý do thực hiện nghiêm thông báo kết luận của Bí thư Tỉnh ủy số 334-TB/VPTU ngày 06/3/2018 sau khi làm việc với BGH trường.

Việc sử dụng đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của Trường hiện nay áp dụng Luật Viên chức, Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ, Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức [H7.07.06.01]. Năm 2022, nhà trường đã ban hành Quy định tuyển dụng viên chức và Quy trình tuyển dụng viên chức [H7.07.06.02].

Hiện tại, Trường có 14 phòng/khoa/trung tâm, đội ngũ CBQL có 39 người đảm nhiệm các vị trí tất cả các đơn vị trong trường có đầy đủ cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của trường.

Trên cơ sở các quy định hiện hành của nhà nước và các văn bản của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, nhà trường đã căn cứ vào đó để xây dựng Quy định về tiêu chuẩn chức danh trưởng, phó trưởng các đơn vị thuộc trường năm 2022, đang trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định [H7.07.06.03], đã ban hành quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm đối với chức danh trưởng, phó trưởng các đơn vị thuộc Trường năm 2021 [H7.07.06.04], nhà trường triển khai công tác quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động của trường theo năm và giai đoạn 5 năm [H7.07.06.05].

Hàng năm nhà trường quy hoạch và bổ sung quy hoạch theo văn bản cấp trên về các tiêu chuẩn chức danh trưởng, phó trưởng các đơn vị thuộc trường và công tác bổ nhiệm theo quy định công khai minh bạch trên iOffice trường, trên zalo nhóm lãnh đạo và trên website trường. Về công tác bổ nhiệm CBQL của Trường, năm 2022 nhà trường đã xây dựng Kế hoạch giới thiệu nhân sự lấy ý kiến để bổ nhiệm trưởng phòng Tổ chức cán bộ và công tác học sinh, sinh viên [H7.07.06.06] thực hiện qui trình 5 bước theo ND 115. Việc bổ nhiệm CBQL đều được lãnh đạo nhà trường họp và lấy ý kiến thống nhất bằng phiếu kín trước khi bổ nhiệm và điều động bổ nhiệm thuộc các đơn vị thuộc Trường; các quyết định đều ghi bổ nhiệm có thời hạn [H7.07.06.07], hồ sơ bổ nhiệm CBQL của Trường được lưu và quản lý đúng quy định [H7.07.06.08]. Nhà trường ban hành quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo quản lý của Trường và được công khai đến toàn thể viên chức trong Trường. Trong năm, không có trường hợp nào khiếu nại về việc thực hiện công tác tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá đối với viên chức và lao động trong Trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và phê duyệt danh sách qui hoạch cán bộ theo các tiêu chí đúng quy định và xây dựng Kế hoạch giới thiệu nhân sự lấy ý kiến để bổ nhiệm theo đúng Quy định tiêu chuẩn chức danh trưởng, phó trưởng các đơn vị thuộc trường, quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm đối với chức danh trưởng, phó trưởng các đơn vị thuộc Trường. Trên cơ sở quy hoạch nhà trường xây dựng kế hoạch về bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ phù hợp với yêu cầu công việc của Khoa, của các đơn vị đáp ứng tiêu chuẩn vị trí việc làm và rà soát nhu cầu vị trí công tác thiếu giáo viên có nhu cầu đáp ứng tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, chấm dứt hợp đồng, nghỉ hưu theo quy định. Đội ngũ cán bộ, GV của Khoa đáp ứng tốt yêu cầu vị trí việc làm đã được đào tạo. Việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của nhà trường áp dụng theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ.

Đội ngũ GV của khoa có các độ tuổi kế cận nhau, không có sự cách quãng giữa các thế hệ. Đó là điều kiện để hoạt động đào tạo, NCKH của khoa luôn ổn định, phát triển.

3. Điểm tồn tại

Năm 2022 nhà trường chưa được thực hiện tuyển dụng thêm viên chức lý do thực hiện nghiêm thông báo kết luận của Bí thư Tỉnh ủy số 334-TB/VPTU ngày 06/3/2018 sau khi làm việc với BGH trường mặc dù hợp đồng chuyên môn của Nhà trường vẫn có giáo viên hợp đồng và nhân viên hợp đồng chưa được tuyển dụng. Hiện đang chờ UBND tỉnh phê duyệt Đề án cơ cấu tổ chức lại các đơn vị thuộc Trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	Trong năm qua Nhà trường không được tuyển dụng viên chức mặc dù hợp đồng chuyên môn của Nhà trường vẫn có giáo viên hợp đồng và nhân viên hợp đồng chưa được tuyển dụng. Hiện đang chờ UBND tỉnh phê duyệt đề án cơ cấu tổ chức lại các đơn vị thuộc trường.	Hiện nay nhà trường đang rà soát nhu cầu vị trí việc làm giáo viên bộ môn đang thiếu khi mở lớp trúng tuyển trong năm học mới, để xây dựng phương án tuyển dụng, hợp đồng một số vị trí thiếu trình Sở nội vụ xin ý kiến	Sau khi Đề án tổ chức lại Trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt	
2.	Phát huy điểm mạnh 1	Về công tác quy hoạch và bổ nhiệm Nhà trường đã xây dựng được quy trình về quy hoạch, xây dựng Quy định tiêu chuẩn chức danh trường, phó trường	Nhà trường tiếp tục chỉnh sửa bổ sung ban hành quy trình về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm theo qui định tại Nghị định số	Tháng 10/2021	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		các đơn vị thuộc trường đang trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định ban hành, quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm đối với chức danh trưởng, phó trưởng các đơn vị thuộc Trường	115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.		

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 6/7 điểm)

Kết luận Tiêu chuẩn 7

Nhìn chung, đội ngũ CBQL, nhà giáo và nhân viên của Trường qua các năm có sự ổn định về số lượng và chất lượng không ngừng được nâng lên.

Đội ngũ CBQL có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý.

Đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMV của Trường có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về số lượng và cơ cấu chuyên môn, được đào tạo cơ bản, có trình độ năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH. Các nhà giáo được đánh giá năng lực

và được hỗ trợ, tạo điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Công tác đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ được Nhà trường quan tâm thực hiện theo đúng quy định.

Đội ngũ nhân viên của Trường có đủ về số lượng, đáp ứng được yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao, được đánh giá năng lực, Nhà trường đã quan tâm việc định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đối với nhân viên.

Quy mô HSSV còn thấp so với tiềm lực hiện có của Nhà trường.

Kết luận Tiêu chuẩn 7

Nhìn chung, đội ngũ CBQL, nhà giáo và nhân viên của Trường qua các năm có sự ổn định về số lượng và chất lượng không ngừng được nâng lên.

Đội ngũ CBQL có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý.

Đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMV của Trường có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về số lượng và cơ cấu chuyên môn, được đào tạo cơ bản, có trình độ năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH. Các nhà giáo được đánh giá năng lực và được hỗ trợ, tạo điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Công tác đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ được Nhà trường quan tâm thực hiện theo đúng quy định.

Đội ngũ nhân viên của Trường có đủ về số lượng, đáp ứng được yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao, được đánh giá năng lực, Nhà trường đã quan tâm việc định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đối với nhân viên.

Tuy nhiên, kinh phí của Nhà trường còn hạn chế nên việc hỗ trợ kinh phí học

tập, bồi dưỡng cho đội ngũ CBGV còn hạn chế.

Quy mô HSSV còn thấp so với tiềm lực hiện có của Nhà trường. Trường chưa có bộ tiêu chí cụ thể, rõ ràng, phù hợp để đánh giá năng lực của GV, nhân viên.

Tiêu chuẩn 8. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Trường CĐCD Kon Tum hiện có 4 cơ sở, tổng diện tích 293.521,7m², gồm đầy đủ các khối công trình chức năng phục vụ học tập, làm việc, rèn luyện thể chất và sinh hoạt của CB, GV, HSSV của Nhà trường. Mặt bằng tổng thể Nhà trường được quy hoạch hợp lý được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các địa điểm của trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở đào tạo, trong đó có Khoa Sư phạm, Bôn môn GDMN được bố trí tại trụ sở chính. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo đáp ứng nhu cầu của các hoạt động dạy học. Khuôn viên có hệ thống cây xanh đảm bảo mỹ quan, thoáng mát. Có đầy đủ các khối công trình phục vụ nhu cầu đào tạo và hoạt động của trường. Công trình được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc quản lý và sử dụng.

Nhà trường đã đáp ứng đầy đủ các phòng lý thuyết cũng như phòng thực hành phục vụ công tác đào tạo trong đó có ngành GDMN. Tổ chức thường xuyên việc bồi dưỡng, hướng dẫn sử dụng và những ứng dụng của thiết bị máy móc mới cho GV hướng dẫn thực hành. Việc đầu tư xây dựng các khu thực hành luôn được Nhà trường chú trọng phát triển hàng năm. Hàng năm, Nhà trường bổ sung thêm một số thiết bị cho phù hợp nhu cầu thị trường hoặc xu thế phát triển của khoa học công nghệ.

Trong những năm qua, thư viện Trường được trang bị nhiều sách chuyên môn, giáo trình, tài liệu tham khảo, đáp ứng được nhu cầu sử dụng của cán bộ giáo viên và học sinh. Nhà trường đã tin học hoá thư viện, ứng dụng phần mềm để quản lý thư viện vào việc quản lý, tra cứu tài liệu, nối mạng LAN/Internet giữa các phòng, khoa, trung tâm và thư viện điện tử đảm bảo hệ thống luôn hoạt động ổn định, đáp ứng

được nhu cầu nghiên cứu, học tập và tham khảo cho cán bộ, giáo viên và học sinh trong Nhà trường. Đặc biệt, Nhà trường có hệ thống mạng không dây phủ sóng toàn trường giúp cho cán bộ, GV, HSSV có điều kiện truy cập vào thư viện điện tử và tra cứu sách, giáo trình mới.

Tiêu chí 8.1. Hệ thống phòng chức năng, phòng học, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, phòng thực hành đáp ứng yêu cầu của CTĐT

1. Mô tả hiện trạng

Trường CĐCD Kon Tum được thành lập theo quyết định số 1671/QĐ-LĐTBXH ngày 24/10/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH trên cơ sở sáp nhập Trường Cao đẳng Kinh tế- Kỹ thuật Kon Tum, Trường Cao đẳng Sư phạm Kon Tum, Trường Trung cấp Y tế Kon Tum, Trường Trung cấp nghề Kon Tum thành Trường CĐCD Kon Tum.

Trường có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất phục vụ nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác [H8.08.01.01]. Có đủ hệ thống phòng chức năng, phòng học, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, phòng thực hành phù hợp và bảo đảm tỉ lệ diện tích/NH theo qui định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT theo qui định hiện hành; Hệ thống phòng làm việc, phòng học, các phòng chức năng và phòng thí nghiệm, phòng thực hành có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo.

Vì thế, các phòng, trung tâm và các khoa đào tạo trong Trường đều được bố trí phòng làm việc riêng biệt. Mỗi trường đơn vị được bố trí 1 phòng làm việc độc lập có diện tích từ 15 đến 20m²; có bàn làm việc và máy tính riêng, được kết nối máy in và internet; mỗi khoa đào tạo có văn phòng khoa từ 30m² - 50m² tùy theo qui mô của từng khoa.

Tổng số phòng học lý thuyết tại trụ sở chính hiện nay có 26 phòng để phục vụ công tác giảng dạy trong đó có ngành GDMN (giảng đường khu B: 16 phòng học,

giảng đường khu C: 10 phòng) với tổng diện tích sàn sử dụng 3.344 m². Nhà trường đã duy trì thường xuyên từ 4 đến 8 phòng tại khu C để bố trí nơi học của SV ngành GDMN hệ chính quy, liên thông, liên kết. Tất cả các phòng học tại khu B, C có đầy đủ bàn ghế HS, bàn ghế GV, phòng học được lắp đặt đầy hệ thống mạng, máy chiếu hoặc màn hình tivi có kết nối wifi để phục vụ công tác giảng dạy. Các phòng học tin học gồm 3 phòng với số lượng 95 bộ máy tính kết nối mạng. Các phòng học ngoại ngữ có máy tính nối mạng, có phần mềm phù hợp; trang thiết bị chuyên dụng và hiện đại. Trang bị 01 phòng thực hành múa tại khu D diện tích 78 m², 01 phòng thực hành âm nhạc diện tích 156 m², 01 phòng thực hành hội họa, mỹ thuật diện tích 48 m²; 03 phòng thí nghiệm Lý, Hóa, Sinh diện tích 95 m² được bố trí tại khoa Nông – Lâm – Thủy sản và Khu thực nghiệm. Với quy mô phòng học hiện có, Nhà trường đảm bảo công tác giảng dạy cho SV ngành GDMN hệ chính quy, liên thông, liên kết với tỷ lệ diện tích từ 2,6m²/sinh viên.

Ngoài ra còn có các công trình hỗ trợ phục vụ nhà ăn 468 m²; 01 nhà khách 823 m²; nhà trực bảo vệ 16 m²; nhà học TDTT diện tích xây dựng 726 m²; 03 hội trường 1744 m²; nhà cầu lông, bóng bàn, bida diện tích 413 m² phục vụ vui chơi giải trí; tường rào; đường bê tông; mương thoát nước; sân bê tông; đài nước; nhà trực bảo vệ; nhà để xe cho CBGV và HSSV; khu vệ sinh chung; cây xanh thảm cỏ; vỉa hè, sân tập trung, sân ký túc xá đã có quyết định đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, cụ thể hồ sơ thiết kế, danh mục, hạng mục diện tích đầu tư xây dựng [H8.08.01.02].

Các công trình đầu tư xây dựng đúng quy định, quy định của nhà nước về diện tích phòng chức năng, phòng học, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, phòng thực hành [H8.08.01.03].

Trên cơ sở đó, Nhà trường đã quy hoạch các khu chức năng phục vụ cho các hoạt động đào tạo. Việc bố trí các khu vực chức năng tại trường đảm bảo tách biệt giữa khu vực phòng học lý thuyết và các khu chức năng khác như nhà ăn, ký túc xá, các khu vực này được liên thông dễ dàng, thuận tiện nhờ hệ thống đường nội bộ có

sơ đồ hệ thống phòng chức năng, phòng học, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, phòng thực hành [H8.08.01.04].

Hàng năm, Nhà trường rà soát ngành nghề đào tạo ngành sư phạm, số lượng tuyển sinh và công nhận trúng tuyển bằng các quyết định trúng tuyển [H8.08.01.05]. Từ đó có cơ sở chuẩn bị cơ sở vật chất phục vụ theo đề xuất của các khoa về phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành Nhà trường đã xây dựng kế hoạch bố trí sử dụng phòng thí nghiệm, phòng thực hành phục vụ hoạt động của chương trình thực hiện [H8.08.01.06].

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường đáp ứng đủ công suất sử dụng cho HSSV, GV và cán bộ quản lý, trong việc vận hành thiết bị thực hành, vận hành các phương tiện khác phục vụ cho việc điều hành, quản lý của tất cả các phòng, khoa, trung tâm. Kế hoạch đào tạo và giảng dạy các năm [H8.08.01.07] và có thông báo sơ đồ bố trí các khu chức năng giảng dạy của Trường [H8.08.01.08].

Trang thiết bị đào tạo là một trong những yếu tố hàng đầu để khẳng định chất lượng đào tạo, trong đó có ngành GDMN, do vậy việc đầu tư trang bị thiết bị dạy học đã được xác định bởi Danh mục các trang thiết bị được cập nhật hằng năm trong giai đoạn 2016-2020 [H8.08.01.09].

Việc quản lý, bảo dưỡng, vận hành và đề xuất vật tư thay thế trang thiết bị thực hành được thể hiện cụ thể thông qua kế hoạch bảo trì, qua đề xuất của giáo viên, học sinh được thể hiện bằng quy định quản lý quản lý tài sản, trang thiết bị giảng dạy, thực hành [H8.08.01.10] và quy định về mua sắm, quản lý trang thiết bị, vật tư, dụng cụ [H8.08.01.11].

Hàng năm, Nhà trường đều cải tạo cơ sở hạ tầng, bảo dưỡng, mua sắm thêm trang thiết bị mới nhằm hoàn chỉnh cơ sở vật chất, đáp ứng những yêu cầu mới của ngành đào tạo nhằm nâng cao chất lượng giáo dục với cơ sở hạ tầng và trang thiết bị hiện có của trường đảm bảo cho quy mô hoạt động, đào tạo của Trường và Hồ sơ

theo dõi, quản lý việc sử dụng các trang thiết bị; bản đánh giá hiệu quả sử dụng [H8.08.01.12]; báo cáo quản lý tài sản hàng năm [H8.08.01.13]; từ đó xây dựng kế hoạch và hợp đồng mua mới và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị [H8.08.01.14]; quyết định đầu tư mua sắm thiết bị hàng năm từ 170 triệu đến 200 triệu đồng và đầu tư xây dựng, sửa chữa nhà xưởng, phòng thí nghiệm, nhạc, hội họa, có hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý, biên bản bàn giao và danh mục thiết bị kèm theo và có bảng thống kê đầu tư thiết bị từ năm 2015-2020 [H8.08.01.15].

Việc đầu tư, quản lý, sử dụng các phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, trang thiết bị theo quy định tiêu chuẩn thiết kế và theo CTĐT, theo quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn thiết kế phòng làm việc, phòng học, các phòng chức năng và phòng thí nghiệm, phòng thực hành [H8.08.01.16]; quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn trang thiết bị giảng dạy, thí nghiệm, thực hành [H8.08.01.17] và theo CTĐT [H8.08.01.18].

Hàng năm Nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm kê tài sản, có thành lập hội đồng, tổ kiểm tra, có phân công rõ ràng trong quá trình kiểm tra và có thống kê, đánh giá tài sản còn thiếu và đề nghị xử lý có báo cáo hàng năm sau kiểm kê đánh giá về mức độ đáp ứng về số lượng phòng làm việc, phòng học, các phòng chức năng và phòng thí nghiệm, phòng thực hành có đầy đủ trang thiết bị [H8.08.01.19] và kết quả kiểm kê tài sản từ năm 2018 đến nay (do năm 2018 sáp nhập 4 trường) về nhu cầu và hiệu quả sử dụng phòng làm việc, phòng học, các phòng chức năng và phòng thí nghiệm, phòng thực hành [H8.08.01.20]. Ngoài ra Nhà trường còn có khảo sát học sinh SV, cán bộ quản lý và GV về mức độ đáp ứng hài lòng về cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo tại Trường và tổng hợp kết quả ý kiến khảo sát HSSV, GV về mức độ hài lòng về cơ sở vật chất của Nhà trường [H8.08.01.21].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ hệ thống các phòng học, phòng làm việc, phòng thực hành, thí nghiệm, với đầy đủ các trang thiết bị cần thiết phù hợp, đáp ứng yêu cầu

đào tạo. Nhà trường đã có một quy hoạch tổng thể phù hợp với điều kiện thực tế, xây dựng đầy đủ các cơ sở hạ tầng phục vụ đào tạo ngành GDMN và quan tâm đến đời sống vật chất tinh thần của GV, SV (*chỗ ăn, ở và khu thể dục thể thao*). Nhà trường đầy đủ các khu học tập, thực hành, thí nghiệm đáp ứng được yêu cầu phục vụ công tác đào tạo. Có kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa và mua sắm thường xuyên. Hoạt động tại các xưởng thực hành, phòng học chuyên môn được đảm bảo theo đúng yêu cầu đào tạo. Việc bố trí thiết bị tại các phòng học chuyên môn được nghiên cứu và lắp đặt đảm bảo tính an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành và bảo dưỡng phù hợp với môi trường công nghiệp.

Khuôn viên có hệ thống cây xanh đảm bảo độ mát, mỹ quan kết hợp với khí hậu biển làm cho Trường luôn thoáng mát, có đầy đủ các khối công trình phục vụ nhu cầu đào tạo và hoạt động. Công trình được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc quản lý và sử dụng.

3. Điểm tồn tại

Kinh phí hoạt động về đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị đối với ngành GDMN còn hạn chế, nguyên nhân do việc sáp nhập trường và giao cơ sở giáo dục sư phạm cũ cho đơn vị khác quản lý nên việc đầu tư lại phải theo quy trình; việc quản lý, vận hành, vệ sinh và bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trang thiết bị phục vụ đào tạo được phân cấp cho từng bộ môn, khoa quản lý, tuy nhiên quá trình thực hiện vẫn chưa được chặt chẽ giữa các đơn vị, nguyên nhân do xây dựng kế hoạch và nhật ký sử dụng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc	Trong năm 2021 Nhà	Phòng HCQT	Tháng	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
	phục tòn tại 1	trường xây dựng đề án đầu tư trung hạn 2021-2025, để đầu tư kinh phí cải tạo, sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất đáp ứng điều kiện học và làm việc của CBGV và HSSV nói chung và ngành GDMN nói riêng	trình đề án lên BGH Nhà trường phê duyệt và trình lên UBND tỉnh	03/2021	
2	Khắc phục tòn tại 2	Nâng cấp, cải tạo các khu chức năng; Để làm tốt khâu quản lý và bảo dưỡng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, Khoa Sư phạm xây dựng kế hoạch sử dụng thiết bị và nhật ký sử dụng cũng như việc lưu trữ hồ sơ	Sau khi đề án được phê duyệt, Nhà trường tiến hành nâng cấp... trong năm học mới.	Tháng 06/2021	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục sự ủng hộ UBND tỉnh về đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất	Phòng HCQT	Năm 2022	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 4/7 điểm)

Tiêu chí 8.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có thư viện, phòng đọc, phục vụ hoạt động đào tạo; Thư viện, phòng đọc có nội quy/qui định/hướng dẫn, có đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động; Có đầy đủ học liệu (đối với tài liệu bắt buộc) bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo (bản cứng/bản mềm bảo đảm qui định về sở hữu trí tuệ), ... phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo; Các học liệu (bản in và điện tử) được cập nhật đáp ứng nhu cầu đào tạo; Có dữ liệu theo dõi về hoạt động của thư viện để hỗ trợ các hoạt động đào tạo.

Thư viện trường trực thuộc Trung tâm THNNNTV, có sơ đồ bố trí, diện tích 156 m² nằm tại khu E của Trường [H8.08.02.01], có phòng đọc, kho sách, khu tự học, được trang bị nhiều sách chuyên môn, giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng được nhu cầu sử dụng của CBGV và HSSV. Nhà trường đã tin học hoá thư viện, ứng dụng phần mềm để quản lý thư viện vào việc quản lý, tra cứu tài liệu, nối mạng internet giữa các phòng, khoa và thư viện điện tử đảm bảo hệ thống luôn hoạt động ổn định, đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập và tham khảo cho CBGV và HSSV trong

Nhà trường. Đặc biệt, Nhà trường có hệ thống mạng không dây phủ sóng toàn trường giúp cho CBGV và HSSV có điều kiện truy cập vào thư viện điện tử và tra cứu sách, giáo trình mới.

Hằng năm, thư viện Nhà trường bổ sung được nhiều đầu sách chuyên ngành, sách tham khảo, đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp, giáo trình, sách điện tử, bài giảng điện tử. Bên cạnh đó, thư viện được bổ sung sách báo, tài liệu chuyên môn, báo, tạp chí chuyên ngành phù hợp với các nghề đào tạo [H8.08.02.02]. Với thời gian mở cửa phục vụ 8 giờ/ngày/tuần, liên tục tại điểm truy cập thư viện số cũng là địa điểm lý tưởng, thân thiện để SV có cơ hội tiếp cận ứng dụng CNTT học đường gắn liền với môi trường thực tế. Hiện nay, theo bảng thống kê, số lượng các đầu sách như sau:

+ Đầu sách hiện có tại thư viện đọc là 61.047 đầu sách và có trên 20.000 tài liệu điện tử để phục vụ nghiên cứu, tham khảo trong học tập, xây dựng chương trình, trong đó có CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN; Nhà trường có hợp đồng với Công ty TNHH tài liệu trực tuyến VNPT [H8.08.02.03]; hợp đồng với Công ty VNPT, VINA [H8.08.02.04]; quyết định số 171/QĐ-CĐCĐ ngày 08/02/2018 về việc ban hành đề án khai thác dịch vụ thư viện số Trường CĐCĐ Kon Tum [H8.08.02.05]. Nhà trường có hệ thống máy tính kết nối với nhau qua phần mềm quản lý theo dõi về hoạt động của thư viện để hỗ trợ các hoạt động đào tạo.

+ Đầu sách thư viện liên kết các trường qua Thư viện số, có danh sách liên kết khoảng trên 30 trường [H8.08.02.06].

Hoạt động thư viện của Nhà trường theo văn bản hướng dẫn, quy định nhà nước về quy định chi tiết một số điều luật thư viện và quy định về thư viện lưu động và luân chuyển tài liệu [H8.08.02.07] và tham khảo tài liệu liên kết qua thư viện số [H8.08.02.08] và danh mục giáo trình, tài liệu, sách tham khảo được cập nhật thống kê hằng năm, số lượng cập nhật giáo trình trên thư viện số khoảng 156 lượt và kinh phí thực hiện mua sắm tài liệu hàng năm khoảng trên 40 triệu đồng [H8.08.02.09].

Hàng năm Nhà trường lấy phiếu khảo sát về mức độ hài lòng HSSV và GV, cán bộ quản lý trong Nhà trường về mức độ phù hợp của thư viện điện tử và các nguồn học liệu trong việc hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, theo thống kê trên 80% mức độ hài lòng [H8.08.02.10].

Hoạt động thư viện theo nội quy quy định Nhà trường ban hành [H8.08.02.11]. Nhà trường còn bố trí hệ thống thư viện tra cứu điện tử tại khu phòng học lý thuyết khu C và khu D với tổng diện tích 185 m². Đồng thời, việc truy cập thư viện điện tử của trường được hỗ trợ bởi mạng không dây được phủ sóng toàn bộ khuôn viên Nhà trường qua hình ảnh sơ đồ thư viện điện tử [H8.08.02.12].

Việc ứng dụng CNTT trong hoạt động thư viện của Nhà trường qua hệ thống thiết bị thư viện [H8.08.02.13]. Đến nay, thư viện số được bố trí tại khu vực giảng đường lý thuyết để phục vụ cán bộ, GV, SV. Công việc quản lý bản đọc, quản lý tài liệu phục vụ khai thác thông tin đã được thực hiện thống nhất trên phần mềm hỗ trợ I Lib Me 5.0 và cổng thư viện số quản lý thư viện hàng năm có khảo sát mức độ hài lòng thư viện, qua khảo sát ý kiến về thư viện điện tử là đáp ứng nhu cầu của học sinh sinh viên khoảng 80% [H8.08.02.14]. Hoạt động theo CTĐT, việc sử dụng trong thư viện có nội quy thư viện [H8.08.02.15], có quyết định ban hành chương trình, giáo trình [H8.08.02.16] và hàng năm có kế hoạch mua sắm, bổ sung, biên bản bàn giao thiết bị [H8.08.02.17].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống thư viện được số hóa, SV có thể truy cập thư viện điện tử. Thư viện có nhiều tài liệu phục vụ cho SV học tập. Việc truy cập tài liệu điện tử được phủ sóng toàn bộ khuôn viên Nhà trường, vì vậy tạo mọi điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu thông tin liên quan đến chuyên môn của tất cả CBGV và HSSV.

Cán bộ quản lý thư viện có chuyên môn nghiệp vụ thư viện, đủ trình độ quản lý thư viện, có thái độ phục vụ tốt, nhiệt tình.

3. Điểm tồn tại

Kinh phí còn hạn chế nên việc đầu tư các đường truyền theo từng trạm, do đó dung lượng còn thấp, phần nào ảnh hưởng đến truy cập cho giáo viên và SV. Số lượng cộng tác viên của thư viện còn hạn chế do nguồn kinh phí.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	Các đường truyền dung lượng còn thấp, phần nào ảnh hưởng đến truy cập cho giáo viên và SV. Số lượng cộng tác viên của thư viện còn hạn chế. Nhà trường đã cải thiện đáng kể chất lượng đường truyền	Phòng HCQT phối hợp công ty viễn thông VINA, VNPT...	Tháng 03/2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường đã đầu tư kinh phí xây dựng đảm bảo diện tích cho thư viện mua sắm thêm sách tham khảo, nâng cấp phần mềm	Phòng HCQT trình đề án BGH duyệt và trình lên UBND tỉnh	Tháng 03/2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		thư viện điện tử và đầu tư trạm phát sóng trong kế hoạch đầu tư trung hạn 2021-2025, đã trình UBND tỉnh phê duyệt, nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới cũng như mục tiêu đào tạo và phát triển của Nhà trường.			

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 4/7 điểm)

Tiêu chí 8.3. Hệ thống thiết bị, đồ dùng dạy học và công nghệ thông tin bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến phù hợp và được cập nhật để phục vụ hiệu quả việc dạy và học, đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo

1. Mô tả hiện trạng

Có hệ thống thiết bị, đồ dùng dạy học và công nghệ thông tin (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống Internet, trang thông tin điện tử, ...) phù hợp để phục vụ hiệu quả việc dạy và học, đáp ứng yêu cầu của CTĐT; Hệ thống thiết bị, đồ dùng dạy học được sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật để phục vụ hiệu quả việc dạy và học, đáp ứng yêu cầu của CTĐT; Hệ thống công nghệ thông tin

hoạt động ổn định, an toàn để cung cấp chia sẻ các dữ liệu, thông tin và tri thức nhằm hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu; Có lấy ý kiến phản hồi của NH và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo của hệ thống thiết bị, đồ dùng dạy học và công nghệ thông tin.

Từ năm 2017-2022, Trường CĐCD Kon Tum đã đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị trang thiết bị dạy học tương đối đầy đủ, đồng bộ đáp ứng yêu cầu đào tạo ngành GDMN theo chương trình của Bộ GDĐT quy định. Hằng năm, Nhà trường đều sửa chữa, mua sắm bổ sung trang thiết bị hiện đại cho phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành, thí nghiệm.

Mọi sự quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị và hệ thống máy vi tính của Nhà trường dành trong thời gian vừa qua đều nhằm mục đích không ngừng nâng cao chất lượng của công tác phục vụ bạn đọc, đó cũng chính là giải pháp đem lại hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường, từ năm 2018 đến nay Nhà trường đã đầu tư trên 1.000 triệu đồng về hệ thống máy vi tính, hệ thống kết nối, wifi, mạng trong toàn Trường [H8.08.03.01] và bố trí các phòng thí nghiệm theo chuẩn CTĐT,...

Nhà trường trang bị 03 phòng máy vi tính, với tổng 95 bộ máy tính [H8.08.03.02]. Hệ thống CNTT của Nhà trường được đầu tư đồng bộ từ thiết bị, đường truyền, internet, wifi). Có hệ thống bảo mật cao; các phần mềm Nhà trường đang sử dụng đều do Nhà trường tự xây dựng, không vi phạm bản quyền. Nhà trường thành lập các tổ để quản lý và thực hiện các công việc liên quan gồm: quản trị hệ thống thông tin [H8.08.03.03]; Tổ quản trị mạng tin học [H8.08.03.04] và tổ truyền thông [H8.08.03.05]

Hiện nay, công việc quản lý bạn đọc, quản lý tài liệu phục vụ khai thác thông tin đã được Nhà trường quan tâm thông qua các hợp đồng các nhà mạng. Hệ thống máy tính của thư viện đều kết nối mạng LAN liên kết với các phòng, khoa và truy cập vào internet cũng như truy cập các thư viện khác. Đồng thời, Nhà trường còn

triển khai hệ thống mạng không dây, đặc biệt hệ thống truy cập CSDL điện tử thông qua hợp đồng các nhà cung cấp mạng [H8.08.03.06], Website Trường [H8.08.03.07] và phần mềm quản lý Trường [H8.08.03.08].

Trong những năm vừa qua, bằng nguồn vốn từ các dự án cũng như nguồn vốn của Trường, Nhà trường đã đầu tư trang thiết bị đáp ứng quy mô đào tạo ngành GDMN. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Nhà trường được duy tu, bảo dưỡng đáp ứng công suất sử dụng làm việc, giảng dạy và học tập cho cán bộ, giáo viên và HSSV. Việc quản lý, bảo dưỡng, vận hành và đề xuất vật tư thay thế trang thiết bị thực hành được thể hiện cụ thể thông qua kế hoạch bảo trì, qua đề xuất của giáo viên, học sinh bằng kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa và nâng cấp trang thiết bị máy tính, Internet và phần mềm quản lý [H8.08.03.09], hồ sơ thanh toán, nghiệm thu, bàn giao về bảo dưỡng, sửa chữa và nâng cấp trang thiết bị máy tính, internet và phần mềm quản lý [H8.08.03.10] và lấy ý kiến phản hồi của NH và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo của hệ thống thiết bị, đồ dùng dạy học và công nghệ thông tin.

Nhà trường cập nhật Danh mục các trang thiết bị hằng năm trong giai đoạn 2016-2022 [H8.08.03.11] và có quyết định, kế hoạch kiểm tra và báo cáo tình hình quản lý, sử dụng trang thiết bị và báo cáo hàng năm theo dõi việc sử dụng và việc sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng các thiết bị, đồ dùng dạy học [H8.08.03.12].

Định kỳ vào cuối mỗi kỳ học, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, GV, HSSV về việc bố trí trang thiết bị của tất cả các ngành nghề trong đó có ngành GDMN nhằm tìm ra phương án tối ưu để bố trí trang thiết bị phù hợp và hiệu quả nhất cho từng ngành nghề đào tạo và có phân công cụ thể quản lý các phòng học chuyên môn, có khảo sát của GV và các bên liên quan về mức độ phù hợp của các thiết bị, đồ dùng dạy học và hệ thống CNTT [H8.08.03.13]. Danh mục thiết bị, đồ dùng dạy học và máy tính, phần cứng, phần mềm được các nhà cung cấp giới thiệu và trong các năm đều mua sắm từ nguồn kinh phí do nguồn thu và kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia, theo dự án nghề trọng điểm [H8.08.03.14] và có

quyết định phân công quản lý phòng máy và các tổ chuyên môn liên quan [H8.08.03.15]. Hàng năm Thống kê hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm và thiết bị CNTT, trang thông tin điện tử; các phần mềm thường sử dụng cho đào tạo và nghiên cứu, các phần mềm quản lý (chung toàn trường và phục vụ riêng cho CTĐT) [H8.08.03.16]. Trong quá trình quản lý, theo dõi và sử dụng có Hồ sơ quản lý, theo dõi, bảo hành, bảo trì phòng máy tính, phần cứng, phần mềm và các mạng truyền thông, phòng họp trực tuyến [H8.08.03.17]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống thiết bị dạy học được đầu tư đáp ứng qui mô CTĐT, có hệ thống CNTT được đầu tư đồng bộ từ thiết bị, đường truyền, internet, mạng wifi. Cuối mỗi học kì, Trường tổ chức lấy ý kiến đánh giá của các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo của các hệ thống thiết bị, CNTT.

Nhà trường đã tập trung đầu tư về cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học và công nghệ thông tin hàng năm nhằm đảm bảo đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành GDMN cũng như các hoạt động của Trường và sử dụng hiệu quả trang thiết bị đã đầu tư. Xây dựng hệ thống văn bản quy định về quản lý tài sản, thiết bị và quy định về mua sắm quản lý, sử dụng trang thiết bị, dụng cụ; có tổ chức kiểm tra, đánh giá; hồ sơ thiết bị được lưu trữ đầy đủ, đúng danh mục, số lượng, xuất xứ rõ ràng; việc sử dụng đúng công năng và có kiểm tra, quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên; có kiểm tra thường xuyên, định kỳ về việc quản lý, sử dụng, bảo dưỡng cơ sở vật chất, thiết bị. Qua đó làm cơ sở đề xuất bảo dưỡng, mua sắm, nâng cấp và khắc phục.

3. Điểm tồn tại: Kinh phí để đầu tư các trạm phát còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	Nhà trường xây dựng kế hoạch quản lý, sử dụng trang thiết bị, nhật ký sử dụng; đánh giá hiệu quả để có cơ sở trình các cấp kế hoạch kinh phí năm 2021 về đầu tư nâng cấp cơ sở, thiết bị và trạm phát	Phòng HCQT	Tháng 3/2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường tiếp tục tập trung đầu tư về cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học và công nghệ thông tin hàng năm nhằm đảm bảo đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành GDMN.	Phòng HCQT phối hợp Khoa Sư phạm	Năm 2022	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 4/7 điểm)

Tiêu chí 8.4. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường thực hiện các Quy định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được xác định theo quy định hiện hành có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật; Quy định/tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được triển khai thực hiện; Định kì lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

Nhà trường nằm trong khu vực dân cư, không có khu công nghiệp. Không có ô nhiễm nguồn nước, không gây tiếng ồn, đảm bảo điều kiện vệ sinh, an toàn, môi trường yên tĩnh cho giảng dạy và học tập. Hàng năm Nhà trường cập nhật các văn bản quy định về môi trường, sức khỏe cho HSSV, kế hoạch và cam kết chống rác thải nhựa; kế hoạch vệ sinh lao động, [H8.08.04.01].

Bổ sung Trong khuôn viên nhà trường có hệ thống cây xanh đảm bảo độ mát, mỹ quan, thoáng mát, đảm bảo phủ 1/3 diện tích toàn trường. Có đầy đủ các khối công trình phục vụ nhu cầu đào tạo và hoạt động của trường. Công trình được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc quản lý và sử dụng.

Hệ thống các phòng học lý thuyết và nhà làm việc cách biệt nhau không gây ồn; hàng năm xây dựng kế hoạch an ninh trật tự trong Trường và Trường thành lập ban chỉ huy quân sự, trung đội trưởng, tiểu đội trưởng và bổ nhiệm dân quân tự vệ Trường [H8.08.04.02]; phối hợp Công an địa phương định kỳ đánh giá về tình hình “an toàn về an ninh trật tự [H8.08.04.03]; Đảng ủy Trường ra Nghị quyết xây dựng Nhà trường đạt chuẩn “an toàn về an ninh trật tự” [H8.08.04.04] và Nghị quyết đăng ký phấn đấu cơ quan đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” năm học [H8.08.04.05] và phát động phong trào vệ sinh lao động toàn trường, phong trào xanh sạch đẹp và an toàn.

Tình hình an ninh, trật tự trong khuôn viên Nhà trường luôn được chú trọng, lực lượng bảo vệ, đội tự quản của Nhà trường đã phát huy tốt nhiệm vụ được giao, Nhà trường đã phối hợp chặt chẽ với chính quyền, Công an nơi Trường đóng chân, qua đó tình hình an ninh, trật tự trong khuôn viên Nhà trường luôn được đảm bảo.

Tình hình vệ sinh môi trường trong Nhà trường luôn được quan tâm, hàng năm, Nhà trường đều xây kế hoạch phổ biến, tuyên truyền về công tác an ninh, phòng chống dịch, vệ sinh môi trường, xây dựng Phương án PCCC, cứu hộ cứu nạn được công an PCCC tỉnh phê duyệt; Thành lập đội PCCC, quy chế hoạt động đội PCCC, có quy định PCCC, kế hoạch PCCC hàng năm [H8.08.04.06]. Kế hoạch phổ biến về công tác y tế, công tác an toàn vệ sinh thực phẩm và phòng chống dịch hàng năm [H8.08.04.07].

Bên cạnh đó Nhà trường ban hành Kế hoạch kiểm tra 5S trong toàn trường, các đơn vị thuộc Trường đã triển khai và chấp hành nghiêm túc [H8.08.04.08]; phối hợp Đoàn thanh niên xây dựng kế hoạch xanh sạch đẹp [H8.08.04.09]; triển khai toàn Trường kế hoạch thực hiện vệ sinh [H8.08.04.10]; kế hoạch xanh sạch đẹp và an toàn [H8.08.04.11]; kế hoạch chống giảm thiểu rác thải nhựa [H8.08.04.12]; ký cam kết giảm thải rác thải nhựa [H8.08.04.13] đảm bảo vệ sinh môi trường; kế hoạch triển khai 5S trong Nhà trường [H8.08.04.14]; quy định thực hiện 5S [H8.08.04.15].

Song song với việc nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường đã chú trọng đến công tác y tế, Trường có phòng Y tế, có giường để người bệnh nằm nghỉ, có tủ thuốc sơ cấp cứu tại chỗ và các phương tiện phục vụ cho việc khám chữa bệnh cho người học, người phụ trách bộ phận y tế có chuyên môn nghiệp vụ đã qua đào tạo, đều có báo cáo đánh giá lại việc phòng chống, chăm sóc sức khỏe cho người học để rút kinh nghiệm thực hiện trong những năm tiếp theo, xây dựng kế hoạch y tế năm học [H8.08.04.16]; các báo cáo hàng năm về y tế học đường [H8.08.04.17]; hàng năm xây dựng phiếu khảo sát SV và viên chức Trường về môi trường, sức khỏe, an toàn

[H8.08.04.18] và có báo cáo đánh giá, tổng kết, đánh giá về việc thực hiện tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn [H8.08.04.19].

Ngoài ra nhà trường có đội ngũ giảng viên có đầy đủ điều kiện để huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho học sinh, sinh viên [H8.08.04.20].

2. Điểm mạnh

Trong khuôn viên nhà trường có hệ thống cây xanh đảm bảo độ mát, mỹ quan, thoáng mát, đảm bảo phủ 1/3 diện tích toàn trường. Có đầy đủ các khối công trình phục vụ nhu cầu đào tạo và hoạt động của trường. Công trình được bố trí hợp lí, thuận tiện cho việc quản lí và sử dụng.

Nhà trường có các văn bản quy định về môi trường, sức khỏe cho HSSV, kế hoạch và cam kết chống rác thải nhựa; kế hoạch vệ sinh lao động; luôn quan tâm chỉ đạo sâu sát việc thực hiện công tác y tế trường học, phân công bộ phận y tế làm nhiệm vụ chăm sóc y tế, theo dõi sức khỏe cho CBGV và HSSV. Nhà trường đã lồng ghép tuyên truyền các biện pháp phòng, chống bệnh đến HSSV.

3. Điểm tồn tại

Các yêu cầu đặc thù cho người khuyết tật còn hạn chế, do trường là đơn vị chưa là cơ sở giảng dạy cho khuyết tật cho nên chưa có đầu tư về cơ sở vật chất cho đối tượng khuyết tật, cũng như việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn và có hướng khắc phục.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	Phòng HCQT có kế hoạch tổng thể và chi tiết đối với các yêu cầu đặc thù cho người khuyết tật.	Phòng HCQT phối hợp phòng KHTV	Năm 2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường tiếp tục quan tâm chỉ đạo sâu sát việc thực hiện công tác y tế trường học, phân công bộ phận y tế làm nhiệm vụ chăm sóc y tế, theo dõi sức khỏe cho CBGV và HSSV.			

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 4/7 điểm)

Kết luận Tiêu chuẩn 8

Trường CDCĐ Kon Tum có đầy đủ các khối công trình chức năng phục vụ học tập, làm việc, rèn luyện thể chất và sinh hoạt. Các địa điểm của trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở đào tạo. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo đáp ứng nhu cầu của các hoạt động dạy học.

Từ năm 2017 đến nay, Nhà trường đã và đang tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng chương trình giảng dạy ngành GDMN. Nhà trường đã tin học hoá thư viện, ứng dụng phần mềm để quản lý thư viện vào việc quản lý, tra cứu tài liệu, nối mạng internet giữa các phòng, khoa, trung tâm và thư viện điện tử đảm bảo hệ thống luôn hoạt động ổn định, đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập và tham khảo cho cán bộ, GV và HSSV trong Nhà trường. Đặc biệt, Nhà trường có hệ thống mạng không dây phủ sóng toàn trường giúp cho cán bộ, GV, HSSV có điều kiện truy cập vào thư viện điện tử và tra cứu sách, giáo trình mới.

Nhà trường đã đáp ứng đầy đủ các phòng lý thuyết cũng như phòng thực hành phục vụ trong công tác đào tạo trong đó có ngành GDMN. Việc đầu tư xây dựng các khu thực hành luôn được Nhà trường chú trọng phát triển hàng năm. Hàng năm, Nhà trường bổ sung thêm một số thiết bị cho phù hợp nhu cầu thị trường hoặc xu thế phát triển của khoa học công nghệ.

Tuy nhiên, việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo ngành GDMN còn hạn chế, hệ thống phòng học lý thuyết tại khu B, C cần phải được đầu tư sửa chữa một cách đồng bộ về cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành GDMN. Vì vậy kế hoạch của Nhà trường trong giai đoạn tới sẽ quan tâm tập trung đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin, thư viện... để phục vụ đào tạo ngành GDMN.

Tiêu chuẩn 9. Bảo đảm và nâng cao chất lượng

Mở đầu

Trường CĐCD Kon Tum hiện nay cũng như Trường CĐSP trước đây luôn là một cơ sở giáo dục uy tín, có bề dày truyền thống thực hiện việc đào tạo ngành GDMN trình độ Cao đẳng theo nhu cầu xã hội để cung cấp nguồn nhân lực trên địa bàn của tỉnh. Theo đó, CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN của Trường chú trọng đến việc bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo. Công tác bảo đảm và

nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ, có hệ thống bao gồm: thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (GV, người học, cựu SV, nhà tuyển dụng) để thiết kế và phát triển CTĐT đến việc nâng cao chất lượng trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV để cải tiến quá trình dạy và học. Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích luôn chú trọng đánh giá, cải tiến.

Tiêu chí 9.1. Có các chính sách phù hợp để thực hiện hiệu quả các hoạt động bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo

1. Mô tả hiện trạng

Trước năm 2018 trong cơ cấu tổ chức bộ máy, Trường CĐSP Kon Tum có thành lập Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục theo Quyết định số 136/QĐ-CĐSP ngày 14/10/2010. Khi sát nhập 4 cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh vào năm 2018, phòng KTĐBCL của Trường CĐCD Kon Tum được thành lập theo đề án thành lập trường trong đó có nêu rõ chức năng nhiệm vụ của đơn vị. Sau khi thành lập, căn cứ theo Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, phòng KTĐBCL đã tham mưu cho Hiệu trưởng ban hành quy định hệ thống bảo đảm chất lượng Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum để triển khai các hoạt động về bảo đảm chất lượng trong nhà trường [H9.09.01.01]

Hàng năm, Nhà trường có quyết định phân công các viên chức à lãnh đạo các đơn vị phụ trách tham gia theo dõi, quản lý hoạt động bảo đảm chất lượng đối với các đơn vị thuộc Trường để triển khai hiệu quả việc thực hiện các nội dung về công tác bảo đảm chất lượng trong Nhà trường trong đó có Khoa Sư phạm - Bộ môn GDMN. Đối với nhân sự về bảo đảm chất lượng, có 2 Phó trưởng phòng KTĐBC, 1 Phó trưởng phòng HC - QT được Nhà trường cử đi đào tạo về kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp tổ chức và đã được cấp Chứng chỉ sau khi kết thúc khóa đào tạo [H9.09.01.02].

Từ khi thành lập Trường, phòng KTĐBCL đã tham mưu cho Nhà trường ban hành kế hoạch về xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng giai đoạn 2018-2020, Kế hoạch triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2020-2025 trong đó có xây dựng cơ chế chính sách về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo làm công bảo đảm chất lượng. [H9.09.01.03].

Từ năm 2018 đến năm 2020, Nhà trường đã ban hành chính sách chất lượng theo từng giai đoạn và mục tiêu chất lượng năm học từ năm học 2018 -2019 đến năm học 2019- 2020 phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và chiến lược phát triển của Trường. Căn cứ vào mục tiêu chất lượng năm học, các đơn vị trong trường xây dựng kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng cấp trường và cấp đơn vị trong đó có mục tiêu chất lượng của ngành GDMN thuộc Khoa Sư phạm của trường [H9.09.01.04].

Từ năm 2018 đến năm 2021, Nhà trường đều ban hành các kế hoạch về bảo đảm chất lượng, kế hoạch tự đánh giá chất lượng, kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm, ngành Giáo dục Mầm non để triển khai công tác tự đánh giá chất lượng nhà trường, đánh giá CTĐT GDMN và xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng theo quy định. Trong năm học, công tác bảo đảm chất lượng được Nhà trường tổ chức triển khai thường xuyên, liên tục để duy trì các hoạt động quản lý chất lượng có hiệu quả [H9.09.01.05].

Theo kế hoạch về công tác bảo đảm chất lượng từ năm 2018 đến 2021, Nhà trường đều thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng, Ban Thư ký và các nhóm chuyên trách để triển khai hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục trong đó có đánh giá chất lượng hoạt động đào tạo Khoa Sư phạm nói chung và CTĐT giáo viên ngành GDMN nói riêng. Theo đó CBGV, CBQL của các đơn vị trong trường đều tham gia vào việc đánh giá các hoạt động quản lý chất lượng theo chức năng nhiệm vụ từng đơn vị [H9.09.01.06].

Từ năm 2018 đến năm 2020 đề hoạt động bảo đảm chất lượng được diễn ra có hệ thống, hiệu quả Nhà trường đều tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng với mục tiêu nâng cao nhận thức về công tác bảo đảm chất lượng cho nhà giáo, CBQL. Qua các đợt tập huấn nhà giáo, CBQL đều được trang bị kiến thức, kỹ năng trong việc duy trì, cải thiện và nâng cao chất lượng các hoạt động quản lý nói chung trong đó có CTĐT ngành GDMN. [H9.09.01.07].

Năm 2018, Nhà trường đã cử 4 nhà giáo tham gia tập huấn, bồi dưỡng về công tác bảo đảm chất lượng tại TP. Đăklăk. Năm 2020 Nhà trường đã cử 3 nhà giáo gia tham gia học tập lớp kiểm định viên do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp tổ chức tại Đà Nẵng, sau khi hoàn thành khóa đào tạo đã được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp chứng chỉ đào tạo đã hoàn thành khóa đào tạo về kiểm định viên [H9.09.01.08].

Hàng năm ngay từ đầu năm, Nhà trường đã triển khai công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục cho tất cả các đơn vị thuộc Trường triển khai. Đến cuối năm, thực hiện việc xét, đánh giá từng nội dung trong các tiêu chí của các lĩnh vực quản lý chất lượng và tiến hành họp để thông qua kết quả tự đánh giá đồng thời công khai báo cáo kết quả tự đánh giá cho toàn trường [H9.09.01.09].

Từ năm 2018 đến năm 2020, Nhà trường đều triển khai các nội dung về công tác kiểm định chất lượng và tiến đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng thông qua việc đánh giá chất lượng các hoạt động về quản lý chuyên môn trong đó có các hoạt động liên quan đến ngành GDMN thông qua báo cáo kiểm định chất lượng và báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng [H9.09.01.10].

Căn cứ theo quy định về cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng, hàng năm nhà trường đã tiến hành rà soát, đánh giá để xây dựng kế hoạch để khắc phục những tồn tại, hạn chế nhằm thực hiện hiệu quả các hoạt động bảo đảm và nâng cao chất lượng CTĐT cũng như hệ thống bảo đảm chất lượng trong đó có cơ chế, chính sách về công tác bảo đảm chất lượng [H9.09.01.11].

2. Điểm mạnh

Trường đã thực hiện cơ chế chính sách rõ ràng để hệ thống bảo đảm chất lượng được thực hiện thường xuyên, hỗ trợ nhà giáo duy trì, cải thiện và nâng cao chất lượng CTĐT.

Nhà trường đã thực hiện xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng và tiến hành tự đánh giá, cải tiến theo từng năm đảm bảo theo đúng quy định trong đó có đánh giá hoạt động giáo dục của ngành GDMN.

3. Điểm tồn tại

Các cơ chế, chính sách về bảo đảm chất lượng của Nhà trường chưa tạo động lực cho cán bộ, nhà giáo tận tâm thực hiện việc nâng cao chất lượng đặc biệt là các hoạt động đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường xây dựng cơ chế, chính sách về bảo đảm chất lượng để nâng cao chất lượng đào tạo.	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Năm học 2021-2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường cải thiện cơ chế chính sách về công tác bảo đảm chất lượng	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Năm học 2021-2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		để thực hiện thường xuyên, hỗ trợ nhà giáo cải thiện và nâng cao chất lượng CTĐT.			

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 4/7 điểm)

Tiêu chí 9.2. Cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông được trường liên hệ để sinh viên, học sinh kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đạt kiểm định chất lượng giáo dục

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, kiến tập, TTSP là những học phần bắt buộc của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN, gồm 10 tín chỉ. SV được cử đến các cơ sở GDMN rèn luyện nghiệp vụ sư phạm để thực hành nghiên cứu, tiếp cận và tìm hiểu thực tiễn, hình thành thái độ đúng đắn và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp tại các cơ sở mầm non [H9.09.02.01]. Trong quá trình tổ chức các hoạt động này, Khoa Sư phạm - Bộ môn GDMN thực hiện theo Quy định nhà giáo hướng dẫn và SV thực hành, thực tập Giáo dục nghề nghiệp tại cơ sở thực tập của trường CĐCD Kon Tum. Cụ thể tại chương II, điều 4, khoản 2 có quy định về việc “Liên hệ địa điểm, cơ sở thực tập” trong đó cần thảo luận rõ với cơ sở về điều kiện đáp ứng của các cơ sở thực tập, về số lượng SV mà cơ sở có thể tiếp nhận được và số lượng cán bộ cơ sở tham gia hướng dẫn để người học tham gia kiến tập và TTSP [H9.09.02.02].

Việc tổ chức thực hiện các hoạt động kiến tập sư phạm và TTSP cho người học đúng kế hoạch đã ban hành. Cụ thể về nội dung, phương pháp và kỹ năng được thể hiện rõ trong kế hoạch rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên do các GV bộ môn chuyên ngành đề xuất, tổ bộ môn tổng hợp, lập kế hoạch ngay từ đầu học kỳ của mỗi năm học, được Ban Giám hiệu Nhà trường phê duyệt sau đó tiến hành thực hiện và giám sát. SV được GV chuyên ngành GDMN và GVMN ở các cơ sở GDMN cùng hướng dẫn công tác rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên và TTSP [H9.09.02.03]. Trong quá trình thực tập, SV được đánh giá toàn diện tất cả các nội dung thực tập. Kết quả TTSP được đưa vào tính điểm trung bình chung học tập của học kỳ II năm thứ 3 cũng như điểm trung bình học tập toàn khoá học. Nội dung đánh giá gồm 4 phần: Thực tập giảng dạy (TTGD) hệ số 3; thực tập giáo dục (TTgd) hệ số 2; Báo cáo thu hoạch (BCTH) hệ số 1; Ý thức tổ chức kỷ luật (TCKL) hệ số 1. Điểm thực tập được đánh giá như sau: $ĐTT = [BCTH + TCKL + (TTgd \times 2) + (TTGD \times 3)] / 7$. (*Làm tròn số đến 1 chữ số sau dấu phẩy*). [H9.09.02.04]. Trong thời gian SV thực tập tại các trường mầm non, để nắm bắt kịp thời tình hình thực tập của SV, Nhà trường, Khoa Sư phạm - Bộ môn GDMN đã có kế hoạch kiểm tra công tác TTSP nhằm giúp giải quyết các khó khăn của cơ sở trường mầm non và SV đang thực tập [H9.09.02.05].

Hàng năm, Nhà trường thường tổ chức hội thảo, seminar, viết bài đăng ký yếu khoa học về công tác rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên cho SV từ cấp khoa đến cấp trường nhằm đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp và cuộc sống, đặc biệt đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục [H9.09.02.06].

Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức các hội thi nghiệp vụ sư phạm cho SV, tạo cơ hội cho SV thể hiện các kỹ năng sư phạm giảng dạy trẻ mầm non, giải quyết các tình huống, kỹ năng làm đồ dùng dạy học gắn với công việc của GVMN trong tương lai. Khoa Sư phạm - Bộ môn GDMN đã xây dựng quy trình tổ chức Hội thi nghiệp vụ sư phạm khách quan bao gồm việc lập kế hoạch, lập danh sách ban tổ chức, ban

giám khảo, công bố lịch thi, danh sách SV dự thi và công bố kết quả của hội thi [H9.09.02.07]. Hàng năm, thông qua việc tổ chức rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, thực tập thực tế cho SV ngành GDMN Khoa Sư phạm - Bộ môn GDMN đã lưu trữ các hình ảnh tổ chức các hoạt động kiến tập, thực tập không chỉ theo phương pháp lưu trữ truyền thống mà còn áp dụng việc lưu trữ số hoá nhằm tăng khả năng truyền bá phổ biến rộng rãi về ngành GDMN, làm tư liệu giảng dạy, học tập cho GV và SV, giúp SV có các học liệu chuyên sâu thực tế với nghề nghiệp mà mình sẽ theo đuổi sau này. Từ đó hình thành thái độ đúng đắn và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp tại các cơ sở mầm non. Ngoài ra, việc lưu trữ này rất thuận lợi trong việc tìm kiếm thông tin như in, sao, trích, dẫn... các hình ảnh cụ thể, tiết kiệm chi phí và sức lao động [H9.09.02.08].

Khoa Sư phạm và Nhà trường đã xây dựng một hệ thống liên kết với các trường thực hành sư phạm trên địa bàn tỉnh Kon Tum để sử dụng làm môi trường rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp sư phạm cho SV từ năm thứ nhất đến năm thứ ba. Hệ thống trường thực hành sư phạm này đến thời điểm hiện tại gồm khoảng 53 trường, trong đó có 53 trường đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đạt kiểm định chất lượng giáo dục cho các ngành học. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai công tác kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm vào các năm học 2017-2018, 2018-2019 theo phương thức gửi thẳng SV về các trường mầm non công lập và tư thục nhằm tạo thuận lợi cho SV trong điều kiện sinh hoạt và phương tiện đi lại trong quá trình tổ chức kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm nên một số SV đã chọn các cơ sở trường MN gần nhà, chưa được công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đạt kiểm định chất lượng giáo dục để kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm. Khắc phục tình trạng trên, năm học 2020 - 2021 Nhà trường đã tổ chức triển khai công tác kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm theo phương thức tập trung, ưu tiên lựa chọn các cơ sở trường MN đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đạt kiểm định chất lượng giáo dục ngành học làm cơ sở để SV kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm. [H9.09.02.09]

2. Điểm mạnh

Đa số trường trong hệ thống các cơ sở GDMN được trường liên hệ để SV kiến tập và TTSP trong thời gian qua đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đạt kiểm định chất lượng giáo dục cho ngành học. Có quy định rõ ràng, cụ thể về việc thực hành, thực tập Giáo dục nghề nghiệp tại cơ sở thực tập cho người học. Có kế hoạch cụ thể, chi tiết cho các nội dung kiến tập, thực tập và thực hiện theo đúng quy trình của kế hoạch.

3. Điểm tồn tại

Trong năm học 2017-2018, 2018-2019 một số SV đã đăng ký các cơ sở GDMN chưa được công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đạt kiểm định chất lượng giáo dục để kiến tập sư phạm và TTSP. Các hoạt động dạy và học ở một số học phần chưa thực sự kết hợp giữa các vấn đề lý thuyết và thực hành nên việc vận dụng kiến thức và kỹ năng vào thực tế trong các hoạt động kiến tập, TTSP của một số SV chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động hơn nữa trong việc tham mưu cho Nhà trường hệ thống các cơ sở GDMN để SV kiến tập và TTSP được công nhận đạt chuẩn quốc gia. - Kiến nghị với Nhà trường trang bị cơ sở vật chất đầy đủ cho các phòng thực hành chuyên ngành 	Khoa Sư phạm, Bộ môn GDMN	Từ năm học 2021-2022 trở đi

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
		<p>GDMN.</p> <p>- Tổ chức seminar, thực hiện công tác tư vấn cho SV trong việc đăng kí lựa chọn cơ sở GDMN kiến tập sư phạm và TTSP đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đạt kiểm định chất lượng giáo dục nhằm khắc phục trình trạng SV kiến tập sư phạm và TTSP tại các cơ sở GDMN chưa được công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đạt kiểm định chất lượng giáo dục của ngành học.</p> <p>- Khoa đề xuất với Nhà trường cải tiến phương thức kiến tập sư phạm và TTSP, phối hợp với các cơ sở thực tập, chế độ phù hợp cho cán bộ hướng dẫn nhằm nâng cao chất lượng TTSP, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên của SV ngành GDMN.</p>		

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
2	Phát huy điểm mạnh	<p>- Từ năm học 2020 – 2021 Nhà trường đã điều chỉnh phương thức kiến tập sư phạm và TTSP từ gửi thẳng sang tổ chức tập trung theo đoàn, Nhà trường lựa chọn các cơ sở GDMN được công nhận đạt quốc gia hoặc đạt kiểm định chất lượng giáo dục để triển khai công tác kiến tập sư phạm và TTSP.</p> <p>- Thường xuyên, tổ chức các buổi tọa đàm thường niên với các bên liên quan để giới thiệu về mục tiêu, CTĐT và xin ý kiến góp ý điều chỉnh về mục tiêu, nội dung, phương pháp tổ chức các hoạt động kiến tập và thực tập cho sát với yêu cầu thực tiễn, nhằm trang bị cho SV các kiến thức, kỹ năng, thái độ phù hợp với CDR</p>	Khoa Sư phạm	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 4/7 điểm)

Tiêu chí 9.3. Hoạt động kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm được tổng kết, đánh giá và được định kỳ rà soát, cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động kiến tập sư phạm và TTSP là một trong những hoạt động thể hiện rất rõ chất lượng, uy tín của một cơ sở đào tạo. Do đó, để đảm bảo SV ngành GDMN đạt được CDR đáp ứng nhu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng, Trường CĐCD Kon Tum nói chung, Khoa Sư phạm - Bộ môn GDMN nói riêng phải thực hiện các quy trình quản lý nâng cao chất lượng hoạt động TTSP và kiến tập sư phạm một cách chặt chẽ và có hệ thống. Từ việc từ việc liên hệ với các cơ sở GDMN đạt trường chuẩn quốc gia, có uy tín đến việc lập kế hoạch thực hiện hoạt động kiến tập, TTSP hàng năm (năm 2017, 2018, 2019, 2020) [H9.09.02.03]. Khoa, Nhà trường phối hợp với các cơ sở kiến tập, thực tập nhằm thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (GV, người học, SV, các cơ sở GDMN) trong quá trình thực hành, thực tập nghề, cũng như các ý kiến góp ý của các cơ sở thực tập về chất lượng của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN. Hầu hết các cơ sở GDMN đều đánh giá rất cao khả năng vận dụng lý luận vào thực tiễn công tác chăm sóc, giáo dục trẻ tại các trường mầm non qua các đợt thực tập sư phạm. [H9.09.03.01]. Đây là tư liệu quan trọng hữu ích để Nhà trường chỉ đạo khoa bổ sung, điều chỉnh và phát triển CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN đồng thời rà soát, đánh giá và cải tiến kế hoạch kiến tập, TTSP đảm bảo chất lượng.

Hoạt động kiến tập, TTSP là một phần bắt buộc của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN, SV được cử đến các cơ sở rèn luyện nghiệp vụ sư phạm để thực hành nghiên cứu, tiếp cận và tìm hiểu thực tiễn, hình thành thái độ đúng đắn và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp tại các cơ sở GDMN. Để đảm bảo chất lượng cho hoạt động kiến tập, TTSP Khoa Sư phạm - Bộ môn GDMN và Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức đoàn xuống cơ sở kiến tập, thực tập để kiểm tra, phối hợp với cơ sở GDMN để khắc phục những khó khăn và giúp SV đạt kết quả cao trong quá trình thực tập [H9.09.03.02]. Ngoài ra, Khoa Sư phạm - Bộ môn GDMN và Nhà trường thường xuyên thu thập các hình ảnh, video hàng năm SV tham gia các hoạt

động kiến tập, thực tập để làm minh chứng báo cáo tổng kết và quảng bá giới thiệu về các hoạt động của SV trong Nhà trường [H9.09.03.03].

Việc thực tập, kiến tập của SV ngành GDMN tuân thủ theo kế hoạch cụ thể (cả về nội dung, phương pháp và kỹ năng) được thể hiện rõ trong kế hoạch rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên do các GV bộ môn chuyên ngành đề xuất, tổ bộ môn tổng hợp, lập kế hoạch ngay từ đầu học kì của mỗi năm học, được Ban Giám hiệu Nhà trường phê duyệt sau đó tiến hành thực hiện và giám sát. SV được GV chuyên ngành GDMN và GVMN ở các cơ sở cùng hướng dẫn công tác rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên và TTSP. Sau mỗi đợt kiến tập, TTSP các cơ sở GDMN và Nhà trường cùng phối hợp tổ chức tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm để làm cơ sở cải tiến, nâng cao chất lượng kiến tập, TTSP cho các năm tiếp theo [H9.09.03.04].

Hằng năm, Nhà trường, khoa đều có các biện pháp cải tiến để nâng cao chất lượng các hoạt động kiến tập, TTSP cho SV. Điều này được thể hiện rõ nhất ở phương thức tổ chức các hoạt động thực tập, kiến tập. Năm 2018 Nhà trường không tổ chức các đợt kiến tập sư phạm tại trường mầm non, không tổ chức thành các đoàn thực tập tập trung mà gửi thẳng SV về các cơ sở GDMN công lập hoặc tư thục. Tuy nhiên, với phương thức này SV gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình liên hệ thực tập, ngỡ ngàng, thiếu tự tin khi đến các cơ sở GDMN dẫn đến kết quả TTSP chưa cao. Vì vậy, từ năm 2019 trở đi Nhà trường đã thay đổi phương thức tổ chức hoạt động kiến tập TTSP, lựa chọn các cơ sở GDMN công lập đạt chuẩn quốc gia và tổ chức thành lập các đoàn thực tập tập trung, cử giảng viên chuyên ngành hướng dẫn, hỗ trợ SV trong quá trình thực tập [H9.09.03.05]. Thông tin về kết quả cải tiến các hoạt động kiến tập sư phạm và TTSP thể hiện rất rõ ở bảng tổng hợp mức xếp loại kiến tập, TTSP cho SV hàng năm [H9.09.03.06].

2. Điểm mạnh

Hoạt động rèn luyện Nghiệp vụ sư phạm thường xuyên và Thực tập sư phạm được Nhà trường thiết kế theo một quy trình mang tính đặc thù riêng của ngành đào tạo GDMN. Nhà trường đã xây dựng được một mạng lưới các trường thực hành trong địa bàn thành phố Kon Tum, đáp ứng nhu cầu và chất lượng đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho SV ngành GDMN.

3. Điểm tồn tại

Chế độ bồi dưỡng cho giáo viên hướng dẫn kiến tập và thực tập sư phạm tại các cơ sở GDMN chưa phù hợp ảnh hưởng đến chất lượng kiến tập, thực tập sư phạm của SV ngành GDMN.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục hạn chế	Cải tiến phương thức hợp tác với các cơ sở thực tập, quan tâm hơn đến chế độ cho giáo viên hướng dẫn nhằm nâng cao chất lượng kiến tập, thực tập sư phạm, của SV ngành GDMN.	Nhà trường	Từ năm học 2021-2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục củng cố mạng lưới các trường thực hành trong địa bàn thành phố Kon Tum, đáp ứng nhu cầu và chất lượng đào tạo kỹ năng nghề	Nhà trường	Từ năm học 2021-2022	

		ngành cho SV ngành GDMN.			
--	--	--------------------------	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 4/7 điểm)

Tiêu chí 9.4. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Để rà soát, đánh giá quá trình dạy và học và nâng cao chất lượng đào tạo, Trường ban hành Quy định về việc lấy ý kiến phản hồi về hoạt động đào tạo. Căn cứ vào quy định này, các đơn vị thực hiện khảo sát các bên liên quan, kết quả khảo sát là cơ sở quan trọng để rà soát và đánh giá quá trình dạy và học, phương pháp dạy và học để cải tiến chất lượng, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR [H9.09.04.01].

Quá trình dạy và học của GV và NH được giám sát chặt chẽ bởi toàn bộ hệ thống làm việc của trường và được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường. Căn cứ vào kế hoạch đào tạo năm học, Khoa triển khai và giám sát hoạt động dạy và học, Trưởng BM chịu trách nhiệm chính trong việc phân công giảng dạy Hoạt động giảng dạy còn được kiểm soát bởi Phòng Đào tạo [H9.09.04.02].

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên được quy định chặt chẽ trong quyết định về việc ban hành quy chế đào tạo của nhà trường và quyết định về việc quy định tổ chức thi, chấm thi, quản lý lưu trữ kết quả thi, bài thi dựa vào Quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H.09.04.03].

Mặt khác, việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được thể hiện rõ trong ĐCCT học phần [H9.09.04.04]. Các giảng viên tuân thủ ĐCCT của từng học phần, các lần kiểm tra đánh giá cho một học phần bao gồm: đánh giá chuyên cần, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Việc công bố điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ được thực hiện công khai ngay khi kết thúc học phần đó. Nhà trường đã thực hiện nhiều phương

pháp kiểm tra đánh giá phù hợp để đạt được CĐR. Các hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hóa đáp ứng mục tiêu và tùy vào đặc thù của từng học phần bao gồm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài tập lớn, tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, đối với từng nội dung học tập (kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và chịu trách nhiệm) và thể hiện bảo đảm sự tương thích và phù hợp với CĐR qua ma trận kết nối giữa phương pháp KTĐG và CĐR của học phần và CTĐT và thể hiện ở đề cương bài giảng, bài thi.

Nhà trường đã chỉ đạo các Khoa/Bộ môn, giảng viên xây dựng triển khai thực hiện kế hoạch tổ chức dạy học cho SV trên cơ sở bám sát mục tiêu giáo dục, triết lý giáo dục và CĐR của CTĐT; đồng thời hướng dẫn, tổ chức các buổi thảo luận với các giảng viên để xây dựng đánh giá, rút ra các tổ hợp phương pháp giảng dạy hiện đang được áp dụng có hiệu quả tại Khoa để đạt được CĐR của ngành được đánh giá. Trong quá trình giảng dạy, các giảng viên lựa chọn các hoạt động giảng dạy và học tập thích hợp với đặc thù của từng học phần, đảm bảo vai trò của học phần xác định trong ma trận thể hiện sự đóng góp của học phần vào thực hiện CĐR. Các phương pháp dạy và học được thể hiện đa dạng, phù hợp với đặc thù môn học (lí thuyết, thực hành, thực tế ...) và điều kiện thực tế của Nhà trường. Các giảng viên đã sử dụng các PPDH như: phương pháp thuyết trình, phương pháp làm việc nhóm/thảo luận, phương pháp sinh viên tự học, tự nghiên cứu, làm bài tập cá nhân; phương pháp thực hành, thực tập, dạy học tình huống, giải quyết vấn đề, ... [H9.09.04.05]

Hằng năm, Nhà trường triển khai thực hiện rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học thông qua các hoạt động như: Sinh hoạt chuyên môn bộ môn [H9.09.04.06], dự giờ của GV từ cấp khoa đến cấp trường [H9.09.04.07], kiểm tra hoạt động dạy học [H9.09.04.08]. Theo định kỳ cuối mỗi học kỳ, năm học Khoa SP họp rà soát, đánh giá quá trình dạy - học, đánh giá kết quả học tập của NH [H9.09.04.09].

Sinh viên có thể phản hồi và cập nhật ý kiến về chất lượng giảng dạy cũng như các hoạt động liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập qua website của Nhà trường. Kết thúc mỗi năm học, nhà trường thường xuyên tiến hành tổ chức thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học đối với hoạt động giảng dạy và hoạt động kiểm tra đánh giá. Kết quả thực hiện cho thấy chất lượng giảng dạy đạt hiệu quả, được sinh viên đánh giá cao đồng thời xác định những điểm mạnh và những mặt còn tồn tại để khắc phục [H9.09.04.10].

Bên cạnh đó, nhằm không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả phương pháp giảng dạy, học tập, Nhà trường đã tổ chức hội thảo khoa học cấp trường với chủ đề: “Giải pháp đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực người học” năm 2017 với sự tham gia của tất cả các NG với 7 bài viết tham luận của NG và nhiều ý kiến đóng góp của NG [H9.09.04.11]. Khoa SP tổ chức hội thảo “Đổi mới phương pháp dạy học và rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu việc làm cho sinh viên ngành Sư phạm” năm 2020 với sự tham gia đông đảo NG và các em SV. Hội thảo là nơi để NG cùng nhau học hỏi và nâng cao chất lượng dạy học, để từ đó vận dụng linh hoạt, sáng tạo các phương pháp dạy học.

2. Điểm mạnh

Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của NH được triển khai một cách khoa học, có hệ thống, chặt chẽ và nghiêm túc. Hình thức đánh giá linh hoạt, đúng quy chế, quy định nhưng vẫn phát huy được tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt của giảng viên và người học.

3. Điểm tồn tại

Cần ban hành quy trình hướng dẫn đồng bộ, thống nhất về việc rà soát đánh giá quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập thống nhất từ Bộ môn/Khoa/Nhà trường, Khoa.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị , người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Ban hành quy trình hướng dẫn các bước về rà soát đánh giá quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập thống nhất đồng bộ từ Bộ môn/Khoa/Nhà trường, Khoa	Phòng Đào tạo, Phòng Khảo thí và ĐBCL Khoa GDMN	Từ năm học 2021-2022
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của NH được triển khai một cách khoa học, có hệ thống, chặt chẽ và nghiêm túc. Hình thức đánh giá linh hoạt, đúng quy chế, quy định nhưng vẫn phát huy được tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt của giảng viên và người học.	Phòng QLĐT, Khoa GDMN, Phòng Khảo thí và ĐBCL	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 4/7 điểm)

Tiêu chí 9.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Để nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác, Trường Cao đẳng Công đồng Kon Tum đã đầu tư xây dựng hệ thống các phòng thư viện, thí nghiệm, thực hành, hệ thống CNTT theo Nghị định Số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 về

việc quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT và Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND tỉnh Kon Tum về tiêu chuẩn trang thiết bị giảng dạy, thí nghiệm, thực hành, hệ thống CNTT trong các cơ sở GD&ĐT. [H9.09.05.01].

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ hoạt động dạy học được Nhà trường đánh giá định kì hàng năm. Sau khi kết thúc mỗi năm học, Nhà trường tiến hành kiểm kê, khảo sát mức độ đáp ứng về số lượng và chất lượng các phòng chức năng từ người học, GV. Kết quả khảo sát từ 2021 - 2022 cho thấy mức độ đáp ứng của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT, các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích và thái độ phục vụ, chất lượng phục vụ cho học tập được đánh giá ở mức độ cao (Điểm trung bình trên 4 điểm) [H9.09.05.02].

Hoạt động trên là cơ sở để nhà trường cải tiến, đầu tư kinh phí nâng cấp các thiết bị phòng thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành và hệ thống CNTT. Các dịch vụ này được đầu tư hoàn thiện theo từng năm, được trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ để hỗ trợ, đáp ứng các tiêu chuẩn dạy học ở các bậc học phổ thông và mầm non. SV ngành GDMN được thực hành tổ chức các hoạt động dạy trẻ với điều kiện CSVC, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phù hợp với đặc trưng của ngành GDMN. Mọi sự đầu tư về CSVC, trang thiết bị và hệ thống máy vi tính của Nhà trường trong thời gian qua đều nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường [H9.09.05.03].

Nhà trường có hệ thống mạng internet dùng chung cho toàn trường. Hệ thống này được trang bị rộng khắp khuôn viên trường, thư viện và trong KTX, bao gồm cả mạng không dây (Wifi) và mạng có dây (Cable) để phục vụ cho hoạt động học tập và nghiên cứu. Toàn bộ hệ thống CNTT thường xuyên được duy trì, bảo dưỡng và cập nhật liên tục. Nhà trường có kế hoạch nâng cấp hệ thống các phần mềm, hệ thống mạng wifi, trang bị thêm máy tính cho thư viện, phòng thực hành máy tính, máy chiếu projector ở các phòng học [H9.09.05.04].

Việc sắp xếp hệ thống các phòng thí nghiệm, thực hành/thực tập và thư viện được bố trí một cách hợp lý ở ngay trung tâm Nhà trường, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho GV và SV giảng dạy, NCKH và học tập. Hàng năm Nhà trường đều có kế hoạch rà soát, đánh giá đầu sách tại thư viện và tổ chức xét, công nhận sáng kiến kinh nghiệm về các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động tại thư viện [H9.09.05.05].

Trong quá trình dạy học, GV thường cho SV làm bài tập nhóm và yêu cầu SV sử dụng mạng internet để tìm kiếm thu thập thông tin phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu. Vì vậy, Nhà trường đã phân công cán bộ phụ trách để kịp thời hỗ trợ tại các phòng thí nghiệm, thực hành/thực tập và thư viện [H9.09.05.06].

Tại thư viện, tài liệu được số hóa để bảo quản, nguồn học liệu được quản lý bằng phần mềm. Thư viện điện tử của Trường bao gồm phần mềm hỗ trợ, trang web và các nguồn tài nguyên điện tử khác được liên kết với nhiều trang điện tử phục vụ cho hoạt động tra cứu, học tập của GV và SV [H9.09.05.07]. Nhằm tạo điều kiện tốt nhất về thời gian cho SV và GV, thư viện mở cửa cho mượn và trả tài liệu, giáo trình từ 7h30 đến 17h00 các ngày trong tuần [H9.09.05.08].

Hàng năm, Nhà trường tiến hành thống kê số lượng các tài liệu, đồng thời bổ sung thêm các nguồn tài liệu nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo chuyên ngành với số lượng, nhan đề tài liệu [H9.09.05.09].

Dịch vụ y tế chăm sóc sức khỏe học đường cũng được Trường rất quan tâm đặc biệt các chính sách hỗ trợ khám sức khỏe định kỳ, hay các dịch vụ về bảo hiểm y tế cho SV. Các kế hoạch nâng cấp dịch vụ y tế, dọn dẹp vệ sinh cũng được lập kế hoạch thực hiện và đánh giá hiệu quả sử dụng. Nhà trường thực hiện không hút thuốc trong khuôn viên trường. Hàng năm, Phòng y tế chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch lịch khám sức khỏe, tiêm phòng, tiêm chủng của cán bộ GV, sinh viên và kế hoạch

hành động dọn vệ sinh, cải tạo cảnh quan trường theo đúng quy định của nhà trường [H9.09.05.10].

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được tiến hành thường xuyên và trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan trong các cuộc họp, hội nghị và thông qua phiếu khảo sát, Trường đã tiến hành xây dựng kế hoạch, dự trù kinh phí và phân công cán bộ chuyên trách phục vụ các hoạt động nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng các dịch vụ hỗ trợ này.

Nhà trường trang bị đầy đủ các phòng thực hành (phòng múa, phòng Đàn...) tạo điều kiện để SV được thực hành các học phần có trong CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống mạng WiFi thỉnh thoảng còn chập chờn, hoạt động chưa ổn định ít nhiều ảnh hưởng đến việc giảng dạy và học tập, đặc biệt là những giờ học thảo luận cần tra cứu thông tin trên hệ thống Internet.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1.	Khắc phục hạn chế	Nâng cấp hệ thống mạng Internet. Xây dựng kế hoạch chiến lược để triển khai hiệu quả của việc sử dụng E - learning trong dạy học	Khoa Sư phạm; phòng HCQT	Năm 2021	

2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường trang bị thêm đồ dùng dạy học cho phòng thực hành (phòng múa, phòng Đàn...) tạo điều kiện để SV được thực hành các học phần có trong CTĐT.	Khoa Sư phạm; phòng HCQT	Năm 2021	
---	--------------------	---	--------------------------	----------	--

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 4/7 điểm)

Tiêu chí 9.6. Có hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình đào tạo

1. Mô tả hiện trạng

Trường CĐCD Kon Tum thành lập Trung tâm PTDN có chức năng khảo sát, thu thập ý kiến của các bên liên quan và sử dụng thông tin phản hồi, nhu cầu của các bên liên quan để làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình đào tạo. Ngoài ra, Nhà trường còn thành lập Hội cựu SV của Trường để khảo sát, lấy ý kiến của người học về các nội dung liên quan đến hoạt động của nhà giáo, chương trình đào tạo, mức độ đáp ứng của HSSV đối với đơn vị sử dụng lao động và tình hình việc làm của HSSV sau tốt nghiệp [H9.09.06.01, H9.09.06.02].

Để có căn cứ thiết kế và phát triển chương trình đào tạo, Nhà trường đã xây dựng Quy định lấy ý kiến của các bên liên quan về hoạt động của Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum trong đó có quy trình lấy ý kiến các bên liên quan về chất lượng CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN và các thu thập ý kiến khác về đào tạo ngành GDMN. Trong quy định có nêu rõ về mục đích, công cụ, nội dung khảo sát, hình thức, đối tượng khảo sát, qui trình và phương pháp thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu thông tin phản hồi của các bên liên quan và sử dụng kết quả khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan để cải tiến và phát triển chương trình đào tạo. Các mẫu

khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được Trung tâm PTDN xây dựng, các đơn vị thuộc Trường góp ý, thông qua sau đó được ban hành để sử dụng rộng rãi, công khai trong toàn trường [H9.09.06.03].

Hàng năm Nhà trường giao cho Trung tâm PTDN phối hợp với khoa Sư phạm – Bộ môn GDMN tiến hành tổ chức thu thập, lấy ý kiến các đối tượng liên quan về hoạt động giảng dạy của GV bằng hình thức khảo sát trực tiếp qua phiếu hỏi, phỏng vấn hoặc bằng phần mềm khảo sát trực tuyến trong trường về khóa học, CĐR, CTDH, các hoạt động đào tạo của ngành GDMN. Để đánh giá về hoạt động giảng dạy của tất cả các GV tham gia giảng dạy ở tất cả các ngành học trong trường trong đó có hoạt động triển khai CTĐT GDMN, Nhà trường tiến hành xây dựng kế hoạch lấy ý kiến phản hồi từ người học ở tất cả các học phần từ năm 2018 đến năm 2020 trong đó có ngành GDMN thông qua các phiếu khảo sát. Sau khi khảo sát, có báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của SV ngành GDMN về hoạt động của GV. Kết quả cho thấy hiệu quả giảng dạy các học phần theo các tiêu chí là trên 90% của đối tượng khảo sát.[H9.09.06.04].

Đồng thời từ năm 2018 đến năm 2020, Nhà trường cũng tiến hành khảo sát mức độ đáp ứng của sinh viên sau tốt nghiệp tại 25 trường mầm non trên địa bàn tỉnh. Kết quả khảo sát cho thấy mức độ đáp ứng ở các tiêu chí về kiến thức, chuyên môn, các kỹ năng mềm khác là từ 60-80%, điều này cho thấy tính phù hợp, mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo là khá cao [H9.09.06.05].

Hàng năm, Trung tâm PTDN phối hợp cùng Bộ môn GDMN của Khoa Sư phạm đều tiến hành xây dựng kế hoạch lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về sự phù hợp của CTĐT thông qua các phiếu khảo sát từ các nhà giáo đang giảng dạy, nhà tuyển dụng, người học, cựu sinh viên, ...Sau khi khảo sát có kết quả khảo sát thông qua báo cáo khảo sát để làm cơ sở đánh giá tính phù hợp và tương thích của CTĐT với tình hình và nhu cầu thực tế tại địa phương. Kết quả khảo sát thu được từ

các bên liên quan cho thấy hầu hết các nội dung về CDR và cấu trúc CTĐT đều được đánh giá phù hợp, đáp ứng là trên 70% [H9.09.06.06].

Trường và Khoa Sư phạm - Bộ môn GDMN thường xuyên giữ liên lạc với cựu SV qua các kênh thông tin bao gồm cả email và mạng xã hội để thu thập thông tin về tình hình việc làm, lấy phiếu ý kiến phản hồi, tổ chức gặp mặt cựu SV để theo dõi, lần vết SV sau tốt nghiệp. Các kết quả thống kê về khảo sát về hoạt động giảng dạy, mức độ đáp ứng của SV và việc làm của SV ngành GDMN đã giúp cho Nhà trường làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTĐT ngành GDMN theo hướng đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng [H9.09.06.07].

Hàng năm, căn cứ theo kết quả khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, kết quả khảo sát về mức độ đáp ứng của sinh viên sau tốt nghiệp tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh và kết quả khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về xây dựng và phát triển CTĐT nhà trường thực hiện việc bổ sung, điều chỉnh theo hướng thiết kế và phát triển CTĐT đáp ứng theo yêu cầu của xã hội [H9.09.06.04, H9.09.06.05, H9.09.06.06].

CTDH ngành GDMN từ khi thiết kế đã được sự góp ý của các chuyên gia, các GV nhiều kinh nghiệm và các cán bộ quản lý của Nhà trường trong nhiều buổi họp của Khoa Sư phạm. Phòng Đào tạo và Khoa Sư phạm - Bộ môn GDMN chịu trách nhiệm chính trong thiết kế CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN và các đề cương chi tiết học phần dựa vào các văn bản quy định của Bộ GDĐT và của Nhà trường để xây dựng CDR sao cho đáp ứng với nhu cầu của các nhà tuyển dụng [H1.01.01.03].

Nhà trường đã sử dụng thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan làm căn cứ để định kỳ xây dựng các kế hoạch rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo ngành GDMN. Theo kế hoạch, Khoa sư phạm cùng phòng Đào tạo thực hiện việc rà soát nội dung các học phần, bổ sung các học phần cho phù hợp với điều kiện thực

tiền tại địa phương và phù hợp với nhu cầu của các đơn vị sử dụng lao động [H9.01.01.06, H9.09.06.08]

2. Điểm mạnh

Trường đã xây dựng và triển khai đầy đủ hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan. Sự phản hồi tích cực từ phía các bên liên quan cho ngành GDMN để sử dụng làm căn cứ để nâng cao chất lượng CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một số nhà tuyển dụng và các nhà quản lý các Trường mầm non trên địa bàn tỉnh chưa cung cấp các thông tin liên quan đến ngành GDMN để Nhà trường làm cơ sở để xây dựng và phát triển CTDH theo yêu cầu thực tế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Phối hợp và làm việc với các nhà tuyển dụng và các nhà quản lý các trường Mầm non trên địa bàn tỉnh lấy các thông tin liên quan đến ngành GDMN để Nhà trường làm cơ sở để xây dựng và phát triển CTDH theo yêu cầu thực tế.	Trung tâm PTDN	Năm học 2021 -2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	<p>Trường tiếp tục triển khai đầy đủ hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan.</p> <p>Sự phản hồi tích cực từ phía các bên liên quan cho ngành GDMN để sử dụng làm căn cứ để nâng cao chất lượng CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN.</p>	Trung tâm PTDN	Năm học 2021 -2022	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 4/7 điểm)

Tiêu chí 9.7. Việc thiết kế và phát triển chương trình đào tạo được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được Nhà trường phê duyệt theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam - Quyết định của Thủ tướng chính phủ, số 1982/QĐ - ban hành ngày 18/10/2016 đã được triển khai tại Khoa Sư phạm từ năm 2016 đến nay [H9.09.07.01]. CTĐT ngành GDMN được thiết kế theo 3 khối kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Trường CĐCD Kon Tum có quy định về quy trình thiết kế và phát triển CTĐT [H9.09.07.02], từ việc xác định mục tiêu, CDR đến việc tổ chức thực hiện, đánh giá, cải tiến chất lượng; các hướng phát triển chương trình. Trường CĐCD Kon Tum cũng đã ban hành quy định xây

dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định và phê duyệt giáo trình đào tạo trình độ Cao đẳng; thành lập tổ xây dựng, điều chỉnh CTĐT; hội đồng thẩm định CTĐT; kế hoạch thẩm định, xây dựng chương trình giáo dục Cao đẳng hệ chính quy của Nhà trường năm 2016, 2018, 2020 [H2.02.03.01].

Từ năm 2022, việc thiết kế và phát triển CTĐT ngành GDMN được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến theo từng khóa học, CTĐT của khóa học 21 (tuyển sinh năm 2016) áp dụng theo Quyết định số: 182a/QĐ-CĐSP ngày 8/8/2016 của Hiệu trưởng Trường CĐSP Kon Tum; khóa học K1C áp dụng theo quyết định 776b/QĐ-CĐCĐ năm 2018; khóa học K3C áp dụng theo quyết định 809/QĐ-CĐCĐ năm 2020, điều đó được thể hiện ở CTĐT năm 2018, 2020 như việc tăng thêm số lượng tín chỉ thực hành, tăng tính chuyên sâu và liên mạch của CTĐT, đặc biệt bổ sung một số môn học đáp ứng như cầu của xã hội (Khởi nghiệp; Tự động hóa) [H9.09.07.03].

Việc xây dựng ĐCCT các học phần được điều chỉnh, cập nhật theo đúng quy định. Nhà trường đã thành lập hội đồng thẩm định, rà soát, điều chỉnh ĐCCT các học phần; lên kế hoạch thẩm định ĐCCT; biên bản tổng hợp lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan về ĐCCT. Bộ môn phụ trách xây dựng ĐCCT theo hướng dẫn; Hội đồng thẩm định của Trường họp và thông qua ĐCCT các học phần [H3.03.01.03], [H2.02.02.05].

Trong quá trình thực hiện CTĐT, Nhà trường và Khoa định kỳ tổ chức hoạt động khảo sát ý kiến SV về chất lượng hoạt động dạy học, ý kiến của GV về chất lượng CTĐT để thường xuyên cải tiến nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt kết quả học tập mong đợi của SV và đáp ứng yêu cầu của xã hội [H9.09.07.04]. Ngoài ra, Nhà trường, Khoa thường xuyên tổ chức các hoạt động thao giảng, hội thi giáo viên giỏi hàng năm, sau mỗi hoạt động dự giờ thao giảng, thi giáo viên giỏi đã có các trao đổi rút kinh nghiệm, góp ý điều chỉnh để GV thay đổi phương pháp giảng dạy cho hiệu quả hơn [H9.09.07.05].

Nhà trường có cải tiến quy định về quy trình thiết kế và phát triển CTĐT, điều đó được thể hiện rất rõ trong bảng đối sánh về quy định xây dựng và phát triển CTĐT năm 2018, 2020[H9.09.07.06]. Trong mỗi lần điều chỉnh, Hội đồng thẩm định Trường được xây dựng và thành lập các tổ xây dựng, điều chỉnh CTĐT. Căn cứ vào kế hoạch rà soát và điều chỉnh CTĐT (năm 2018, 2020) của trường CĐCĐ Kon Tum, nhu cầu thực tiễn của xã hội, ý kiến của các bên liên quan về CTĐT, xu hướng vận động của ngành nghề và các yếu tố khác, tổ xây dựng, điều chỉnh CTĐT đề xuất cải tiến CTĐT, sau đó Hội đồng thẩm định Trường đã thảo luận và đi đến thống nhất chính thức ban hành khung CTĐT ngành GDMN áp dụng cho từng khóa học [H9.09.07.07].

Từ năm 2016 đến nay, Nhà trường thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV; lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT. Căn cứ vào kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi, Khoa Sư phạm và Bộ môn GDMN đưa ra các giải pháp nhằm cải tiến chất lượng phù hợp về điều chỉnh CTĐT, hoạt động dạy học, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội [H9.09.07.08, H9.09.07.09].

Ngoài ra, trong các buổi Hội thảo, Hội nghị, Tọa đàm trao đổi chuyên môn của Khoa, Trường. Ý kiến của các giảng viên, ý kiến đóng góp của các bên liên quan cũng được ngành GDMN quan tâm đưa vào kế hoạch thiết kế và phát triển CTĐT. Việc điều chỉnh, cập nhật chuẩn đầu ra, CTĐT có sự đối chiếu, tham khảo từ các trường cao đẳng, đại học có uy tín trong nước [H9.09.07.10, H9.09.07.11].

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường, có sự tham gia của các GV, CBQL, nhà tuyển dụng, cựu SV và SV. CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Khoa Sư phạm chưa thực sự chủ động trong việc xây dựng chiến lược phát triển CTĐT. Việc xây dựng quy trình thiết kế, cải tiến và đánh giá CTDH chủ yếu phụ thuộc vào sự chỉ đạo từ phía Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục hạn chế	Nhà trường và Khoa sẽ ban hành quy định cụ thể về quy trình thiết kế và phát triển CTĐT. Việc cải tiến CTĐT sẽ được căn cứ theo chiến lược của Nhà trường và đề xuất của Khoa	Nhà trường	Từ năm học 2021-2022	
2	Phát huy điểm mạnh	CTĐT thường xuyên được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội.	Nhà trường	Từ năm học 2021-2022	

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 4/7 điểm).

Kết luận Tiêu chuẩn 9

Công tác kiểm tra, đánh giá CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN đã thực hiện thường xuyên, định kỳ nhiều nội dung công việc về thiết kế, phát triển CTĐT để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo. Việc thiết kế CTĐT giáo viên

trình độ CĐSP ngành GDMN được tuân thủ theo đúng quy trình về xây dựng chương trình trên cơ sở đối sánh với chương trình của các trường uy tín trong nước và theo yêu cầu thực tế qua thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để làm cơ sở điều chỉnh, cải tiến CTĐT. Hàng năm Trường căn cứ ý kiến thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để có cơ sở cập nhật, điều chỉnh, cải tiến trong các nội dung của các học phần trong CTĐT.

Quy trình và phương pháp kiểm tra, đánh giá cũng được đa dạng hóa, đảm bảo tính liên tục, sự nghiêm túc, khách quan theo đúng quy chế đào tạo của Trường. Nội dung, hình thức kiểm tra đánh giá đều được thực hiện nghiêm túc và đánh giá được năng lực của người học ở từng học phần đáp ứng CDR.

Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đã đáp ứng được nhu cầu của người học, đảm bảo cho việc học tập của SV đạt chất lượng tốt. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống và được sử dụng để đánh giá, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ giảng dạy và học tập.

Nhà trường cần chủ động trong việc lấy thông tin phản hồi từ các bên liên quan theo hướng phát huy tính tích cực của người học để thiết kế, phát triển CTĐT; có biện pháp khuyến khích việc biên soạn bài giảng điện tử, giáo trình, chương trình trong chương trình GDMN đáp ứng theo yêu cầu người học nhất là các học phần thực hành để rèn kỹ năng cho người học; bổ sung thêm tài liệu chuyên ngành, nâng cấp hệ thống mạng Internet, triển khai hiệu quả của việc sử dụng E - learning trong dạy học phục vụ tốt nhu cầu nghiên cứu, học tập của GV và SV.

Tiêu chuẩn 10. Kết quả đầu ra

Mở đầu

Đánh giá chất lượng đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống đảm bảo chất lượng của Nhà trường. Trường CĐCD Kon Tum là một cơ sở giáo dục nghề nghiệp duy nhất trên địa bàn tỉnh được phép đào tạo đa ngành, đa nghề và là đơn vị cung

cấp nguồn nhân lực chủ yếu trên địa bàn tỉnh. Ngành GDMN là ngành thu hút được sự quan tâm của người học và nhu cầu sử dụng lao động hiện nay. Nguồn tuyển sinh đầu vào của ngành chủ yếu là xét tuyển và thi năng khiếu. Sau khi trúng tuyển, các em được đúng chuyên môn, được thực hành, thực tập thực tế có sự đánh giá giám sát chặt chẽ trong suốt quá trình học tại Trường, Khoa Sư phạm. Hàng năm, Nhà trường và Khoa Sư phạm đã thực hiện giám sát việc đạt CĐR, tổ chức thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp, thời gian bình quân để tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học và cơ hội tìm việc làm của SV làm cơ sở để cải tiến chất lượng.

Nhà trường và các đơn vị thuộc Trường cũng đã xây dựng hệ thống thu thập thông tin, khảo sát việc làm sau tốt nghiệp, khảo sát khả năng đáp ứng và sự hài lòng người sử dụng lao động, thị trường lao động và lấy đó làm chuẩn cho việc cải tiến CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN, CTDH và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng.

Tiêu chí 10.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm Báo cáo kết quả tuyển sinh hàng năm [H10.10.01.01] và Quyết định mở lớp hàng năm [H10.10.01.02] để làm cơ sở cho các phòng chức năng và Khoa Sư phạm có thể nắm bắt, theo dõi, giám sát chặt chẽ được tình hình học sinh sinh viên (HSSV) nhập học hàng năm.

Phòng TCCB chịu trách nhiệm quản lý tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp của người học. Hàng năm, tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học của SV ngành GDMN được xác lập và giám sát chặt chẽ [H10.10.01.03, H10.10.01.04].

Ban quản lý HSSV, GVCN, ban cán sự lớp, ban chấp hành chi đoàn luôn luôn cập nhật tình hình SV thông qua những buổi sinh hoạt lớp hàng tháng. Qua đó, có những báo cáo kịp thời lên Ban lãnh đạo Khoa Sư phạm/Trường để có những hướng

giải quyết phù hợp khi có tình hình phát sinh. Với những SV thôi học, ban quản lý HSSV, GVCN, ban cán sự lớp, ban chấp hành chi đoàn đều có sự trao đổi để nắm bắt tình hình. Qua đó, hiểu được những khó khăn vướng mắc của SV để có những tư vấn phù hợp cho SV, cũng như có những đề xuất kịp thời với Khoa Sư phạm và Nhà trường. Quyết định SV thôi học được lưu trong hồ sơ của quản lý SV; Ban cán sự lớp và Ban chấp hành chi đoàn đều nắm được tình hình SV thôi học. Bên cạnh đó, SV tốt nghiệp và thôi học được cập nhật trên phần mềm hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường và trên phần mềm Ioffice. Điều này thuận tiện cho việc giám sát tình hình SV trong quá trình đào tạo.

Hàng năm, Quyết định công nhận tốt nghiệp [H10.10.01.03] và Quyết định buộc thôi học [H10.10.01.04] của SV ngành GDMN được xác lập và giám sát chặt chẽ dựa trên các Quy định về điều kiện tốt nghiệp, Quy định về thi tốt nghiệp, đánh giá kết quả thi tốt nghiệp và thông qua Hội đồng xét, xử lý HSSV thôi học, bỏ học hàng năm. Cụ thể, thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học của 3 khóa học gần đây được đối sánh với các ngành khác qua bảng số liệu sau:

Bảng 10.1.1: Đối sánh kết quả tốt nghiệp và thôi học giữa các ngành trong Trường qua 3 khóa gần đây

Khóa học: 2016 - 2019						
STT	Ngành	Tổng số SV	Số lượng SV tốt nghiệp	Số lượng SV thôi học	Tỷ lệ tốt nghiệp (%)	Tỷ lệ thôi học (%)
1	Giáo dục mầm non	82	82	0	100.00	0.00
2	Sư phạm Tiếng Anh	29	26	3	89.66	10.34
3	Giáo dục Tiểu học	32	26	6	81.25	18.75
4	Sư phạm Âm nhạc	28	23	5	82.14	17.86

5	Sư phạm Toán - Tin	23	21	2	91.30	8.70
6	Sư phạm Sinh học	27	22	5	81.48	18.52
7	Sư phạm Địa lý	24	22	2	91.67	8.33

Khóa học: 2017 - 2020						
STT	Ngành	Tổng số SV	Số lượng SV tốt nghiệp	Số lượng SV thôi học	Tỷ lệ tốt nghiệp (%)	Tỷ lệ thôi học (%)
1	Giáo dục mầm non	42	39	3	92.86	7.14
2	Sư phạm Tiếng Anh	32	27	5	84.38	15.62
3	Giáo dục Tiểu học	24	20	4	83.33	16.67
4	Sư phạm Âm nhạc	26	22	4	84.62	15.38
5	Sư phạm Toán - Tin	21	18	3	85.71	14.29
6	Sư phạm Sinh học	18	15	3	83.33	16.67
7	Sư phạm Địa lý	22	18	4	81.82	18.18

Khóa học: 2018 – 2021						
STT	Ngành	Tổng số SV	Số lượng SV tốt nghiệp	Số lượng SV thôi học	Tỷ lệ tốt nghiệp (%)	Tỷ lệ thôi học (%)
1	Giáo dục mầm non	107	102	5	95.33	4.67
2	Sư phạm Tiếng Anh	29	24	5	82.76	17.24
3	Giáo dục Tiểu học	20	18	2	90.00	10.00

4	Sư phạm Âm nhạc	13	11	2	84.62	15.38
5	Sư phạm Toán - Tin	19	16	3	84.21	15.79
6	Sư phạm Sinh học	30	26	4	86.67	13.33
7	Sư phạm Địa lý	14	12	2	85.71	14.29

Như vậy, theo thống kê cho thấy tỷ lệ SV ngành GDMN bỏ học tương đối thấp so với các ngành khác, điều này cho thấy hầu hết SV đều tốt nghiệp đúng thời hạn.

Khoa Sư phạm - Bộ môn GDMN cũng đã có những phân tích, tìm hiểu nguyên nhân SV thôi học, bỏ học và chậm tốt nghiệp để có những phương án hỗ trợ, giúp đỡ SV cũng như ngăn ngừa các hoạt động tiêu cực [H10.10.01.05]. Nguyên nhân bao gồm cả yếu tố khách quan và chủ quan như hoàn cảnh kinh tế, ốm đau, không thể hoàn thành chương trình học, kết quả học tập không đạt yêu cầu. Trên cơ sở phân tích những nguyên nhân nghỉ học của SV như trên Nhà trường đã có những biện pháp hỗ trợ SV như: Thành lập quỹ hỗ trợ HSSV, ban hành các chính sách miễn giảm chỗ ở ký túc xá, xây dựng nhà ăn để hỗ trợ HSSV thuận tiện hơn trong quá trình sinh hoạt và học tập tại Trường...

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ người học ngành GDMN bị buộc thôi học ít hơn so với các ngành khác trong Trường, tỷ lệ người học tốt nghiệp ra trường đúng thời hạn cao, do có sự giám sát chặt chẽ của Khoa Sư phạm - Bộ môn GDMN và Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Nhà trường và Khoa Sư phạm - Bộ môn GDMN thực hiện giám sát tỷ lệ SV tốt nghiệp hàng năm nhưng Nhà trường chưa tìm hiểu, phân tích xác đáng nguyên nhân tốt nghiệp không đúng hạn và thôi học, chưa có phân tích dự báo tỷ lệ SV thôi học của ngành để có những cơ chế chính sách hỗ trợ, khích lệ SV thực hiện kết quả đầu ra như mong muốn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch khảo sát, lấy ý kiến SV bỏ học để từ đó có những phân tích dự báo tình hình SV thôi học. Trên cơ sở đó có những biện pháp hỗ trợ kịp thời.	Trường, Trung tâm PTDN, Phòng ĐT, Phòng TCCB, Khoa SP	Từ năm học 2020 - 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng cường biện pháp giám sát chặt chẽ tình hình học tập, cũng như hoàn cảnh gia đình của từng SV để có biện pháp hỗ trợ, giúp đỡ kịp thời nhằm giảm đến mức thấp nhất tình hình thôi học của SV.	Trường, Phòng ĐT, Phòng TCCB, Khoa SP	Từ năm học 2020 - 2021	

5. Điểm tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 4/7 điểm)

Tiêu chí 10.2. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm hỗ trợ người học sau khi tốt nghiệp tìm việc làm, Trường CĐCD Kon Tum đã thành lập trung tâm PTDN là đơn vị đầu mối hợp tác giữa Trường CĐCD

Kon Tum với các đơn vị, doanh nghiệp nhằm hỗ trợ HSSV tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp [H10.10.02.01].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa Sư phạm - Bộ môn GDMN đã tổ chức hội thảo tư vấn hướng nghiệp và giới thiệu cơ hội việc làm cho SV [H10.10.02.02]; có hệ thống giám sát quá trình học tập cũng như tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp, đồng thời thực hiện phân tích, đối sánh giữa các năm để tìm ra biện pháp cải tiến. Khoa Sư phạm - Bộ môn GDMN cũng đã phối hợp với trung tâm PTDN phân công, giao nhiệm vụ cho trợ lý quản lý SV duy trì liên lạc và định kỳ thu thập thông tin của SV sau tốt nghiệp, phân tích và báo cáo cho Nhà trường để có định hướng hỗ trợ, giúp đỡ theo đúng chức năng hoạt động của Trường [H10.10.02.03].

Bên cạnh đó duy trì mối quan hệ giữa Nhà trường và cựu HSSV, Nhà trường cũng đã ban hành quyết định thành lập Ban liên lạc cựu HSSV [H10.10.02.04] để làm đầu mối gắn kết các em với Nhà trường.

Hàng năm, Nhà trường đều có xây dựng Kế hoạch tư vấn giới thiệu việc làm cho HSSV sắp tốt nghiệp [H10.10.02.05] để nắm bắt được nhu cầu việc làm của các em, để có cơ sở giới thiệu cho các em các ngành nghề phù hợp. Nhà trường, Khoa luôn chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo để cung cấp đầy đủ kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết cho người học để họ có đủ khả năng tự tìm việc làm và tạo việc làm sau khi tốt nghiệp, Nhà trường cũng phối hợp với các đơn vị trên địa bàn tỉnh Kon Tum tổ chức cho các em HSSV tham gia các hoạt động như ngày hội việc làm [H10.10.02.06]. Hàng năm, Nhà trường chỉ đạo trung tâm PTDN tổ chức khảo sát việc làm của SV sau tốt nghiệp [H10.10.02.07].

Về tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp, theo báo cáo số liệu khảo sát của Nhà trường hàng năm cho thấy, SV ngành GDMN có việc làm với tỷ lệ trên 98% [H10.10.02.08]; môi trường làm việc theo các lĩnh vực được cụ thể hóa qua bảng số liệu sau:

Bảng 10.2.1: Môi trường làm việc của sinh viên sau tốt nghiệp

Môi trường làm việc của SVTN	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Cơ quan hành chính, sự nghiệp nhà nước	47,62	31,91	37,5
Doanh nghiệp tư nhân	40,48	51,06	52,5
Tự tạo việc làm	11,9	0	5,0

Để đảm bảo sự tin cậy và thuận lợi trong việc tìm kiếm việc làm của HSSV sau tốt nghiệp, Nhà trường đã triển khai xây dựng phần mềm hệ thống khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về hoạt động Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum [H10.10.02.09].

Sau khi tiến hành khảo sát Nhà trường đã đánh giá phân tích kết quả và đối sánh tỷ lệ HSSV có việc làm và đối sánh mức thu nhập khởi điểm bình quân giữa các chuyên ngành trong Khoa Sư phạm và các ngành trong trường [H10.10.02.10], được thể hiện qua bảng sau:

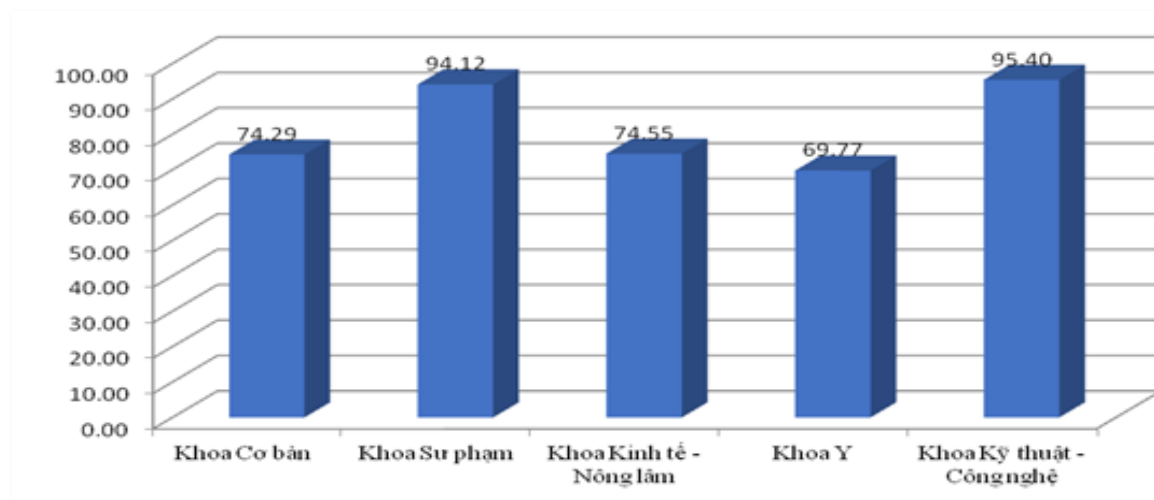
Bảng 10.2.2: Đối sánh kết quả có việc làm giữa các chuyên ngành trong Khoa Sư phạm năm 2020

STT	Ngành	Số SV phản hồi	Số SV có việc làm	Tỉ lệ %	Ghi chú
1	Giáo dục Mầm non	40	38	95	
2	Giáo dục Tiểu học	56	54	96	
3	Sư phạm Tiếng Anh	30	29	97	
4	Sư phạm Sinh học	20	19	95	
5	Sư phạm Địa lý	32	28	88	

Qua bảng cho thấy trong năm 2020 phần lớn các ngành đào tạo SV tốt nghiệp năm 2019 đều có việc làm, trong đó có ngành GDMN tỉ lệ có việc làm đạt 95%;

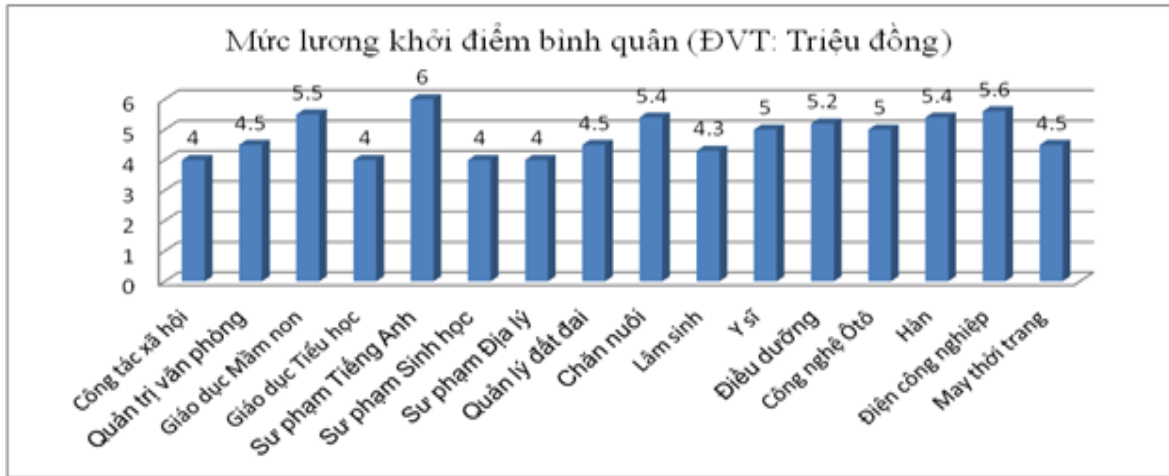
ngành Giáo dục Tiểu học tỉ lệ có việc làm đạt 96%, ngành Sư phạm Tiếng Anh tỉ lệ có việc làm đạt 97% trên tổng số SV phản hồi, ngành Sư phạm Sinh học tỉ lệ có việc làm đạt 95% và ngành Sư phạm Địa lý tỉ lệ có việc làm đạt 88% trên tổng số SV phản hồi. Bên cạnh đó Nhà trường cũng đã tiến hành đối sánh tỷ lệ HSSV sau tốt nghiệp có việc làm và mức thu nhập bình quân khởi điểm giữa các ngành trong trường [H10.10.02.08, H10.10.02.07, H10.10.02.10, H10.10.02.05]. Để đảm bảo cho người học có việc làm sau khi tốt nghiệp hàng năm Nhà trường đã tiến hành khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực GVMN trên địa bàn tỉnh [H10.10.02.11, H10.10.02.12].

Bảng 10.2.3: Biểu đồ đối sánh kết quả người học có việc làm giữa các ngành



Qua hình cho thấy trong số HSSV đã phản hồi với Nhà trường, thì tỷ lệ HSSV có việc làm giữa các khoa có sự khác biệt tương đối. SV Khoa Sư phạm có việc làm chiếm tỷ lệ cao nhất 94,12% và thấp nhất là khoa Y với tỷ lệ học sinh có việc làm là 69,77%.

Nhà trường cũng đã khảo sát mức thu nhập bình quân của các em sau tốt nghiệp để tham khảo tư vấn ngành nghề cho các em khi theo học tại trường để đảm bảo việc làm và thu nhập, kết quả thể hiện qua bảng đối sánh như sau:



Qua đồ thị cho thấy sự chênh lệch về thu nhập bình quân giữa các ngành không quá lớn, trong đó mức lương khởi điểm cao nhất là Sư phạm Tiếng Anh (bình quân 6 triệu đồng/tháng) và thu nhập của ngành Giáo dục Mầm non cũng khá cao (bình quân 5,5 triệu đồng/tháng) và một số ngành có mức lương khởi điểm thấp nhất ở mức 4 triệu đồng/tháng

Mặc dù trước khi các HSSV tốt nghiệp, Nhà trường đã tổ chức và mời các doanh nghiệp đến tư vấn việc làm cho các em nhưng tỷ lệ HSSV chưa có việc làm trong số HSSV phản hồi vẫn chiếm một tỷ lệ không nhỏ (19,1%).

Để đảm bảo 100% người học tìm được việc làm trong vòng 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp trong các năm gần đây. Thậm chí có SV chưa tốt nghiệp đã được các cơ sở tư thực nhận vào làm và bổ sung hồ sơ sau khi nhận bằng tốt nghiệp chính thức. Phần đầu 100% người học tìm được việc làm trong vòng 1 năm kể từ khi tốt nghiệp [H10.10.02.08]. Đây là mục tiêu lớn đối với Nhà trường làm sao để không có người học nào còn trong tình trạng thất nghiệp sau khi đã tốt nghiệp 1 năm. Vì hiện nay nhu cầu GVMN của xã hội rất cao chỉ có một số ít SV sau khi tốt nghiệp không chịu nổi áp lực nghề nghiệp nên các em không tiếp tục theo nghề và tự tạo việc làm hoặc chuyển đổi sang những nghề khác.

2. Điểm mạnh

Đa số SV tốt nghiệp ngành GDMN đều có việc làm đúng chuyên ngành sau

khi tốt nghiệp, cụ thể là tại các trường mầm non. CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được tăng cường thực hành thực tế, SV có nhiều cơ hội được trải nghiệm thực hành nghề nghiệp và có nhiều cơ hội có việc làm đúng năng lực, đúng chuyên môn.

Khoa Sư phạm - Bộ môn GDMN và Nhà trường tiến hành khảo sát đối với tất cả các khóa SV tốt nghiệp về tình trạng việc làm từ đó có thông tin đầy đủ về tình trạng tốt nghiệp để giám sát đối sánh nhằm cải tiến chất lượng.

Mặt khác, SV ngành GDMN có nhiều đơn vị tuyển dụng gửi thư mời tuyển dụng. Đây cũng chính là cơ hội cho nhiều SV sớm tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Bên cạnh những SV có việc làm đúng chuyên môn đúng sở trường thì vẫn còn có SV làm trái ngành trái nghề sau khi tốt nghiệp.

Một số SV còn chưa lập kế hoạch cá nhân, định hướng mục tiêu nghề nghiệp chưa rõ ràng do đó SV gặp khó khăn trong quá trình tìm việc làm sau khi tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục đổi mới CTĐT, tăng cường thời lượng thực hành thực tế, rèn luyện cho SV kỹ năng về môi trường nghề nghiệp. Bên cạnh đó, Khoa cũng tăng cường	Trường, Phòng ĐT, Khoa SP Trung tâm Tin học – Ngoại ngữ và	Từ năm học 2021-2022	

		<p>công tác định hướng nghề nghiệp cho SV thông qua các hoạt động Đoàn - Hội. Đồng thời, Khoa cũng đề xuất với nhà trường có kế hoạch quảng bá CTĐT, về ngành GDMN đối với xã hội.</p> <p>Xây dựng phần mềm khảo sát lần vết học sinh, sinh viên sau tốt nghiệp</p>	<p>Thư viện; Trung tâm PTDN</p>	<p>Từ năm học 2021- 2022</p>	
2.	Phát huy điểm mạnh	<p>Thường xuyên cập nhật thông tin lên website, fanpage để SV và cựu SV cập nhật thông tin về Nhà trường, về các khóa đào tạo bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ.</p>	<p>Trường, Phòng ĐT, Khoa SP</p>	<p>Từ năm 2020</p>	

5. Điểm tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 5/7 điểm)

Tiêu chí 10.3. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Xây dựng cơ chế phản hồi, thu thập phản hồi, phân tích dữ liệu từ phản hồi từ đó đưa ra những giải pháp cụ thể, thiết thực và kịp thời là một trong những nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum nói chung và Khoa

Sur phạm nói riêng. Những nội dung phản hồi có thể liên quan tới tất cả những hoạt động của nhà Trường bao gồm công tác dạy và học, hoạt động ngoại khoá, các dịch vụ tiện ích đang được sử dụng trong nhà trường....

Nhà trường và khoa đã đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến phản hồi và mở rộng đối tượng được lấy ý kiến phản hồi thông qua việc thu thập ý kiến phản hồi từ cấp Khoa, phòng ban và đến các cấp lãnh đạo thông qua các phiếu khảo sát, “Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng và HSSV”, “Hội nghị công chức, viên chức”, trang web, Facebook của Nhà trường và của khoa,... Để những vấn đề tồn đọng được giải quyết triệt để, hàng năm nhà trường và khoa thường xuyên tiến hành các cuộc họp báo cáo, tổng hợp những vấn đề cần giải quyết và có những giải pháp hiệu quả [H10.10.03.01].

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan để phát triển chương trình dạy học, tăng cường dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của người học ngành GDMN được thực hiện mang tính hệ thống. Trung tâm PTDN>VL là đơn vị đầu mối phối hợp với Khoa sư phạm trong việc xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện thu thập và báo cáo về thông tin phản hồi của các bên liên quan trong cải tiến, phát triển CTDH và nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường [H10.10.03.02].

Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum đã xây dựng quy trình, ban hành quy định về khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, trên cơ sở đó lập kế hoạch khảo sát và hướng dẫn các bộ phận trong việc triển khai khảo sát [H10.10.03.03]. Nhà trường thực hiện việc khảo sát trực tuyến (dựa trên sự tích hợp ở phần mềm quản lý đào tạo CMC) thông qua gửi đường link cho các bên liên quan. Ngoài ra, việc khảo sát được thực hiện bằng việc gửi phiếu điều tra (bản cứng) cho các đối tượng liên quan [H10.10.03.04]. Trên cơ sở kế hoạch khảo sát, Nhà trường triển khai thực hiện khảo sát lấy ý kiến về CTĐT, hoạt động dạy học và các hoạt động hỗ trợ nhằm cải tiến chất lượng đào tạo [H10.10.03.05]. Từ năm 2018-2020, nhà trường cũng đã thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan trong việc phát triển CTĐT ngành GDMN bằng hình thức google form. Bằng PP phát phiếu điều tra gửi đến 5 đối tượng bao

gồm SV, cựu SV, GV, nhà khoa học và nhà tuyển dụng. Thông tin thu thập là cơ sở để ngành GDMN cải tiến và phát triển chuẩn đầu ra, CTĐT [H10.10.03.06].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa tổ chức thực tập sư phạm cho SV của Ngành. Bộ môn lập kế hoạch, triển khai thực hiện hoạt động thực tập và tổ chức kiểm tra thực tế của SV tại các cơ sở. Đây cũng là một kênh hữu ích để Khoa thu thập thông tin phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động nhằm cải tiến chất lượng chương trình dạy học, tăng cường hoạt động hỗ trợ và tiện ích cho người học, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội [H10.10.03.07].

Sau quá trình khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, các đơn vị đầu mối (Trung tâm PTDN & GTVL, Khoa Sư phạm) gửi kết quả khảo sát cho Bộ môn, cho GV giảng dạy để làm cơ sở điều chỉnh chương trình và hoạt động dạy học [H10.10.03.08]. Căn cứ vào kết quả thông tin thu thập được, ngành GDMN phân tích và làm cơ sở để điều chỉnh, cải tiến CTĐT, hoạt động dạy học, các hoạt động hỗ trợ nhằm phát triển CTDH.

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được Nhà trường và Khoa thiết lập có tính hệ thống, được thực hiện đa dạng, dân chủ, công khai, minh bạch. Cơ chế lấy ý kiến phản hồi được Nhà trường và Khoa thực hiện đầy đủ.

3. Điểm tồn tại

Một số phản hồi chưa thực sự chính xác với thực tế hoặc còn cảm tính; một số hình thức lấy ý kiến phản hồi (đặc biệt là kênh chưa chính thống như Facebook) chưa được đánh giá, phân tích về mức độ hiệu quả và độ tin cậy của thông tin; chưa thực hiện phân tích, đối sánh ý kiến các bên liên quan để có những đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và cải tiến CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	Tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về mức độ hài lòng đối với CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN nhằm cải tiến chất lượng đào tạo trong Nhà trường, đồng thời điều chỉnh các tiêu chí đánh giá ở các mẫu phiếu để đảm bảo tính cập nhật và phù hợp với mong muốn của đối tượng được khảo sát.	Trung tâm PTDN; Khoa Sư phạm	Định kỳ	
2.	Phát huy điểm mạnh 1	Duy trì Khảo sát các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường, mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát là cơ sở để Khoa và Nhà trường nâng cao chất lượng dạy học.	Khoa Sư phạm	Thường xuyên	
	Phát huy điểm mạnh 3	Khoa Trường nghiêm túc tiếp thu và thực hiện phân tích, đối sánh ý kiến các bên liên quan để có những đánh giá, điều chỉnh,	Khoa Sư phạm	Thường xuyên	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		bổ sung và cải tiến CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN và CDR của Ngành.			

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 5/7 điểm)

Kết luận Tiêu chuẩn 10

Nhờ có sự hỗ trợ thường xuyên và cải tiến kịp thời của Khoa Sư phạm, Trường, số lượng SV ngành GDMN có tỷ lệ tốt nghiệp cao tương đương với số lượng SV nhập học đầu năm học, SV ngành GDMN được đào tạo đúng chuyên môn, đúng năng lực nên qua kết quả khảo sát cho thấy SV đáp ứng được yêu cầu về chất lượng nhân lực của xã hội và nhà tuyển dụng.

SV tích cực tham gia hoạt động của Nhà trường, được đi thực tế, thực tập nên đã tiếp cận được các hoạt động của cơ sở GDMN trên địa bàn tỉnh, Tuy nhiên, bên cạnh việc trang bị kiến thức Nhà trường và các đơn vị trong Trường cần tăng cường cơ chế, chính sách khuyến khích SV tham gia NCKH và đẩy mạnh việc hình thành cho SV các kỹ năng mềm, nhằm đáp ứng tối đa yêu cầu ngày càng cao của môi trường làm việc luôn thay đổi trong xu thế hiện nay.

Phần III. KẾT LUẬN

Công tác đảm bảo chất lượng của Nhà trường nói chung và của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN nói riêng là vấn đề hết sức quan trọng, tính chất sống còn đối với vấn đề đào tạo của Nhà trường trong xu thế hội nhập quốc tế hiện nay. Ý thức tầm quan trọng đó công tác triển khai tự đánh giá chất lượng CTĐT giáo

viên trình độ CĐSP ngành GDMN được sự quan tâm từ lãnh đạo UBND tỉnh Kon Tum, Sở LĐTĐBXH và Sở Tài chính và các Sở ban ngành có liên quan khác.

Đây là lần đầu tiên sau khi Trường CĐCD Kon Tum sát nhập, đã tiến hành công tác tự đánh giá chất lượng CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN, vì vậy công tác tự đánh giá được hành một cách nghiêm túc, cụ thể, đúng quy định theo tinh thần của Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT ngày 05/02/2020 của Bộ GDĐT.

Từ kết quả tự đánh giá, đối chiếu với các tiêu chuẩn, tiêu chí, Trường CĐCD Kon Tum và Khoa Sư phạm – Bộ môn GDMN có cơ sở xây dựng kế hoạch hành động công tác đảm bảo chất lượng CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN trong thời gian tới nhằm khắc phục những tồn tại, cải tiến quản lý trong quá trình quản lý và đào tạo CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN.

1. Những điểm mạnh đạt được

Thứ nhất: Mục tiêu và CDR của CTĐT

Mục tiêu và CDR của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN của trường được xây dựng theo quy định trong chương trình khung Giáo dục đại học ngành GDMN trình độ cao đẳng do Bộ GD&ĐT ban hành, được thể hiện rõ ràng, có mục tiêu khái quát và mục tiêu cụ thể được cụ thể trong mục tiêu, Sứ mạng Nhà trường. Định kỳ theo lộ trình Trường CĐCD Kon Tum đều có kế hoạch rà soát, điều chỉnh, bổ sung CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN nhằm đáp ứng mục tiêu đào tạo.

Mục tiêu và CDR được thiết kế theo hướng phát huy tính sáng tạo và tích cực của SV và công bố công khai trong các năm học ở từng học phần cụ thể. CTĐT được mô tả chi tiết với các kế hoạch giảng dạy, kế hoạch học tập cụ thể. CDR của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN của Trường phản ánh được yêu cầu các bên liên quan, yêu cầu đổi mới của giáo dục Việt Nam.

Thứ hai: Chương trình dạy học

CTDH của ngành GDMN được thiết kế một cách logic có tính khoa học. Hội đồng thẩm định CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN của Trường CĐCD Kon Tum và Khoa Sư phạm chú ý tới tính tích hợp các học phần trong CTDH, luôn đảm bảo cho SV tiếp cận kiến thức từ cơ bản đến chuyên sâu và đến áp dụng tính thực tiễn. Đặc biệt CTDH của ngành GDMN chú trọng đến việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết và các kỹ năng phát triển năng lực nghề nghiệp cho SV.

Thứ ba: Phương pháp dạy học

Hoạt động đổi mới PPDH của CTĐT giáo viên ngành GDMN của Trường CĐCD Kon Tum luôn luôn được đổi mới theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của người học. SV ngành GDMN được cập nhật, tiếp cận kịp thời với các mô hình, mô thức sư phạm kịp thời nhất và tiên tiến nhất. Kết quả học tập của SV ngành GDMN thể hiện được cách thức lựa chọn phương pháp dạy và học đạt CDR.

Thứ tư: Cấu trúc chương trình

Cấu trúc của CTDH đào tạo giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN được thiết kế đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức nhằm đạt mục tiêu của CDR. CTDH và DCCT đã được xây dựng đảm bảo tính logic, dựa trên CDR đảm bảo cho người học các kiến thức, kỹ năng và hình thành năng lực tự chủ, trách nhiệm.

Thứ năm: Đánh giá người học

Việc đánh giá kết quả người học ngành GDMN tại Khoa Sư phạm được thực hiện một cách nghiêm túc và chuyên nghiệp, sự phối hợp công tác đánh giá kết quả người học giữa các đơn vị thực hiện trên các quy chuẩn của Bộ GDĐT ban hành. Trường đã cụ thể hóa các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá SV trong từng học kỳ, năm học và công khai trên Website Trường. Vì lý do đó SV ngành GDMN sau khi ra trường có đủ kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn đáp ứng nhu cầu nhà tuyển dụng.

Thứ sáu: Đội ngũ GV

Đội ngũ GV ngành GDMN Trường CĐCD Kon Tum đạt trình độ 100% thạc sĩ, năng động, nhiệt huyết. Trình độ tin học, ngoại ngữ đạt chuẩn do Bộ GDĐT ban hành. Số lượng GV ngành GDMN đủ về số lượng và chất lượng, đáp ứng nhiệm vụ đào tạo của Khoa Sư phạm – Bộ môn Mầm non, đảm bảo mục tiêu phát triển trường, tỉ lệ trung bình SV/GV đạt chuẩn quy định của Bộ GDĐT.

Hình thức đánh giá năng lực giảng dạy GV ngành GDMN đa dạng, bao gồm các hoạt động chuyên môn GV như; dự giờ thao giảng cấp khoa, cấp trường, thông qua các ý kiến các phản hồi câu SV về hoạt động giảng dạy GV.

Thứ bảy: Tuyển sinh và hỗ trợ người học

Công tác tuyển sinh và hoạt động hỗ trợ người học là yếu tố chính để đánh giá chất lượng đào tạo của ngành GDMN. Trong những năm qua công tác tuyển sinh và hỗ trợ người học được quan tâm của lãnh đạo trường nên có những bước ngoặt lớn trong công tác này. Điều đó được thể hiện rõ nét hơn về số liệu tuyển sinh cũng như các chế độ hỗ trợ người học.

Thứ tám: Cơ sở vật chất

Với CSVN phục vụ cho CTĐT giáo viên trình độ CĐSP, ngành GDMN được lãnh đạo Trường quan tâm và trang bị đầy đủ phục vụ cho hoạt động Đào tạo chuyên ngành GDMN. Đặc biệt Đảng bộ Trường CĐCD Kon Tum rất quan tâm tới đề án thành lập Trường thực hành Mầm non chất lượng cao.

Số lượng phòng làm việc cũng như số lượng phòng học, thực hành được trang bị đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học; máy chiếu, âm thanh; internet miễn phí. Hệ thống âm thanh, dụng cụ phục vụ cho hoạt động VHVN-TDĐT được đầu tư đảm bảo cho công tác giảng dạy.

Thứ chín: Nâng cao chất lượng

Công tác kiểm tra, đánh giá CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN đã

thực hiện thường xuyên, định kỳ nhiều nội dung công việc về thiết kế, phát triển CTĐT để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo.

Quy trình và phương pháp kiểm tra, đánh giá cũng được đa dạng hóa, đảm bảo tính liên tục, sự nghiêm túc, khách quan theo đúng quy chế đào tạo của Trường. Nội dung, hình thức kiểm tra đánh giá đều được thực hiện nghiêm túc và đánh giá được năng lực của người học ở từng học phần đáp ứng CDR.

Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đã đáp ứng được nhu cầu của người học, đảm bảo cho việc học tập của SV đạt chất lượng tốt. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống và được sử dụng để đánh giá, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ giảng dạy và học tập.

Thứ mười: Kết quả đầu ra

Căn cứ vào chất lượng khảo sát về kết quả đầu ra hàng năm, nhà trường đã có những biện pháp, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cho năm tiếp theo, do đó kết quả đầu ra trong những năm tiếp theo đạt chất lượng cao.

2. Bên cạnh các điểm mạnh Khoa Sư phạm – Bộ môn GDMN đã nêu trên, CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN Trường CĐCD Kon Tum còn có một số tồn tại như sau:

Thứ nhất: Mục tiêu và CDR của CTĐT

Viết rà soát mục tiêu và xây dựng CDR của CTĐT chưa được điều chỉnh và cập nhật một cách liên tục. Hiện nay Khoa Sư phạm và phòng Đào tạo mới tiến hành rà soát và tập huấn mục tiêu và CDR của CTĐT cho toàn trường một cách có hệ thống.

Trước đây CDR một số học phần trước đây chưa có, có thì mang tính liệt kê không đúng quy định, các GV xây dựng không theo khuôn mẫu. CDR của CTĐT còn mang tính nội bộ.

Thứ hai: Chương trình dạy học

Nội hàm giữa CTDH và CTĐT có tính chất tương đồng nhau dẫn tới các GV chưa phân biệt được CTDH và CTĐT.

Thứ ba: Phương pháp dạy học

Từ năm 2018 trở về trước, PPDH còn mang nặng tính truyền thống, chưa tiếp cận nhiều với công nghệ số, tính lý thuyết thực giảng còn cao. Việc đổi mới PPDH còn bị động, dẫn tới lỗi mòn trong công tác giảng dạy vẫn còn tiếp tục.

Thứ tư: Cấu trúc chương trình

Cấu trúc chương trình dạy học qua các năm cập nhật và cải tiến chưa kịp thời và còn mang tính chủ quan, sự thay đổi và bổ sung chưa mang tính khoa học.

Thứ năm: Đánh giá người học

Việc đánh giá kết quả người học còn chú trọng nhiều kết quả học và nhớ, kiểm tra lý thuyết... chưa có đánh giá kết quả người học thông qua hoạt động tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng tự học, kỹ năng sống, kỹ năng mềm khác.

Thứ sáu: Đội ngũ GV

Số lượng GV tham gia dạy CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN đạt trình độ Tiến sĩ chưa có, hoạt động NCKH của GV chủ yếu phục vụ hoạt động giảng dạy chuyên môn. Sản phẩm NCKH là đề tài, giáo trình còn hạn chế. Các sáng kiến kinh nghiệm, sáng tạo đồ dùng dạy học chưa nhiều.

Thứ bảy: Tuyển sinh và hỗ trợ người học

Trước năm 2018 khi nhập các cơ sở lại thành Trường Cao đẳng Cộng đồng. Công tác tuyển sinh còn gặp nhiều hạn chế, chủ yếu phương pháp và nguồn lực tập trung chưa tốt và chưa học tập các Trường lớn.

Thứ tám: Cơ sở vật chất

CSVC phục vụ cho CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN chưa bổ sung và đổi mới thường xuyên theo định kỳ. Bàn ghế một số phòng học chưa phù hợp với việc tổ chức thực hành theo nhóm, trang thiết bị hỗ trợ SV tập luyện và thực hành còn thiếu.

Thứ chín: Nâng cao chất lượng

Công tác nâng cao chất lượng trước đây các trường ít được quan tâm. Đây là điểm chung của các cơ sở trước năm 2018. Chính vì lý do đó từ năm 2018 trở đi công tác này mới dần dần được xây dựng nên gặp rất nhiều trở ngại. Đặc biệt trong 4 cơ sở chỉ có 02 cơ sở có phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng.

Thứ mười: Kết quả đầu ra

Năm 2021 công tác khảo sát mới được nhà trường quan tâm và thực hiện nội dung này một cách hoàn chỉnh có hệ thống. Tuy nhiên trước đây nội dung này không được triển khai vì lý do không có còn người và cơ sở thực hiện nội dung này.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Để khắc phục những tồn tại nêu trên, Nhà trường, Khoa Sư phạm – Bộ môn GDMN và các đơn vị thuộc Trường đã đề ra các kế hoạch triển khai cải tiến chất lượng trong qua trình tự đánh giá CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN như sau:

Trường đã ban hành kế hoạch mời chuyên gia tập huấn cho toàn bộ CBNV Nhà trường về mục tiêu và CDR của CTĐT, đặc biệt CDR của CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN, khắc phục và hoàn thiện các nội hàm còn thiếu trước đây cho phù hợp với mục tiêu đào tạo hiện đại. Tiếp tục triển khai công tác đánh giá công tác hoạt động đào tạo đúng quy định, đầy đủ và hiệu quả.

Đổi mới và nâng cao PPDH ngành GDMN nói riêng và CBGV Trường CĐCD Kon Tum nói chung thông qua các kỳ thao giảng GV dạy giỏi cấp Trường và cấp

tình, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN cho đội ngũ CBGV thường xuyên nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và đổi mới PPDH.

Trường và Khoa Sư phạm – Bộ môn GDMN tăng cường khuyến khích GV ngành GDMN đi học Tiến sĩ nâng cao trình độ chuyên môn, bên cạnh đó khuyến khích, động viên GV ngành GDMN tham gia đề tài NCKH cấp cơ sở, viết giáo trình, viết bài hội thảo trong và ngoài trường. Đặc biệt Trường và Khoa Sư phạm tạo điều kiện cho SV tham gia thực hiện NCKH và các ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo. Năm 2021 nhà trường đã có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBQL và nhà giáo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

Được sự chỉ đạo sâu sắc lãnh đạo Nhà trường. Phòng HCQT đã triển khai tu sửa và nâng cấp hệ thống phòng thực hành, cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ cho ngành GDMN, song song đầu tư nâng cấp tài liệu học tập, giáo trình, cho thư viện điện tử ngành càng phong phú và đa dạng.

Phòng TCCB phối hợp với Khoa Sư phạm – Bộ môn GDMN tiếp tục xây dựng kế hoạch có giải pháp cụ thể tiến hành đánh giá năng lực SV trước và sau khi tốt nghiệp, phối hợp với Đoàn thể tăng cường kỹ năng mềm cho SV ngành GDMN, đảm bảo cho SV ra trường đáp ứng được các kỹ năng tại các Trường Mầm non.

Năm 2021 nhà trường đã thành lập Ban truyền thông phục vụ công tác tuyển sinh và có đề án khoán tuyển sinh, nội dung đề án hoàn thành năm 2022.

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO
TẠO (theo Thông tư 02/2020)**

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum**

Mã trường: **C36**

Tên chương trình đào tạo: **Giáo dục Mầm non**

Mã chương trình đào tạo: 51140201

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								4.00	3	100%
Tiêu chí 1.1				X						
Tiêu chí 1.2				X						
Tiêu chí 1.3				X						
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								4.00	3	100%
Tiêu chí 2.1				X						
Tiêu chí 2.2				X						
Tiêu chí 2.3				X						
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								4.00	3	100%
Tiêu chí 3.1				X						
Tiêu chí 3.2				X						
Tiêu chí 3.3				X						
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								4.00	3	100%
Tiêu chí 4.1				X						
Tiêu chí 4.2				X						
Tiêu chí 4.3				X						
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								4.83	6	100%
Tiêu chí 5.1					X					
Tiêu chí 5.2				X						
Tiêu chí 5.3					X					
Tiêu chí 5.4					X					
Tiêu chí 5.5					X					
Tiêu chí 5.6					X					
<i>Tiêu chuẩn 6</i>								4.00	5	100%
Tiêu chí 6.1				X						
Tiêu chí 6.2				X						
Tiêu chí 6.3				X						
Tiêu chí 6.4				X						
Tiêu chí 6.5				X						
	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chuẩn 7								4.00	6	100%
Tiêu chí 7.1				X						
Tiêu chí 7.2				X						
Tiêu chí 7.3				X						
Tiêu chí 7.4				X						
Tiêu chí 7.5				X						
Tiêu chí 7.6				X						
Tiêu chuẩn 8								4.00	4	100%
Tiêu chí 8.1				X						
Tiêu chí 8.2				X						
Tiêu chí 8.3				X						
Tiêu chí 8.4				X						
Tiêu chuẩn 9								4.00	7	100%
Tiêu chí 9.1				X						
Tiêu chí 9.2				X						
Tiêu chí 9.3				X						
Tiêu chí 9.4				X						
Tiêu chí 9.5				X						
Tiêu chí 9.6				X						
Tiêu chí 9.7				X						
Tiêu chuẩn 10								4.66	3	100%
Tiêu chí 10.1				X						
Tiêu chí 10.2					X					
Tiêu chí 10.3					X					
Đánh giá cung CTĐT								4,55		

Trên đây là báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT giáo viên trình độ CĐSP ngành GDMN năm 2022 với số điểm tự đánh giá đạt 4,55/7 điểm./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở GD&ĐT tỉnh (để phối hợp);
- Ban Giám hiệu (để chỉ đạo);
- Các đơn vị thuộc Trường (để thực hiện);
- Lưu: VT, KTĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Trí Khải

Phần IV: PHỤ LỤC**PHỤ LỤC 1: CỞ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, NGÀNH GDMN giai đoạn 2016-2022***Tính thời điểm báo cáo: Tính đến tháng 12/2022***I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục**

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

- Tiếng Việt: TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG KON TUM

- Tiếng Anh: KON TUM COMMUNITY COLLEGE

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

- Tiếng Việt: TRƯỜNG CĐCD KON TUM

- Tiếng Anh: KTCC

3. Tên trước đây (nếu có):

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: UBND Tỉnh Kon Tum.

5. Địa chỉ: Số 14- Đường Nguyễn Như Kon Tum- Tổ 3- Phường Ngô Mây- thành phố Kon Tum - tỉnh Kon Tum.

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 02603 864 929 Số fax : 02603 856 829

7. E-mail: cdcckontum@ktcc.edu.vn Website: <https://ktcc.edu.vn>

8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 2018

Ngày 24/10, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành Quyết định 1671/QĐ-LĐTBXH về việc thành Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum trên cơ sở sáp nhập Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Kon Tum (Thành lập năm 2006), Trường Cao đẳng Sư phạm Kon Tum (Thành lập năm 1998), Trường Trung cấp Y tế Kon Tum (Thành lập năm 1999) và Trường Trung cấp Nghề Kon Tum (Thành

lập năm 2007).

9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa :

+ Khóa I (Trường CĐSP Kon Tum): 1998

+ Khóa I (Trường CĐCD Kon Tum): 2018

10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá :

+ Khóa I (Trường CCĐSP Kon Tum): 2001

+ Khóa I (Trường CĐCD Kon Tum): 2021

11. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập

Bán công

Dân lập

Tư thực

Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Theo quyết định số 832/QĐ-CĐCD ngày 17 tháng 09 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum.

- Tiếng Việt: Bộ môn Giáo dục mầm non.

- Tiếng Anh: Preschool education.

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

- Tiếng Việt: GDMN

- Tiếng Anh: PCE

14. Tên trước đây (nếu có):

- Tiếng Việt: Giáo dục mầm non.

- Tiếng Anh: Preschool education.

15. Mã CTĐT: 51140201

16. Tên trước đây của CTĐT:

- Tiếng Việt: Giáo dục mầm non.
- Tiếng Anh: Preschool education.

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Số 14- Đường Nguyễn Như Kon Tum- Tổ 3- Phường Ngô Mây- thành phố Kon Tum - tỉnh Kon Tum.

18. Số điện thoại liên hệ: 02603915189. Số fax:

E-mail: khoasupham@ktcc.edu.vn. Website:<http://ktcc.edu.vn>

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2020 Theo quyết định số 832/ QĐ- CĐCĐ ngày 17 tháng 09 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum.

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT):

- + Khóa I (Trường CĐSP Kon Tum): 1998
- + Khóa I (Trường CĐCĐ Kon Tum): 2018

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT):

- + Khóa I (Trường CĐSP Kon Tum): 1998
- + Khóa I (Trường CĐCĐ Kon Tum): 2018

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về các giai đoạn phát triển:

Trường CĐCĐ Kon Tum được thành lập theo Quyết định số 1671/QĐ-LĐTBXH ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Kon Tum, Trường Cao đẳng sư phạm Kon Tum, Trường Trung cấp Y tế Kon Tum, Trường Trung cấp

ngành Kon Tum thành Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2018 trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum;

Trường CĐCD Kon Tum là trường công lập, có nhiệm vụ đào tạo theo 3 cấp trình độ: cao đẳng, trung cấp và sơ cấp; Bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động theo yêu cầu của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và người lao động; Nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật – công nghệ nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo; hợp tác, liên kết tổ chức đào tạo; tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật; Hoạt động theo cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

Trường CĐCD Kon Tum trực thuộc UBND tỉnh Kon Tum, chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; hoạt động theo Điều lệ trường cao đẳng và quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp. Nhiệm vụ chính trị của Trường đào tạo các ngành nghề theo nhu cầu xã hội phân đầu xây dựng Trường đến năm 2025 trở thành cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội địa phương và khu vực tam giác phát triển CLV (Campuchia-Lào-Việt Nam);

- Thành tích nổi bật

+ Tổ chức tham gia thực tế khởi nghiệp trồng rau sạch tại trung tâm thực nghiệm và cung ứng dịch vụ. Tham gia dự án Khởi nghiệp Dịch vụ trải nghiệm thế giới của trẻ, dự án được chọn tham gia vòng bán kết cuộc thi Dự án khởi nghiệp sáng tạo thanh niên nông thôn năm 2019.

+ Tham gia Cuộc thi khởi nghiệp cấp tỉnh năm 2018 và đạt giải khuyến khích, 04 ý tưởng được Tỉnh đoàn đề xuất tham gia đợt xét duyệt Dự án Ý tưởng khởi nghiệp đợt I, năm 2019 kết quả có 02 ý tưởng được công nhận là Ý tưởng khởi nghiệp cấp tỉnh năm 2019, 03 ý tưởng được chọn để tham gia vòng thi bán kết Cuộc thi khởi nghiệp Thanh niên nông thôn năm 2019 của Trung ương đoàn; phối hợp với Trung tâm PTDN>VL của Nhà trường tổ chức thành công 01 diễn đàn đối thoại với

Doanh nghiệp với Chủ đề “Doanh nghiệp đồng hành với Tuổi trẻ Trường CĐCD Kon Tum trong lập nghiệp và khởi nghiệp”; phối hợp tổ chức thành công 03 đợt tập huấn khởi nghiệp và thu hút hơn 300 ĐVTN trên địa bàn tham gia; Kết nối tích cực với Trung tâm hỗ trợ thanh niên tỉnh, Trung tâm PTDN>VL của Nhà trường trong việc tìm kiếm cơ hội việc làm tốt cho các Đoàn viên đạt danh hiệu “SV 5 tốt” các cấp.

+ Phối hợp với Sở LĐTB&XH tỉnh xây dựng kế hoạch, tổ chức lựa chọn 03 giáo viên tham gia Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp toàn quốc 2018, kết quả có 2/3 nhà giáo đạt giải khuyến khích. Chuẩn bị tốt các điều kiện tổ chức thành công Hội thi Thiết bị đào tạo nghề, Hội giảng giáo viên đào tạo nghề cấp tỉnh năm 2019 (diễn ra từ ngày 17 đến ngày 19/6). Kết quả: Đạt 01 giải Nhất và 01 giải Nhì, 01 giải Khuyến khích Hội thi thiết bị đào tạo nghề; 01 giải Ba, 02 giải Khuyến khích Hội giảng Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

+ Xây dựng và đăng ký dự án khởi nghiệp cấp tỉnh¹. Tổ chức thẩm định, nghiệm thu và ban hành các CTĐT, chương trình môn học, giáo trình đào tạo²; tổ chức nghiệm thu 01 đề tài NCKH cấp trường “*Xây dựng hệ thống dạy học trực tuyến Trường CĐCD Kon Tum*” và đã đưa vào sử dụng dạy học trực tuyến các bài giảng E Learning trên Website của Trường; nghiệm thu thuyết minh 03 đề tài cấp cơ sở (được công nhận 2 đề tài)³; 01 sáng kiến cấp trường và 03 thiết bị đào tạo tự làm (được

¹. Hoàn thiện hồ sơ đăng ký 02 dự án: “Túi gôli đầu thảo dược”; “Sản xuất máy in 3D giá rẻ” tham dự xét duyệt ý tưởng khởi nghiệp đợt 2 năm 2018 của tỉnh Kon Tum. Tổ chức thực hiện 02 SKKN cấp trường (“Xây dựng quy chế phối hợp giữa các đơn vị”; “Dự án nghề trọng điểm”).

². Năm 2018: Tổ chức thẩm định, nghiệm thu 77 chương trình phục vụ nhiệm vụ đào tạo; thực hiện đăng ký, thẩm định 09 sáng kiến cấp cơ sở.

Năm 2019: Có 13 chương trình đào tạo Cao đẳng (đã ban hành 10 chương trình); ban hành 5 chương trình đào tạo Trung cấp; nghiệm thu 6 chương trình/đề cương chi tiết học phần, môn học hệ cao đẳng (chưa ban hành); 06 chương trình đào tạo thường xuyên (đã ban hành 02 chương trình). Nghiệm thu 31 giáo trình đào tạo: 17 giáo trình cao đẳng (chưa ban hành); 08 giáo trình trung cấp (chưa ban hành) và 06 giáo trình đào tạo thường xuyên (đã ban hành 02 giáo trình);

³. Một số giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo lái xe cơ giới đường bộ tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum trong giai đoạn hiện nay; Xây dựng mô hình trồng dưa lưới ứng dụng công nghệ cao trong nhà màng trồng trên giá thể xơ dừa tươi nhỏ giọt.

công nhận 02)⁴; lên kế hoạch xây dựng phần mềm mô phỏng thực hành, thí nghiệm và dạy học đa phương tiện giai đoạn 2019-2021; đang triển khai thực hiện 01 Dự án cấp tỉnh⁵, thực hiện 05 đề tài cấp cơ sở (thiết kế 05 máy trồng sẵn) phục vụ cho Dự án cấp tỉnh⁶; đã nghiệm thu và ứng dụng Đề tài “*Phần mềm quản lý Trường CĐCD Kon Tum*”. Phối hợp với Liên Hiệp các hội KH&KT tỉnh Kon Tum tổ chức thành công ngày KH&CN Việt Nam (18/5); Hợp tác với các công ty Hàn Quốc về xây dựng mô hình thử nghiệm trồng rau sạch theo công nghệ Hàn Quốc; về hợp tác đào tạo nghề may công nghiệp, kỹ thuật viên thuộc lĩnh vực kỹ thuật (điện- điện tử; tự động hóa; cơ khí và công nhân vận hành)⁷. Xây dựng lộ trình cụ thể của việc mở rộng hợp tác quốc tế, phù hợp với xu thế chung và thực tiễn của Nhà trường và của tỉnh; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ giao tiếp bằng tiếng Hàn, tiếng Lào và Campuchia cho cán bộ, GV.

- Kết quả công tác khen thưởng các điển hình tiên tiến

Trong năm 2018, có 02 đồng chí được cấp trên biểu dương khen thưởng vì có thành xuất sắc trong thực hiện việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Trong đó, 01 đồng chí được nhận Thư khen thưởng của Bí thư Tỉnh uỷ⁸ và Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh⁹, 01 đồng chí được Ban Thường vụ Đảng uỷ khối tặng giấy khen¹⁰.

Đảng uỷ trường đã khen thưởng đột xuất 04 đồng chí¹¹, trong đó 02 đồng chí có thành tích xuất sắc trong Hội thi Bí thư Chi bộ giỏi lần thứ nhất do Đảng uỷ Khối

⁴. Sáng kiến: Máy ổn áp tự động 1 pha kiểu Servo motor bỏ cắt; TB ĐT tự làm: Mô hình màn hình LED máy tính; Mô hình cầu trục điều khiển không dây. Có 23 bài báo của nhà giáo đăng trên tạp chí khoa học, kỹ yếu hội thảo khoa học trong nước (trong đó có 17 bài đăng trên các tạp chí có chỉ số ISSN);

⁵. Xây dựng mô hình phát triển trồng sẵn bền vững ứng dụng CNC trên địa bàn tỉnh Kon Tum

⁶. Máy vun luống, trồng sẵn; máy phun phân; máy tưới nước; máy làm cỏ và máy thu hoạch sẵn.

⁷. Công ty THHH Kotex Bio, Công Ty Hwaseung Vina (Hàn Quốc)

⁸ Đồng chí Lê Thị Hoan, thư khen của Bí thư Tỉnh uỷ ngày 01/6/2020.

⁹ Đ/c Nguyễn An Huân, Trưởng phòng Hành chính – Quản trị.

¹⁰ Đ/c Nguyễn Văn Giang, ĐUV, Bí thư Chi bộ, Trưởng phòng NCKH và HTQT

¹¹. Đ/c Mai Ngọc Kiên, ĐUV, Bí thư Chi bộ 6 đạt giải nhất; đ/c Trần Đình Dũng, ĐUV, Bí thư Chi bộ 11 đạt giải Khuyến khích trong Hội thi Bí thư Chi bộ giỏi. Đ/c Nguyễn Văn Thành, viên chức Khoa Kỹ thuật – Công nghệ; đ/c Vũ Thị Thảo viên chức Trung tâm TH-NN &TV đạt giải Khuyến khích

cơ quan và doanh nghiệp tỉnh tổ chức và 02 đồng chí có thành tích xuất sắc Hội giảng Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp toàn quốc năm 2018.

01 cá nhân được nhận Thư khen của Bí thư Tỉnh uỷ và Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh¹², 01 cá nhân được Ban Thường vụ Đảng uỷ Khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh tặng giấy khen.

01 cá nhân và 01 tập thể¹³ được BCH đảng Bộ khối các cơ quan tỉnh tặng giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh 2018-2019.

01 cá nhân và 01 tập thể¹⁴ được BCH đảng Bộ khối các cơ quan tỉnh tặng giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh 2018-2019.

Năm 2019: Đồng chí Lê Trí Khải, Hiệu trưởng Nhà trường nguyên là PGĐ sở Y tế, được tặng giấy khen của Cục trưởng cục thống kê tỉnh Kon Tum đã có thành tích xuất sắc trong cuộc Tổng điều tra dân số và nhà năm 2019 ở trên địa bàn tỉnh Kon Tum¹⁵.

Kết quả năm 2022: 01 tập thể và 01 cá nhân có thành tích xuất sắc trong học tập và làm theo tấm gương, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2022¹⁶.

Kết quả khen thưởng điển hình tiên tiến giai đoạn 2020-2025: 05 cá nhân tiêu biểu xuất sắc được Chủ tịch UBND tỉnh tặng bằng khen¹⁷ và 13 cá nhân được nhận giấy khen của Hiệu trưởng.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT.

¹². Đ/c Nguyễn An Huân – Trưởng phòng Hành chính - Quản trị

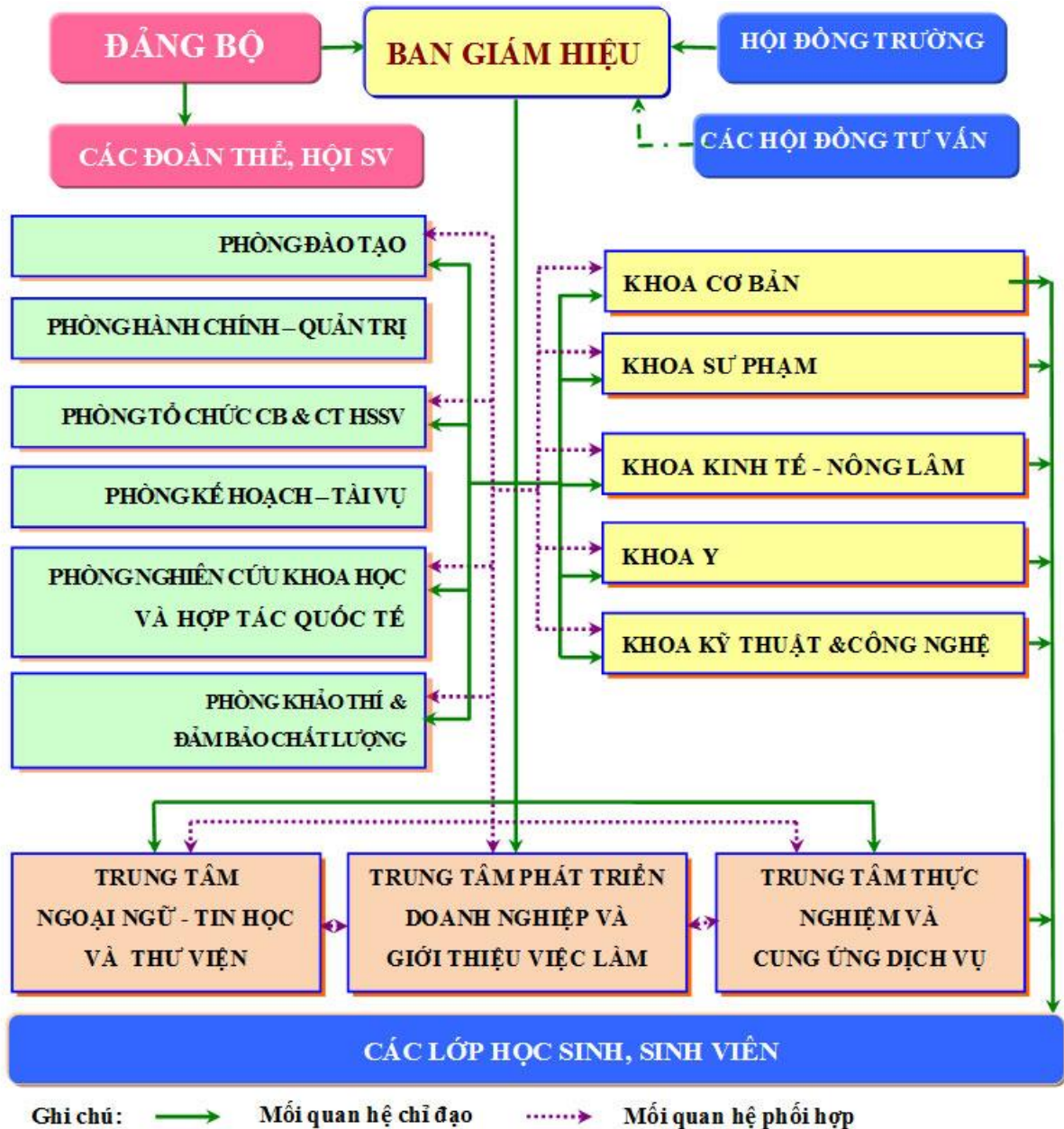
¹³. Đ/c Trần Thị Kim Anh và Chi bộ 2, Quyết định số 1672/QĐ-ĐUK ngày 20/5/2019.

¹⁴. Đ/c Trần Thị Kim Anh và Chi bộ 2, Quyết định số 1672/QĐ-ĐUK ngày 20/5/2019.

¹⁵. QĐ số 112/QĐ ngày 31/10/2019 của cục trưởng cục Thống kê.

¹⁶. Bí thư Đảng uỷ, Chi bộ 3, Quyết định số 229-QĐ/ĐUK ngày 26/5/2020 của Đảng uỷ Khối Các cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh Kon Tum.

¹⁷. Hiệu trưởng, đ/c Nguyễn An Huân, đ/c Nguyễn Minh Hoàng, đ/c Lê Văn Bình, đ/c Dương Văn Anh Dũng.



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục						
1	Trưởng CDCĐ Kon Tum	Lê Trí Khải	1969	TSBS. Hiệu trưởng	0905093349	Letrikhai@ktcc.edu.vn

2	Trường CDCĐ Kon Tum	Nguyễn Bình Dân	1963	ThS. Phó Hiệu trưởng	0905108360	nguyenbinhdan @ktcc.edu.vn
3	Trường CDCĐ Kon Tum	Nguyễn Trung Hiếu	1977	ThS.BSCKI Phó Hiệu trưởng	0913446344	nguyentrunghie u@ktcc.edu.vn
3	Trường CDCĐ Kon Tum	Huỳnh Văn Chung	1978	TS. Phó Hiệu trưởng	0903961805	huynhvanchung @ktcc.edu.vn

Đơn vị thực hiện CTĐT

I. Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị

1	Khoa Sur phạm	Lê Văn Bôn	1964	ThS.Trưởng khoa	0905115221	levanbon @ktcc.edu.vn
2	Khoa Sur phạm	Lê Thị Vân	1969	ThS.Phó trưởng khoa	0961751289	Levan1969999 @gmail.com
3	Khoa Sur phạm	Nguyễn Thị Hương	1980	ThS.Phó trưởng khoa	0985539755	huongvnn @yahoo.com.vn

II. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội Trường CDCĐ Kon Tum

1	Đảng ủy	Lê Trí Khải	1969	TSBS. Bí thư ĐU	0905093349	Letrikhai @ktcc.edu.vn
2	Công đoàn	Nguyễn Trung Hiếu	1977	ThS.BSCKI Chủ tịch công đoàn	0913446344	nguyentrunghie u@ktcc.edu.vn
3	Đoàn thanh niên	Nguyễn Hồng Phong	1984	ThS. Bí thư Đoàn trường	984570168	nghgphong @gmail.com
4	Hội Sinh viên	Nguyễn Mạnh Tuấn	1987	ThS. Chủ tịch Hội SV	0383723682	vmtctxh87 @gmail.com

III Các phòng ban

1	Phòng TCCB	Trần Thị Kim Anh	1970	TP. TCCB	0905981687	trankimanhtcnk t@gmail.com
2	Phòng Đào tạo	Nguyễn Văn Phúc	1971	ThS. PTP Đào tạo	0914326188	Phucdia.c36@mo et.edu.vn
3	Phòng HCQT	Nguyễn An Huân	1966	TP. HCQT	0913457238	nguyenanhuan@ ktcc.edu.vn
4	Phòng KTĐBCL	Võ Đại Nam Anh	1967	TP.KTĐBCL	0913471027	vodainamanh@kt cc.edu.vn

IV. Các bộ môn

1	Tâm lý GD và QLGD	Nguyễn Thị Cúc	1982	ThS. Trưởng Bộ môn	0984961859	cuccdspkt @yahoo.com
2	Phương pháp GD	Lê Thị Hoàng Lan	1982	ThS. Trưởng Bộ môn	0935908145	Sungwoolan @gmail.com
3	Giáo dục mầm non	Nguyễn Thị Anh Đài	1977	ThS. Trưởng Bộ môn	0778665209	thiepcuoianhdai @gamil.com

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 20

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 15 ngành nghề trung cấp

Sơ cấp: 14 ngành nghề

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: Không

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: Không

28. Số lượng chuyên ngành đào tạo đại học: Không

29. Số lượng chuyên ngành đào tạo cao đẳng: Không

30. Các ngành/chuyên ngành đào tạo khác của đơn vị thực hiện CTĐT:

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 15 ngành nghề trung cấp

Sơ cấp: 14 ngành nghề

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

Có Không

Chính quy

Không chính quy

- Từ xa
- Liên kết đào tạo với nước ngoài
- Liên kết đào tạo trong nước

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình)

32. Tổng số các ngành đào tạo: 49

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

(Danh sách cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT dạy các môn học chuyên môn - Khoa Sư Phạm)

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹⁸ <i>Trong đó:</i>	10	9	19
I.1	Cán bộ trong biên chế	10	9	19
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ¹⁹)	3	3	6

¹⁸Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

¹⁹Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

	Tổng số	13	12	25
--	----------------	-----------	-----------	-----------

(Danh sách tại Phụ lục 7)

34. Thống kê, phân loại giảng viên

* Thực hiện CTĐT -Dạy các môn học chuyên môn, Khoa Sư Phạm

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ²⁰ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2	0	0	0	2	0
5	Thạc sĩ	19	16	0	5	3	0
6	Đại học	4	3	0	0	1	0

²⁰Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ²⁰ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	25	19	0	5	6	0

(Danh sách tại Phụ lục 8)

*** Thực hiện CTĐT -Dạy các môn học chung**

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ²¹ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện	0	0	0	0	0	0

²¹Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ²¹ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
	sĩ						
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	0	0	0	0	0	0
5	Thạc sĩ	58	58	0	14	0	0
6	Đại học	28	28	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	86	86	0	14	0	0

(Danh sách tại Phụ lục 9)

* Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu (Thực hiện CTĐT)

	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử
--	------------------------

TT	Tần suất sử dụng	dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	0	20
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	20	5
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	5	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	0	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	25	25

* Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu (Thực hiện các môn học chung)

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	0	86
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	50	0

3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	36	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	0	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	86	86

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 18 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 75%

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).

Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với trường đại học, học viện).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3,0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	
4	Tiến sĩ	2	0	0	0	0	0	0	0
5	Thạc sĩ	1	60	60	0	0	0	0	60
6	Đại học	0,5	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng		60	60	0	0	0	0	60

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

T T	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	N ữ	< 30	30- 40	41- 50	51- 60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2	8	1	1	0	0	2	0	0
5	Thạc sĩ	20	80	9	10	0	5	9	5	0
6	Đại học	3	12	3	1	0	0	2	2	0
	Tổng	25	100	13	12	0	5	13	7	0

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 46 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $2/25=8\%$

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $=20/25=80\%$

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học

1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	0	20
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	20	5
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	5	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	0	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	25	25

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2016-	64	50	1.28	50	18.5	20.6	

2017							
2017- 2018	121	56	2.16	56	18.5	21.2	
2018- 2019	172	31	5.54	31	23.25	24.15	
2019- 2020	162	45	3.6	45	16	20.51	
2020- 2021	175	90	1.94	90	18.38	21.89	

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên đại học	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0

Các tiêu chí	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021
4. Sinh viên cao đẳng Trong đó:					
Hệ chính quy	44	56	32	45	90
Hệ không chính quy	109	71	55	22	
5. Học sinh TCCN Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	4596	4596	4596	3560	3560
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	200	200	150	150	130
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	100	100	100	80	50
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	5	5	5	5	5

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021
Số lượng(người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0	0	0	0	0

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy	74	49	40	51	31
Hệ không chính quy	46	48	76	51	52
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021
6. Khác...	0	0	0	0	0

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	74	49	40	51	31
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	96	97	98	96.2	97
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng	57%	65,8%	71,2%	80%	81%

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021
cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.2. Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	0	0	0	0	0
3.3. Tỷ lệ người học trả lời không học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0	0	0	0	0
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp.	87,5%	40,5%	55%	65%	50,7%

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.					
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	0	0	0	0	0
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	4 triệu	4 triệu	4 triệu	4 triệu	4 triệu
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	60,1%	55,2%	89,2%	80%	82,2%
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	71,2%	52,1%	25,3%	13,2%	11,2%

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	12,5%	15,2%	10%	5%	2,1%

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.

- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.

- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	1	0	0	0	1
3	Đề tài cấp trường	0,5	26	5	3	3	0	18,5
	Tổng		26	6	3	3	0	19,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 17,5

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0,97

46. Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2016	0	0	0
2	2017	0	0	0

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
3	2018	0	0	0
4	2019	0	0	0
5	2020	0	0	0

47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	33	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	26	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	59	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	0	0	0	
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	
	Tổng		0	0	0	0	0	

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0

49. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	0	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0

Tổng số cán bộ tham gia	0	0	0	0
-------------------------	---	---	---	---

50. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017	2018	2019	2020	2021	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	0	0	0	0	0
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	0	14	58	19	0	91
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		0	14	58	19	0	91

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 91

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 5,05

51. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài	Nơi đăng
-------------------------------	----------

báo đăng trên tạp chí	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	0	73	0
Từ 6 đến 10 bài báo	0	0	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	73	0

52. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	0	0	0	0
2	Hội thảo trong nước	0,5	0	0	0	0	0	0
3	Hội thảo cấp trường	0,25	26	45	0	0	32	25,75
	Tổng		26	45	0	0	32	25,75

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 25,75

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3,09

53. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	0	0	129
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ Tham gia	0	0	129

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2016-2017	0
2017-2018	0
2018-2019	0
2019-2020	0

2020-2021	0
-----------	---

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	0	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 293.521,7 m²(tính cả 4 cơ sở)

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 66.639 m² (Trụ sở chính)

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 1.640 m² Nơi học: 3.450 m² Nơi vui chơi giải trí: 8.901

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 3.450

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy:

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện: 5.016 đầu sách, với hơn 50.000 đơn vị sách.

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có):

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT: 79

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 04

- Dùng cho người học học tập: 75 (3 phòng máy tại khu C)

- Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,275 máy/1SV

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 111 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%):3,7%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ

hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%):

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 69%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 272 người

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 10,88%

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 90%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 80,2% %

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):.....

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 80,2% %

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 19,8%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 4 triệu đồng

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 75%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 25%

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 34

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 91 bài

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 73 bài

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 75 bộ

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: $2,6\text{m}^2/1\text{sv}$

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: $5,3\text{m}^2/1\text{sv}$

PHỤ LỤC 2: CÁC QUYẾT ĐỊNH VÀ VĂN BẢN LIÊN QUAN

UBND TỈNH KON TUM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
CỘNG ĐỒNG KON TUM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 153/QĐ-CĐCĐ

Kon Tum, ngày 15 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm, ngành Giáo dục Mầm non năm 2022**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG KONTUM

Căn cứ Quyết định số 1671/QĐ-BLĐT BXH ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Kon Tum, Trường Cao đẳng Sư phạm Kon Tum, Trường Trung cấp Y tế Kon Tum, Trường Trung cấp nghề Kon Tum thành Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐT BXH ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 24/2019/TT-BGDĐT ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên;

Căn cứ Thông tư 02/2020/TT-BGDĐT ngày 05/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm;

Căn cứ Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục quản lý chất lượng – Bộ giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn triển khai tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo;

Căn cứ Công văn số 756/QLCL-KĐCLGD ngày 21/5/2020 của Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo

viên trình độ cao đẳng sư phạm, ngành Giáo dục Mầm non năm 2022, gồm các ông (bà) có tên tại Phụ lục I kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên tại Phụ lục II và III kèm theo.

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá có nhiệm vụ lập kế hoạch, triển khai kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm, ngành Giáo dục Mầm non năm 2022 của nhà trường theo Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT và hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng các đơn vị thuộc Trường, các ông (bà) có tên tại Điều 1 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (thực hiện);
- Ban Giám hiệu (chỉ đạo);
- Lưu: VT, KTĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Lê Trí Khải

Số: 160/KH-CĐCĐ

Kon Tum, ngày 17 tháng 3 năm 2022

KẾ HOẠCH

Tự đánh giá chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm, ngành Giáo dục Mầm non năm 2022

I. Mục đích tự đánh giá

- Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT và để đăng ký kiểm định chất lượng, tiến tới đánh giá ngoài CTĐT giáo viên, trình độ cao đẳng Sư phạm, ngành GDMN năm 2022.

- Tiếp tục nâng cao nhận thức của cán bộ, nhà giáo, sinh viên ngành GDMN trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá, các điều kiện đảm bảo chất lượng CTĐT, qua đó huy động tất cả các đơn vị trong toàn Trường cùng thực hiện công tác tự đánh giá.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng (*minh chứng điện tử hoặc file scan*) để chứng minh mức độ đạt được của CTĐT giáo viên, trình độ cao đẳng sư phạm, ngành GDMN năm 2022 của Nhà trường dựa trên cơ sở đối chiếu, so sánh với các yêu cầu trong hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng của Trường cao đẳng do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của CTĐT giáo viên, trình độ cao đẳng sư phạm, ngành GDMN năm 2022 theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ kiểm định chất lượng.

III. Công cụ tự đánh giá

Sử dụng Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành theo Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm, ngành Giáo

dục Mầm non năm 2022 được thành lập theo Quyết định số 153/QĐ-CĐCĐ ngày 15/02/2022 của Hiệu trưởng nhà trường. Hội đồng gồm có 21 thành viên (có danh sách tại Phụ lục I kèm theo).

2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách gồm có:

- 12 thành viên Ban thư ký (có danh sách tại Phụ lục II kèm theo).

- 35 thành viên nhóm chuyên trách (có danh sách tại Phụ lục III kèm theo).

3. Phân công thực hiện

a) Nhóm thư ký: có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ theo sự chỉ đạo Trưởng ban thư ký.

b) Các nhóm công tác, cá nhân: Phụ lục danh sách kèm theo 153/QĐ-CĐCĐ ngày 15/02/2022.

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
01	Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra	Nhóm 1 (4 người/ 3 tiêu chí)	Từ ngày 02/5/2022 đến ngày 10/10/2022	
02	Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình Đào tạo	Nhóm 2 (4 người/ 3 tiêu chí)		
03	Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	Nhóm 3. (4 người/ 3 tiêu chí)		
04	Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy học	Nhóm 4. (4 người/ 3 tiêu chí)		
05	Tiêu chuẩn 5. Tuyển sinh và hỗ trợ người học	Nhóm 5. (4 người/ 6 tiêu chí)		
06	Tiêu chuẩn 6. Đánh giá kết quả học tập người học	Nhóm 6. 4 người/ 5 tiêu chí		

07	Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên và nhân viên	Nhóm 7. (4 người/ 6 tiêu chí)	Từ ngày 02/5/2022 đến ngày 10/10/2022
08	Tiêu chuẩn 8. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	Nhóm 8. (4 người/ 4 tiêu chí)	
09	Tiêu chuẩn 9. Bảo đảm và nâng cao chất lượng	Nhóm 9. (4 người/ 7 tiêu chí)	
10	Tiêu chuẩn 10. Kết quả đầu ra	Nhóm 10. (4 người/ 3 tiêu chí)	

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá :

1. Thời gian: 01/2022 (đã hoàn thành).
2. Thành phần: Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục – Trường Đại học Vinh.
3. Nội dung, chương trình tập huấn: Tập huấn biên soạn chương trình , giáo trình chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non.

VI. Dự kiến các nguồn lực và thời điểm cần huy động/cung cấp

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực và tài chính cần được huy động/ cung cấp	Thời gian huy động
01	Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra	- Phân công chuẩn bị đề cương báo cáo tự đánh giá theo từng tiêu chí. Triển khai thu thập minh chứng. - Mã hóa các thông tin và	- Nguồn nhân lực: + Toàn bộ các thành viên của nhóm. + Các đơn vị, cá nhân trong và ngoài trường có liên quan đến tự đánh giá của nhóm	
02	Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả CTĐT			
03	Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học			

04	Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy học	minh chứng thu được . - Mô tả thông tin và minh chứng thu được	(BGH, phòng, khoa, trung tâm, các cơ sở giáo dục) - Nguồn lực tài chính: Ngân sách nhà trường	Từ ngày 02/5/2022 đến ngày 10/10/2022
05	Tiêu chuẩn 5. Tuyển sinh và hỗ trợ người học	- Phân tích lý giải các kết quả đạt được.		
06	Tiêu chuẩn 6. Đánh giá kết quả học tập người học	- Thu thập xử lý thông tin bổ sung (nếu cần).		
07	Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên và nhân viên	- Viết báo cáo tự đánh giá theo từng tiêu chí. - Viết báo cáo tự đánh giá theo tiêu chuẩn		
08	Tiêu chuẩn 8. Cơ sở vật chất và trang thiết bị			
09	Tiêu chuẩn 9. Bảo đảm và nâng cao chất lượng			
10	Tiêu chuẩn 10. Kết quả đầu ra			

VII. Kế hoạch thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

Thu thập ý kiến phản hồi về báo cáo tự đánh giá từ các tổ chức, doanh nghiệp, sinh viên tốt nghiệp ngành GDMN đang công tác.

VIII. Kế hoạch thuê chuyên gia ngoài: Không

IX. Lập bảng danh mục mã minh chứng: Phụ lục của báo cáo TĐG

X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian thực hiện tự đánh giá chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng Sư phạm, ngành GDMN năm 2022 theo lịch trình cụ thể như sau:

Thời gian	Các hoạt động
	1. Họp Lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo đơn vị thực hiện

Thời gian	Các hoạt động
<p>Tuần 1-2 02/5/2022 - 15/5/2022</p>	<p>CTĐT (Khoa Sư phạm) đề thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT.</p> <p>2. Thủ trưởng cơ sở giáo dục ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT.</p> <p>3. Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; • Tập huấn về quy trình đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; • Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; • Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.
<p>Tuần 3-4 16/5/2022 - 29/5/2022</p>	<p>1. Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT.</p> <p>2. Tổ chức hội thảo/Hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho cán bộ chủ chốt liên quan.</p> <p>3. Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT; • Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); • Trình Thủ trưởng cơ sở giáo dục phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá.
<p>Tuần 5-8 30/5/2022 - 26/6/2022</p>	<p>1. Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng.</p> <p>2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng</p> <p>3. Mã hóa các thông tin và minh chứng thu được.</p> <p>4. Mô tả thông tin và minh chứng thu được.</p>

Thời gian	Các hoạt động
	5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 9-15 27/6/2022 - 8/8/2022	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết) chuyển về cho Ban thư ký.
Tuần 16 9/8/2022- 16/8/2022	Hội đồng tự đánh giá CTĐT: <ul style="list-style-type: none"> • Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; • Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; • Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được • Xác định các thông tin cần bổ sung; • Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.
Tuần 17-18 17/8/2022 - 31/8/2022	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban,... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
Tuần 19-21 01/9/2022 - 22/9/2022	1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT. 2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học.....đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.
Tuần 22-23 23/9/2022 – 30/9/2022	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo. 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho thủ trưởng cơ sở giáo dục xem

Thời gian	Các hoạt động
	xét.
<p style="text-align: center;">Tuần 24 03/10/2022 - 9/10/2022</p>	<p>1. Cơ sở giáo dục gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>2. Cơ sở giáo dục bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để hợp đồng với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục để thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.</p>

Trên đây là Kế hoạch tự đánh giá CTĐT giáo viên trình độ CĐSP, ngành GDMN năm 2022. Nhà trường yêu cầu các tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Hội đồng tự đánh giá;
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Đăng Website Trường;
- Lưu: VT, KTĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Lê Trí Khải